

Tuần 1

Tiết PPCT: 1

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1945 – 2000)
Chương I
SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI
SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)
Bài 1
SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI
SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nhận thức một cách khái quát tình hình thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được hình thành, hai siêu cường Xô – Mỹ đối đầu nhau (CNXH >< và CNTB)
- Trật tự hai cực Ianta trở thành nhân tố chủ yếu chi phối các mối quan hệ quốc tế và nền chính trị của thế giới nửa sau thế kỷ XX.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Hai hệ thống xã hội đối lập nhau, chuyển sang đối đầu quyết liệt, gây căng thẳng trong quan hệ quốc tế.
- Nước ta cách mạng tháng tám thành công năm 1945, nhân dân ta tiến hành 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, cách mạng VN gắn liền với cách mạng thế giới, chịu tác động của cuộc “chiến tranh lạnh”.

3. Kỹ năng: Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát để đi đến nhận định, đánh giá về những sự kiện lớn của thế giới.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Bản đồ thế giới và bản đồ châu Á trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh tư liệu về Hội nghị Ianta và sự thành lập tổ chức LHQ...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Củng cố cho học sinh kiến thức cũ: 3 phút

2. Bài mới: GV nhắc khái quát về giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ hai, ảnh hưởng của các cường quốc chi phối chính của cuộc chiến đến trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 17 phút - <i>Hội nghị Ianta được triệu tập trong bối cảnh lịch sử nào?</i></p>	<p>1. HỘI NGHỊ IANTA (2.1945) VÀ NHỮNG THỎA THUẬN CỦA BA CƯỜNG QUỐC a. Hoàn cảnh lịch sử: - Đầu năm 1945, CTTG II sắp kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách được đặt ra: + Nhanh chóng đánh bại phát xít. + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh. + Phân chia thành quả chiến thắng.</p>

- Hội nghị I đã đưa ra những quyết định quan trọng nào?

- Qua những quyết định quan trọng của Hội nghị I và qua việc quan sát trên bản đồ các khu vực, phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, của Mĩ em có nhận xét gì về Hội nghị I?

Hoạt động 2: 20 phút

- GV hướng dẫn quan sát hình 2 Lễ kí Hiến chương LHQ tại San Phranxixcô (Mĩ) và giới thiệu : Sau Hội nghị I không lâu Từ ngày 25/4 đến 26/6/1945, một Hội nghị quốc tế lớn được triệu tập tại Phranxixcô (Mĩ) với sự tham gia của đại biểu 50 nước để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc . Ngày 24/10/1945, với sự phê chuẩn của Quốc hội các nước thành viên , bản Hiến chương chính thức có hiệu lực . Vì lí do đó, ngày 31/10/1945, Đại hội đồng LHQ quyết định lấy ngày 24/10 hàng năm làm ngày Liên hợp quốc

- Mục đích cao cả của LHQ là gì?

- Để thực hiện mục đích đó, LHQ sẽ hành động dựa trên những nguyên tắc nào?

- Theo em, nguyên tắc đảm bảo nhất trí giữa 5 cường

- Trong bối cảnh đó, từ ngày 4 đến 11-2-1945, lãnh đạo 3 nước Mỹ (Ru-dơ-ven), Anh (Sóc- sin), Liên Xô (Xtalin) họp hội nghị quốc tế ở I-an-ta (Liên Xô)

b. Nội dung của hội nghị :

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

- Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á sau khi đánh bại phát xít Đức.

- Thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc

- Thỏa thuận việc đóng quân, giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận ở châu Âu và Á :

c. Tác động:

- Những quyết định của hội nghị I-an-ta cùng những thỏa thuận sau đó của 3 cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới: "Trật tự hai cực I-an-ta".

II. SỰ THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC

a. Sự thành lập :

- Thực hiện quyết định của Hội nghị Ianta, từ 25-4 đến 26-6-1945, đại biểu 50 nước họp tại Xan Phranxixcô (Mỹ), thông qua Hiến chương Liên Hợp Quốc tuyên bố thành lập tổ chức LHQ

b. Mục đích :

- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- Phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

c. Nguyên tắc hoạt động:

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.

- Không can thiệp vào nội bộ các nước.

- Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

- Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 cường quốc: Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

d. Các cơ quan chính: có 6 cơ quan chính:

- **Đại hội đồng:** gồm tất cả các nước thành viên, mỗi năm họp một lần.

- **Hội đồng bảo an:** là cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới. Hoạt động theo nguyên tắc **nhất trí** của 5 ủy viên thường trực là Liên Xô (Nga), Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc.

- **Ban thư ký:** cơ quan hành chính – tổ chức của Liên hiệp

<p>quốc có tác dụng gì?</p> <p>- Đây là một nguyên tắc quan trọng đảm bảo cho LHQ thực hiện chức năng duy trì thế giới trong trật tự I đồng thời nó trở thành nguyên tắc thực tiễn lớn đảm bảo cho sự chung sống hoà bình , vừa đấu tranh, vừa chung sống trên thế giới. Nguyên tắc nhất trí còn để ngăn chặn không để nước lớn nào khống chế được LHQ vào mục đích bá quyền nước lớn. Tuy có lúc bị tê liệt nhưng trong hơn 50 năm qua, LHQ không rơi vào tình trạng không chế của một nước lớn.</p> <p>- Bằng những hiểu biết của bản thân, em hãy đưa ra đánh giá của mình về vai trò của LHQ trong hơn nửa thế kỉ qua? LHQ đã có sự giúp đỡ gì đối với Việt Nam?</p> <p>- Để hiểu rõ sự hình thành 2 hệ thống TBCN và XHCN các em cần nắm chắc 3 sự kiện: Việc giải quyết vấn đề nước Đức sau chiến tranh, CNXH trở thành hệ thống thế giới và việc Mĩ khống chế các nước Tây Âu TBCN.</p>	<p>quốc, đứng đầu là Tổng thư ký có nhiệm kỳ 5 năm.</p> <p>- Hội đồng kinh tế và xã hội:</p> <p>- Hội đồng quản thác</p> <p>- Tòa án quốc tế:</p> <p>- Các tổ chức chuyên môn khác giúp việc</p> <p>e. Vai trò:</p> <p>- Là diễn đàn quốc tế, vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới</p> <p>- Giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp và xung đột khu vực.</p> <p>- Thúc đẩy mqh hữu nghị và hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế...giữa các quốc gia thành viên.</p> <p>- Hiện nay, LHQ có 192 thành viên, Việt Nam (thành viên 149) gia nhập Liên hiệp quốc ngày 20/ 9/1977.</p> <p>Các tổ chức chuyên môn của Liên Hiệp Quốc hoạt động ở VN:</p> <p>+ UNICEF : Quỹ Nhi Đồng LHQ.</p> <p>+ UNESCO : Tổ chức Văn hóa- Khoa Học – Giáo dục LHQ</p> <p>+ WHO : Tổ chức Y tế thế giới .</p> <p>+ FAO : Tổ chức Lương – Nông .</p> <p>+ IMF : Quỹ tiền tệ quốc tế.</p> <p>+ IL O: Lao động quốc tế .</p> <p>+ UPU: Bru chính .</p> <p>+ ICAO : Hàng không</p> <p>+ IMO: Hàng hải .</p> <p>Việt Nam là thành viên không thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhiệm kỳ 2008-2009</p> <p>3. SỰ HÌNH THÀNH HAI HỆ THỐNG XÃ HỘI ĐỐI LẬP. (Giảm tải)</p>
---	--

4. Củng cố: 3 phút

- Nội dung cơ bản của hội nghị Ianta, ảnh hưởng của nó đối với thế giới
- Sự ra đời và phát triển của tổ chức LHQ.

5. Dặn dò: 2 phút

Hoàn thiện sơ đồ về tổ chức LHQ, và chuẩn bị bài mới.

6. Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

Tuần 1

Tiết PPCT: 2

Chương II
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991).
LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

Bài 2
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991).
LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nắm những vấn đề cơ bản về công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở LX từ 1945 đến 1991, và khái quát những nét lớn về Liên Bang Nga từ năm 1991 đến nay.
- Sự ra đời các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở đây từ 1950 -1991.
- Mối quan hệ hợp tác giữa Liên Xô, Đông Âu và các nước Chủ nghĩa xã hội khác.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng

- Thấy được những thành quả trong lao động sáng tạo của nhân dân Liên Xô và các nước Đông Âu trong xây dựng CNXH.
- Phê phán những sai lầm của một bộ phận lãnh đạo Đảng, chính phủ ở LX&ĐA, từ đó rút kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện tư duy phân tích, đánh giá cho học sinh trong nhận thức đúng về Chủ nghĩa xã hội.
- Hình thành một số khái niệm mới: Cải cách, đổi mới, đa nguyên, quan liêu, bao cấp...

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ châu Âu và Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Phim ảnh tư liệu về công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở LX&ĐA (1945-1991) Liên Bang Nga (1991-2000)

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ. 15 phút

Câu hỏi: - Hãy nêu hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa của Hội nghị Ianta 2/1945?

2. Bài mới: GV khái quát tình hình Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai và nhấn mạnh trong chiến tranh chống phát xít họ bị thiệt hại nặng nề cả người và của, sau chiến tranh nhân dân Liên Xô tiến hành khôi phục đất nước, tiếp tục công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đến những năm 70 trở thành nước có nền kinh tế thứ hai thế giới ... thầy trò cùng tìm hiểu bài học.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 20 phút</p> <p><i>- Tại sao sau chiến tranh Liên xô phải tiến hành khôi phục kinh tế? Thắng lợi của kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế có ý nghĩa quan trọng gì?</i></p> <p><i>- Việc hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi</i></p>	<p>LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU TỪ 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70</p> <p>1. Liên Xô</p> <p><i>a. Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950)</i></p> <p><i>* Bối cảnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hậu quả chiến tranh nặng nề: khoảng 27 triệu người chết, gần 2000 thành phố bị phá hủy. - Liên Xô phải tự lực tự cường.

<p>phục kinh tế có ý nghĩa hết sức quan trọng , là nền tảng vững chắc cho công cuộc xây dựng CNXH về sau đạt nhiều thành tựu to lớn.</p> <p>- Tranh ảnh và SGK, em hãy cho biết sau khi khôi phục kinh tế, LX đã làm gì để tiếp tục xây dựng CSCV kĩ thuật của CNXH? Và đạt thành tựu như thế nào?</p> <p>- Sau khi hoàn thành khôi phục kinh tế, LX tiếp tục thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm xây dựng CSVCKT của CNXH như kế hoạch 5 năm lần thứ 5 (1951-1955), lần thứ 6 (1956 – 1060), lần thứ 7 (1959 – 1965), lần thứ 8 (1966 – 1970), lần thứ 9 (1971 – 1975). Thành tựu đạt được rất to lớn.</p> <p>- Những thành tựu của LX đạt được trong khôi phục kinh tế và xây dựng CSVCKT của CNXH có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>- Những thành tựu đạt được đã củng cố và tăng cường sức mạnh cho nhà nước Xô Viết, nâng cao uy tín và vị trí của LX trên trường quốc tế, tạo điều kiện cho LX thực hiện chính sách đối ngoại tích cực, ủng hộ PTCM thế giới. Do vậy, trong nhiều thập kỉ sau chiến tranh, LX đã trở thành nước XHCN lớn nhất, hùng mạnh nhất, trở thành chỗ dựa cho PTCM thế giới và là thành trì của hoà bình thế giới.</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 15 phút</p> <p>- Nhà nước DCND Đông Âu được thành lập và củng cố như thế nào? Sự ra đời của nhà nước DCND Đông Âu có ý nghĩa gì?</p> <p>- Sự ra đời và hoàn thành CMDCND Đông Âu có ý nghĩa to lớn, đánh dấu CNXH đã vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới.</p> <p>- Các nước Đ.Âu xây dựng CNXH trong bối cảnh lịch sử như thế nào? Họ đã đạt những thành tựu gì?</p>	<p>* Thành tựu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế trong 4 năm 3 tháng. - Năm 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73%, nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh. - Năm 1949 chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền nguyên tử của Mỹ. <p>b. Liên Xô tiếp tục xây dựng CNXH (từ 1950 đến giữa những năm 70)</p> <p>* Kinh tế, khoa học – kĩ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới, đi đầu trong các ngành vũ trụ, điện hạt nhân - Sản lượng nông nghiệp tăng trung bình hàng năm 16%. - Năm 1957 phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất. - Năm 1961, phóng tàu vũ trụ đưa Gagarin bay vòng quanh Trái đất -> mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ. <p>* Xã hội: công nhân chiếm hơn 55% số người lao động, trình độ học vấn của người dân được nâng cao.</p> <p>* Đối ngoại: chủ trương duy trì hòa bình, an ninh thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước XHCN.</p> <p>2. Các nước Đông Âu từ 1945 – 1975</p> <p>a. Sự ra đời các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1944- 1945, nhờ Liên Xô giúp đỡ, nhiều nước dân chủ nhân dân ra đời. - Từ 1945 – 1949, các nước Đông Âu lần lượt hoàn thành cách mạng DCND, thiết lập chuyên chính vô sản, thực hiện nhiều cải cách dân chủ và tiến lên xây dựng CNXH. - Ý nghĩa: Sự ra đời nhà nước DCN Đ.Âu đánh dấu CNXH đã vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới <p>b. Công cuộc xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1950 – 1975, thực hiện nhiều kế hoạch 5 năm
--	--

<p>Hoạt động : 18 phút GV chia lớp làm 2 nhóm + Nhóm 1: Sự ra đời, mục tiêu, vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế SEV? + nhóm 2: Sự ra đời, mục tiêu, vai trò của tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vacsava? - Theo em, quan hệ hợp tác toàn diện trên đây giữa các nước XHCN có ý nghĩa như thế nào? - HS suy nghĩ, phát biểu. Gv nhận xét, kết luận: Quan hệ hợp tác toàn diện giữa các nước XHCN đã được củng cố và tăng cường sức mạnh của hệ thống XHCN thế giới; tạo điều kiện cho nhân dân các nước ĐÂu ngăn chặn, đẩy lùi âm mưu của CNTB, không ngừng giúp đỡ PTCM thế giới, góp phần giữ gìn hoà bình, an ninh thế giới.</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 1: 15 phút</p> <p><i>GV dùng lược đồ và khái quát tình hình LB Nga sau khi LX tan rã (diện tích gấp 1,6 châu Âu, 1,8 Hoa Kỳ...), sau đó nêu câu hỏi: :</i> - EM hãy nêu những nét chính tình hình LBN từ 1991 – 2000? Tình hình chung của nước Nga hiện nay ra sao?</p>	<p>nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH. - Bối cảnh lịch sử: + Khó khăn rất lớn hầu hết các nước đều xuất phát từ trình độ phát triển thấp, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực không ngừng chống phá. + Thuận lợi: Nhận được sự giúp đỡ của LX. - Thành tựu: đạt nhiều thành tựu to lớn về kinh tế và khoa học, kĩ thuật, đưa các nước XHCN Đ.Âu trở thành cá quốc gia công – nông nghiệp.</p> <p>3.Quan hệ hợp tác giữa các nước XHCN ở châu Âu</p> <p>a. Quan hệ kinh tế, khoa học-kỹ thuật - Ngày 8.1.1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập. - <i>Mục tiêu</i> của SEV: tăng cường hợp tác về kinh tế và kĩ thuật giữa các nước thành viên. - <i>Vai trò</i>: thúc đẩy tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật giữa các nước thành viên, không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân. - <i>Thiếu sót</i>: chưa coi trọng đầy đủ việc áp dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ.</p> <p>b. Quan hệ chính trị-quân sự - Ngày 14.5.1955, Tổ chức Hiệp ước Vacsava được thành lập. - <i>Mục tiêu</i>: thành lập liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước XHCN châu Âu. - <i>Vai trò</i>: gìn giữ hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới, tạo thế cân bằng về sức mạnh quân sự giữa các nước XHCN và các nước TBCN.</p> <p>II. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN NĂM 1991 (đọc thêm)</p> <p>III. LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000 - Là quốc gia kế tục Liên Xô trong quan hệ quốc tế. - Thời tổng thống Enxin: + Kinh tế khủng hoảng, các đảng phái tranh chấp, xung đột sắc tộc + Về đối ngoại:</p>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> . Ngã về phương Tây, không đạt kết quả; . Về sau khôi phục và phát triển các mối quan hệ với châu Á. - Từ năm 2000, Tổng thống Putin đưa đất nước thoát dần khủng hoảng, kinh tế phục hồi, phát triển, chính trị xã hội ổn định.
--	--

4. Củng cố: 3 phút

- Những thành tựu xd CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 – nửa đầu những năm 70
- Sự khủng hoảng CNXH ở CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu từ sau những năm 70 và nguyên nhân sụp đổ.

5. Dặn dò: 2 phút

trả lời câu hỏi trong SGK và đọc trước phần tiếp theo của bài học.

Tuần 2

Tiết PPCT: 3

Chương III
CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MỸ LA-TINH (1945 – 2000).

Bài 3
CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh thấy được những biến đổi lớn lao ở khu vực Đông Bắc Á (TQ, TT...) sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Các giai đoạn phát triển của cách mạng Trung Quốc từ 1946-2000.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Sự biến đổi của khu vực Đông Bắc Á từ sau năm 1945, hướng nhận thức đến quy luật phát triển tất yếu của lịch sử.
- Chủ nghĩa xã hội ra đời và phát triển còn gặp nhiều khó khăn và thử thách.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng tổng hợp và hệ thống hoá các sự kiện lịch sử.
- Khai thác tranh ảnh lịch sử nhằm hiểu được nội dung các sự kiện lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ khu vực Đông Bắc Á sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Phim, ảnh tư liệu về TQ và TT.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi: Nguyên nhân sụp đổ của chủ nghĩa xã hội?

2. Bài mới: GV hệ thống lại kiến thức cũ về các nước châu Á, đặc biệt là Triều Tiên & TQ trước khi vào bài mới.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 7 phút <i>Yêu cầu chỉ rõ: Đông Bắc Á có diện tích</i></p>	I. NÉT CHUNG VỀ KHU VỰC ĐÔNG

khoảng 10,2 trkm²· dân số 1,47 tỷ năm 2000 , có nhiều nguồn tài nguyên... vì vậy khu vực này trở thành điểm đến của chủ nghĩa thực dân

- Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước trong khu vực Đông Bắc Á có những chuyển biến như thế nào?

- Sau chiến tranh khu vực có nhiều biến đổi:
+ Cách mạng TQ thành công (1/10/1949), đến 1997 TQ thu hồi Hồng Kông sau đó là Ma Cao.

+ Bán đảo Triều Tiên bị chia cắt: Hàn Quốc 5/1948 và CHDCNDTT 9/1948.

+ Sau chiến tranh các nước tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế, đạt nhiều thành tựu như: HQ, ĐL HK, Nhật Bản thứ 2 tg, TQ đạt tốc độ tăng trưởng cao.

Hoạt động 2 : 14 phút

GV dùng bản đồ và khái quát cục diện tình hình

TQ sau chiến tranh chống Nhật kết thúc, cuộc nội chiến Quốc – Cộng kéo dài 6 năm ,sau đó yêu cầu học sinh xem hình trong SGK rồi nêu câu hỏi:

- Nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập như thế nào?

- Sự ra đời của nhà nước CHND T.Hoa có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

- Cách mạng Trung Quốc thành công đánh dấu sự hoàn thành cách mạng DTDC ở Trung Quốc.

- Tăng cường lực lượng cho CNXH.

- Ảnh hưởng lớn đến pt cách mạng thế giới, đặc biệt là khu vực ĐNA.

- Nhiệm vụ của TQ trong 10 năm đầu xây dựng chế độ mới là gì? TQ đã đạt được những thành tựu như thế nào?

+ **Nhiệm vụ:** Đưa đất nước thoát khỏi

BẮC Á

- Là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, đều bị thực dân nô dịch (trừ Nhật Bản).

- Sau 1945, có nhiều biến chuyển:

+ Tháng 10.1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước CHND Trung Hoa ra đời.

+ Cuối thập niên 90, Hồng Kông và Ma Cao trở về với Trung Quốc.

+ Năm 1948, bán đảo Triều Tiên đã bị chia cắt thành hai miền theo vĩ tuyến 38: Đại Hàn dân quốc ở phía Nam và CHDCND Triều Tiên ở phía Bắc. Quan hệ hai nước căng thẳng, từ năm 2000 có cải thiện.

+ Từ nửa sau thế kỷ XX, tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan trở thnh “rồng châu Á”. Nhật Bản, Trung Quốc trở thành những nền kinh tế lớn, tăng trưởng nhanh.

II. TRUNG QUỐC

1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959).

a. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa

- Từ 1946-1949, Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng:

- Năm 1949, nội chiến kết thúc. Ngày 1.10.1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

- Ý nghĩa:

+ Với Trung Quốc: Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ hoàn thành, chấm dứt ách nô dịch và thống trị của đế quốc; xóa bỏ tàn dư phong kiến, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do tiến lên CNXH.

+ Thế giới: Tăng lực lượng CNXH, ảnh hưởng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc.

b. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959):

- Nhiệm vụ: đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa

<p>nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên pt về mọi mặt.</p> <p>+ Thành tựu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1950-1952; hoàn thành khôi phục kt, cải cách ruộng đất. - 1953-1957: Thực hiện kế hoạch 5 năm, KT, VH, GD có những bước tiến lớn. - Đối ngoại: thi hành chính sách đối ngoại tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển của pt cách mạng thế giới. <p>Hoạt động 3: 16 phút</p> <p>- Vì sao Trung Quốc phải tiến hành cải cách?</p> <p>- Nội dung cơ bản của đường lối cải cách mở cửa?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HCLS thế giới và trong nước - Tháng 12/1978 được Đặng Tiểu Bình khởi xướng và nâng lên thành “đường lối chung”. Là xây dựng CNXH mang màu sắc TQ. - Đường lối đổi mới từ 1978 đến nay ở Trung Quốc đã thu được những thành tựu gì? Ý nghĩa như thế nào? <p>Thành tựu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kinh tế + KH-KT + VH-GD + Đối ngoại - Thu lại Hồng Kông (1997), MaCao (1999). <p>Ý nghĩa?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chứng minh sự đúng đắn của đường lối cải cách đất nước TQ, tăng cường sức mạnh và vị thế của TQ. + Là bài học cho những nước đang tiến hành công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, 	<p>và giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả: thực hiện thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế (1950 – 1952) và kế hoạch 5 năm đầu tiên. Bộ mặt đất nước thay đổi: công nghiệp tăng 140%, nông nghiệp tăng 25%, sản xuất được 60% thiết bị máy móc... - Đối ngoại: củng cố hòa bình, thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển. <p>2. Trung Quốc những năm không ổn định (1959 – 1978) Không dạy</p> <p>3. Công cuộc cải cách – mở cửa (1978 – 2000)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 12.1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối cải cách, do Đặng Tiểu Bình khởi xướng. - Nội dung: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN, nhằm hiện đại hóa và xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước giàu mạnh, dân chủ và văn minh. - Thành tựu: + Về kinh tế: Sau 20 năm, kinh tế tiến bộ nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao (GDP tăng hơn 8%/năm), đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. + Khoa học-kỹ thuật, văn hoá, giáo dục đạt nhiều thành tựu nổi bật. 1964 Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử, 2003 phóng thành công tàu vũ trụ. + Về đối ngoại . Vai trò và địa vị quốc tế ngày càng được nâng cao. . Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam... . Mở rộng quan hệ với nhiều nước.
---	---

4. Củng cố: 2 phút

- Ý nghĩa sự ra đời của nước CHNDTH.
- Lập bảng niên biểu về thời gian và nội dung các sự kiện chính.

5. Dặn dò: 1 phút

- Trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.

Tuần 2

Tiết PPCT: 4

Bài 4
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Nắm được những nét lớn về quá trình giành độc lập dân tộc ở các quốc gia Đông Nam Á.
- Các giai đoạn, thành tựu xây dựng đất nước ở các nước khu vực Đông Nam Á.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Nhận thức được tính tất yếu của pt đấu tranh giành độc lập, sự xuất hiện các quốc gia độc lập.
- Sự hội nhập kinh tế khu vực ĐNÁ mang tính tất yếu (ASEAN) đánh giá khách quan những thành tựu xây dựng đất nước ở các nước ĐNÁ.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện khả năng khái quát, tổng hợp các vấn đề trên cơ sở các sự kiện tiêu biểu.
- Khả năng tư duy, phân tích, so sánh các sự kiện, sử dụng bản đồ...

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ châu Á, ĐNÁ, Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi: - Ý nghĩa sự ra đời của nước CH NDTH (1/10/1949)?

- Thành tựu trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ sau 1978?

2. Bài mới: GV khái quát tình hình châu Á sau chiến tranh, trong bối cảnh quốc tế thuận lợi dẫn đến sự biến đổi ở ĐNÁ.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 5 phút</p> <p><i>- Quan sát lược đồ và SGK, em hãy cho biết ĐNA là khu vực như thế nào? Từ sau CTTG thứ hai ĐNA phải chống lại kẻ thù nào? Giành được thắng lợi gì?</i></p> <p>- Nhìn vào lược đồ, các em thấy ĐNA là khu vực thống nhất giữa 2 bộ phận: Vùng bán đảo (còn gọi là ĐNA lục địa hay bán đảo Trung Ấn) và quần đảo Ma Lai (ĐNA hải đảo).Diện tích rộng 4,5 triệu km², dân số 356 triệu người (2002).</p> <p>- Tóm lại, sau CTTG thứ hai,</p>	<p>I. ĐÔNG NAM Á</p> <p>1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai</p> <p style="padding-left: 20px;">a. Vài nét chung về cuộc đấu tranh giành độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước chiến tranh thế giới II, là thuộc địa của thực dân phương Tây (trừ Thái Lan) - Trong chiến tranh thế giới II, là thuộc địa của Nhật. - Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền, tiêu biểu là Indônêxia, Việt Nam, Lào. - Sau chiến tranh thế giới II, thực dân phương Tây tái chiếm, nhân dân Đông Nam Á tiếp tục đấu tranh. Kết quả: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của ba nước Đông Dương thắng lợi. + Đến những năm 50, nhiều nước giành được độc lập: Philippin (1946), Miến Điện (1948), Indônêxia (1950), Mãlai

<p>trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, các quốc gia ĐNA đều đã giành được độc lập đây là kết quả to lớn làm thay đổi sâu sắc cục diện ĐNA, tạo điều kiện cho các quốc gia trong khu vực bắt tay vào xây dựng, phát triển đất nước đạt nhiều thành tựu rực rỡ.</p> <p>Hoạt động 2: 12 phút Lập bảng thông kê các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào (1945 – 1975). - Qua tìm hiểu quá trình đấu tranh cách mạng của Lào và CPC, em hãy cho biết tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương được thể hiện như thế nào?</p> <p>- Trong suốt tiến trình đấu tranh cách mạng, nhân dân 3 nước VN – L – CPC luôn sát cánh kề vai bên nhau, giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau. Chiến thắng đạt được của mỗi nước đều có tác động cổ vũ, động viên hoặc chính là thắng lợi của các nước bạn. đặc biệt trong chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, quân và dân Lào, CPC đã giúp đỡ đặc lực cho quân dân Việt Nam cả về vật chất lẫn tinh thần, và thắng lợi đó đã buộc P-M kí Hiệp định Giơnevơ công nhận quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương.. Tình đoàn kết, tương trợ của 3 nước</p>	<p>(1957), Xingapo (1959)</p> <p>- Tuy nhiên, ba nước Đông Dương phải tiếp tục kháng Mĩ đến 1975. Brunây tuyên bố độc lập 1984, Đông Timo - 2002.</p> <p>b. Lào (1945 – 1975)</p> <p>* <i>Kháng chiến chống Pháp(1945 – 1954)</i></p> <p>– Ngày 23/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.</p> <p>- Ngày 12/10/1945, Lào tuyên bố độc lập.</p> <p>– Tháng 3/1946 Pháp tái xâm lược, nhân dân Lào tiếp tục đấu tranh.</p> <p>- Tháng 7/1954, Pháp ký Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập của Lào.</p> <p>* <i>Kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)</i></p> <p>- Năm 1954, Mỹ xâm lược Lào, nhân dân Lào tiếp tục kháng Mĩ.</p> <p>- Tháng 2/1973, Hiệp định Viêng Chăn về việc lập lại hòa bình, hòa hợp dân tộc ở Lào được kí kết.</p> <p>- Thắng lợi Xuân 1975 ở Việt Nam cổ vũ, quân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.</p> <p>- Ngày 2/12/1975 nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thành lập, mở ra kỉ nguyên xây dựng và phát triển đất nước Lào.</p> <p>c. Campuchia (1945-1993)</p> <p>* <i>1945 – 1954: Kháng chiến chống Pháp</i></p> <p>- 1945, Pháp trở lại xâm lược, nhân dân Campuchia tiến hành kháng Pháp.</p> <p>- Ngày 9/11/1953, Pháp ký Hiệp ước "trao trả độc lập cho Campuchia" nhưng vẫn chiếm đóng.</p> <p>- Hiệp định Giơnevơ (1954) công nhận độc lập của Campuchia.</p> <p>* <i>1954 – 1970: Chính phủ Xihanuc thực hiện đường lối hòa bình, trung lập để xây dựng đất nước.</i></p> <p>* <i>1970 – 1975: Kháng chiến chống Mỹ</i></p> <p>+ Ngày 18/3/1970, tay sai Mỹ đảo chính lật đổ Xihanuc. Từ đây, nhân dân Campuchia sát cánh cùng nhân dân Việt Nam và Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, từng bước giành thắng lợi.</p> <p>+ Ngày 17/4/1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng,, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ.</p>
--	--

<p>Đ. Dương là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa tới thắng lợi của cách mạng 3 nước.</p> <p>Hoạt động 3: 10 phút - Lập bảng thống kê các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào (1945 – 1991).</p> <p>- Chiến lược phát triển kinh tế, và thành tựu đạt được trong công cuộc xây dựng đất nước của nhóm 5 nhóm sáng lập ASEAN?</p> <p>Hoạt động 4: 12 phút Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu các chiến lược phát triển kinh tế của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN - thời gian - Mục tiêu - Thành tựu - Hạn chế</p>	<p>* 1975 – 1979: Nội chiến chống Khome đỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập đoàn Khome đỏ do Pôn-Pốt cầm đầu đã phản bội cách mạng, thi hành chính sách diệt chủng, tàn sát hàng triệu người dân vô tội. - Được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia nổi dậy đánh đổ tập đoàn Khome đỏ. Ngày 7/1/1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, nước Cộng hòa Campuchia được thành lập. <p>* 1979 đến 1993: Thời kì hồi sinh, xây dựng lại đất nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1979, nội chiến giữa lực lượng của Đảng Nhân dân Cách mạng với các phe phái đối lập tiếp tục diễn ra, kéo dài hơn một thập niên. - 10/1991, Hiệp định hòa bình về Campuchia được ký kết. - Sau cuộc tổng tuyển cử năm 1993, Quốc hội mới đã thông qua Hiến pháp, thành lập Vương quốc Campuchia. Campuchia bước sang thời kỳ phát triển mới. <p>2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á</p> <p>a. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN</p> <table border="1" data-bbox="617 924 1531 1900"> <tr> <td><i>Chiến lược</i></td> <td><i>Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (Hướng nội)</i> (Sau khi giành được độc lập)</td> <td><i>Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo (Hướng ngoại)</i> (Từ những năm 60 – 70 trở đi)</td> </tr> <tr> <td><i>Mục tiêu</i></td> <td>Xóa nghèo nàn, lạc hậu; xây dựng nền kinh tế tự chủ</td> <td>Công nghiệp hóa, lấy xuất khẩu</td> </tr> <tr> <td><i>Nội dung chủ đạo</i></td> <td>Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.</td> <td>"Mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kỹ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.</td> </tr> <tr> <td><i>Thành tựu</i></td> <td>Đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.</td> <td>Tỉ trọng công nghiệp lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.</td> </tr> <tr> <td><i>Hạn chế</i></td> <td>Thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ..., đời sống người lao động còn khó</td> <td>Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.</td> </tr> </table>	<i>Chiến lược</i>	<i>Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (Hướng nội)</i> (Sau khi giành được độc lập)	<i>Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo (Hướng ngoại)</i> (Từ những năm 60 – 70 trở đi)	<i>Mục tiêu</i>	Xóa nghèo nàn, lạc hậu; xây dựng nền kinh tế tự chủ	Công nghiệp hóa, lấy xuất khẩu	<i>Nội dung chủ đạo</i>	Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	"Mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kỹ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.	<i>Thành tựu</i>	Đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.	Tỉ trọng công nghiệp lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.	<i>Hạn chế</i>	Thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ..., đời sống người lao động còn khó	Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.
<i>Chiến lược</i>	<i>Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (Hướng nội)</i> (Sau khi giành được độc lập)	<i>Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo (Hướng ngoại)</i> (Từ những năm 60 – 70 trở đi)														
<i>Mục tiêu</i>	Xóa nghèo nàn, lạc hậu; xây dựng nền kinh tế tự chủ	Công nghiệp hóa, lấy xuất khẩu														
<i>Nội dung chủ đạo</i>	Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	"Mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kỹ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.														
<i>Thành tựu</i>	Đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.	Tỉ trọng công nghiệp lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.														
<i>Hạn chế</i>	Thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ..., đời sống người lao động còn khó	Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.														

		khăn, chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội	
--	--	--	--

4. Củng cố: 2 phút

- Sự ra đời của các quốc gia ở Đông Nam Á từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Khái quát quá trình pt và thắng lợi của cách mạng CPC và cách mạng Lào từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

5. Dặn dò: 1 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và đọc trước bài mới..



Tuần 3

Tiết PPCT: 5

Bài 4
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

Khái quát phong trào đấu tranh giành độc lập và thành tựu xây dựng đất nước ở Ấn Độ.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Sự hội nhập kinh tế khu vực ĐNÁ mang tính tất yếu (ASEAN) đánh giá khách quan những thành tựu xây dựng đất nước ở các nước ĐNÁ và Ấn Độ.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện khả năng khái quát, tổng hợp các vấn đề trên cơ sở các sự kiện tiêu biểu.

Khả năng tư duy, phân tích, so sánh các sự kiện, sử dụng bản đồ...

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ châu Á, ĐNÁ, Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- Tranh ảnh tư liệu về Ấn Độ và Đông Nam Á.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

2. Bài mới:

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p align="center">Hoạt động : 20 phút</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời của Hiệp hội các nước Đông Nam á (ASEAN)?</p> <p>Hoàn cảnh ra đời : Sau khi giành độc lập, các nước ĐNÁ dự định thành lập một tổ chức khu vực nhằm phát triển KT, VH, KH – KT, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng của các nước lớn ở khu vực</p>	<p align="center">3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.</p> <p align="center">a. Hoàn cảnh ra đời:</p> <p>- Sau khi giành độc lập, bước vào thời kì phát triển kinh tế, các nước Đông Nam Á thấy cần có sự hợp tác để cùng phát triển và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.</p> <p>- Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều và những thành công</p>

này.

-8/8/1967 tại Băng Cốc (Thái Lan)
 Hiệp hội các nước ĐNÁ được thành lập (ASEAN) gồm: Thái Lan, Indônêxia, Malaysia, Philippin, Singapore.

- Nội dung chính của Hiệp ước Bali là gì? Và HU trên có vai trò như thế nào trong quá trình phát triển của A?

- Hiệp ước bali, các bên cam kết: Cố gắng phát triển và củng cố quan hữu nghị cổ truyền, quan hệ văn hoá, lịch sử láng giềng tốt đẹp và sự hợp tác đã từng ràng buộc họ với nhau và thực hiện trung thành những nhiệm vụ đề ra trong Hiệp ước này. Bản HU Bali đã vạch ra những điều khoản khá chi tiết nhằm củng cố và tăng cường sự hợp tác trên tất cả các lĩnh vực giữa các nước A kinh tế, chính trị, văn hoá, hành chính. Hiệp ước thân thiện và hợp tác Bali là một bước tiến, bước ngoặt quan trọng trên quá trình phát triển của A.

- Em đánh giá như thế nào về vai trò của ASEAN?

- Trải qua hơn 40 năm phát triển, A đã trở thành tổ chức liên minh, hợp tác toàn diện của tất cả các nước trong khu vực ĐNA, có đóng góp lớn trong việc tạo dựng một khu vực ĐNA hoà bình, ổn định và phát triển.

Hoạt động 2 : 15 phút

- Khái quát phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- Em biết gì về Nêru và vai trò của gia đình ông đối với công cuộc xây dựng và phát triển ẤĐ?

của Khối thị trường chung châu Âu đã cô vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.

- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập gồm 5 nước: Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan.

b. Mục tiêu: Hợp tác giữa các nước thành viên nhằm phát triển kinh tế và văn hóa trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực

c. Quá trình phát triển/ Thành tựu

- Giai đoạn đầu (1967-1975), ASEAN là một tổ chức còn non trẻ, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị thế trên trường quốc tế.

- Tháng 2-1976, Hiệp ước thân thiện và hợp tác được ký kết (gọi tắt là Hiệp ước Bali), xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước:

+ Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ;

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau;

+ Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực với nhau;

+ Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình;

+ Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội.

→ Hiệp ước Bali đã mở ra bước phát triển mới của các quốc gia Đông Nam Á.

- Sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết bằng các giải pháp chính trị, quan hệ giữa các nước ASEAN và 3 nước Đông Dương được cải thiện.

- Từ năm 1984 đến 1999, ASEAN kết nạp thêm nhiều thành viên như: Brunây(1984), Việt Nam (1995), Lào và Mianma (1997), Campuchia (1999).

- Từ khi phát triển thành 10 thành viên (1999), ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định để cùng phát triển.

II. ẤN ĐỘ

1. Cuộc đấu tranh giành độc lập từ 1945 – 1950

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại, cuộc đấu tranh chống Anh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ phát triển mạnh mẽ: thuỷ binh khởi nghĩa; công nhân, học sinh, sinh viên bãi công, tuần hành, mít-tinh chống Anh...

- Trước sức ép của phong trào, thực dân Anh phải nhượng bộ, trao quyền tự trị cho Ấn Độ. Theo kế

<p>- G. Nêru sinh 1889, mất 1964. Ông là người hoạt động tích cực bên cạnh M.gan- đi và có đóng góp quan trọng trong việc lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh giành độc lập. Sau khi M gan-đi qua đời (30/1/1948). G Nêru trở thành lãnh tụ của Đảng Quốc Đại, đã đưa sự nghiệp giải phóng Ấn Độ đến thắng lợi hoàn toàn, thành lập nước cộng hòa Ấn Độ (26/1/1950). Ông được bầu làm Thủ tướng Ấn Độ. Từ đó, cho đến khi qua đời, G Nêru đã đóng góp lớn trong việc đề ra và thực hiện nhiều kế hoạch xây dựng kinh tế, phát triển đất nước, như kế hoạch cải tạo nền công nghiệp, kế hoạch điện khí hoá đất nước. Ngày 27/5/1964, Nêru qua đời. Ngay sau đó, Ấn Độ lâm vào khủng hoảng kinh tế xã hội sâu sắc. 2 năm sau khi Nê ru qua đời, con gái ông , Indira Gandi lên làm Thủ tướng Ấn Độ. Bà đã thực hiện nhiều chính sách khôi phục và phát triển kinh tế Ấn Độ trong bối cảnh khó khăn, phức tạp mới. Ngày 31/10/1984, bà bị ám sát. Con trai bà là Rajiv Gandi trở thành Thủ tướng mới của Ấn Độ, tiếp tục công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.. Tháng 5/1991 R.Gandi bị ám sát sự kiện bi thảm này đã chấm dứt hơn nửa thế kỉ Đảng Quốc Đại gắn liền với tên tuổi và sự lãnh đạo của gia đình nêru.</p> <p>- Ấn Độ đã đạt được những thành tựu nổi bật như thế nào trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước?</p>	<p>hoạch Mao-bát-ton, năm 1947, hai nhà nước tự trị Ấn Độ và Pakistan được thành lập.</p> <p>- Không thỏa mãn với quy chế tự trị, Đảng Quốc Đại lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh.</p> <p>- 26/01/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa.</p> <p>* Ý nghĩa: đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ, có ảnh hưởng quan trọng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.</p> <p>2. Công cuộc xây dựng đất nước</p> <p>* Thành tựu:</p> <p>- Nông nghiệp: nhờ cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, Ấn Độ đã tự túc được lương thực và từ 1995 là nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba thế giới.</p> <p>- Công nghiệp: chế tạo được nhiều loại máy móc như máy bay, xe hơi, tàu thủy...; sử dụng năng lượng hạt nhân để sản xuất điện.</p> <p>- Khoa học kỹ thuật, văn hóa - giáo dục: là cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân và công nghệ vũ trụ (1974: thử thành công bom nguyên tử, 1975: phóng vệ tinh nhân tạo...)</p> <p>*Đối ngoại: thực hiện chính sách hòa bình, trung lập tích cực, ủng hộ đấu tranh giải phóng dân tộc.</p>
--	---

4. Củng cố: 4 phút

- Quá trình hình thành và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- Những thành tựu phát triển của Ấn Độ sau ngày độc lập.

5. Dặn dò: 1 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.



Tuần 3

Tiết PPCT: 6

Bài 5
CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MỸ LA-TINH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Nắm được các sự kiện trong phong trào đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập của nhân dân các nước châu Phi và Mỹlatinh sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Quá trình phát triển kinh tế – xã hội sau ngày độc lập đã thu được nhiều thành tựu, nhưng những khó khăn gặp phải còn nan giải cần có sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mỹlatinh.
- Cùng chia sẻ những khó khăn mà nhân dân châu Phi và Mỹlatinh đang gặp phải.

3. Kỹ năng:

- Lựa chọn những sự kiện tiêu biểu, khái quát, tổng hợp các sự kiện lịch sử tiêu biểu đánh giá rút ra những kết luận.
- Kỹ năng khai thác bản đồ và sử dụng vào dạy học.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ thế giới, châu Phi và Mỹlatinh sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh tư liệu về các nước châu Phi, Mỹlatinh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ. 7 phút

- Khái quát quá trình pt và thắng lợi của cách mạng Lào từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?
- Quá trình hình thành và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)?

2. Bài mới: GV khái quát những biến đổi của tình hình thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai và tình hình của các nước châu Phi và Mỹlatinh; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy pt đấu tranh giành độc lập.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động 1: 16 phút</p> <p>- <i>Châu Phi: gồm 57 quốc gia lớn nhỏ, diện tích 30.3 triệu km², dân số năm 2000 khoảng 800 tr người, giàu tài nguyên... sau chiến tranh phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh.</i></p> <p>- Hãy nêu các mốc chính của phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi?</p> <p>- Em biết gì về N.Madêla và những đóng góp của ông đối với cách mạng châu Phi?</p> <p>- N Madêla là nhà hoạt động chính trị của Nam Phi. Ông sinh 1918 ở Toranxcây khu tự trị giành riêng cho người Phi.</p> <p>- Năm 1944, Madêla gia nhập Đại hội dân tộc Phi (một tổ chức chính trị được thành lập 8/1912 viết tắt là ANC), sau đó ông giữ chức Tổng thư lí ANC.Mục tiêu chủ yếu của Đại hội là thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai, xây dựng một xã hội dân chủ, bình đẳng. Dưới sự lãnh đạo của ANC, PTĐT chống chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi diễn ra ngày một mạnh mẽ, vì vậy, nhà cầm quyền Prêtôria đã bắt giam Madêla và kết án ông tù chung thân. Sau hơn 27 năm bị giam giữ, trước áp lực đấu tranh của nhân dân tiến bộ trong và ngoài nước, ngày 11/2/1990, chính quyền Nam Phi buộc phải trả tự do cho ông. Sau đó, ngày 7/5/1991, Hội nghị toàn quốc ANC đã nhất trí bầu Madêla làm Chủ tịch ANC.Sau cuộc bầu cử đa sắc tộc 1994, ngày 10/5/1994, Chủ tịch ANC Madêla tuyên bố nhận chức Tổng thống nước cộng hoà Nam Phi, trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của nước này. Năm 1999, ông rời khỏi chức vụ.Trong lịch sử đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc A ở Nam Phi, Madêla là người đấu tranh không mệt mỏi, góp phần làm nên thắng lợi của cuộc đấu tranh này. Với đóng góp của ông cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người khỏi sự kì thị, phân biệt chủng tộc, madêla đã được nhận giải thưởng “Nôben về hoà bình” (1993).</p>	<p style="text-align: center;">I. CÁC NƯỚC CHÂU PHI</p> <p>1. Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào GPDT ở châu Phi:</p> <p style="padding-left: 20px;">a. Từ 1945 – 1975:</p> <p>- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ những năm 50, cuộc đấu tranh giành độc lập diễn ra sôi nổi ở châu Phi.</p> <p>+ Khởi đầu ở Bắc Phi, sau đó lan ra các nơi khác.</p> <p>+ Hàng loạt nước giành độc lập như Libi (1952), Ai Cập (1953), Tuy-ni-di, Ma-rốc, Xu-đăng (1956), Gana (1957), Ghinê (1958), An-giê-ri (1962).</p> <p>- Năm 1960 được gọi là "<i>Năm châu Phi</i>" với 17 nước được trao trả độc lập.</p> <p>- Năm 1975, cách mạng Ăng-gô-la và Mô-dăm-bích thắng lợi, chủ nghĩa thực dân cũ và hệ thống thuộc địa của nó cơ bản bị tan rã.</p> <p style="padding-left: 20px;">b. Sau 1975:</p> <p>- Nhân dân các thuộc địa còn lại hoàn thành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ, giành độc lập dân tộc [Cộng hòa Dim-ba-bu-ê (1980) và Namibia (1990)].</p> <p>- Năm 1993, Nam Phi xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc. Trong cuộc bầu cử tháng 4/1994, N.Mandela trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của nước Cộng hòa Nam Phi.</p> <p>=> Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân.</p> <p>2. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội (không dạy)</p> <p style="text-align: center;">II. CÁC NƯỚC MỸ LATINH</p> <p>1. Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập dân tộc</p> <p>- Trước chiến tranh thế giới II, đều là những nước cộng hòa độc lập, nhưng thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.</p> <p>- Sau Chiến tranh thế giới II, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ</p>

Hoạt động 2: 17 phút

- *Mỹlatinh*: gồm 33 quốc gia, diện tích 20.5 triệu km², dân số năm 2000 khoảng 517 triệu người ... khác với châu Á và châu Phi, *Mỹlatinh* trước là thuộc địa của TBN và BDN, sau lại lệ thuộc vào Mỹ... sau đó GV nêu câu hỏi:

- **Hãy nêu những sự kiện tiêu biểu trong phong trào đấu tranh giành độc lập và bảo vệ đất nước của nhân dân Mỹlatinh?**

- **Em biết gì về P và những đóng góp của ông trong sự nghiệp cách mạng Cuba.?**

- P sinh ngày 13/8/1927 tại tỉnh Ô –ri-en –tê trong một gia đình chủ đồn điền. 1945, ông học luật tại trường La –ha –ba –na, tham gia phong trào chống Mĩ ở Cô –lôm-bi- a (1948) sau đó về nước và đỗ tiến sĩ Luật học năm 1950.

- P là một người có trí tuệ, hiểu biết rộng, nhạy cảm và dũng cảm. Ông là người rất nổi trội trong học tập và thể thao, đặc biệt Ông có tài hùng biện hiếm có. Trên các diễn đàn trong nước và quốc tế, P kịch liệt lên án sự bất công, đòi quyền bình đẳng, chống áp bức và xoá nợ cho các nước nghèo.

- 1952, P tập hợp một số thanh niên trong tổ chức “*Phong trào cách mạng*” để chống lại chế độ độc tài Batixta. Sau cuộc tấn công trại kính Môn ca đa (26/7/1953) không thành, Ông bị bắt giam. Ra tù, sang Mêhicô, Ông tích cực tập hợp lực lượng. Cuối 1956, ông cùng 81 chiến sĩ về nước phát động nhân dân đấu tranh vũ trang lật đổ chế độ độc tài, thành lập nhà nước cộng hoà Cuba (1/1/1959). Sau đó, P trở thành người lãnh đạo chính phủ cách mạng Cuba với các chức vụ: Bí thư thứ nhất BCH TW Đảng cộng sản Cuba, Chủ tịch Hội đồng nhà nước, và Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Cuba. Dưới sự lãnh đạo của ông, đất nước Cuab tiến hành nhiều cải cách dân chủ nhằm hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản của cuộc CMDCND, tiến lên CNXH.

- Với những hành động nghĩa hiệp và chính

và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu ba (1/1/1959), do Phi-đen Ca-xtơ-rô lãnh đạo.

+ Tháng 3/1952, Mỹ giúp Ba-ti-xta lập chế độ độc tài quân sự, bắt giam và tàn sát nhiều người yêu nước...

+ Nhân dân Cu ba đấu tranh chống chế độ độc tài Ba-ti-xta dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Ca-xtơ-rô. Ngày 1/1/1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, nước Cộng hòa Cu ba thành lập.

- Từ các thập kỉ 60 -70, phong trào phát triển mạnh với nhiều hình thức: bãi công, đấu tranh nghị trường, đấu tranh vũ trang..., biến châu lục này thành “*lục địa bùng cháy*”. Tiêu biểu là phong trào đấu tranh vũ trang ở Vê-nê-xu-ê-la, Pê-ru, Chilê.... Kết quả: chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ.

2. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội (không dạy)

- Sau khi khôi phục độc lập, các nước Mỹ Latinh đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ:

+ Nhiều nước trở thành những nước công nghiệp mới (NICs) như Braxin, Áchentina, Mêhicô.

+ Cuba tiến hành cải cách dân chủ, công nghiệp, nông nghiệp có nhiều sản phẩm đa dạng, đạt nhiều thành tựu trong giáo dục, y tế, thể thao.

- Thập niên 80: suy thoái kinh tế, lạm phát, nợ nước ngoài gia tăng.

- Sang thập niên 90, kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn (mâu thuẫn xã hội, tham nhũng).

<p>nghĩa, ông đã thu phục được nhiều trái tim con người. P và đất nước Cuba có nhiều đóng góp quan trọng vào phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên thế giới.. Vì vậy, P đã nhận được giải thưởng quốc tế Lênin (1961), giải thưởng anh hùng Lênin (1963), và nhiều giải thưởng cao quý của đất nước Việt Nam trao tặng.</p>	
---	--

4. Củng cố: 3 phút

- Những thành quả cơ bản trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Châu Phi từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Những thành tựu và khó khăn các nước Mỹ latinh gặp phải sau ngày độc lập.

5. Dặn dò: 2 phút

học và chuẩn bị bài mới.

Tuần 4

Tiết PPCT: 7

Chương IV
MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000).
Bài 6: NƯỚC MỸ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

- 1. Kiến thức:** Khái quát quá trình phát triển của nước Mỹ từ sau 1945 – nay:
 - Nhận thức vai trò cường quốc của nước Mỹ trong quan hệ quốc tế.
 - Những thành tựu cơ bản của Mỹ trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học – kỹ thuật ...

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Niềm tự hào dân tộc về cuộc kháng chiến kéo dài 21 năm của nhân dân ta trước một đế quốc hùng mạnh như Mỹ.
- Những ảnh hưởng trong cuộc chiến tranh Việt Nam đối với nước Mỹ, và ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với công cuộc hiện đại hoá đất nước.

3. Kỹ năng: Rèn luyện cho học sinh kỹ năng khái quát tổng hợp và kỹ năng sử dụng bản đồ.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Bản đồ thế giới và bản đồ Hoa Kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh tư liệu về Mỹ và sự phát triển của khoa học công nghệ...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ : 5 phút

Câu hỏi: - Những thành quả trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Châu Phi từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- Những khó khăn các nước Mỹ latinh gặp phải sau ngày độc lập?

2. Bài mới: GV khái quát về nước Mỹ trong giai đoạn đầu của lịch sử thế giới hiện đại và những nguyên nhân cơ bản khiến Mỹ trở thành trung tâm kinh tế tài chính của thế giới...

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 16 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình bày: sau chiến tranh, trong khi các nước châu Âu bị thiệt hại nặng nề và phải mất tới nhất 5 năm mới có thể phục hồi nền kinh tế, thì Mĩ lại diễn ra một hiện tượng ngược lại: Sau chiến tranh, kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ. - Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển nhảy vọt của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh? - Nguyên nhân chủ quan-khách quan (nhấn mạnh nguyên nhân cơ bản nhất là áp dụng những thành tựu khoa học-kỹ thuật vào sản xuất => tăng năng suất-hạ giá thành sản phẩm - Vì sao Mĩ đạt được nhiều thành tựu lớn trong lĩnh vực khoa học-kỹ thuật? + Mĩ có điều kiện hoà bình, phương tiện làm việc tốt => thu hút được nhiều nhà khoa học đến Mĩ làm việc và phát minh. + Trong những năm 1940-1970, Mĩ sở hữu ¾ phát minh và sáng chế của thế giới. - Bản chất nền dân chủ tư sản ở Mĩ. Tình hình xã hội + Các tổng thống Mĩ từ 1945-1974 - S. Tru-man (dân chủ): 4-45 đến 1-53 - D. Aisenhao(cộng hoà): 1-1953 đến 1961 - John Kenedy (dân chủ): 1- 	<p>I. NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN 1973</p> <ul style="list-style-type: none"> * Kinh tế: Sau CTTG II, kinh tế Mỹ phát triển mạnh: <ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp chiếm hơn một nửa tổng sản lượng công nghiệp thế giới (56,5%) - Nông nghiệp bằng hai lần 5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại; - Năm 50% số lượng tàu bè đi lại trên biển, ¾ dự trữ vàng thế giới, - Chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới. Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ là <i>trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới</i>. Nguyên nhân phát triển: <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú; nhân lực dồi dào, trình độ cao, năng động, sáng tạo. - Lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ bán vũ khí. - Áp dụng thành công những thành tựu KHKT để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất... - Sức sản xuất và cạnh tranh lớn, có hiệu quả. - Các chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước có hiệu quả. * Khoa học kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại - Đi đầu và đạt nhiều thành tựu to lớn trong lĩnh vực chế tạo <u>công cụ sản xuất mới</u> (máy tính điện tử, máy tự động); <u>vật liệu mới</u> (polyme, vật liệu tổng hợp); <u>năng lượng mới</u> (nguyên tử, nhiệt hạch); sản xuất <u>vũ khí</u>, <u>chinh phục vũ trụ</u>, <u>“cách mạng xanh”</u> trong nông nghiệp... * Về đối ngoại: triển khai “chiến lược toàn cầu” với tham vọng làm bá chủ thế giới - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Ngăn chặn, tiến tới tiêu diệt các nước XHCN. + Đàn áp phong trào cách mạng thế giới. + Khống chế, chi phối các nước đồng minh. - Biện pháp thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Khởi xướng cuộc “Chiến tranh lạnh”. + Tiến hành chiến tranh xâm lược, can thiệp, lật đổ chính quyền ở nhiều nơi, tiêu biểu là chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975).

<p>1961 đến 11-1963 - Giônxon (dân chủ): 1-1965 đến 1969 - R. Nickxon (cộng hoà): 1-1969 đến 8-1974 + “Chiến tranh lạnh”, Mỹ phát động tháng 3-1947. “Học thuyết Truman” mở đầu cho “chiến tranh lạnh” thuộc chiến lược toàn cầu phản cách mạng của của Mỹ được thực hiện qua các đời tổng thống Mỹ + Khái niệm “chiến tranh lạnh” - Nguyên nhân sự bất ổn trong chính trị-xã hội Mỹ: - Chiến tranh Việt Nam - Khủng hoảng năng lượng thế giới - Sự đối đầu Xô-Mỹ => Sự giảm sút vị trí kinh tế và chính trị của Mỹ. Tháng 12-1989: Mỹ chấm dứt “chiến tranh lạnh”.</p> <p>Hoạt động 2: 7 phút - Tình hình kinh tế-chính trị Mỹ từ 1991-2000?</p> <p>Hoạt động 2: 12 phút - G7: nhóm các nước công nghiệp phát triển (Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Canada, Ý, hiện nay có thêm Nga =>nhóm G8) - Nhận xét về chiến lược “Cam kết mở rộng” của Mỹ</p>	<p>+ Hoà hoãn với Trung Quốc, Liên Xô để chống lại phong trào cách mạng ở các nước.</p> <p>II. NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1973 - 1991 * <i>Kinh tế</i> - 1973 – 1982: khủng hoảng và suy thoái. - Từ 1983, phục hồi và phát triển, vẫn đứng đầu thế giới về kinh tế – tài chính. *<i>Đối ngoại</i> - Tiếp tục triển khai “chiến lược toàn cầu”, tăng cường chạy đua vũ trang (thời Rigân) - Giữa thập niên 80, xu thế hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế. Năm 1989, Mỹ cùng Liên Xô tuyên bố kết thúc “chiến tranh lạnh”, mở ra thời kì mới trên trường quốc tế.</p> <p>III. NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000 * <i>Về kinh tế:</i> - Có những đợt suy thoái ngắn, nhưng vẫn đứng đầu thế giới. - Chiếm 25% tổng sản phẩm toàn thế giới, chi phối nhiều tổ chức quốc tế như WTO, WB, IMF... * <i>Khoa học-kỹ thuật:</i> tiếp tục phát triển, chiếm 1/3 phát minh của thế giới. * <i>Chính trị và đối ngoại:</i> - Chính quyền B.Clinton thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng” với ba mục tiêu:</p>
--	--

<p>thời B. Clin –ton. -Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu. -Tăng cường khôi phục tính sống động của nền kinh tế Mỹ. -“Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. -Chính sách này nhằm khẳng định sức mạnh kinh tế, quân sự của Mỹ và tham vọng chi phối, lãnh đạo thế giới. - Cuộc chiến Ap-ga-nitxtan, chiến tranh I-rắc(phót lò vai trò Liên hợp quốc của Mỹ)</p>	<p>+ Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu. + Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ. + Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp công việc nội bộ của nước khác. - Tìm cách xác lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ lãnh đạo. - Vụ khủng bố ngày 11.09.2001 cho thấy nước Mỹ cũng rất dễ bị tổn thương. Chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những yếu tố dẫn đến những thay đổi về đối nội và đối ngoại của Mỹ ở thế kỷ XXI.</p>
---	---

4. Củng cố: 3 phút

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ phát triển như thế nào ? tại sao?
- Chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

5. Dặn dò: 2 phút

học bài và chuẩn bị trước bài Tây Âu?

Tuần 4

Tiết PPCT: 8

Bài 7. TÂY ÂU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Khái quát quá trình phát triển của các nước châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng châu Âu (EU) cùng với những thành tựu cơ bản về kinh tế, văn hoá, khoa học – kỹ thuật.
- Nắm được các mối quan hệ hợp tác giữa nước ta và các nước EU trong những năm gần đây.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Các mối quan hệ trong lịch sử giữa thực dân và thuộc địa, và nay trở thành đối tác cùng phát triển.
- Khả năng hợp tác phát triển trên cơ sở cùng tồn tại hoà bình, các bên cùng có lợi.

3. Kỹ năng:

- Khả năng sử dụng bản đồ và rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá tổng hợp.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Bản đồ châu Âu và thế giới sau chiến tranh
- Tranh ảnh minh hoạ về thành tựu phát triển của các nước châu Âu.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi: - Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ phát triển như thế nào? Tại sao?

- Chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

2. Bài mới: GV khái quát về vị trí địa lý và đặc điểm chính trị của các nước châu Âu.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động 1: 5 phút</p> <p>- Trong chiến tranh thế giới thứ II, châu Âu chịu tác động như thế nào? (Là chiến trường chính, hầu hết các nước châu Âu đều bị phát xít Đức chiếm đóng)</p> <p>- Sau chiến tranh, tình hình kinh tế ở châu Âu như thế nào?</p> <p>- Công việc cấp thiết của các nước này sau chiến tranh là gì?</p> <p>- Kết quả? Về kinh tế? - Tại sao các nước này lại nhanh chóng khôi phục được kinh tế chính trị như vậy?</p> <p>- Hệ quả của việc nhận viện trợ?</p> <p>- Tại sao các nước này lại chấp nhận lệ thuộc Mỹ?</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 13 phút</p> <p>- Sau khi khôi phục, kinh tế Tây Âu phát triển như thế nào?</p> <p>- Hệ quả của sự phát triển đó?</p> <p>- Tại sao giai đoạn này kinh tế Tây Âu lại phát triển nhanh như vậy?</p> <p>- Trong các nguyên nhân trên, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?</p> <p>- Tại sao các nước này lại có nguồn nguyên liệu rẻ?</p> <p>- Về mặt chính trị?</p> <p>- Về đối ngoại?</p> <p>- Tại sao các nước này lại muốn đa phương, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại?</p> <p>- Tình đa phương đa dạng đó được thể hiện ở những điểm nào?</p>	<p>I. TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1950</p> <p>* Về kinh tế:</p> <p>- Chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá nặng nề.</p> <p>- Nhờ tự cố gắng và Mĩ viện trợ, đến 1950, kinh tế Tây Âu phục hồi, đạt mức trước chiến tranh.</p> <p>*Đối ngoại:</p> <p>- Ưu tiên hàng đầu là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị – xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, liên minh chặt chẽ với Mỹ, tìm cách tái chiếm thuộc địa.</p> <p>- Đến 1950, cơ bản ổn định và phục hồi mọi mặt, trở thành đối trọng của khối Đông Âu XHCN.</p> <p>II. TÂY ÂU TỪ 1950 ĐẾN NĂM 1973.</p> <p>* Kinh tế:</p> <p>- Phát triển nhanh chóng, đến đầu thập niên 70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới. Trình độ KHKT phát triển cao.</p> <p>- Nguyên nhân phát triển:</p> <p>+ Áp dụng thành công thành tựu KHKT để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.</p> <p>+ Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế có hiệu quả.</p> <p>+ Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như: viện trợ của Mỹ, nguồn nguyên liệu rẻ của các nước thế giới thứ ba, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ EC...</p> <p>* Về đối ngoại: Một mặt vẫn liên minh chặt chẽ với Mỹ, đồng thời đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.</p> <p>- Một số nước: ủng hộ Mĩ xâm lược Việt Nam, ủng hộ Ixraen chống Ả-rập, gia nhập NATO...</p> <p>- Nhiều nước dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ như Pháp, Thụy Điển, Phần Lan</p>

<p>Hoạt động 3: 4 phút - Tình hình kinh tế các nước Tây Âu giai đoạn này? - Chính sách đối ngoại?</p>	<p>III. TÂY ÂU TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991 * Kinh tế: - Khủng hoảng, suy thoái hoặc phát triển không ổn định. - Chịu sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ, Nhật, các nước công nghiệp mới. * Đối ngoại: Căng thẳng đã dịu đi rõ rệt - Năm 1975, Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu được ký kết. - Năm 1989, “<i>Bức tường Berlin</i>” bị xóa bỏ, sau đó nước Đức tái thống nhất (10.1990)</p>
<p>Hoạt động 4: 4 phút - Tình hình kinh tế các nước Tây Âu giai đoạn này? - Chính sách đối ngoại?</p>	<p>IV. TÂY ÂU TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000 * Về kinh tế: phục hồi và phát triển trở lại, vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất thế giới (chiếm 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp thế giới) * Đối ngoại: - Chính trị: cơ bản ổn định. - Đối ngoại: mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mỹ La-tinh, các nước thuộc Đông Âu và SNG.</p>
<p>Hoạt động 4: 12 phút - Quá trình hình thành và phát triển của EU? -- Ngày 1/1/1999, đồng <i>euro</i> được phát hành. Ngày 1/1/2002, đồng <i>euro</i> chính thức lưu hành trong 12 nước thành viên (trừ Anh, Đan Mạch, Thụy Điển). Đồng <i>euro</i> có mệnh giá cao hơn đồng đôla Mỹ.</p>	<p>V. LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU) * Sự ra đời - Năm 1993, đổi tên thành <i>Liên minh châu Âu</i> (EU) với 15 nước thành viên. - Năm 2007, có 27 nước thành viên. * Mục tiêu: hợp tác liên minh về kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung. * Hoạt động/Thành tựu: - Từng bước hợp nhất về chính trị – kinh tế: + Năm 1979, bầu cử Nghị viện châu Âu + Năm 1999, phát hành đồng tiền chung châu Âu (EURO), chính thức được sử dụng (2002). - Hiện nay EU là liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm ¼ GDP của thế giới.</p>

4. Củng cố : 2 phút

- Các giai đoạn phát triển của các nước Tây Âu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Hoàn cảnh ra đời và quá trình pt của Khối thị trường chung Châu Âu (EU).

5. Dặn dò: 1 phút

trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.

6. Rút kinh nghiệm:

Tuần 5

Tiết PPCT: 9

Bài 8. NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

- Nắm được quá trình phát triển của Nhật Bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- Vai trò lớn của nền kinh tế Nhật đối với thế giới nói chung và châu Á nói riêng .
- Những nguyên nhân phát triển thần kỳ của kinh tế Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Đánh giá đúng về khả năng sáng tạo của con người và ý chí vươn lên của người Nhật Bản.
- Ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp công nghiệp hiện đại hoá đất nước.

3. Kỹ năng: Khả năng sử dụng bản đồ và rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá tổng hợp.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Bản đồ châu Á, Nhật và thế giới sau chiến tranh
- Tranh ảnh minh hoạ về thành tựu phát triển của kinh tế Nhật.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ : 5 phút

Câu hỏi: - Các giai đoạn phát triển của các nước Tây Âu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?
Hoàn cảnh ra đời và quá trình pt của Khối thị trường chung Châu Âu (EU)?

2.Bài mới: GV khái quát tình hình nước Nhật sau chiến tranh để dẫn nhập học sinh vào bài mới.

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 12 phút</p> <p>- Em hãy cho biết Nhật Bản ra khỏi chiến tranh trong tình trạng như thế nào?</p> <p>- Những con số đó nói lên điều gì?</p> <p>- So sánh với nước Mỹ ngay sau khi chiến tranh.</p>	<p>I. NHẬT BẢN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1952.</p> <p>* Tình hình:</p> <p>- CTTG thứ hai để lại những hậu quả nặng nề (gần 3 triệu người chết và mất tích).</p> <p>- Bị Mỹ chiếm đóng dưới danh nghĩa Đồng minh (1945 – 1952).</p> <p>* Những cải cách dân chủ từ 1945 – 1952:</p> <p>- Về chính trị, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) đã tiến hành:</p> <p>+ Loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật.</p> <p>+ Ban hành <i>Hiến pháp mới</i>, quy định:</p> <p>. Nhật là nước quân chủ lập hiến (thực chất là dân chủ đại nghị - Thiên Hoàng vẫn được duy trì nhưng chỉ tượng trưng, Nghị viện là cơ quan quyền lực tối cao).</p>

<p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 15 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi phục hồi được nền kinh tế, từ 1952, Nhật Bản bước vào thời kì phát triển nhảy vọt nhất là từ 1960 -1975, đạt được bước phát triển thần kì. - Tổng thu nhập quốc dân GNP 1950 đạt 20 tỉ USD bằng 1/17 của Mĩ, 1968 đạt 183 tỉ USD, bằng 1/5 của Mĩ., năm 1973 đạt 402 tỉ USD, năm 1989 là 2.828 tỉ USD, năm 2000 là 4.895 tỉ USD, thu nhập bình quân đầu người là 38.690 USD. - Trong khoảng 20 năm (1950-1971) xuất khẩu của Nhật tăng 30 lần, nhập khẩu tăng 21 lần. Trong những năm 1950-1960, tốc độ tăng trưởng bình quân công nghiệp của Nhật gấp 6 lần Mĩ. + về KHKT, Nhật Bản rất coi trọng phát triển, luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua các phát minh, sáng chế . Tính đến năm 1968, Nhật đã mua bằng phát minh sáng chế nước ngoài trị giá 6 tỉ USD. - Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển thần kì Nhật bản? 	<ul style="list-style-type: none"> . Nhật cam kết từ bỏ chiến tranh, không duy trì quân đội thường trực. - Về kinh tế, SCAP tiến hành 3 cải cách lớn: <ul style="list-style-type: none"> + Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, giải tán các tập đoàn lũng đoạn “Dai-bát-xu”. + Cải cách ruộng đất, địa chủ không được sở hữu quá 3ha. + Dân chủ hóa lao động (thực hiện các đạo luật về lao động) => Những năm 1950 – 1951, Nhật khôi phục kinh tế. <li style="padding-left: 20px;">* Về đối ngoại: <ul style="list-style-type: none"> - Liên minh chặt chẽ với Mĩ => Nhật sớm ký được <i>Hiệp ước Hòa bình Xan Phranxixco</i> (9.1951), chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh. - 9.1951, <i>Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật</i> cũng được ký kết, Nhật Bản được Mĩ bảo hộ, cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật. <p>II. NHẬT BẢN TỪ 1952 - 1973</p> <ul style="list-style-type: none"> <li style="padding-left: 20px;">* Kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật + Kinh tế <ul style="list-style-type: none"> - 1952 – 1960: phát triển nhanh, nhất là từ 1960 – 1973 có <u>sự phát triển thần kì</u> (tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,8%/ năm). - Năm 1968, Nhật vươn lên hàng thứ hai thế giới tư bản. Đầu những năm 70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới. + Giáo dục, khoa học- kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Rất coi trọng giáo dục và khoa học kỹ thuật, mua bằng phát minh sáng chế - Khoa học - công nghệ chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất dân dụng (tivi, tủ lạnh, ô tô, đóng tàu chở dầu 1 triệu tấn, cầu đường bộ dài 9,4 km...) + Nguyên nhân phát triển: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.</i> - Vai trò lãnh đạo, quản lý của nhà nước Nhật có hiệu quả. <ul style="list-style-type: none"> - Các công ti Nhật năng động, có tiềm lực và sức cạnh tranh cao. - Áp dụng thành công những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành
--	--

<p>+ Yếu tố con người: Nhật Bản là một nước nghèo tài nguyên, thiên nhiên khắc nghiệt, thực tế này đòi hỏi người dân Nhật Bản phải có bản lĩnh kiên cường, có ý thức tự lực, tự cường cao, ý thức tiết kiệm, năng lực sáng tạo, nhân tố này có vai trò hàng đầu đối với sự phát triển thần kì của Nhật Bản.</p> <p>- GV trình bày lướt qua những thành tựu của nền kinh tế Nhật từ 1973 -1991.</p> <p>+ Trong suốt một thập kỉ, nền kinh tế Nhật suy thoái liên miên. Từ 1991 đến nay, tốc độ tăng trưởng kinh tế Nhật chỉ đạt dưới 1% mặc dù đã khôi phục trở lại 2,9% năm 1996. nhưng các năm liền sau đó mức tăng trưởng kinh tế chỉ còn bằng số âm.đồng Yên mất giá nghiêm trọng. Tuy nhiên, Nhật vẫn giữ vị trí số 2 sau Mỹ, vẫn là một trong 3 trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 3: 5 phút</p> <p>- tình hình kinh tế ?</p> <p>- Chính sách đối ngoại ?</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 4: 5 phút</p> <p>- tình hình kinh tế ?</p> <p>- Chính sách đối ngoại ?</p>	<p>sản phẩm.</p> <p>- Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.</p> <p>- Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để phát triển (<i>viện trợ Mỹ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam...</i>)</p> <p>* Chính trị:</p> <p>- Từ 1955, Đảng Dân chủ tự do (LDP) liên tục cầm quyền, duy trì và bảo vệ chế độ tư bản;</p> <p>- Từ 1960 – 1964, chủ trương xây dựng “Nhà nước phúc lợi chung”, tăng thu nhập quốc dân lên gấp đôi trong 10 năm (1960 – 1970).</p> <p>* Đối ngoại: Vẫn liên minh chặt chẽ với Mỹ. Năm 1956, bình thường hoá quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.</p> <p>III. NHẬT BẢN TỪ 1973 – 1991</p> <p>* Kinh tế:</p> <p>- Từ 1973, thường khủng hoảng và suy thoái ngắn.</p> <p>- Nửa sau 1980, vươn lên trở thành siêu cường tài chính số một thế giới với dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.</p> <p>* Đối ngoại: tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.</p> <p>IV. NHẬT BẢN TỪ 1991 – 2000</p> <p>* Kinh tế: vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (năm 2000, GDP là gần 5000 tỷ USD)</p> <p>* Khoa học kỹ thuật: phát triển ở trình độ cao. Năm 1992, phóng 49 vệ tinh nhân tạo, hợp tác với Mỹ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.</p> <p>* Văn hóa: là nước phát triển cao nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình, kết hợp hài hòa giữa</p>
---	--

	<p>truyền thống và hiện đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ. - Cố gắng thực hiện chính sách đối ngoại tự chủ, coi trọng quan hệ với Tây Âu, các nước châu Á và Đông Nam Á. - Nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.
--	--

4. Củng cố : 2 phút

- Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai?
- Thời kỳ 1952 – 1973 nền kinh tế Nhật có những bước pt như thế nào? Tại sao ?
- Chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?

5. Dặn dò: 1 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.

Tuần 5

Tiết PPCT: 10

Chương V. QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)
Bài 9: QUAN HỆ QUỐC TẾ
TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Nhận thức được những nét chính trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Sự hình thành hai khối TBCN & XHCN đối đầu nhau.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Về hoà bình thế giới vẫn được duy trì, nhưng tình hình thế giới vẫn căng thẳng, trong thực tế nhiều cuộc chiến tranh khu vực bùng nổ, nhất là ở ĐNÁ và Trung Đông.
- Từ đó thấy được cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội còn đầy khó khăn và phức tạp. Ta tự hào đã góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh giành bốn mục tiêu lớn của thời đại qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

3. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các sự kiện, khái quát tổng hợp các vấn đề lớn...

II. THIẾT BỊ ,TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Bản đồ thế giới và bản đồ các châu lục , tranh ảnh minh họa.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ. 5 phút

- Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai?
- Thời kỳ 1952 – 1973 nền kinh tế Nhật có những bước pt như thế nào? Tại sao ?

2. Bài mới: GV khái quát tình hình thế giới sau chiến tranh ,rồi dẫn dắt các em vào bài học mới.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút “Trật tự thế giới sau chiến tranh” - Trật tự 2 cực Ianta - Sự hình thành hệ thống XHCN => Sự đối đầu giữa TBCN (Tây) và XHCN (Đông) - Nguyên nhân sự mâu thuẫn Đông-Tây + Về đường lối chiến lược của Liên Xô và Mỹ sau chiến tranh + Từ liên minh trong chiến tranh => Đối đầu sau chiến tranh - Hãy nêu và phân tích những sự kiện tiêu biểu mở đầu cho “Chiến tranh lạnh” ? + Học thuyết Truman (3/1947) + Kế hoạch Macsan (6/1947) + Khối Nato (4/1949) => 3 sự kiện trên đánh dấu sự hình thành giới tuyến phân chia và sự đối lập về KT, CT và QS giữa 2 phe TBCN và XHCN - Vì sao sự ra đời của hai khối Nato và Vacsava lại đánh dấu sự xác lập cục diện “2 cực”?</p>	<p>I. MÂU THUÃN ĐÔNG – TÂY VÀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA “CHIẾN TRANH LẠNH” - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Xô – Mỹ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu và tình trạng <i>chiến tranh lạnh</i>. Đó là do sự đối đầu về mục tiêu và chiến lược của 2 cường quốc. Mĩ hết sức lo ngại trước sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân ở Đông Âu và sự thành công của cách mạng Trung Quốc. - Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa Mỹ và các nước Phương Tây với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. - Những sự kiện từng bước đưa tới tình trạng chiến tranh lạnh là: + Mĩ đề ra <i>Học thuyết Tru-man</i> (3.1947), <i>Kế hoạch Mac-san</i> (6.1947), thành lập tổ chức quân sự NATO (4.1949). + Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV, 1.1949), Tổ chức Hiệp ước Vacsava (5.1955). - Kết quả là hình thành sự đối lập về kinh tế, chính trị, quân sự giữa 2 phe TBCN và XHCN, dẫn tới sự xác lập cục diện hai cực, hai phe do 2 siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.</p>
<p>Hoạt động 2: 12 phút. - Những biểu hiện của xu thế hoà hoãn Đông-Tây từ đầu những năm 1970? - Những cuộc thương lượng Xô-Mỹ - Hiệp định Bon 9-11-1972 về quan hệ Đông-Tây Đức 1972, Xô-Mỹ: hiệp ước ABM 3-7-1974: hiệp ước SALT-1 8-1975: định ước Henxini của 35 nước châu Âu, châu Mỹ và Canada => 18-6-1979, Xô-Mỹ kí hiệp định SALT-2 - Vì sao Xô-Mỹ lại chấm dứt “chiến tranh lạnh”? + Sự phát triển của khoa học-kỹ thuật => Các nước cần có 1 cục diện hoà bình ổn định để phát triển tức là không</p>	<p>II. SỰ ĐỐI ĐẦU ĐÔNG – TÂY VÀ NHỮNG CUỘC CHIẾN TRANH CỤC BỘ HS đọc thêm III. XU THẾ HÒA HOÃN ĐÔNG TÂY VÀ “CHIẾN TRANH LẠNH” CHẤM DỨT. Đầu những năm 70, xu hướng hòa hoãn Đông – Tây xuất hiện với các sự kiện tiêu biểu: - Những cuộc thương lượng Xô – Mỹ. - 11/1972, hai nước Đức ký <i>Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức</i>. - 1972, Xô – Mỹ thỏa thuận hạn chế vũ khí chiến lược, ký <i>Hiệp ước ABM, SALT-1</i>. - 8/1975, <i>Định ước Hen-xin-ki</i> được ký kết, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia, tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu. - Tháng 12/1989, tại Manta, Xô – Mỹ tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” để ổn định và củng cố vị thế</p>

<p>thế “đổi đầu” và chạy theo vũ trang - Việc chấm dứt “chiến tranh lạnh” có tác động thế nào đến quan hệ quốc tế ?</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 3: 10 phút.</p> <p>+ Phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Âu, châu Á bị mất + Ảnh hưởng của Mỹ bị thu hẹp ở Đông Nam Á, Mỹ Latinh ... - Tình hình và xu thế phát triển của TG sau “Chiến tranh lạnh”</p> <p>- Cuộc chiến giữa Ixraen và Paletxin về vấn đề lãnh thổ tôn giáo. - Xung đột ở Bancăng, châu Phi - Xu thế phát triển hiện nay của thế giới là gì ? - Hoà bình, hợp tác, phát triển – hy vọng về tương lai tốt đẹp của loài người</p>	<p>của mình. + Nguyên nhân khiến Xô – Mỹ kết thúc “chiến tranh lạnh”: . Cả hai nước đều quá tốn kém trong cuộc chạy đua vũ trang. . Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của Nhật Bản, Tây Âu. + Ý nghĩa: mở ra hướng giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực trên thế giới.</p> <p>IV. THẾ GIỚI SAU “CHIẾN TRANH LẠNH”.</p> <p>- Sau 1991, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp theo xu hướng sau: + Trật tự thế giới đang hình thành theo xu hướng “đa cực” + Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế + Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” để làm bá chủ, song không dễ thực hiện. + Hoà bình thế giới được củng cố, nhưng nội chiến, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi. - Vụ khủng bố ngày 11.09.2001 ở Mỹ đã gây ra những khó khăn, thách thức mới đối với hòa bình, an ninh của các dân tộc.</p>
--	--

4. Củng cố : 2 phút

- Sự đổi đầu Đông –Tây dẫn đến những cuộc chiến tranh cục bộ .

5. Dặn dò: 1 phút

Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.

Tuần 6

Tiết PPCT: 11

**Bài 9: QUAN HỆ QUỐC TẾ
 TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH
 (Tiết 2)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Nhận thức được những nét chính trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Sự hình thành hai khối TBCN & XHCN đối đầu nhau.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Về hoà bình thế giới vẫn được duy trì, nhưng tình hình thế giới vẫn căng thẳng, trong thực tế nhiều cuộc chiến tranh khu vực bùng nổ, nhất là ở ĐNÁ và Trung Đông.

-Từ đó thấy được cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội còn đầy khó khăn và phức tạp. Ta tự hào đã góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh giành bốn mục tiêu lớn của thời đại qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

3. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các sự kiện, khái quát tổng hợp các vấn đề lớn...

II. THIẾT BỊ ,TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Bản đồ thế giới và bản đồ các châu lục , tranh ảnh minh hoạ.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ. 5 phút

- Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- Thời kỳ 1952 – 1973 nền kinh tế Nhật có những bước pt như thế nào? Tại sao ?

2.Bài mới: GV khái quát tình hình thế giới sau chiến tranh ,rồi dẫn dắt các em vào bài học mới.

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 2: 12 phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những biểu hiện của xu thế hoà hoãn Đông-Tây từ đầu những năm 1970? - Những cuộc thương lượng Xô-Mỹ - Hiệp định Bon 9-11-1972 về quan hệ Đông-Tây Đức 1972, Xô-Mỹ: hiệp ước ABM 3-7-1974: hiệp ước SALT-1 8-1975: định ước Henxini của 35 nước châu Âu, châu Mỹ và Canada =>18-6-1979, Xô-Mỹ kí hiệp định SALT-2 - Vì sao Xô-Mỹ lại chấm dứt “chiến tranh lạnh”? + Sự phát triển của khoa học-kỹ thuật => Các nước cần có 1 cục diện hoà bình ổn định để phát triển tức là không thể “đổi đầu” và chạy theo vũ trang - Việc chấm dứt “chiến tranh lạnh” có tác động thế nào đến quan hệ quốc tế ? <p>Hoạt động 3: 10 phút.</p>	<p>III. XU THẾ HÒA HOÃN ĐÔNG TÂY VÀ “CHIẾN TRANH LẠNH” CHẤM DỨT.</p> <p>Đầu những năm 70, xu hướng hòa hoãn Đông – Tây xuất hiện với các sự kiện tiêu biểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những cuộc thương lượng Xô – Mỹ. - 11/1972, hai nước Đức ký Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức. - 1972, Xô – Mỹ thỏa thuận hạn chế vũ khí chiến lược, ký Hiệp ước ABM, SALT-1. - 8/1975, Định ước Hen-xin-ki được ký kết, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia, tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu. - Tháng 12/1989, tại Manta, Xô – Mỹ tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” để ổn định và củng cố vị thế của mình. + Nguyên nhân khiến Xô – Mỹ kết thúc “chiến tranh lạnh”: . Cả hai nước đều quá tốn kém trong cuộc chạy đua vũ trang. . Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của Nhật Bản, Tây Âu. + Ý nghĩa: mở ra hướng giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực trên thế giới. <p>IV. THẾ GIỚI SAU “CHIẾN TRANH LẠNH”.</p>

<p>+ Phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Âu, châu Á bị mất + Ảnh hưởng của Mỹ bị thu hẹp ở Đông Nam Á, Mỹ Latinh ... - Tình hình và xu thế phát triển của TG sau “Chiến tranh lạnh”</p> <p>- Cuộc chiến giữa Ixraen và Paletxtin về vấn đề lãnh thổ tôn giáo. - Xung đột ở Bancăng, châu Phi - Xu thế phát triển hiện nay của thế giới là gì ? - Hoà bình, hợp tác, phát triển – hy vọng về tương lai tốt đẹp của loài người</p>	<p>- Sau 1991, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp theo xu hướng sau: + Trật tự thế giới đang hình thành theo xu hướng “đa cực” + Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế + Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” để làm bá chủ, song không dễ thực hiện. + Hoà bình thế giới được củng cố, nhưng nội chiến, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi. - Vụ khủng bố ngày 11.09.2001 ở Mỹ đã gây ra những khó khăn, thách thức mới đối với hòa bình, an ninh của các dân tộc.</p>
--	---

4. Củng cố : 2 phút

- Sự đối đầu Đông –Tây dẫn đến những cuộc chiến tranh cục bộ .

5. Dặn dò: 1 phút

Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.

Tuần 6

Tiết PPCT: 12

Chương VI. CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài: 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỶ XX

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

- Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm và những thành tựu chính cùng với những tác động của cách mạng Khoa học – công nghệ sau chiến tranh thế giới thứ hai
- Những hệ quả tất yếu của cách mạng Khoa học – công nghệ, xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ trong những năm cuối của thế kỷ XX.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Ý chí vươn lên và sự phát triển không ngừng của trí tuệ con người, nhằm phục vụ đời sống ngày càng cao.
- Tuổi trẻ cần cố gắng học tập để trở thành những con người sáng tạo, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện phương pháp tư duy phân tích , so sánh và liên hệ thực tế...

II. THIẾT BỊ ,TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Sưu tầm phim, tranh ảnh liên quan đến cách mạng Khoa học – công nghệ

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm bài tra cũ: 5 phút

- Nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai siêu cường Xô – Mỹ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh?

2. Bài mới: GV có thể khái quát một số thành tựu của cách mạng Khoa học – công nghệ để vào bài mới.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút</p> <p>* Nguyên nhân nào dẫn đến sự bùng nổ CM khoa học – kỹ thuật ?</p> <p>- Cách mạng khoa học-kỹ thuật là gì? Nguồn gốc và đặc điểm của cách mạng khoa học-công nghệ? + “cách mạng khoa học-công nghệ” từ những phát minh khoa học tạo nên lực lượng sản xuất mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong đó yếu tố công nghệ là cốt lõi + Cách mạng KH-KT lần I: Bắt đầu từ thế kỉ XVIII, mở đầu là cuộc cách mạng CN + Cách mạng KH-KT lần II: Bắt đầu từ những năm 40 của thế kỉ XX (khởi đầu từ Mỹ). + Khác với cách mạng KH-KT lần I, các phát minh máy móc như máy hơi nước, máy phát điện đều bắt đầu từ cải tiến kỹ thuật, người phát minh không phải là những nhà khoa học mà là những người thợ + Khoa học trở thành nguồn gốc chính cho những tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ</p> <p>Hoạt động 2 : 20 phút</p> <p>- Những biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá. Vì sao đây là xu thế khách quan không thể đảo ngược?</p> <p>+ Toàn cầu hoá => “quốc tế hoá”, để chỉ hoạt động kinh tế của 1 nước vượt ra khỏi biên giới nước đó => Xu thế này đặt nền kinh tế 1 nước trong phạm vi lớn của thị trường thế giới. Nó gắn bó</p>	<p>I. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ.</p> <p>1. Nguồn gốc và đặc điểm:</p> <p>* Nguồn gốc:</p> <p>- Do đòi hỏi của sản xuất và cuộc sống, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người. - Diễn ra trong bối cảnh đặc biệt: bùng nổ dân số, sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên, chiến tranh.</p> <p>* Đặc điểm: Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Khoa học đi trước mở đường cho kỹ thuật. Kỹ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.</p> <p>2. Những thành tựu:</p> <p>Tác động:</p> <p>* Tích cực:</p> <p>- Tăng năng suất lao động, - Không ngừng nâng cao mức sống và chất lượng sống của con người. - Đặt ra những đòi hỏi mới về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng giáo dục - Hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hoá.</p> <p>* Tiêu cực: gây ra những hậu quả mà con người chưa khắc phục được như ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, dịch bệnh, vũ khí hủy diệt hàng loạt...</p> <p>II. XU THẾ TOÀN CẦU HÓA VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ.</p> <p>1. Xu thế toàn cầu hóa:</p> <p>* Bản chất:</p> <p>- Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới. - Là hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học – công nghệ từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX.</p> <p>* Biểu hiện của toàn cầu hóa:</p> <p>- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc</p>

<p>với 3 yếu tố là: Thông tin, thị trường, sản xuất</p> <p>- Giải thích vì sao toàn cầu hoá vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển (liên hệ Việt Nam)</p>	<p>té.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia. - Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn. - Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực (EU, IMF, WB, WTO, APEC, ASEM...) <p>2. Tác động của toàn cầu hóa</p> <p>* Tích cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy nhanh, mạnh sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất, - Góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế, làm gia tăng tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế. <p>* Tiêu cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm trầm trọng thêm bất công xã hội và phân hóa giàu nghèo. - Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia. <p>Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức lớn đối với các nước đang phát triển.</p>
--	--

4. Củng cố: 4 phút

- Nguồn gốc, nội dung và những thành tựu chính của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ lần thứ hai từ những năm 40 của thế kỷ XX đến nay?
- Xu hướng toàn cầu hoá hiện nay ảnh hưởng đến đời sống con người như thế nào?

5. Dặn dò: 1 phút

học bài cũ, trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị trước bài mới.

Tuần 7

Tiết PPCT: 13, 14

**Bài 11. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức đã học về lịch sử thế giới hiện đại từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000
- Phân kỳ hai giai đoạn của lịch sử thế giới hiện đại từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 và nắm được nội dung chủ yếu của mỗi giai đoạn.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Nhận thức được những nội dung, tính chất của hai giai đoạn, bao trùm là tính chất gay gắt trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu: HB, ĐLDT, DC&TBXH.

-VN ta là một bộ phận của thế giới, có quan hệ với khu vực và thế giới, nhất là từ sau chiến tranh lạnh, khi VN hội nhập với thế giới...

3. Kỹ năng: Rèn luyện và vận dụng phương pháp tu duy phân tích, tổng hợp khái quát các sự kiện, các vấn đề quan trọng diễn ra trên thế giới

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Bản đồ thế giới và tranh ảnh tư liệu.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ: 5 phút

- Ngồn gốc, nội dung và những thành tựu chính của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ lần thứ hai từ những năm 40 của thế kỷ XX đến nay?

2. Bài mới: GV khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến nay, đồng thời tóm tắt ngắn gọn từng giai đoạn nhỏ ,nhằm dẫn dắt các em vào bài tổng kết.

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động 1: 20 phút</p> <p>Khái quát những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 ?</p> <p>+ <i>Sau chiến tranh thế giới thứ hai một trật tự thế giới được xác lập.</i></p> <p>- <i>Trật tự thế giới mới được xác lập –dựa trên thoả thuận của hội nghị Ianta, ảnh hưởng 2 nước X-M.</i></p> <p>+ <i>Sau ctr >< kéo dài trong QHQT là sự đối đầu X-M.</i></p> <p>-<i>Đặc trưng hai cực là –hai phe chi phối nền chính trị thế giới và các quan hệ quốc tế.</i></p> <p>+ <i>Chủ nghĩa xã hội đã vượt qua phạm vi một nước trở thành hệ thống thế giới.</i></p> <p>- <i>CNXH trở thành phạm vi thế giới.</i></p> <p>- <i>Trong nhiều thập niên với lực lượng kt,ct, qs là nhân tố quyết định với chiều hướng pt của tg.</i></p> <p>- <i>Từ 1973 hệ thống CNXH lâm vào khủng hoảng và sụp đổ 1991.(còn TQ, VN...)</i></p> <p>+ <i>Sau chiến tranh phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ khắp các nước Á, Phi, Mỹlatinh làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của CNTD., ra đời hàng trăm quốc gia độc lập; kinh tế pt nhanh ;tuy nhiên những cuộc cải cách kinh tế- xã hội chưa mấy thành công.</i></p> <p>+ <i>Trong nửa sau thế kỷ XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những bước chuyển biến quan trọng.</i></p> <p>- <i>Mỹ vươn lên trở thành nước giàu nhất tg.</i></p> <p>-<i>Sự điều chỉnh kinh tế các nước tư bản, tăng trưởng khá mạnh vươn lên thành những trung tâm kt lớn.</i></p>	<p style="text-align: center;">Kiến thức cơ bản cần nắm</p> <p>I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự xác lập của trật tự hai cực Ianta. 2. CNXH đã vượt khỏi phạm vi một nước và trở thành một hệ thống thế giới 3. Sự phát triển mạnh của phong trào GPDT ở Á, Phi, Mỹ La-tinh 4. Hệ thống đế quốc chủ nghĩa có những biến chuyển quan trọng 5. Quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng 6. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ <p>II. XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI NGÀY NAY.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm 2. Quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp 3. Ở nhiều khu vực lại bùng nổ các cuộc nội chiến và xung đột, thế giới bị đe dọa bởi chủ nghĩa ly khai, khủng bố.
<p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 15 phút</p> <p>GV yêu cầu HS đọc SGK thảo luận và trả lời câu hỏi :</p> <p>Xu thế phát triển của lịch sử thế giới sau chiến tranh lạnh?</p>	

<p>HS trả lời câu hỏi , GV nhận xét và chốt ý: + Hình thành thế đa cực. + Các nước điều chỉnh mối quan hệ theo hướng đối thoại, hợp tác, lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, sức mạnh của mỗi quốc gia dựa trên nền kinh tế phồn thịnh... + Xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, ảnh hưởng to lớn đến nhiều quốc gia, dân tộc . + Chủ nghĩa khủng bố, xung đột sắc tộc , tôn giáo... báo hiệu nguy cơ mới . HS nghe và ghi chép.</p>	<p>4. Toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế tất yếu. Các quốc gia dân tộc đang đứng trước thời cơ thuận lợi và thách thức gay gắt.</p>
---	---

4. Củng cố: 4 phút

Nắm vững 6 nội dung cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại 1945 – nay.

5. Dặn dò: 1 phút

Ôn bài ở nhà chuẩn bị tốt bài kiểm tra một tiết.

Tuần 8

Tiết PPCT: 15

**KIỂM TRA GIỮA KỲ I
 ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I**

NB Câu 1. Hội nghị Ianta diễn ra trong hoàn cảnh nào?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra ác liệt.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

NB Câu 2. Hội nghị Ianta diễn ra tại quốc gia nào sau đây?

- A. Mĩ. B. Liên xô C. Anh. D. Pháp.

NB Câu 3. Hội nghị Ianta diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ ngày 04 đến ngày 14/02/1945. C. Từ ngày 04 đến ngày 14/02/1945.
- B. Từ ngày 04 đến ngày 11/02/1945. D. Từ ngày 04 đến ngày 12/02/1945.

NB Câu 4. Nguyên thủ các quốc gia nào tham dự Hội nghị Ianta?

- A. Mĩ – Anh – Pháp. C. Liên Xô - Anh – Pháp.
- B. Đức – Pháp – Mĩ. D. Anh – Mĩ – Liên Xô.

NB Câu 5. Nguyên thủ của ba cường quốc tham gia hội nghị Ianta gồm

- A. Rudoven – Clêmăngxô- Sôcsin. C. Aixenhao – Xtalin- Clêmăngxô.
- B. Rudoven – Xtalin – Sôcsin. D. Kenôđi – Giônxon – Xtalin.

TH Câu 6. Nhiều vấn đề được đặt ra trước các nước Đồng minh tại hội nghị Ianta, ngoại trừ việc

- A. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
- B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- C. phân chia thành quả thắng lợi giữa các nước thắng trận.
- D. hợp tác để phát triển kinh tế.

TH Câu 7. Nội dung nào không phải là quyết định quan trọng của hội nghị Ianta?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

C. Thành lập khối Đồng minh chống phát xít.

D. Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

NB Câu 8. Theo quyết định của Hội nghị Ianta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ: Đông Đức, Đông Âu, Bắc Triều Tiên

A. Liên xô. B. Mĩ. C. Anh. D. Pháp.

TH Câu 9. Hội nghị Ianta có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới lần thứ 2?

A. Làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các nước đế quốc với nhau.

B. Đánh dấu sự hình thành một trật tự thế giới sau chiến tranh.

C. Trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945-1949.

D. Đánh dấu sự xác lập vai trò duy nhất toàn cầu của Mĩ.

NB Câu 10. Thỏa thuận tại Hội nghị Ianta xác định vĩ tuyến 38 độ Bắc làm ranh giới chia cắt quốc gia nào?

A. Nhật Bản. B. Trung Quốc. C. Đức. D. Triều Tiên.

TH Câu 11. Một trong những nội dung quan trọng của Hội nghị Ianta là

A. đàm phán, kí kết các hiệp ước với các nước phát xít bại trận.

B. các nước thắng trận thỏa thuận việc chia nước Đức thành hai quốc gia Đông Đức và Tây Đức.

C. ba cường quốc phe Đồng minh bàn bạc thỏa thuận khu vực đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít; phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

D. các nước phát xít kí văn kiện đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

NB Câu 12. Vấn đề nước Đức được thỏa thuận tại Hội nghị Ianta như thế nào?

A. Nước Đức phải chấp nhận tình trạng tồn tại hai nhà nước với hai chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.

B. Nước Đức phải trở thành một quốc gia thống nhất, hòa bình, dân chủ và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

C. Nước Đức phải chấp nhận sự chiếm đóng lâu dài của quân đội Đồng minh.

D. Nước Đức sẽ trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, dân chủ và hòa bình.

TH Câu 13. Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốttxđam, nước Đức tạm thời chia làm mấy khu vực quân quản?

A. 2 khu vực. B. 3 khu vực. C. 4 khu vực. D. 5 Khu vực.

TH Câu 14. Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốttxđam, việc giải giáp quân đội Nhật Bản ở Đông Dương được giao cho quân đội nước nào?

A. Anh – Pháp. B. Anh – Mĩ . C. Anh – Trung Quốc. D. Pháp – Trung Quốc.

TH Câu 15. Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hoàn thành trong những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước tư bản thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.

B. một trật tự thế giới hoàn toàn do CNTB thao túng.

C. một trật tự thế giới có sự phân tuyến triệt để giữa hai phe: XHCN và TBCN.

D. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận cùng nhau hợp tác để thống trị, bóc lột các nước bại trận và các dân tộc thuộc địa.

NB Câu 16. Hội nghị quốc tế tuyên bố thành lập Liên hợp quốc diễn ra ở đâu?

A. Xan phranxixco (Mĩ). C. Ianta (Liên Xô).

B. Pốttxđam (Đức). D. Pari (Pháp).

Câu 17. Có bao nhiêu thành viên sáng lập tổ chức Liên hợp quốc?

- A. 35 nước. B. 48 nước. C. 49 nước. D. 50 nước.

NB Câu 18. Ngày 31/10/1947, Đại hội đồng Liên hợp quốc quyết định lấy ngày nào hằng năm làm ngày liên hợp quốc?

- A. 24/10. B. 31/10. C. 26/10. D. 27/10.

TH Câu 19. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia đầy đủ đại diện các nước thành viên và mỗi năm họp 1 kì?

- A. Ban thư kí. C. Hội đồng bảo an.
B. Đại hội đồng. D. Hội Đồng quản thác.

NB Câu 20. Các quốc gia thuộc Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

- A. Liên xô – Mĩ – Anh – Pháp – Trung Quốc.
B. Mĩ – Anh – Pháp – Đức – Nhật.
C. Trung quốc – Nhật Bản - Ấn Độ - Hàn Quốc.
D. Anh – Pháp – Nhật Bản – Việt Nam – Mĩ.

TH Câu 21. Mục đích của tổ chức Liên hợp quốc được nêu rõ trong hiến chương như thế nào?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít
B. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.
C. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

TH Câu 22. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. C. Hội nghị Ianta.
B. Liên minh châu Âu (EU). D. Liên hợp quốc

TH Câu 23. Việc Liên Xô là một trong năm nước Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có ý nghĩa như thế nào trong quan hệ quốc tế?

- A. Thể hiện đây là một tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Góp phần làm hạn chế thao túng của CNTB đối với tổ chức Liên hợp quốc.
C. Khẳng định vị thế của Liên Xô trong tổ chức Liên hợp quốc.
D. Khẳng định đây là một chức quốc tế quan trọng nhất trong đời sống chính trị quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai.

NB Câu 24. Trụ sở Liên hợp quốc được đặt tại đâu?

- A. Pari. B. Niu Ooc. C. Giơnevơ. D. Luân Đôn.

NB Câu 25. Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của năm nước Ủy viên thường trực. Đó là những nước nào?

- A. Liên Xô – Nhật Bản – Trung Quốc – Mĩ – Anh.
B. Đức – Nhật Bản – Trung Quốc – Mĩ – Pháp.
C. Liên Xô – Mĩ – Anh – Pháp – Trung Quốc.
D. Liên Xô – Anh – Pháp – Đức – Mĩ.

NB Câu 26. UNESCO là tên viết tắt tiếng Anh của tổ chức

- A. Tổ chức Y tế Thế giới.
B. Tổ chức Thương mại Thế giới.
C. Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc.

D. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc.

NB Câu 27. WHO là tên viết tắt tiếng Anh của tổ chức nào?

A. Tổ chức Thương mại Thế giới. C. Tổ chức Y tế Thế giới.

B. Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc. D. Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc.

NB Câu 28. Việt Nam trở thành thành viên của Liên hợp quốc vào thời gian nào?

C. Tháng 8/1967. C. Tháng 10/1977.

B. Tháng 9/1977. D. Tháng 9 / 1967.

NB Câu 29. Việt Nam là thành viên thứ bao nhiêu của tổ chức Liên hợp quốc?

A. 145. B. 147. C. 148. D. 149.

NB Câu 30. Việt Nam được bầu làm ủy viên ko thường trực hội đồng bảo an nhiệm kì mấy

A. 2008-2009 B. 2009- 2010. C. 2010-2011. D. 2011-2012.

NB Câu 31. Số người Liên Xô chết trong chiến tranh thế giới thứ hai là

A. khoảng 26 triệu người chết. C. khoảng 28 triệu người chết.

B. khoảng 27 triệu người chết. D. khoảng 29 triệu người chết.

TH Câu 32. Về kinh tế, các nước tư bản phương Tây do Mỹ đứng đầu đã thực hiện chính sách nào đối với Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Chống cộng. B. Bao vây. C. Chiến tranh lạnh. D. Bao vây, chống cộng.

TH Câu 33. Nguyên nhân trực tiếp đòi hỏi Liên Xô tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. thu được nhiều chiến phí. C. bị tổn thất nặng nề trong chiến tranh.

B. chiêm được nhiều thuộc địa. D. bị các nước phương Tây bao vây, cấm vận.

TH Câu 34. Thuận lợi nào là chủ yếu để Liên Xô xây dựng đất nước sau chiến tranh thế giới thứ hai

A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng CNXH trước chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

C. Tinh thần tự cường của nhân dân Liên Xô.

D. Tính ưu việt của CNXH.

NB Câu 35. Liên Xô hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai trong thời gian

A. 4 năm 4 tháng. B. 4 năm 3 tháng. C. 4 năm 5 tháng. D. 4 năm 1 tháng.

NB Câu 36. Liên Xô hoàn thành kế 5 năm khôi phục kinh tế (1946 -1950) trước thời hạn bao nhiêu tháng?

A. 8 tháng. B. 9 tháng. C. 10 tháng. D. 11 tháng

NB Câu 37. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?

A. 1945. B. 1946. C. 1949. D. 1950.

NB Câu 38. Năm 1950, sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng bao nhiêu so mức trước chiến tranh thế giới thứ hai?

A. 70%. B. 73%. C. 75%. D. 78%.

VD Câu 39. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào?

A. Lực lượng quân sự của Liên Xô và Mỹ cân bằng, Mỹ ko thể đe dọa thế giới bằng vũ khí hạt nhân.

B. Đánh dấu bước phát triển về khoa học – kĩ thuật của Liên Xô.

C. Cân bằng sức mạnh quân sự giữa Liên Xô và Mỹ, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.

D. Mĩ ko còn đe dọa nhân dân thế giới bằng vũ khí nguyên tử được nữa.

VD Câu 40. Thành tựu đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945-1950) có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo điều kiện về vật chất, kĩ thuật cho Liên Xô xây dựng CNXH.

B. Thể hiện tính ưu việt của CNXH.

C. Đạt thế cân bằng chiến lược quân sự Mĩ.

D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

NB Câu 41. Liên Xô tiến hành công cuộc xây dựng CNXH trong giai đoạn nào?

A. Từ năm 1950 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ năm 1950 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Từ năm 1950 đến những cuối những năm 70 của thế kỉ XX.

TH Câu 42. Lĩnh vực Liên Xô đã đi đầu trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX) là

A. công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.

B. công nghiệp nặng (chế tạo máy móc).

C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

D. công nghiệp quốc phòng.

NB Câu 43. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên trên thế giới vào năm

A. 1955.

B. 1956.

C. 1957.

D. 1958.

NB Câu 44. Năm 1957, Liên Xô đạt được thành tựu gì về khoa học – kĩ thuật?

A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Đưa chú chó Laika bay vào không gian.

D. Phóng tàu vũ trụ phi hành gia Gagarin bay vào không gian.

NB Câu 45. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, sản xuất công nghiệp sản xuất của Liên Xô đứng vị trí

A. Thứ nhất thế giới.

C. Thứ ba thế giới.

B. Thứ hai thế giới.

D. Thứ tư thế giới.

TH Câu 46. Sự kiện nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

B. Vệ tinh Sputnik thoát khỏi sức hút của trái đất.

C. Phóng thành công tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh trái đất.

D. Nhà du hành vũ trụ Amstrong đi bộ trên mặt trăng.

TH Câu 47. Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp thế giới trong thời gian nào?

A. Những năm 50 của thế kỉ XX.

C. Những năm 70 của thế kỉ XX

B. Những năm 60 của thế kỉ XX.

D. Những năm 80 của thế kỉ XX

NB Câu 48. Quốc gia nào phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Mĩ.

D. Liên xô.

TH Câu 49. Thành tựu nào sau đây không phải của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH?

A. Sản lượng nông nghiệp những năm 60 tăng 16%.

B. Sản lượng công nghiệp năm 195hai thế giới thế giới sau Mĩ những năm 70 của thế kỉ XX.

0 tăng 73% so với mức trước chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Chiếm hơn 56% tỉ trọng sản xuất công nghiệp thế giới năm 1948.

D. Cường quốc công nghiệp thứ

NB Câu 50. Nhà du hành vũ trụ Gagarin là ai?

A. Là nhà du hành vũ trụ đầu tiên bay vòng quanh trái đất.

B. Là người đầu tiên thám hiểm mặt trăng.

C. Là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.

D. Là người đầu tiên thám hiểm sao hỏa.

NB Câu 51. Liên Xô đã có biến đổi như thế nào về xã hội trong giai đoạn từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

A. Tỷ lệ công nhân chiếm 50% số người lao động trong cả nước.

B. Trình độ học vấn của người dân không ngừng được nâng cao, tỷ lệ công nhân chiếm 55% số người lao động trong cả nước.

C. Tệ nạn xã hội được đẩy lùi.

D. Tình trạng bất ổn kéo dài do mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội.

TH Câu 52. Thành tựu quan trọng nhất của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH là

A. chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.

C. phóng thành công tàu vũ trụ có người lái đầu tiên.

D. trở thành cường quốc công nghiệp lớn thứ hai thế giới.

NB Câu 53. Nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh trái đất vào năm nào?

A. 1957.

B. 1960.

C. 1961.

D. 1962.

TH Câu 54. Nội dung chủ yếu trong chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là

A. muốn làm bạn với tất cả các nước.

C. hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

B. chỉ muốn quan hệ với các nước lớn.

D. chỉ làm bạn với các nước XHCN.

TH Câu 55. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì để thể hiện sự cạnh tranh với Mỹ và Tây Âu?

A. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự, kinh tế.

B. Thế cân bằng về sức mạnh hạt nhân.

C. Thế cân bằng về chinh phục vũ trụ.

D. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.

NB Câu 56. Sản lượng nông nghiệp của Liên Xô trong những năm 60 tăng trung bình bao nhiêu?

A. 20%/năm.

C. 73%/năm

B. 16%/năm.

D. 6,9%/năm

VD Câu 57. Ý nghĩa lớn nhất của những thành tựu mà Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH (từ năm 1950 – nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX) là

A. Thể hiện tính ưu việt của CNXH.

B. Nâng cao vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

C. Đạt thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự với Mỹ.

D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

TH Câu 58. Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ và viện trợ chủ yếu từ quốc gia nào trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH?

A. Trung Quốc.

C. Ấn Độ.

B. Liên Xô.

D. Cuba.

TH Câu 59. Trước năm 1945, quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Bắc Á không bị chủ nghĩa thực dân nô dịch là

A. Trung Quốc. B. Triều Tiên. C. Hàn Quốc. D. Nhật Bản.

TH Câu 60. Đặc điểm chung nhất của khu vực Đông Bắc Á?

- A. Là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. Là khu vực rộng lớn nhất thế giới, dân số đông nhưng không giàu tài nguyên thiên nhiên.
- C. Là khu vực rộng lớn, giàu có tài nguyên thiên nhiên.
- D. Là khu vực rộng lớn, dân số đông, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

TH Câu 61. Trong nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đã đạt được những thành tựu gì?

- A. Chính trị ổn định, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện.
- B. Sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.
- C. Kinh tế vươn lên nhanh chóng, đời sống nhân dân phát triển mọi mặt.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đời sống nhân dân ổn định.

TH Câu 62. Quốc gia và vùng lãnh thổ nào sau đây không thuộc khu vực Đông Bắc Á?

- A. Trung Quốc, Nhật Bản. C. CHDCND Triều Tiên, Nhật Bản
- B. Hàn Quốc, Đài Loan. D. Apganixtan, Nêpan.

TH Câu 63. Những quốc gia và vùng lãnh thổ nào ở khu vực Đông Bắc Á được mệnh danh là con rồng kinh tế châu Á?

- A. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. C. Nhật Bản, Ma Cao, Hàn Quốc.
- B. Triều Tiên, Hàn Quốc, Đài Loan. D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

TH Câu 64. Trong nửa sau thế kỉ XX, quốc gia nào ở khu vực Đông Bắc Á vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới?

- A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Nhật Bản. D. CHDCND Triều Tiên.

NB Câu 65. Trong bối cảnh của cuộc chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên đã có sự biến đổi chính trị gì?

- A. Hình thành hai nhà nước Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc, 8/1948) và CHDCND Triều Tiên (9/1948).
- B. Tiến hành cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước.
- C. Bị các nước tư bản phương Tây xâm lược và biến thành thuộc địa.
- D. Chính trị tương đối ổn định.

TH Câu 66. Từ năm 2000, quan hệ giữa Triều Tiên và Hàn Quốc ở trạng thái như thế nào?

- A. Đối đầu căng thẳng, chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh.
- B. Chiến tranh lạnh, thường xuyên tập trận.
- C. Cải thiện dân và đi đến thống nhất..
- D. Cải thiện bước đầu theo chiều hướng tiếp tục và hòa hợp dân tộc.

NB Câu 67. Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và cao nhất thế giới vào khoảng thời gian nào?

- A. Trong những năm 80 – 90 của thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI.
- B. Sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Trong những năm 50 – 70 của thế kỉ XX.
- D. Trong những năm 70 – 80 của thế kỉ XX.

NB Câu 70. Cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản ở Trung Quốc diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1945 đến năm 1946. C. Từ năm 1945 đến năm 1948.
- B. Từ năm 1946 đến năm 1947. D. Từ năm 1946 đến năm 1949.

TH Câu 72. Trước sự lớn mạnh của cách mạng Trung Quốc, lực lượng Quốc dân Đảng thực hiện âm mưu gì?

- A. Phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản và phong trào cách mạng Trung Quốc.
- B. Cầu kết chặt chẽ với Mỹ để tiêu diệt cách mạng Trung Quốc.
- C. Đưa 50 vạn quân lính sang Mỹ để huấn luyện quân sự.
- D. Huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

NB Câu 73. Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, trong những năm 1946 -1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa

- A. Quốc dân Đảng và Quân giải phóng Trung Quốc.
- B. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- C. quốc dân đảng và Đảng dân chủ Trung Quốc.
- D. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng hòa Trung Quốc.

VD Câu 74. Ý nghĩa quan trọng nhất trong sự ra đời của nước CHND Trung Hoa là gì?

- A. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến.
- B. Đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên CNXH.
- C. Tăng cường hệ thống XHCN trên thế giới.
- D. ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

VDC Câu 75. Thành công của cách mạng Trung Quốc đã hưởng như thế nào đến cách mạng Việt Nam?

- A. Tăng cường lực lượng phe XHCN và động viên, giúp đỡ, để lại nhiều bài học quý báu cho phong trào cách mạng Việt Nam.
- B. Tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam sang du học ở Trung Quốc, học hỏi kinh nghiệm về lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- C. Giúp Việt Nam tập trung phát triển kinh tế.
- D. Giúp đỡ Việt Nam trong việc giao lưu, phát triển văn hóa dân tộc.

NB Câu 76. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới vào thời gian nào?

- A. Tháng 12/1978.
- B. Cuối năm 1978.
- C. Đầu năm 1980.
- D. Tháng 12/1980.

NB Câu 77. Người khởi xướng đường lối cải cách, mở cửa ở Trung Quốc tháng 12/ 1978 là

- A. Mao Trạch Đông.
- B. Lưu Thiệu Kỳ.
- C. Đặng Tiểu Bình.
- D. Vương Hồng Văn.

TH Câu 78. Mục tiêu của công cuộc cải cách, mở cửa mà Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra từ tháng 12/1978 là

- A. Biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
- B. Đưa Trung Quốc thành cường quốc về kinh tế.
- C. Nâng cao vị thế Trung Quốc trên trường quốc tế.
- D. Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN.

TH Câu 79. Đảng và nhà nước trung quốc xác định trọng tâm của đường lối chung là

- A. tiến hành đồng thời đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.
- B. đổi mới chính trị về nền tảng để đổi mới kinh tế.
- C. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- D. lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.

NB Câu 80. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỉ XX là

- A. thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho Trung Quốc.
- B. gây chiến tranh xâm lược biên giới phía bắc Việt Nam.
- C. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhiều nước trên thế giới.
- D. bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.

NB Câu 25. Cuối những năm 90, những vùng lãnh thổ nào đã trở về với chủ quyền của Trung Quốc?

- A. Hồng Công, Đài Loan. C. Đài Loan, Ma Cao.
 B. Hồng Công, Ma Cao. D. Hồng Công, Tây Tạng.

NB Câu 81. Ngày 15/10/2003, ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện gì?

- A. Trung Quốc phóng thành công con tàu Thần Châu 4
 B. Trung Quốc phóng thành công 4 con tàu Thần Châu với chế độ tự động
 C. Trung Quốc chính thức thực hiện chương trình thám hiểm không gian
 D. Trung Quốc phóng con tàu Thần Châu 5 đưa nhà du hành Dương Lợi Vĩ bay vào không gian vũ trụ.

NB Câu 82. Từ năm 1987 trở đi, Trung Quốc đã bình thường hóa quan hệ với các nước nào sau đây?

- A. Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ, Ấn Độ. C. Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ.
 B. Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam, Cu Ba. D. Mỹ, Liên Xô, Mông Cổ.

TH Câu 83. Nước CHND Trung Hoa chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào

- A. Đầu thập niên 90 của thế kỉ XX. C. Cuối thập niên 90 của thế kỉ XX.
 B. Giữa thập niên 90 của thế kỉ XX. D. Đầu thế kỉ XXI.

TH Câu 84. Biến đổi quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. gia nhập ASEAN. C. giành độc lập dân tộc.
 B. phát triển kinh tế. D. chống lại đế quốc Âu – Mỹ.

NB Câu 85. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Campuchia từ năm 1951 là

- A. Ủy ban mặt trận thống nhất.
 B. Đảng nhân dân cách mạng Campuchia.
 C. Đảng cộng Sản Đông Dương.
 D. Chính phủ kháng chiến Campuchia.

NB Câu 86. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của

- A. Mỹ, Nhật Bản. C. Anh, Pháp, Mỹ.
 B. Pháp, Nhật Bản. D. Các nước đế quốc Âu – Mỹ.

NB Câu 87. Tháng 8/1945, khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, những nước nào sau đây đã giành được chính quyền?

- A. Ấn Độ, Philippin. B. Ấn Độ, Việt Nam.
 C. Việt Nam, Lào. D. Việt Nam, Campuchia.

TH Câu 89. Sự kiện nổi bật đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương kết thúc thắng lợi là

- A. Hiệp định Giơnevơ. B. Hiệp định Viêng Chăn.
 C. Chiến dịch Điện Biên Phủ. D. Hiệp định Pari.

NB Câu 90. Đường lối của cách mạng Campuchia giai đoạn 1954 – 1970 là

- A. chống Pháp. B. chống Mỹ.
 C. chống lực lượng Khome đỏ. D. hòa bình tập trung.

TH Câu 91. Quốc gia nào của Đông Nam Á trở thành một trong bốn con rồng kinh tế của châu Á

- A. Thái Lan. B. Brunây. C. Xingapo. D. Ấn Độ.

NB Câu 92. Các quốc gia tham gia sáng lập ASEAN.

- A. Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan.

B. Philippin, Xingapo, Malaixia, Indônêxia và Mianma.

C. Xingapo, Mianma, Thái Lan, Brunây và Indônêxia.

D. Việt Nam, Lào, Malaixia, Indônêxia và Brunây.

TH Câu 93. Thứ tự đúng theo trình tự thời gian tên các quốc gia Đông Nam Á giành độc lập dân tộc sau đây : 1945, 1946, 1948 và 1957 là

A. Việt Nam, Campuchia, Philippin, Xingapo.

B. Việt Nam, Philippin, Mianma, Malaixia.

C. Indônêxia, Malaixia, Brunây, Campuchia.

D. Lào, Xingapo, Brunây, Campuchia.

TH Câu 94. Nội dung nào sau đây *không* đúng khi phản ánh về các nước Đông Nam Á?

A. Việt Nam, Lào Và Indônêxia cùng tuyên bố độc lập trong năm 1945

B. Campuchia kháng chiến chống Mĩ từ 1954 – 1975

C. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của Nhật Bản.

D. Yangun là tên thủ đô trước năm 2005 của nước Mianma.

TH Câu 95. Vào thời điểm nào Nhật Bản xâm chiếm cả khu vực Đông Nam Á?

A. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

B. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

C. Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

D. Khi Nhật đánh chiếm xong các nước tây Á.

NB Câu 96. Từ cuối thế kỉ XVIII, Ấn Độ

A. Đã trở thành quốc gia đi đầu về chế tạo phân mềm.

B. Đã bị thực dân Anh xâm chiếm và cai trị.

C. Đã bị thực dân Hà Lan xâm chiếm và cai trị.

D. Đã bị liên quân Anh – Mĩ xâm lược và cai trị.

NB Câu 97. Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ sau chiến tranh thế giới thứ hai là tổ chức

A. Đảng Cộng sản, do M. Gandi đứng đầu.

B. Đảng Quốc đại, do M. Gandi đứng đầu.

C. Liên minh Đảng Cộng sản và Đảng dân chủ.

D. Đảng Quốc đại, do Tilac đứng đầu.

TH Câu 98. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đối tượng và mục tiêu cốt lõi mà nhân dân Ấn Độ đưa ra trong các cuộc đấu tranh là

A. Chống đế quốc Anh, đòi độc lập dân tộc.

B. Chống chế độ phong kiến, xây dựng xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

C. Chống thực dân Anh, thành lập Liên đoàn hồi giáo.

D. Chống thực dân Pháp, đòi độc lập dân tộc.

TH Câu 98. Việc thực dân Anh đưa ra phương án Maobotton, chia đất nước Ấn Độ thành hai quốc gia tự trị - Ấn Độ và Pakixtan chứng tỏ

A. Cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ đã giành thắng lợi hoàn toàn.

B. Thực dân Anh không quan tâm đến việc cai trị Ấn Độ nữa.

C. Thực dân Anh đã hoàn thành việc cai trị và bóc lột Ấn Độ.

D. Thực dân Anh đã nhượng bộ, tạo điều kiện cho nhân dân Ấn Độ tiếp tục đấu tranh.

TH Câu 99. Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã trở thành nước

A. Xuất khẩu lúa gạo đứng đầu thế giới.

B. Sản xuất công nghiệp đứng đầu thế giới.

C. Trung tâm kinh tế - tài chính lớn thứ tư thế giới.

D. Xuất khẩu lúa gạo đứng thứ ba thế giới.

TH Câu 100. Vị thế của Ấn Độ ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế trong công cuộc xây dựng đất nước được biểu hiện

A. trong lĩnh vực nông nghiệp: trở thành nước xuất khẩu lúa gạo đứng thứ ba thế giới.

B. trong hai cuộc cách mạng: cách mạng xanh và cách mạng chất xám.

C. trong thành tựu xây dựng đất nước về nhiều mặt: kinh tế, khoa học – kỹ thuật, đối ngoại,...

D. trong chính sách đối ngoại.

VDC Câu 101. Việt Nam có thể rút ra bài học gì từ công cuộc xây dựng đất nước của Ấn Độ và cải cách – mở cửa của Trung Quốc trong quá trình đổi mới đất nước

A. Đẩy mạnh cuộc Cách mạng xanh trong nông nghiệp để xuất khẩu lúa gạo.

B. Đẩy mạnh cuộc Cách mạng chất xám để trở thành nước xuất khẩu phần mềm.

C. ứng dụng các thành tựu khoa học – kỹ thuật trong xây dựng đất nước.

D. nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân để khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên.

TH Câu 102. Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật.

B. Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. tài nguyên thiên nhiên phong phú.

D. trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao

TH Câu 102. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự suy giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Mĩ

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

B. Viện trợ cho các nước Tây Âu.

C. Tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn trong các tầng lớp xã hội.

TH Câu 103. Những thành tựu chủ yếu về khoa học – kỹ thuật hiện đại của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Chế tạo ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

B. Thực hiện cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp.

C. Sản xuất được những vũ khí hiện đại.

D. Chinh phục vũ trụ, đưa người lên mặt trăng.

TH Câu 104. Ý nào sau đây *không* phải là mục tiêu cơ bản trong chiến lược toàn cầu của Mĩ?

A. Đáp án phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước Đồng minh.

B. Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ XHCN trên thế giới.

C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

D. Sử dụng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác

TH Câu 105. Chính sách thực lực của Mĩ được hiểu là

A. chính sách dựa vào vào sức mạnh của nước Mĩ.

B. chính sách xâm lược thuộc địa.

C. chạy đua vũ trang với Liên Xô.

D. thành lập các khối quân sự.

TH Câu 106. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.

B. Mĩ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.

C. Kinh tế phát triển nhanh chóng.

D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

B Câu 107. Tổng thống Mĩ đầu tiên sang thăm Việt Nam là

A. Níchxơn.

B. Giônxơn.

C. Bin Clinton.

D. Busơ.

TH Câu 108. Kế hoạch Macsan còn được gọi là kế hoạch

- A. phục hưng châu Âu. B. cạnh tranh châu Âu.
C. phục hưng kinh tế Tây Âu. D. phục hưng kinh tế châu Âu.

TH Câu 109. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ lập ra tháng 4/1949 nhằm

- A. chống lại Liên Xô và nước XHCN Đông Âu.
B. chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
C. chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.
D. chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

TH Câu 110. Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) tháng 4/1949, tình hình châu Âu như thế nào?

- A. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.
B. ổn định và có điều kiện để phát triển.
C. có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.
D. dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

NB Câu 111. Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng công nghiệp. B. Cách mạng du hành vũ trụ.
C. Cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại. D. Cách mạng công nghệ thông tin.

TH Câu 112. Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mỹ trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu là

- A. thắng lợi của cách mạng trung quốc (1949). B. thắng lợi của mạng việt nam (1975).
C. thắng lợi của cách mạng ở cuba (1959). D. thắng lợi của cách mạng hồi giáo ở iran (1979).

NB Câu 113. Nước nào đưa con người lên mặt trăng đầu tiên (7/1969)?

- A. Mỹ. B. Nhật Bản. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

TH Câu 114. Nhờ đâu sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo và chất lượng?

- A. Bắt cóc từ các nước trong chiến tranh.
B. Các nhà khoa học khoa học di cư từ các nơi khác đến Mỹ.
C. Quá trình tự đào tạo tại Mỹ.
D. Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

VD Câu 115. Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời tổng thống Mỹ là

- A. chuẩn bị tiến hành chiến tranh tổng lực. B. ủng hộ "chiến lược toàn cầu hóa".
C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ. D. theo đuổi chủ nghĩa lập chỗ trống.

TH Câu 116. sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, các chính quyền Mỹ

- A. vẫn tiếp tục "chiến lược toàn cầu" và đeo đuổi chiến tranh lạnh.
B. từ bỏ "chiến lược toàn cầu".
C. chỉ đeo đuổi chiến tranh lạnh chống lại Liên Xô và các nước XHCN.
D. tiếp tục "chiến lược toàn cầu" nhưng thu hẹp ở châu Á do thất bại ở Đông Dương.

TH Câu 117. sau chiến tranh lạnh Mỹ có "âm mưu"

- A. thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình
B. vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.
C. dùng sức mạnh kinh tế để thao túng mọi hoạt động
D. chuẩn bị đề ra chiến lược mới.

NB Câu 118. Tổng thống nào của Mỹ gắn liền với sự ra đời của "Chiến lược toàn cầu"?

- A. Truman. B. Kennođi. C. Aixenhao. D. Giônxon.

NB Câu 119. Khối quân sự NATO do Mỹ đứng đầu còn có tên gọi là

- A. khối Nam Đại Tây Dương. B. khối Bắc Đại Tây Dương.

- C. khôi Đông Đại Tây Dương. D. khôi Tây Nam Đại Tây Dương.
 TH Câu 120. "Chiêu bài" Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ các nước khác được đề ra trong "Chiến lược cam kết và mở rộng" là
 A. tự do tín ngưỡng. B. thúc đẩy dân chủ.
 C. ủng hộ độc lập dân tộc. D. chống chủ nghĩa khủng bố

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

T T	Chương	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TN		Số CH	Số điểm m
			Số CH	Số điểm m	Số C H	Số điểm m	Số C H	Số điểm m	Số C H	Số điểm m	Số C H	Số điểm m		
1	Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai.	Bài 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai.	3	0.75	2	0.5	2	0.5	1		8	2.0	0	0
2	Liên xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên Bang Nga (1991 - 2000)	Bài 2: Liên xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên Bang Nga (1991 - 2000)	3	0.75	2	0.5	1	0.25			6	1.5	0	
3	Các nước Á, Phi và Mĩlatinh	Bài 3: Các nước Đông Bắc Á	3	0.75	2	0.5	1		1	0.25	7	1.75	0	0
		Bài 4: Các nước Đông Nam Á	4	1.0	4	1.0	2	0.5	1	0.25	11	2.75	0	0
4	Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)	Bài 6: Nước Mĩ	3	0.75	2	0.5	2		1		8	2.0	0	0
TỔNG			16	4.0	12	3.0	8	2.0	4	1.0	40	10	0	0

Tuần 8

Tiết PPCT: 16

Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NĂM 2000

Chương I: VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 12: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NĂM 1925

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

Những thay đổi của tình hình thế giới sau chiến tranh, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và sự chuyển biến về kinh tế – xã hội, văn hoá, giáo dục... ở Việt Nam.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức phản kháng dân tộc do sự xâm lược và thống trị của các nước đế quốc.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Giáo viên sưu tầm (hoặc có thể gợi ý trước cho HS sưu tầm) tập bản đồ về các khu công nghiệp, hầm mỏ, đường giao thông, đô thị trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.
- Học sinh sưu tầm chân dung một số nhà hoạt động yêu nước cách mạng tiêu biểu, thống kê các cuộc bãi công của công nhân.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổn định lớp.

2. Bài mới:

- Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến Việt Nam như thế nào?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động 1: 12 phút</p> <p>- Cách mạng dân tộc dân chủ là phong trào đấu tranh thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng: Chống đế quốc giành độc lập dân tộc và chống phong kiến giành quyền tự do dân chủ.</p> <p>- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp diễn ra trong hoàn cảnh nào? mục đích, biện pháp, nội dung?</p>	<p>I. NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT</p> <p>1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp</p> <p>a. Hoàn cảnh: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần II ở Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam.</p> <p>b. Nội dung: Pháp đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế.</p> <p>- Nông nghiệp: đầu tư nhiều nhất, chủ yếu vào đồn điền cao su, diện tích đồn điền được mở rộng, nhiều công ty cao su ra đời.</p> <p>- Công nghiệp: chú trọng khai thác mỏ than; đầu tư</p>

<p>- Mục đích: Nhằm bù đắp lại những thiệt hại do cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.</p> <p>- Biện pháp: Tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước và ráo riết khai thác thuộc địa.</p> <p>- Nội dung: Trong vòng 6 năm (1924-1929) tăng vốn lên 4 tỉ frăng</p> <p>+ Thương nghiệp: đánh thuế nặng vào hàng ngoại nhập, hàng Pháp thì miễn thuế.</p> <p>- Em có nhận xét gì về chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp?</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 8 phút</p> <p>- Những chính sách về văn hoá, chính trị, giáo dục ... về cơ bản vẫn như cũ, song thực hiện triệt để hơn nhằm phục vụ tốt cho cuộc khai thác kinh tế.</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 3: 20 phút</p> <p>- Những chính sách khai thác của thực dân Pháp có tác động đến kinh tế Việt Nam như thế nào?</p> <p>- Những chính sách khai thác của thực dân Pháp có tác động đến sự phân hoá xã hội và sự phân hoá giai cấp như thế nào?</p> <p>- Kinh tế: Tăng vốn và kỹ thuật làm cho kt Đông Dương có những bước pt mới, nhưng mất cân đối, lệ thuộc vào kinh tế Pháp.</p> <p>- Xã hội: Do tác động của chính sách khai thác thuộc địa, giai cấp Việt Nam có những chuyển biến mới:</p> <p>* Giai cấp địa chủ: tiếp tục phân hoá, một bộ phận trung, tiểu địa chủ</p>	<p>thêm vào khai thác thiếc, kẽm, sắt; mở mang một số ngành chế biến.</p> <p>- Thương nghiệp: ngoại thương phát triển, buôn bán nội địa được đẩy mạnh.</p> <p>- Giao thông vận tải được phát triển, đô thị được mở rộng.</p> <p>- Tài chính:</p> <p>+ Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương.</p> <p>+ Thực dân Pháp còn thực hiện chính sách <i>tăng thuế</i>.</p> <p>=> P hạn chế phát triển CN nặng, những chính sách chỉ nhằm khai thác bóc lột phục vụ cho lợi ích của thực dân Pháp -> kìm hãm sự phát triển kinh tế Việt Nam</p> <p>2. Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp(hướng dẫn HS đọc thêm)</p> <p>* Chính trị:</p> <p>- Tăng cường chính sách cai trị;</p> <p>- Cải cách chính trị - hành chính: đưa thêm người Việt vào các công sở, lập Viện Dân biểu ở Trung kì, Bắc kì.</p> <p>* Văn hoá giáo dục:</p> <p>- Hệ thống giáo dục được mở rộng.</p> <p>- Cơ sở xuất bản, in ấn ngày càng nhiều, văn hóa phương Tây xâm nhập mạnh vào Việt Nam.</p> <p>3. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam</p> <p>* Về kinh tế</p> <p>- Kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương có bước phát triển mới, kỹ thuật và nhân lực được đầu tư.</p> <p>- Kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối, lạc hậu, nghèo nàn.</p> <p>* Về xã hội: Các giai cấp và xã hội Việt Nam có sự chuyển biến mới</p> <p>- Giai cấp địa chủ phong kiến tiếp tục phân hóa, một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia chống thực dân Pháp và tay sai.</p> <p>- Giai cấp nông dân bị đế quốc, phong kiến tước đoạt ruộng đất, bị bán cùng hóa, mâu thuẫn gay gắt với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai. Nông dân là một lực lượng cách mạng to lớn.</p> <p>- Giai cấp tiểu tư sản tăng nhanh về số lượng, nhạy bén với thời cuộc, có tinh thần chống Pháp và tay sai.</p> <p>- Giai cấp tư sản số lượng ít, thế lực kinh tế yếu, bị phân hóa thành hai bộ phận tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Tư sản dân tộc có khuynh hướng dân tộc dân</p>
--	---

<p>tham ra pt dân tộc dân chủ. <i>* Giai cấp nông dân: bị mất đất, bán cùnghoá, đây là lực lượng hăng hái nhất và đông đảo của cách mạng.</i> <i>* Giai cấp TTS: tăng nhanh về số lượng, có tinh thần chống đế quốc và tay sai, đặc biệt là bộ phận trí thức hăng hái đấu tranh.</i> <i>* Giai cấp Tư sản: bị Pháp chèn ép, thế lực kinh tế yếu, trong quá trình pt phân hoá thành 2 bộ phận:</i> <i>-TSMB. Cấu kết chặt chẽ với Pháp.</i> <i>-TSDT. Có ý thức kinh doanh độc lập, theo khuynh hướng dân tộc, dân chủ.</i> <i>* Giai cấp công nhân: tăng nhanh về số lượng và chất lượng, trước chiến tranh có 10 vạn đến 1929 lên 22 vạn đời sống khó khăn, sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác trở thành lực lượng chính trị độc lập và nắm quyền lãnh đạo cách mạng VN.</i></p>	<p>chủ. - <i>Giai cấp công nhân: Ngày càng phát triển, bị nhiều tầng áp bức, có quan hệ gắn bó với nông dân; có tinh thần yêu nước mạnh mẽ, vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng.</i> Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phản động tay sai.</p>
---	---

4. Củng cố: 3 phút

Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

5. Dặn dò: 2 phút

Học bài và chuẩn bị bài mới?

Tuần 9

Tiết PPCT: 17

**Bài 12: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
TỪ 1919 ĐẾN NĂM 1925**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức.

Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 có bước phát triển mới.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức phản kháng dân tộc do sự xâm lược và thống trị của các nước đế quốc.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Giáo viên sưu tầm (hoặc có thể gợi ý trước cho HS sưu tầm) tập bản đồ về các khu công nghiệp, hầm mỏ, đường giao thông, đô thị trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.

- Học sinh sưu tầm chân dung một số nhà hoạt động yêu nước cách mạng tiêu biểu, thống kê các cuộc bãi công của công nhân.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ: 5 phút

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất Pháp đã thực hiện chương trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam như thế nào?

2.Bài mới:

Phong trào yêu nước Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 có bước phát triển mới ra sao?

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động1: 15 phút</p> <p>- Em có nhận xét gì về mục tiêu đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc? Thái độ chính trị của họ?</p> <p>- Mục tiêu chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế.</p> <p>-<i>Thái độ chính trị không kiên định , khi Pháp nhượng bộ thì thoả hiệp.</i></p> <p>Hoạt động : Cả lớp</p> <p>- Phong trào đấu tranh của giai cấp tiểu tư sản và công nhân ?</p> <p>+ Tiểu tư sản.</p> <p>- Đã tập hợp thành những tổ chức chính trị: VNND, HPV , ĐTN... với nhiều hoạt động phong phú , nhiều tờ báo tiến bộ ra đời: An Nam Trẻ, Chuông rè ,Người nhà Quê...lập nhà xuất bản tiến bộ...</p> <p>- Năm 1925 có cuộc đấu tranh đòi thả cụ PBC , 1926 đám tang cụ PCT.</p>	<p>II. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1925.</p> <p>1. Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam ở nước ngoài. (hướng dẫn HS đọc thêm)</p> <p>2. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam:</p> <p>* Tư sản Việt Nam:</p> <p>- Vận động tẩy chay hàng ngoại, dùng hàng nội.</p> <p>- Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo tại Nam Kỳ.</p> <p>- Thành lập Đảng Lập hiến (1923), đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ.</p> <p>* Tiểu tư sản trí thức:</p> <p>- Đấu tranh sôi nổi, thành lập một số tổ chức chính trị như <i>Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên.</i></p> <p>- Ra các tờ báo tiến bộ như <i>Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê...</i></p> <p>- Nổi bật là cuộc đấu tranh đòi trả tự do cho Phan Bội Châu (1925) và cuộc truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926).</p>

<p>- Ở TQ nhóm thanh niên yêu nước (Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu...) thành lập tổ chức Tâm Tâm Xã.</p> <p>-19/6/1924 tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái ở Quảng Châu, đã mở màn cho pt đấu tranh mới.</p> <p>* Công nhân:</p> <p>- Công nhân ở Sài Gòn – Chợ lớn thành lập Công hội do do Tôn Đức Thắng đứng đầu.</p> <p>-Tháng 8/1925 có cuộc bãi công của thợ máy Ba Son ,đã toả rõ ý thức ct với cuộc bãi công này g/c CNVN bước đầu đi vào đấu tranh tự giác.</p> <p>Hoạt động 2 : 20 phút</p> <p>- Trong bối cảnh các pt yêu nước thất bại , thì những hoạt động của Nguyễn Ai Quốc tác động như thế nào đến cách mạng Việt Nam.</p> <p>Nêu hiểu biết của em về NAQ và quá trình ra đi tìm đường cứu nước?</p> <p>- Sau nhiều năm buôn ba , cuối 1917 Nguyễn Tất Thành trở về Pháp, năm 1919 tham gia Đảng Xã hội Pháp .</p> <p>+18/6/1919 Người gửi đến hội nghị Vecsai bản yêu sách 8 điểm, đòi Pháp thừa nhận quyền tự do dân chủ , quyền bình đẳng cho dân tộc.</p> <p>+ 7/1920 Nguyễn Ai Quốc đọc được bản sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề Dân tộc và thuộc địa.</p> <p>+25/12/1920 tại Tua, Người tán thành Quốc tế 3, đồng sáng lập ra Đảng Cộng Sản Pháp và là người CSVN đầu tiên.</p> <p>+ 1921 Người sáng lập “ Hội liên hiệp thuộc địa”, năm 1922 ra báo “ Người cùng khổ”, làm cơ quan ngôn luận, viết nhiều bài cho báo Nhân Đạo, Đời sống công nhân, viết cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp.</p> <p>+ 6/1923 sang Liên Xô dự ĐH Quốc tế nông dân. Sau đó học tập và nghiên cứu ở Quốc tế cộng sản, viết bài cho</p>	<p>* Công nhân:</p> <p>- Đấu tranh ngày càng nhiều hơn, tuy vẫn còn lẻ tẻ, tự phát. Công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn thành lập Công hội.</p> <p>- Tháng 8 năm 1925, thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn bãi công, phản đối Pháp đưa lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mới của phong trào</p> <p>3. Hoạt động của Nguyễn Ai Quốc</p> <p>- Nguyễn Ai Quốc sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình Nho giáo yêu nước ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sớm có lòng yêu nước, nhận thấy những hạn chế trong chủ trương cứu nước của các vị tiền bối, ông quyết định ra đi tìm đường cứu nước.</p> <p>- Ngày 5/6/1911 Người rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.</p> <p>- Sau nhiều năm bôn ba khắp thế giới, cuối năm 1917, Nguyễn Ai Quốc trở lại Pháp, năm 1919 gia nhập Đảng Xã hội Pháp.</p> <p>- Tháng 6.1919, Nguyễn Ai Quốc gửi tới hội nghị Vécxai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” đòi các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng cho dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Tháng 7.1920 Nguyễn Ai Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin. Luận cương giúp Người khẳng định con đường giành độc lập tự do của nhân dân Việt Nam.</p> <p>- Tháng 12.1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp, Người đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành đảng viên cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.</p> <p>- Năm 1921, Người lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Paris để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, ra báo Người cùng khổ làm cơ quan ngôn luận của Hội. Người còn viết bài cho báo Nhân đạo, Đời sống công nhân..., đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp.</p>
--	---

<p><i>báo Sự thật và tạp chí Thư tín quốc tế.</i> + 1924 dự ĐH lần thứ V Quốc tế cộng sản. + 9/7/1925 cùng một số nhà yêu nước ở Indônêsi a , Triều Tiên... lập ra Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.</p>	<p>- Tháng 6/1923, Người đến Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân (10.1923) và Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (1924). - 11/11/1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lý luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam. - Tháng 6/1925, Người thành lập <i>Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên</i> nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp. ==> Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước mới cho dân tộc VN, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng cộng sản.</p>
--	--

4. Củng cố: 3 phút

- Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và một số người Việt Nam ở nước ngoài?
- Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam.?
- Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, từ 1911-1925?

5. Dặn dò : 2 phút

Học bài và chuẩn bị bài mới?

Tuần 9

Tiết PPCT: 18

**Bài 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
TỪ 1925 ĐẾN NĂM 1930**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

Nhận thức được sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam dưới tác động của các tổ chức cách mạng có khuynh hướng dân tộc dân chủ.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng tình thân dân tộc theo tư tưởng cách mạng vô sản.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích tính chất, vai trò lịch sử của các tổ chức, đảng phái chính trị, đặc biệt là Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập

II. THIẾT BỊ ,TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Giáo viên có thể giới thiệu cho HS biết các sách về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên , Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam...

- Học sinh sưu tầm tiểu sử, chân dung một số nhà hoạt động tiêu biểu của Việt Nam Quốc dân đảng, những thành viên dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ : 5 phút

Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, từ 1911-1925?

2. Bài mới:

Nêu khái quát nội dung bài mới hoặc nêu dưới dạng các câu hỏi về nội dung của bài học mới.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động1 : 15 phút</p> <p><i>Từ 1925 do sự pt của phong trào dân tộc dân chủ, làm suất hiện 3 tổ chức hoạt động theo khuynh hướng vô sản, đưa phong trào cách mạng bước sang giai đoạn mới.</i></p> <p>Nêu hoàn cảnh ra đời, hoạt động và vai trò của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?</p> <p>* Hoàn cảnh.</p> <p>-11/1924 Nguyễn Ái Quốc từ LX về Quảng Châu (TQ) và tiếp xúc với nhóm thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm Tâm Xã, tháng 2/1925 lập ra Cộng sản đoàn.</p> <p>-Tháng 6/ 1925 Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập .</p> <p>* Hoạt động.</p> <p>- Mở các lớp huấn luyện chính trị , đào tạo cán bộ cách mạng , phần lớn đưa về nước hoạt động.</p> <p>-21/6/1925 ra tuần báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận.</p> <p>- 1927 các bài giảng của NAQ được in thành cuốn Đường Kách Mệnh.</p> <p>- Báo Thanh niên và tác phẩm Đường Kách Mệnh đã trang bị lí luận cách GPDT cho cán bộ của Hội, nhằm tuyên truyền về nước.</p> <p>-1928 thực hiện phong trào “ vô sản hoá “ , đưa Hội viên cùng sống , lao động với công nhân để vận động quần chúng , rèn luyện cán bộ và truyền bá Chủ nghĩa Mac-Lênin .</p> <p>* Vai trò:</p> <p>- Truyền bá Chủ nghĩaMác –Lênin vào VN.</p> <p>- Nâng cao ý thức ct cho g/c công nhân, thúc đẩy pt công nhân phát triển sang giai đoạn cách mạng mới.</p> <p>- Chuẩn bị về chính trị ,tổ chức và đội ngũ cán bộ cho sự ra đời của Đảng.</p>	<p style="text-align: center;">I. SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BA TỔ CHỨC CÁCH MẠNG</p> <p>1. Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên</p> <p style="text-align: center;">a. Quá trình thành lập :</p> <p>- Tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc), tiếp xúc với những thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm tâm xã.</p> <p>- Qua tìm hiểu, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn, giác ngộ một số thanh niên, trên cơ sở đó, Người lập ra <i>Cộng sản đoàn</i> (2.1925).</p> <p>- Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc lập <i>Hội Việt Nam cách mạng thanh niên</i> nhằm lãnh đạo quần chúng đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai. Cơ quan cao nhất của Hội là Tổng bộ.</p> <p>- Tháng 7.1925, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số người yêu nước Triều Tiên, Indônêsiá... lập ra <i>Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông</i>.</p> <p style="text-align: center;">b. Hoạt động :</p> <p>- Đào tạo cán bộ cách mạng -> đưa về nước hoạt động.</p> <p>- Tuyên truyền:</p> <p>+ Ra Báo <i>Thanh niên</i> (21/6/1925)</p> <p>+ Xuất bản sách <i>Đường Kách mệnh</i> (1927)</p> <p>-> trang bị lý luận cho cán bộ Hội, là tài liệu tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam.</p> <p>- <i>Xây dựng tổ chức cơ sở:</i> Năm 1927, xây dựng cơ sở khắp cả nước. Năm 1929 có khoảng 1700 hội viên và có cơ sở ở Xiêm.</p> <p>- 1928, Hội chủ trương “<i>vô sản hóa</i>”, đưa nhiều hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị. => Phong trào công nhân càng <i>phát triển mạnh</i>.</p> <p>Vai trò: chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng CSVN.</p>

<p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 15 phút</p> <p>-Sự ra đời: <i>Thành lập 25/12/1927 do Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính lãnh đạo.</i> <i>- Thành phần gồm tư sản dân tộc, binh lính , nông dân khá giả, địa chủ... chủ yếu ở Bắc kỳ.</i></p> <p>- Hoạt động: <i>- Tổ chức và phương thức hành động : có 4 cấp từ Trung ương đến cơ sở , nhưng chưa bao giờ trở thành hệ thống trong cả nước .</i> <i>- 2/1929 VNQDD tổ chức ám sát trùm mộ phu Badanh , bị Pháp vây quét , Nguyễn Thái Học quyết định khởi nghĩa.</i> <i>-9/2/1930 bùng nổ ở Yên Bái và nhanh chóng lan sang các địa phương khác.</i> <i>- Cuộc khởi nghĩa bị thất bại nhanh chóng , chấm dứt vai trò lịch sử của pt dân tộc dân chủ ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản.</i></p>	<p>2. Tân Việt cách mạng đảng.(đọc thêm)</p> <p>3. Việt Nam Quốc dân đảng</p> <p><i>- Từ cơ sở hạt nhân là Nam đồng thư xã, 25/12/1927 Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính... thành lập Việt Nam Quốc dân đảng.</i> <i>- Đây là chính đảng cách mạng theo <i>khuy nh hướng dân chủ tư sản</i>, đại biểu cho tư sản dân tộc.</i> <i>- Mục đích:</i> <i>+ Lúc mới ra đời chưa có cương lĩnh rõ ràng</i> <i>+ Năm 1929, Việt Nam Quốc dân đảng công bố nguyên tắc : “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”, nêu mục tiêu: cổ động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.</i> <i>- Hoạt động:</i> <i>+ Địa bàn hoạt động hẹp, chủ yếu ở một số địa phương Bắc Kỳ.</i> <i>+ Tổ chức ám sát trùm mộ phu Badanh (2.1929)</i> <i>+ Tổ chức khởi nghĩa: Đêm 9/2/1930 khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái, tiếp theo là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình nhưng nhanh chóng thất bại. <u>Ý nghĩa</u>: cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù giặc của nhân dân, tiếp nối truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam.</i> <i><u>Nhân xét</u>:</i> <i>- VNQDD chưa có cương lĩnh rõ ràng, thành phần phức tạp, không tập hợp được đông đảo quần chúng.</i> <i>- Khởi nghĩa bị động, không chuẩn bị kỹ, thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp.</i> <i style="text-align: center;"><i>Khởi nghĩa Yên Bái thất bại => Vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng chấm dứt.</i></i></p>
---	---

4.Củng cố : 3 phút

- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập trong hoàn cảnh nào?
- Sự ra đời của Tân Việt Cách mạng đảng.

5. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới ở nhà.

Tuần 10

Tiết PPCT: 19

**Bài 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
TỪ 1925 ĐẾN NĂM 1930**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

Nhận thức được sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam dưới tác động của các tổ chức cách mạng có khuynh hướng dân tộc dân chủ.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng tinh thần dân tộc theo tư tưởng cách mạng vô sản.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích tính chất, vai trò lịch sử của các tổ chức, đảng phái chính trị, đặc biệt là Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập

II. THIẾT BỊ ,TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Giáo viên có thể giới thiệu cho HS biết các sách về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên , Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam...

- Học sinh sưu tầm tiểu sử, chân dung một số nhà hoạt động tiêu biểu của Việt Nam Quốc dân đảng, những thành viên dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ : 5 phút

Sự ra đời, hoạt động và vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

2. Bài mới:

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
--------------------------------------	---------------------------------

<p style="text-align: center;">Hoạt động 1 : 15 phút</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời ba tổ chức cộng sản và những hoạt động có tác dụng như thế nào?</p> <p>Hoàn cảnh</p> <p>- Năm 1929, phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản pt mạnh , yêu cầu phải có tổ chức cộng sản để lãnh đạo pt.</p> <p>- 5/1929 tại đại hội lần thứ nhất của Hội VNCOMT, đại biểu Bắc kỳ đề nghị thành lập đảng, nhưng không được hội nghị chấp thuận, họ bỏ hội nghị ra về.</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 20 phút</p> <p>Đông Dương Cộng sản đảng.</p> <p>Ngày 17/6/1929 ĐĐCSĐ được thành lập, tại 312 Khâm Thiên ,Hà Nội. bầu BCH TW lâm thời, ra tuyên ngôn, điều lệ, báo búa liềm.</p> <p>An Nam Cộng sản đảng.</p> <p>Tháng 8/1929 những Hội viên còn lại của Hội VNCOMT, thành lập An nam cộng sản đảng.</p> <p>Đông Dương Cộng sản liên đoàn.</p> <p>Tháng 9/1929 bộ phận còn lại của Tân Việt thành lập ĐĐCSLĐ.</p> <p>+Ý nghĩa.</p> <p>-Ba tổ chức cộng sản ra đời là sản phẩm tất yếu của lịch sử; đánh dấu sự trưởng thành của g/c CNVN.</p> <p>- Là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập ĐCS.</p>	<p style="text-align: center;">II. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI</p> <p style="text-align: center;">1. Sự ra đời các tổ chức cộng sản năm 1929</p> <p style="text-align: center;">a. Hoàn cảnh:</p> <p>- Năm 1929 phong trào công nhân, nông dân và các tầng lớp khác phát triển mạnh, kết thành làn sóng ngày càng lan rộng.</p> <p>- Tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 5 D, phố Hàm Long (Hà Nội), lập ra chi bộ cộng sản đầu tiên.</p> <p>- Tháng 05/1929, tại Đại hội lần thứ nhất của Hội VN Cách mạng thanh niên, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đặt vấn đề thành lập đảng cộng sản, song không được chấp nhận.</p> <p style="text-align: center;">b. Ba tổ chức cộng sản ra đời</p> <p>- 17/ 6/1929 đại biểu các tổ chức cộng sản miền Bắc họp, quyết định thành lập <i>Đông Dương Cộng sản đảng</i>.</p> <p>- Tháng 8/1929, cán bộ tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Tổng bộ và Kì bộ Nam kì thành lập <i>An Nam cộng sản đảng</i>.</p> <p>- Tháng 9/1929, những người giác ngộ cộng sản trong Tân Việt lập <i>Đông Dương Cộng sản liên đoàn</i>.</p> <p><i>Nhận xét:</i> Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản (1929) là một xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam, tạo tiền đề cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>
---	--

4. Củng cố: 3 phút

Sự ra đời và vai trò của ba tổ chức cộng sản?

5. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới ở nhà.

Tiết PPCT: 20

**Bài 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
TỪ 1925 ĐẾN NĂM 1930**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Bồi dưỡng tinh thần dân tộc theo tư tưởng cách mạng vô sản.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích tính chất, vai trò lịch sử của các tổ chức, đảng phái chính trị, đặc biệt là Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Giáo viên có thể giới thiệu cho HS biết các sách về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam...

- Học sinh sưu tầm tiêu sử, chân dung một số nhà hoạt động tiêu biểu của Việt Nam Quốc dân đảng, những thành viên dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ : 5 phút

Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929?

2. Bài mới:

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 5 phút.</p> <p>- <i>Trình bày hoàn cảnh và nội dung của Hội nghị thành lập đảng?</i></p> <p>- <i>Cuối năm 1929 phong trào CN phát triển mạnh mẽ trong đó g/c CN trở thành lực lượng tiên phong.</i></p> <p>- <i>Trong nước có 3 tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng gây trở ngại cho phong trào CM.</i></p> <p>- <i>Yêu cầu bức thiết là phải có 1 Đảng CS thống nhất trong cả nước.</i></p> <p>- <i>Trước tình hình đó, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng Sản, NAQ</i></p>	<p>2. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p><i>a. Hoàn cảnh</i></p> <p>- Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời, hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, làm phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ chia rẽ lớn. Yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản được đặt ra một cách bức thiết.</p> <p>- Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã rời Xiêm, sang Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản.</p> <p>- Với cương vị là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng đến Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) để bàn việc hợp nhất.</p>

<p>về Hương Cảng (TQ) hợp nhất các tổ chức cộng sản.</p> <p>- Nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản thành ĐCSVN.(6/1/1930-8/2/1930) tại Cửu Long, Hương Cảng (Hồng Kông)</p> <p>- Thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên do NAQ soạn thảo và bầu BCH TW lâm thời.</p> <p>HS nghe và ghi chép.</p> <p>Hoạt động 2 : 15 phút.</p> <p>- Phân tích nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên?</p> <p>- CM VN trải qua 2 gđ: CMTSDQ(sau gọi là cách mạng dân tộc dân chủ) -> CMXHCN</p> <p>- Nhiệm vụ: Đánh đổ ĐQ, PK và TS phản CM...</p> <p>- Lực lượng là quần chúng công nông, đồng thời liên minh với các g/c tầng lớp khác trong xã hội...</p> <p>-Lãnh đạo cách mạng : thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của ĐCS VN.</p> <p>- Xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới</p> <p>Hoạt động 3 : 10 phút.</p> <p>Phân tích ý nghĩa của việc Đảng cộng sản Việt Nam ra đời?</p> <p>HS trả lời ,GV chốt ý:</p> <p>HS nghe và ghi chép</p>	<p>b. Diễn biến – nội dung của hội nghị</p> <p>- Hội nghị bắt đầu họp từ ngày 6.1.1930, tại Cửu Long (Hương Cảng), gồm đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng, do Nguyễn Ai Quốc chủ trì.</p> <p>- Nguyễn Ai Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng lẻ, đề nghị đoàn kết, thống nhất thành một đảng duy nhất.</p> <p>- Hội nghị đã nhất trí:</p> <p>+ Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam.</p> <p>+ Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ai Quốc soạn thảo. Đây là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản VN.</p> <p>+ Bầu ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng, gồm 7 ủy viên.</p> <p>Hội nghị mang tầm vóc của một Đại hội thành lập Đảng.</p> <p>- Ngày 08/02/1930, các đại biểu về nước.</p> <p>- Ngày 24/02/1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9.1960) quyết định lấy ngày 3/2/1930 làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.</p> <p>c. Nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên:</p> <p>- Xác định chiến lược cách mạng: tiến hành “ tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.</p> <p>- Nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập tự do,lập chính phủ công, nông, binh và quân đội công nông; tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc; tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất...</p> <p>- Lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí</p>
---	--

<p>Hoạt động 4 : 5 phút.</p>	<p>thức; còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lãnh đạo cách mạng</i> là Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản. - <i>Quan hệ với cách mạng thế giới</i>: cách mạng Việt Nam phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới. <p><u>Nhân xét</u>: Đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.</p> <p>d. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảng Cộng sản VN ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp quyết liệt, là sự sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX. - Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở VN trong thời đại mới. - Là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng VN. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân VN đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản VN.
-------------------------------------	---

4. Củng cố : 3 phút

- Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam? Ý nghĩa của việc Đảng cộng sản Việt Nam ra đời?

5. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới ở nhà.

Tiết PPCT: 21

Chương II. VIỆT NAM TỪ 1930 ĐẾN NĂM 1945
Bài 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Biết được những nét cơ bản về tính hình kinh tế – xã hội Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.
- Hiểu được phong trào cách mạng đầu tiên do Đảng ta lãnh đạo như thế nào: lực lượng, hình thức, mục tiêu, quy mô. So sánh Được với phong trào chống Pháp do giai cấp phong kiến, tư sản, do các tổ chức tiền thân của Đảng lãnh đạo.
- Trình bày được và hiểu rõ ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng niềm tự hào về sự nghiệp đấu tranh vẻ vang của Đảng; niềm tin về sức sống quật cường của Đảng đã vượt qua mọi gian nan thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc đi lên

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng xác định kiến thức cơ bản để nắm vững bài.
- Có hiểu biết về phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện lịch sử.

II. THIẾT BỊ, LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh.
- Tranh, ảnh về Xô viết Nghệ – Tĩnh.
- Một số tài liệu sử học, văn học viết về phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

- Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam? Ý nghĩa của việc Đảng cộng sản Việt Nam ra đời?

2. Bài mới:

- Nêu một vài nội dung cơ bản của bài trước. Giới thiệu khái quát về chương và bài mới.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động : 12 phút</p> <p><i>GV DÙNG BẢN ĐỒ</i> khái quát toàn cảnh thế giới tư bản trong cuộc khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là hoàn cảnh VN trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, cuộc khủng hoảng đến với Pháp chậm nhưng hậu quả vô cùng nặng nề.</p> <p>- Nêu tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933?</p>	<p>I. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1929-1933</p> <p>* Kinh tế: Từ năm 1930, kinh tế VN bước vào thời kì suy thoái:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nông nghiệp:</i> lúa gạo bị sụt giá, ruộng đất bỏ hoang. + <i>Công nghiệp</i> suy giảm, + <i>Xuất nhập khẩu</i> đình đốn, giá cả đắt đỏ. <p>* Xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân lao động đói khổ: + <i>Công nhân</i> bị sa thải, đồng lương ít ỏi

<p style="text-align: center;">Hoạt động 2: 10 phút</p> <p>- Nguyên nhân bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931?</p> <p>- Khái quát diễn biến chính của phong trào này?</p> <p>- Do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933).</p> <p>- Chính sách khủng bố trắng của Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái.</p> <p>- Đảng ra đời lãnh đạo đấu tranh.</p> <p>+ Từ tháng 2 – 4/1930 phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân trong cả nước đã phát triển mạnh mẽ :</p> <p>-PT CN ở Phú Riềng, Nam Định, Hải Phòng, Bến Thủy...</p> <p>-Phong trào của nông dân ở Nam Hà, Thái Bình, Hà Tĩnh ... xuất hiện truyền đơn và cờ búa liềm.</p> <p>+ 01/5/1930 bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh, nhân kỷ niệm ngày QT lao động.</p> <p>+ Ở các tháng,6, 7,8 /1930 liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh của g/c Công-Nông trên phạm vi cả nước.</p> <p>+Từ tháng 5 -9/1930 nhiều vùng nông thôn Nghệ -Tĩnh nổ ra hàng loạt các cuộc đấu tranh với quy mô lớn, dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ, làm cho chính quyền địch ở cơ sở bị tan vỡ.</p>	<p>+ Nông dân mất đất, phải chịu cảnh sưu cao, thuế nặng, bị bần cùng hóa.</p> <p>+ <i>Tiểu tư sản</i>, tư sản dân tộc gặp nhiều khó khăn.</p> <p>->Mâu thuẫn xã hội sâu sắc, trong đó có hai mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa <i>dân tộc VN</i> với <i>thực dân Pháp</i> và mâu thuẫn giữa <i>nông dân</i> với <i>địa chủ phong kiến</i>.</p> <p>- Thực dân Pháp tiến hành khủng bố dã man những người yêu nước, nhất là sau thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.</p> <p>=> <i>Những tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới đến tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam là nguyên nhân dẫn đến phong trào cách mạng 1930 – 1931.</i></p> <p>II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VÀ XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH</p> <p>1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931.</p> <p>* Phong trào trên toàn quốc:</p> <p>- Đảng Cộng sản VN ra đời, kịp thời lãnh đạo cách mạng.</p> <p>- Từ tháng 2 - 4/1930 nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân nổ ra.</p> <p>- Nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5, cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh.</p> <p>- Tháng 6 đến tháng 8/1930 phong trào tiếp tục diễn ra sôi nổi trong cả nước.</p> <p>* Phong trào ở Nghệ Tĩnh:</p> <p>- Phong trào phát triển mạnh, quyết liệt với những cuộc biểu tình của nông dân (9.1930), kéo đến huyện lỵ, tỉnh lỵ đòi giảm sưu thuế, được công nhân Vinh - Bến Thủy hưởng ứng.</p> <p>- Tiêu biểu là cuộc biểu tình của 8000 nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12/ 9/1930, kéo đến huyện lỵ phá nhà lao, đốt huyện đường...</p> <p>-> Hệ thống chính quyền địch bị tê liệt, tan rã ở nhiều thôn, xã.</p>
--	---

<p>Hoạt động 3 : 13 phút</p> <p><i>GV cho HS xem hình ảnh về pt cách mạng 1930 – 1931 đặc biệt mưu tả sự kiện Pháp ném bom vào đoàn biểu tình ở Hưng Nguyên, ngày 12/9/1930, làm pt bùng phát dữ dội, làm cho chính quyền thực dân, phong kiến sụp đổ, các ban chấp hành nông hội xã do chi bộ Đảng đứng ra quản lý mọi mặt theo hình thức xô viết.</i></p> <p>Những chính sách của chính quyền cách mạng như thế nào?</p> <p>+ <i>Chính trị: thực hiện quyền tự do dân chủ, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.</i></p> <p>+ <i>Kinh tế: Bãi bỏ các loại thuế cũ, giảm thuế, giảm tô, xóa nợ, chia ruộng đất công cho dân cày.</i></p> <p>+ <i>Văn hoá - Xã hội: học chữ Quốc ngữ, bài trừ mê tín, tổ chức các hội quần chúng: nông hội, công hội...</i></p> <p>+ <i>Mỗi làng đều có đội tự vệ vũ trang, đảm bảo an ninh xóm làng.</i></p>	<p>2. Xô viết Nghệ - Tĩnh</p> <p>- Ra đời ở Nghệ – Tĩnh từ tháng 9 năm 1930 đến đầu 1931, các Xô viết thực hiện quyền làm chủ của quần chúng, điều hành mọi mặt đời sống.</p> <p>- Chính trị: thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân; thành lập các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân.</p> <p>- Kinh tế: chia ruộng đất công cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lí</p> <p>- Văn hóa, xã hội: mở lớp dạy chữ Quốc ngữ, xóa bỏ tệ nạn mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới</p> <p><i>Nhận xét: Chính sách của Xô viết đã đem lại lợi ích cho nhân dân, chứng tỏ bản chất ưu việt (của dân, do dân, vì dân) => Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.</i></p>
--	---

4. Củng cố : 3 phút

Phong trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ –Tĩnh ?

5. Dặn dò: 2 phút

Chuẩn bị bài cũ và đọc trước bài mới ở nhà.

Tuần 11

Tiết PPCT: 22

Bài 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

- Biết được những nét cơ bản về tính hình kinh tế – xã hội Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.
- Hiểu được phong trào cách mạng đầu tiên do Đảng ta lãnh đạo như thế nào: lực lượng, hình thức, mục tiêu, quy mô. So sánh Được với phong trào chống Pháp do giai cấp phong kiến, tư sản, do các tổ chức tiền thân của Đảng lãnh đạo.
- Trình bày được và hiểu rõ ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng niềm tự hào về sự nghiệp đấu tranh vẻ vang của Đảng; niềm tin về sức sống quật cường của Đảng đã vượt qua mọi gian nan thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc đi lên

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng xác định kiến thức cơ bản để nắm vững bài.
- Có hiểu biết về phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện lịch sử.

II. THIẾT BỊ, LIỆU DẠY HỌC.

- Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh.
- Tranh, ảnh về Xô viết Nghệ – Tĩnh.
- Một số tài liệu sử học, văn học viết về phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh.

III. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ: 5 phút

- Nêu những nét cơ bản về phong trào cách mạng 1930 – 1931?

2.Bài mới:

3.Tiền trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động: 22 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10/1930, HN BCHTW Đảng lâm thời họp tại (Hương Cảng, TQ) - Hội nghị quyết định đổi tên Đảng, bầu BCHTW chính thức, do Trần Phú làm Tổng bí thư và thông qua Luận cương chính trị tháng 10 của Đảng. - Trình bày những nội dung cơ bản của luận cương chính trị tháng 10/1930? So sánh với Cương lĩnh chính trị đầu tiên và tìm ra những hạn chế của luận cương tháng 10/1930? - Nội dung của Luận cương chính trị 10/1930: +CMVN trải qua 2gđ; CMTSDQ, bỏ qua gđ phát triển TBCN tiến thẳng lên CNXH. +Nhiệm vụ; đánh đổ ĐQ Pháp +Lực lượng ;Công nhân và nông dân. + Lãnh đạo cách mạng là ĐCSDD. 	<p>3. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời ĐCSVN (10.1930)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10.1930, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức hội nghị lần I tại Hương Cảng (Trung Quốc). Nội dung hội nghị: - Quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, - Cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng bí thư - Thông qua Luận cương chính trị của Đảng. * Nội dung Luận cương chính trị tháng 10.1930: - Xác định chiến lược và sách lược cách mạng: lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa, bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa . - Nhiệm vụ cách mạng: đánh phong kiến và đánh đế quốc, hai nhiệm vụ này quan hệ khăng khít nhau. - Động lực cách mạng: công nhân và nông dân. - Lãnh đạo cách mạng: Đảng Cộng sản – Đội tiên phong của giai cấp công nhân. - Nêu rõ hình thức, biện pháp đấu tranh, quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới. * Hạn chế: - Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp. - Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo bộ phận trung, tiểu địa chủ.

<p>+Đoàn kết với vô sản thế giới</p> <p>-Hạn chế:</p> <p>-Không nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu , nặng về đấu tranh g/c.</p> <p>-Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của g/c TTS, TSDT và một bộ phận của g/c địa chủ.</p> <p>HS nghe và ghi chép.</p> <p>Hoạt động 2 : 13 phút</p> <p>GV khái quát về ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của pt cách mạng 1930-1931, và phân tích các nguyên nhân của pt cách mạng trong những năm 1932-1935, rồi nêu câu hỏi:</p>	<p>4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930-1931</p> <p>a. Ý nghĩa lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước Đông Dương. - Khởi liên minh công nông hình thành. - Là cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này . - Được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế Cộng sản công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản . <p>b. Bài học kinh nghiệm: Để lại bài học quý về công tác tư tưởng, xây dựng khối liên minh công nông, mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh ...</p>
--	--

4. Cũng cố : 4 phút

- Phong trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh ?
- Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam (10/1930)?
- Phong trào cách mạng trong những năm 1932-1935?
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng cộng sản Đông Dương (3/1935)?

5. Dặn dò: 1 phút

Chuẩn bị bài cũ và đọc trước bài mới ở nhà.

Tuần 12

Tiết PPCT: 23

Bài 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

Hiểu được:

- Thời kì thứ hai trong cuộc đấu tranh giành chính quyền do Đảng ta lãnh đạo (1936 – 1939).

- Phong trào dân chủ 1936 – 1939 diễn ra với sự tác động của yếu tố khách quan rất lớn, nhất là Nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản(7 – 1935) và Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

- Đặc biệt có những hình thức đấu tranh, phong trào đấu tranh mới mẻ, lần đầu tiên được Đảng tiến hành đấu tranh công khai.

- Kết quả và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng.

- Nâng cao nhiệt tình cách mạng, hăng hái tham gia phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng vì lợi ích của đất nước, của nhân dân.

3. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Các tác phẩm lịch sử viết về thời kì 1936 - 1939.

- Các tác phẩm hồi kí, văn học thời kì 1936 – 1939.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi: -Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam (10/1930)?

-Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng cộng sản Đông Dương (3/1935)?

2.Bài mới: Nêu khái quát về phong trào dân chủ 1936 – 1939, sau đó trình bày các mục cụ thể của bài

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p style="text-align: center;">Hoạt động 1: 15 phút</p> <p><i>GV dùng bản đồ thế giới khái quát sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa phát xít ở các khu vực trên thế giới, sau đó nêu câu hỏi:</i></p> <p>Trong những năm 1936-1939 tình hình chính trị thế giới có những chuyển biến như thế nào?</p> <p><i>HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét và chốt ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ đầu những năm 30 của tk XX, xuất hiện chủ nghĩa Phát xít, đe dọa hoà bình và an ninh thế giới. - 7/1935 Đại hội 7 quốc tế cộng sản đề ra chủ trương thành lập Mặt trận ND chống Phát xít và nguy cơ chiến tranh. - 6/1936 Mặt trận nhân dân Pháp thắng cử, chính phủ mới ban hành nhiều chính sách tiến bộ, áp dụng cho cả thuộc địa. <p><i>GV hỏi tiếp : Tình hình đó đã tác động đến nền kinh tế –xã hội Việt Nam như thế nào?</i></p>	<p style="text-align: center;">I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC (Bối cảnh lịch sử của phong trào 1936 – 1939)</p> <p style="text-align: center;">1. Tình hình thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những năm 30 của thế kỷ XX, thế lực phát xít cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới. - Tháng 7/1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần VII, xác định nhiệm vụ chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hòa bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi. - Tháng 6/1936, chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa. <p style="text-align: center;">2. Tình hình trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> * Chính trị: Nhiều đảng phái chính trị hoạt động, tranh giành ảnh hưởng, trong đó ĐCS Đông Dương là chính đảng mạnh nhất. * Kinh tế: Pháp tăng cường khai thác để bù đắp thiếu hụt cho chính quốc. - Nông nghiệp: Tư bản Pháp chiếm đoạt ruộng đất, chủ yếu trồng cao su, đay, gai, bông... - Công nghiệp: Đẩy mạnh khai mỏ. Sản lượng

HS suy nghĩ trả lời, GV chốt ý , với những ý cơ bản sau:

- Thời kỳ 1936-1939 kinh tế bước đầu phục hồi và pt , tuy nhiên tập trung nhiều vào những ngành phục vụ chiến tranh.
- Nền kt VN vẫn lạc hậu , lệ thuộc vào kt Pháp.
- Công nhân thất nghiệp còn nhiều, lương ít .
- Nông dân mất đất, sưu cao thuế nặng , nợ nần...
- Các tầng lớp , giai cấp khác ,đời sống gặp nhiều khó khăn.
- Phần lớn nhân dân vẫn sống trong cảnh khó khăn, cực khổ , tạo động lực lớn cho pt đấu tranh đòi dân sinh dân chủ.

Hoạt động 2: 20 phút

GV dùng bản đồ chỉ rõ địa điểm diễn ra hội nghị trung ương Đảng cộng sản Đông Dương 7/1939 ở Thượng Hải (TQ), sau đó nêu câu hỏi:

Trình bày hoàn cảnh và nội dung của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7/1936?

HS suy nghĩ trả lời, HS khác bổ sung, GV nhận xét:

Hoàn cảnh : Tháng 7/1939 HN BCH TW Đảng Cộng Sản ĐD họp ở Thượng Hải (TQ) đề ra chủ trương mới.

Nội dung:

- Xác định nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động ở thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi dân sinh dân chủ...

- Phương pháp đấu tranh: kết hợp hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và nửa hợp pháp..

- Chủ trương thành lập thành lập MTDCDD

HS nghe và ghi chép.

- Tóm tắt các phong trào đấu tranh tiêu biểu trong cao trào dân chủ 1936-1939 vào vở ?

ngành dệt, xi măng, chế cất rượu tăng. Các ngành điện, nước, cơ khí, đường ít phát triển.

- Thương nghiệp: Thực dân Pháp độc quyền bán thuốc phiện, rượu, muối và xuất nhập khẩu.

=> Những năm 1936 -1939 kinh tế VN phục hồi và phát triển, .nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc kinh tế Pháp.

* **Xã hội:** đời sống của đa số nhân dân gặp khó khăn nên họ hăng hái tham gia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

II. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

1. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7/1936.

+ **Hoàn cảnh:** Tháng 7/1936 Hội nghị BCH TW Đảng Cộng Sản Đông Dương họp ở Thượng Hải (TQ) đề ra chủ trương mới.

+ **Nội dung:**

- **Nhiệm vụ chiến lược và mục tiêu:** Chống đế quốc và phong kiến .

- **Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt:** Đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- **Kẻ thù trước mắt:** thực dân phản động Pháp và tay sai.

- **Phương pháp đấu tranh:** Kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3/1938, đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

a. Phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ

- **Phong trào Đông Dương Đại hội:** Đảng vận động nhân dân họp bàn đề thảo ra các bản “dân nguyện” gửi tới phái đoàn của Quốc hội Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội (8.1936).

- **Phong trào đón Gôđa và toàn quyền Bréviê:** Đầu 1937, Gôđa sang điều tra tình hình Đông Dương và

<p>+ Đấu tranh đòi quyền tự do dân sinh dân chủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 8/1936 diễn ra phong trào Đông Dương đại hội. - Đầu năm 1937 phong trào đón phái viên GôĐa đưa dân nguyện và toàn quyền mới Brêviê. - Phong trào của quần chúng phát triển rộng khắp với các hình thức: Bãi công, bãi khoá, bãi thị ... ở HN, HP, Cẩm Phả, Vinh ... nông dân đòi chia ruộng, giảm tô. - Ngày 01/5/1938 có cuộc mít tinh lớn ở nhà Đấu xảo Hà Nội với 25.000 người tham gia. <p>+ Đấu tranh nghị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức là đưa người của Đảng ra ứng cử vào các cơ quan chính quyền của thực dân. - Mở rộng lực lượng của mặt trận, vạch trần chính sách phản động của thực dân. <p>+ Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tờ báo công khai được lưu hành: Dân chúng, tin tức, bạn dân ... và sách những người dân cày, thơ ca cách mạng... - Giác ngộ cho các tầng lớp nhân dân về đường lối cách mạng của Đảng. <p>- Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của pt dân chủ 1936-1939 ?</p>	<p>Brêviê sang nhận chức mới. Đảng tổ chức quần chúng mittinh “đón rước”, biểu dương lực lượng, đưa yêu sách về dân sinh, dân chủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1937-1939 các cuộc mittinh, biểu tình của nhân dân tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1.5.1938 ở Hà Nội và nhiều nơi khác. <p>b. Đấu tranh nghị trường(không dạy): Đảng vận động đưa người của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử vào Viện Dân biểu, Hội đồng Quản hạt.</p> <p>c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí(không dạy): Đảng và Mặt trận đã ra nhiều tờ báo công khai như <i>Tiền phong, Dân chúng, ...</i> nhằm tuyên truyền đường lối của Đảng, tập hợp quần chúng đấu tranh.</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939</p> <p>* Ý nghĩa lịch sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. - Buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ; - Quần chúng được giác ngộ về chính trị, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; - Cán bộ, đảng viên được rèn luyện và trưởng thành. - Là một cuộc tổng diễn tập, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này. <p>* Bài học kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. - Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp. - Đảng thấy được hạn chế trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...
--	---

4. củng cố : 3 phút

- Tình hình Việt Nam trong những năm 1936-1939 như thế nào?
- Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7/1936?
- Những phong trào đấu tranh tiêu biểu trong pt dân chủ 1936-1939?
- Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936-1939?

5. Dặn dò: 2 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và đọc bài mới ở nhà?

Tiết PPCT: 24

Bài 16.

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

Hiểu rõ:

- Đường lối cách mạng đúng đắn, sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Công cuộc chuẩn bị, diễn biến, ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- Bồi dưỡng tinh thần nhiệt tình cách mạng; noi gương tinh thần Cách mạng tháng Tám của ông cha, trân trọng giữ gìn và biết phát huy thành quả Cách mạng tháng Tám.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng xác định kiến thức cơ bản, sự kiện cơ bản.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Lược đồ khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và chính biến Đô Lương....

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi:

- Tình hình Việt Nam trong những năm 1936-1939 như thế nào?
- Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7/1936?

2. Bài mới: Trình bày khái quát những nội dung sẽ học trong bài.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 20 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát diễn biến chính của chiến tranh thế giới thứ hai. - Trong những năm 1939-1945, tình hình chính trị Việt Nam chịu tác động rất mạnh của tình hình thế giới và nước Pháp. Em hãy cho biết những sự kiện nào của lịch sử thế giới và nước Pháp có tác động đến Việt Nam? - Tại sao Pháp và Nhật lại hòa hoãn, câu kết với nhau mà ngay từ đầu không lật đổ nhau? 	<p>I. TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 – 1945</p> <p>1. Tình hình chính trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Pháp đầu hàng Đức. - Ở Đông Dương, Pháp thực hiện một loạt chính sách vơ vét sức người, sức của để dốc vào cuộc chiến tranh. - Tháng 9/1940, quân Nhật vào miền Bắc Việt Nam, Pháp đầu hàng. Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét kinh tế phục vụ cho chiến tranh. - Các đảng phái thân Nhật ra sức tuyên truyền lừa bịp về văn minh, sức mạnh Nhật Bản, thuyết Đại Đông Á, dọn đường cho Nhật hất cẳng Pháp. - Sang năm 1945, ở châu Âu, Đức bị thất bại nặng nề. Ở châu Á – Thái Bình Dương, Nhật bị thua to. Ở

<p>Hoạt động : cá nhân, cả lớp</p> <p>- Em hãy cho biết chính sách kinh tế của Pháp- Nhật đối với Đông Dương?</p> <p>- Em hãy cho biết hậu quả của chính sách kinh tế của Nhật-Pháp?</p> <p>Hoạt động 2: 15 phút</p> <p>- Tháng 11-1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập ở Bà Điểm(Hóc môn) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.</p> <p>- Yêu cầu HS trình bày nội dung của Hội nghị?</p> <p>- Nội dung Hội nghị để thấy được nhiệm vụ cách mạng, mục tiêu đấu tranh, tính chất mặt trận trong thời kì mới như thế nào?</p> <p>- Nội dung:</p> <p>- Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt là đế quốc và phát xít Nhật – Pháp.</p> <p>- Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách nhất, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc ,tay sai ...</p> <p>-Chuyển đấu tranh hợp pháp ,nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.</p> <p>- Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất</p>	<p>Đông Dương, ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, các đảng phái chính trị ở VN tăng cường hoạt động. Quần chúng nhân dân sục sôi khí thế, sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa .</p> <p>2. Tình hình kinh tế – xã hội</p> <p>a. Kinh tế</p> <p><i>* Chính sách của Pháp:</i></p> <p>Thi hành chính sách <i>Kinh tế chỉ huy</i>, tăng mức thuế cũ, đặt thêm thuế mới, sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm...</p> <p><i>* Chính sách của Nhật</i></p> <p>- Cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu.</p> <p>- Buộc Pháp xuất các nguyên liệu chiến lược sang Nhật như than, sắt, cao su, xi măng ...</p> <p>- Nhật đầu tư vào những ngành phục vụ cho quân sự như khai thác măng-gan, sắt...</p> <p>b. Xã hội</p> <p>- Chính sách bóc lột của Pháp – Nhật <i>đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực</i>. Cuối 1944 - đầu 1945 có gần 2 triệu đồng bào ta chết đói .</p> <p>- Các giai cấp, tầng lớp ở nước ta, đều bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của Pháp- Nhật.</p> <p>=><i>Những biến chuyển như trên đòi hỏi Đảng ta phải kịp thời đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.</i></p> <p>II. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỪ THÁNG 9/1939 ĐẾN THÁNG 3/1945</p> <p>1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11.1939</p> <p>Tháng 11/1939, <i>Hội nghị lần thứ VI</i> Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Bà Điểm (Hóc Môn) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.</p> <p>- Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt là <i>đánh đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.</i></p> <p>- Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, <i>đề ra khẩu hiệu:</i></p> <p>+<i>Tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ phản động;</i></p> <p>+<i>Lập Chính phủ dân chủ cộng hoà.</i></p> <p>- Về mục tiêu, phương pháp đấu tranh: chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.</p>
--	---

<p>phản đế Đông Dương.</p> <p>*Hoạt động 3: cá nhân</p> <p>- Qua nội dung Hội nghị em hãy đưa ra nhận xét và đánh giá về Hội nghị Trung ương tháng 11-1939?</p> <p>- Ở thời kì 1936-1939, Đảng xác định nhiệm vụ trước mắt là nhiệm vụ dân chủ. Song từ sau chiến tranh thế giới bùng nổ, căn cứ vào sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc Pháp ngày càng tăng, Đảng ta đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Nhiệm vụ dân chủ được thực hiện từng bước sao cho phù hợp. Các khẩu hiệu đấu tranh, hình thức đấu tranh, tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất cũng được thay đổi cho phù hợp nhằm giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc.</p> <p>Như vậy Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 đã đánh dấu bước chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh của Đảng. GV có thể nói thêm về tiểu sử và sự nghiệp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.</p> <p>Hoạt động 1: nhóm</p> <p>+ Nhóm 1: Nguyên nhân, diễn biến chính, kết quả-ý nghĩa của khởi nghĩa Bắc Sơn?</p> <p>+ Nhóm 2: Nguyên nhân, diễn biến chính, kết quả-ý nghĩa của khởi nghĩa Nam Kỳ?</p> <p>+ Nhóm 3: Nguyên nhân, diễn biến chính, kết quả-ý nghĩa cuộc binh biến Đô Lương?</p> <p>- Từng nhóm cử 1 đại diện trình bày trước lớp.</p> <p>- Trong vòng 3 tháng 3 cuộc khởi nghĩa vũ trang đã diễn ra ở cả 3 miền đất nước nhưng đều thất bại.</p> <p>Em hãy rút ra nguyên nhân thất bại của các cuộc nổi dậy đầu tiên này?</p> <p>Hoạt động 3: cá nhân</p> <p>- Ba cuộc nổi dậy đầu tiên tuy thất bại song có ý nghĩa to lớn, em hãy cho biết ý nghĩa lịch sử của 3 cuộc khởi nghĩa đó?</p>	<p>- Chủ trương thành lập Mặt trận phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.</p> <p>* Ý nghĩa: Đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì trực tiếp vận động cứu nước.</p> <p>2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kỳ mới (đọc thêm)</p> <p>a. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 / 9 /1940)</p> <p>- 22/9/1940, Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, thực dân Pháp thua, rút chạy qua châu Bắc Sơn.</p> <p>- Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, đêm 27/9/1940, nhân dân Bắc Sơn chặn đánh Pháp, chiếm đồn Mỏ Nhài. Chính quyền địch ở Bắc Sơn tan rã. Nhân dân làm chủ châu lỵ và các vùng lân cận. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.</p> <p>- Nhật - Pháp câu kết với nhau, Pháp quay lại Lạng Sơn đàn áp khởi nghĩa.</p> <p>b. Khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940)</p> <p>- Tháng 11/1940, Pháp bắt thanh niên Việt Nam và Cao Miên làm bia đỡ đạn trong cuộc xung đột giữa Pháp và Thái Lan.</p> <p>- Xứ ủy Nam Kỳ phát động khởi nghĩa, cử đại biểu ra Bắc xin chỉ thị của Trung ương. Quyết định hoãn khởi nghĩa của Trung ương chưa tới nơi, nhưng lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy đã đến các địa phương, nên khởi nghĩa vẫn nổ ra.</p> <p>- Đêm 22 rạng sáng 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ ở khắp các tỉnh Nam Kỳ. Chính quyền cách mạng thành lập ở nhiều nơi, lần đầu tiên xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng.</p> <p>- Thực dân Pháp đàn áp, khởi nghĩa thất bại.</p> <p>c. Binh biến Đô Lương (13/01/1941)</p> <p>Phản đối việc đưa binh lính người Việt sang Lào đánh nhau với quân Thái Lan, ngày 13/1/1941 binh lính đồn Chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung nổi dậy, chiếm đồn Đô Lương, định tiến về Vinh nhưng không thực hiện được. Toàn bộ binh lính tham gia nổi dậy bị bắt.</p> <p>*Nhận xét chung:</p> <p>Ý nghĩa:</p> <p>- Ba cuộc nổi dậy đã nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc,</p> <p>- Báo hiệu một thời kì đấu tranh quyết liệt với kẻ thù.</p>
---	--

<p>Cả ba cuộc nổi dậy do các tổ chức Đảng và ngoài đảng lãnh đạo, thành phần tham gia gồm các tầng lớp nhân dân trong đó có cả binh lính, địa bàn nổ ra ở khắp ba miền. Điều đó chứng tỏ nhân dân cả nước sẵn sàng nội dậy đấu tranh giành độc lập. Ba cuộc nổi dậy được coi là những tiếng súng báo hiệu một thời kì mới của dân tộc.</p>	<p>- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về thời cơ cách mạng, khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng cách mạng. Nguyên nhân thất bại: lực lượng địch còn mạnh, chưa chuẩn bị kĩ, thời cơ chưa chín muồi.</p>
--	---

4. Củng cố: 3 phút

- Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai 1939-1945:
- Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 11/1939? Nội dung, ý nghĩa?

5. Dặn dò: 1 phút

Học bài và chuẩn bị bài mới.

Tuần 13

Tiết PPCT: 25

Bài 16
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945)
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI
 (tiếp theo)

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi:

- Tình hình Việt Nam trong những năm 193-1939 như thế nào?
- Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 7/1936?

2. Bài mới: Trình bày khái quát những nội dung sẽ học trong bài.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút - Tại sao NAQ lại chọn thời điểm này trở về nước, sự trở về này của Người có ý nghĩa gì? - Lúc này chiến tranh thế giới lan rộng và ngày càng ác liệt. Ở Đông Dương, Nhật-Pháp đã câu kết với</p>	<p>3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (05/1941) Tháng 1.1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Người đã triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 ở Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19/5/1941. Hội nghị đã: - Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc; - Tiếp tục gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng; thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.</p>

<p>nhau đẩy nhân dân ta vào cảnh một cổ đôi trông. Mâu thuẫn dân tộc cao hơn bao giờ hết, nhiều cuộc đấu tranh vũ trang chống đế quốc Pháp đã nổ ra. Tình hình trong nước rất khẩn trương, thời cơ giành chính quyền sớm muộn sẽ đến. Vì vậy Nguyễn Ái Quốc đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Nội dung Hội nghị lần thứ 8?</p> <p>Hãy so sánh Hội nghị lần thứ 6 và 8, rút ra ý nghĩa lần thứ 8?</p> <p>Hoạt động 2:8 phút</p> <p>- Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiến hành xây dựng lực lượng chính trị như thế nào?</p> <p>- Như vậy, từ tháng 5-1941 đến 1943, Đảng đã vận động, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân đứng trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng được một đội quân chính trị hùng hậu chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.</p> <p>- Em hãy cho biết công tác xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng?</p>	<p>- Quyết định <i>thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh</i> (Việt Minh) và giúp đỡ việc lập mặt trận ở Lào, Campuchia.</p> <p>- Xác định hình thái khởi nghĩa là <i>đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa</i>.</p> <p>- <i>Nhấn mạnh nhiệm vụ trung tâm</i> của toàn Đảng, toàn dân là <i>chuẩn bị khởi nghĩa</i>.</p> <p>Ý nghĩa:</p> <p>- Hội nghị Trung ương 8 đã <i>hoàn chỉnh chủ trương</i> đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.</p> <p>- Đề ra nhiều chủ trương sáng tạo nhằm giải quyết vấn đề độc lập dân tộc (thành lập Mặt trận Việt Minh, xác định hình thái khởi nghĩa...).</p> <p style="text-align: center;">4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền</p> <p style="text-align: center;">* Xây dựng lực lượng chính trị:</p> <p>- Vận động quần chúng tham gia Việt Minh được xác định là <i>nhiệm vụ cấp bách</i>.</p> <p>+ Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các <i>hội Cứu quốc</i>. Năm 1942, có 3 “châu hoàn toàn”. Ủy ban Việt Minh Cao Bằng và liên tỉnh Cao - Bắc</p> <p>- Lạng được thành lập.</p> <p>+ Ở Bắc kì và Trung kì, nhiều hội cứu quốc được thành lập.</p> <p>- Năm 1943, Đảng ban hành "<i>Đề cương văn hóa Việt Nam</i>".</p> <p>- Năm 1944, <i>Đảng Dân chủ Việt Nam</i> và <i>Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam</i> được thành lập, đứng trong <i>Mặt trận Việt Minh</i>.</p> <p style="text-align: center;">* Xây dựng lực lượng vũ trang:</p> <p>Đây là công tác được Đảng đặc biệt coi trọng.</p> <p>- Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, đội du kích Bắc Sơn được thành lập.</p> <p>- Tháng 2.1941, các đội du kích Bắc Sơn thống nhất thành <i>Trung đội Cứu quốc quân I</i>, phát động chiến tranh du kích.</p> <p>- Tháng 9.1941, <i>Trung đội Cứu quốc quân II</i> ra đời.</p> <p style="text-align: center;">* Xây dựng căn cứ địa cách mạng:</p> <p>- Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, căn cứ địa <i>Bắc Sơn – Võ Nhai</i> được xây dựng.</p> <p>- Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trương xây dựng căn cứ địa Cao Bằng.</p> <p style="text-align: center;">* Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền</p> <p>Tháng 2/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, vạch ra <i>kế hoạch chuẩn bị toàn diện</i> cho khởi nghĩa vũ trang. Sau hội nghị:</p>
--	--

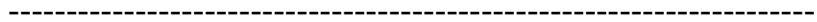
<p>Hoạt động 3:10 phút</p> <p>- Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến khởi nghĩa tháng tám bùng nổ?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Việt Minh được xây dựng và củng cố ở cả ba miền. - Ở Bắc Sơn - Võ Nhai, <i>Trung đội cứu quốc quân III</i> ra đời (2/1944). - Ở Cao Bằng, tự vệ vũ trang, du kích thành lập. Năm 1943, 19 ban “xung phong Nam tiến” được lập ra. - Tháng 5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa”. - Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, <i>Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân</i> thành lập. Ngay sau khi ra đời, đội thắng hai trận Phay Khắt và Nà Ngần. <p>III. KHỞI NGHĨA VŨ TRANG GIÀNH CHÍNH QUYỀN</p> <p>1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945)</p> <p>a. Hoàn cảnh lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu 1945, Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức. Pháp chờ thời cơ phản công Nhật, mâu thuẫn Nhật - Pháp trở nên gay gắt. - Tối 09/03/1945, <i>Nhật đảo chính Pháp</i>, Pháp đầu hàng. Nhật tuyên bố “<i>giúp các dân tộc Đông Dương xây dựng nền độc lập</i>”, dựng Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, đưa Bảo Đại làm “Quốc trưởng”. Thực chất Nhật đã độc chiếm Đông Dương. - Ngày 12/03/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “<i>Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta</i>”. Chỉ thị nêu rõ: <ul style="list-style-type: none"> + Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là <i>phát xít Nhật</i>. + Thay khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật” bằng <u>khẩu hiệu</u>: “<i>Đánh đuổi phát xít Nhật</i>”. + Hình thức đấu tranh: từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị... <i>sẵn sàng chuyển qua tổng khởi nghĩa khi có điều kiện</i>. + Quyết định “<i>phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước</i>”. <p>b. Diễn biến khởi nghĩa từng phần/ Cao trào kháng Nhật cứu nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân cùng với quần chúng <i>giải phóng nhiều xã, châu, huyện</i>. - Ở Bắc Kỳ, khẩu hiệu “<i>Phá kho thóc, giải quyết nạn đói</i>” thu hút hàng triệu người tham gia. - Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ. - Ở Nam Kỳ, Việt Minh hoạt động mạnh mẽ ở Mỹ Tho, Hậu Giang.
---	---

4. Củng cố: 3 phút

- Nội dung, ý nghĩa của Hội nghị BCH TW 5/1941

5. Dặn dò: 2 phút

Học bài và chuẩn bị bài mới.



Tiết PPCT: 26

**Bài 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945)
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI**
(tiếp theo)

III. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Câu hỏi:

- Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 5/1941?

2. Bài mới: Trình bày khái quát những nội dung sẽ học trong bài.

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 5 phút</p> <p>- Trình bày công tác chuẩn bị trước ngày Tổng khởi nghĩa?</p> <p>- Từ 15-20/4 BTV TW Đảng Triệu tập Hội nghị QS Bắc Kỳ quyết định thống nhất và pt lực lượng vũ trang.</p> <p>-16/4/1945 Tổng bộ VM ra chỉ thị thành lập uỷ ban dân tộc giải phóng.</p> <p>-15/5/1945 VNTTGPQ và CQQ thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.</p> <p>-Ngày 4/6/1945 thành lập khu giải phóng Việt Bắc.</p> <p>Hoạt động 2: 16 phút</p> <p>- Khái quát những diễn biến chính của cách mạng tháng 8/1945?</p> <p>-15/8/1945 Nhật Hoàng đầu hàng Đồng minh , quân Nhật ở Đông Dương tê liệt, bọn tay sai hoang mang giao động.</p> <p>-Điều kiện khởi nghĩa đã đến.</p> <p>-Từ 13 – 15/8/1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, quyết định phát động tổng khởi nghĩa trên toàn quốc, thành lập uỷ ban khởi nghĩa, ra quân lệnh số 1.</p> <p>-16/8 Đại hội quốc dân họp ở</p>	<p align="center">2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa</p> <p>- Tháng 4.1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang; Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và UB Dân tộc giải phóng các cấp.</p> <p>- Tháng 6.1945 Khu giải phóng Việt Bắc và Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập.</p> <p align="center">3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945</p> <p align="center">a. Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố</p> <p>- Đầu tháng 8 năm 1945, quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ các vị trí của quân Nhật.</p> <p>- Ngày 15/08/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương và tay sai Nhật hoang mang. <u>Điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.</u></p> <p>- Ngày 13/08/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập và ban bố “Quân lệnh số 1”, phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.</p> <p>- Từ ngày 14 đến 15/08/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính</p>

<p>Tân Trào tán thành chủ trương khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập uỷ ban dân tộc giải phóng...</p> <p>-Chiều 16/8 một đội quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào về giải phóng Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc tổng khởi nghĩa</p> <p>Giành chính quyền ở Hà Nội:</p> <p>- 15/8 lệnh tổng khởi nghĩa về tới Hà Nội, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa rất khẩn trương.</p> <p>-17/8 ta biến cuộc mittinh của tổng hội công chức thân Nhật thành cuộc mittinh ủng hộ Việt Minh.</p> <p>- 19/8 cuộc mittinh lớn diễn ra ở nhà hát thành phố, sau đó là cuộc biểu tình đánh chiếm các công sở, cuộc khởi nghĩa thắng lợi.</p> <p>Giành chính quyền trên toàn quốc:</p> <p>Hoạt động 3: 7 phút</p> <p>Hoạt động 3: 12 phút</p> <p>- Trình bày ý nghĩa lịch sử,</p>	<p>quyền.</p> <p>- Từ ngày 16 đến 17/08/1945, Đại hội quốc dân ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.</p> <p>* Thời cơ “ngàn năm có một”:</p> <p>- Chưa có lúc nào cách mạng nước ta hội tụ được những thuận lợi như thế.</p> <p>- Thời cơ “ngàn năm có một” chỉ tồn tại trong thời gian từ sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.</p> <p>Nhận thức được thời cơ, ta kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa => Tổng khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng thắng lợi và ít đổ máu.</p> <p>b. Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa</p> <p>- Từ ngày 14.08.1945, nhiều địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa.</p> <p>- Chiều 16/08/1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.</p> <p>- Ngày 18/ 8/ 1945, bốn tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất.</p> <p>- Ở Hà Nội, ngày 19.8, hàng vạn nhân dân đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính..., khởi nghĩa giành thắng lợi.</p> <p>- Tiếp đó, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Huế (23.8.1945), Sài Gòn (25.8.1945)</p> <p>- Ở các nơi khác, nhân dân nổi dậy giành chính quyền; muộn nhất là Đồng Nai Thượng và Hà Tiên (28/08/1945).</p> <p>=> Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước trong nửa tháng (14 - 28/08/1945).</p> <p>IV. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ ĐƯỢC THÀNH LẬP (2.9.1945)</p> <p>- Ngày 25.8.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng về Hà Nội</p> <p>- Ngày 28.8.1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập.</p> <p>- Ngày 2.9.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; khẳng định quyền tự do độc lập chính đáng của nhân dân VN; khẳng định ý chí bảo vệ độc lập của toàn thể dân tộc VN.</p> <p>V. Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945</p> <p>1. Nguyên nhân thắng lợi</p>
--	---

<p>nguyên nhân thành công và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng 8/1945?</p> <p>* Ý nghĩa lịch sử.</p> <p>+ Đ/v dân tộc: -Là biến cố vĩ đại đã phá tan ách thống trị của đế quốc và phong kiến tay sai, từ một thân phận nô lệ lên địa vị làm chủ...</p> <p>-Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc , độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.</p> <p>+ Đ/v thế giới: - Góp phần vào thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Phát xít.</p> <p>-Cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa.</p> <p>* Nguyên nhân thắng lợi.</p> <p>+ Chủ quan: Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất; vai trò lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ Tịch với đường lối đúng đắn và sáng tạo.</p> <p>+ Khách quan: Quân Đồng minh đánh bại phát xít, ...</p> <p>Bài học kinh nghiệm.</p>	<p>* Nguyên nhân chủ quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, khi Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi thì toàn dân nhất tề đứng lên khởi nghĩa. - Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo. - Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, rút kinh nghiệm qua đấu tranh. - Toàn Đảng, toàn dân quyết tâm cao. Đảng đã chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, chớp đúng thời cơ. <p>* Nguyên nhân khách quan: quân Đồng minh chiến thắng phát xít, tạo cơ hội thuận lợi cho nhân dân ta khởi nghĩa thành công.</p> <p>2. Ý nghĩa lịch sử</p> <p>* Đối với dân tộc Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến, lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Mở ra kỷ nguyên mới: kỉ nguyên độc lập, tự do; nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc. - Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo. <p>* Đối với thế giới :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít. - Cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng. <p>3. Bài học kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảng phải có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin; nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp. - Đoàn kết các lực lượng cách mạng, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù. - Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần, chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
--	--

4. Củng cố: 3 phút

- Diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945?
- Ý nghĩa lịch sử , nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám?

5. Dặn dò: 2 phút

Học bài và chuẩn bị bài mới.

Tiết PPCT: 27

Chương III. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 17: NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

TỪ SAU 2 – 9 – 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 - 12 - 1946

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Những thuận lợi cơ bản cũng như khó khăn to lớn của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám.

- Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn đưa đất nước thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, chống lại thù trong giặc ngoài.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng: Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, niềm tự hào dân tộc.

3. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước sau cách mạng tháng Tám và nhiệm vụ cấp bách của nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Tranh ảnh trong SGK.

- Tài liệu tham khảo trong SGK.

- Tham khảo thêm giáo trình sử Việt Nam 1945 – 1975.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

- Diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945?

- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám?

2. Bài mới: Đặt câu hỏi gợi mở tư duy cho HS.

Thành quả mà Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã giành được là gì? Nhân dân ta phải tiếp tục làm gì đối với nền độc lập và chính quyền vừa giành được?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút</p> <p>- Khái quát tình hình khó khăn của nước VNDCCH sau ngày độc lập.</p> <p>- Hãy nêu những khó khăn trong đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau ngày độc lập?</p> <p>Đối nội:</p> <p>-Hậu quả của nạn đói đầu năm 1945 vẫn còn đe dọa.</p> <p>-Hơn 90% dân số mù chữ, tồn tại nhiều tệ nạn xã hội.</p> <p>-Ngân quỹ nhà nước trống rỗng, lạm phát tăng, ngoài ra quân Tưởng ép ta dùng tiền (Quan Kim và Quốc Tệ), làm cho tình hình tài chính thêm rối loạn.</p>	<p>I. TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM</p> <p>- Ngoại xâm và nội phản</p> <p>+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào, theo sau là tay sai thuộc các tổ chức phản động.</p> <p>+ Từ vĩ tuyến 16 vào Nam, hơn 1 vạn quân Anh kéo vào, dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược.</p> <p>+ Bọn phản động ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp chống phá cách mạng.</p> <p>- Chính quyền cách mạng còn non trẻ, lực lượng vũ trang còn yếu.</p> <p>- Kinh tế:</p> <p>+ Nạn đói cuối 1944 đầu 1945 chưa khắc phục được; lụt lớn làm vỡ đê, ½ ruộng đất không canh tác được.</p> <p>+ Hàng hóa khan hiếm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.</p>

<p>-Bọn phản cách mạng : Việt Quốc, Việt Cách ra sức chống phá...</p> <p>Đối ngoại:</p> <p>- Miền Bắc: Hơn 20 vạn quân Tưởng và tay sai với danh nghĩa quân Đồng minh tràn vào miền Bắc, gây khó khăn cho chính quyền cách mạng.</p> <p>- Miền Nam: Quân Anh kéo vào giải giáp quân Nhật, đã tạo điều kiện cho Pháp trở lại xâm lược nước ta .</p> <p>Hoạt động 2 :10 phút</p> <p>- Trước tình hình khó khăn đó Đảng ta có những biện pháp gì nhằm củng cố chính quyền cách mạng, để đủ cơ sở pháp lý đấu tranh với địch ?</p> <p>-Ngày 6/1/1946 tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc Hội (333 đại biểu).</p> <p>-Ngày 2/3/1946 thành lập chính phủ chính thức do chủ tịch Hồ chí Minh đứng đầu và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp .</p> <p>- Ngày 9/11/1946 QH Thông qua Hiến Pháp đầu tiên của nước VNDCCH.</p> <p>-Lực lượng vũ trang Quốc gia được củng cố và phát triển</p> <p>Hoạt động 3 :5 phút</p> <p>.- Đảng chính phủ và Chủ Tịch Hồ chí Minh có những biện pháp gì nhằm giải quyết khó khăn?</p> <p>Nạn đói.</p> <p>-Biện pháp trước mắt Hồ chủ Tịch kêu gọi nhân dân nhường cơm sẻ áo, thực hiện “hũ gạo tiết kiệm”, ...</p> <p>-Biện pháp lâu dài là tăng gia sản xuất, giảm tô 25%, thuế 25%, đồng thời đầu tư phát triển nông nghiệp.</p> <p>Hoạt động 3 :5phút</p> <p>-Ngày 8/9/1945 chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập “Nha Bình dân học vụ” và phát động</p>	<p>- Ngân sách Nhà nước trống rỗng, chính quyền chưa quản lý được ngân hàng Đông Dương.</p> <p>- Xã hội: tàn dư văn hoá lạc hậu, hơn 90 % dân số mù chữ.</p> <p>=> Đất nước đứng trước tình thế “ ngàn cân treo sợi tóc”.</p> <p>II. BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIẢI QUYẾT NẠN ĐÓI, NẠN ĐÓT VÀ KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH</p> <p>1. Xây dựng chính quyền cách mạng</p> <p>- Ngày 06/01/1946, cả nước tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, có 333 đại biểu trúng cử.</p> <p>- Tháng 03/1946, Quốc hội thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.</p> <p>- Ngày 09/11/1946, Quốc hội ban hành Hiến pháp đầu tiên.</p> <p>- Các địa phương thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.</p> <p>- Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời (5.1946). Dân quân tự vệ được củng cố, phát triển.</p> <p>2. Giải quyết nạn đói</p> <p>- Biện pháp trước mắt: Hồ Chủ tịch kêu gọi “nhường cơm sẻ áo”; quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước, nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ.</p> <p>- Biện pháp lâu dài: Tăng gia sản xuất, thực hiện khẩu hiệu “Tắc đất tấc vàng”, giảm thuế ruộng đất 20%, chia lại ruộng đất công.</p> <p>=> Nhờ những biện pháp trên, nạn đói bị đẩy lùi một bước.</p> <p>3. Giải quyết nạn đói:</p> <p>- Tháng 9/1945, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh lập Nha Bình dân học vụ, kêu gọi nhân dân cả nước xóa nạn mù chữ.</p> <p>- Trường học các cấp từ phổ thông đến đại học sớm khai giảng, nội dung và phương pháp giáo dục được đổi mới.</p> <p>- Cuối 1946, cả nước có 76 nghìn lớp học, xóa mù chữ</p>
--	--

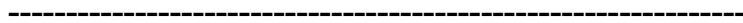
<p>phong trào xoá nạn mù chữ trong toàn dân. -Đến cuối 1946 cả nước tổ chức được 76000 lớp học, xoá mù cho 2,5 triệu người ,các trường học phát triển. Hoạt động 4 :5 phút -Phát động phong trào xây dựng “Quỹ độc lập”, “ Tuần lễ vàng”. -Phát hành đồng tiền Việt Nam (23/11/1946 QH cho phép lưu hành tiền Việt Nam)</p>	<p>cho 2,5 triệu người .</p> <p>4. Giải quyết khó khăn về tài chính - Trước mắt: Kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân cả nước cho “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng”, thu được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào “Quỹ độc lập”... - Lâu dài: phát hành tiền Việt Nam (lưu hành từ tháng 11/1946) * Ý nghĩa - Cách mạng nước ta vượt qua những khó khăn, củng cố và tăng cường sức mạnh chính quyền, nhà nước làm cơ sở chống thù trong giặc ngoài. - Thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, cổ vũ, động viên nhân dân bảo vệ chính quyền, bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được.</p>
---	---

4. Củng cố : 3 phút

Đảng ta đã giải quyết những khó khăn sau cách mạng tháng Tám như thế nào?

5. Dặn dò: 2 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.



Tuần 14

Tiết PPCT: 28

**Bài 17: NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
 TỪ SAU 2 – 9 – 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 - 12 - 1946**

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ:5 phút

- Sau khi dành độc lập tình hình nước ta có những khó khăn và thuận lợi gì?
- Đảng, chính phủ và chủ tịch HCM đã có những biện pháp gì để vượt qua khó khăn đó?

2.Bài mới:

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 10 phút - Trình bày nguyên nhân dẫn đến Pháp đánh chiếm Nam bộ? - Khái quát diễn biến của cuộc</p>	<p>III. ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM, NỘI PHẢN, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG 1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ - Đêm 22 rạng sáng 23/09/1945, Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc xâm lược nước ta</p>

<p>kháng chiến của nhân dân Nam bộ?</p> <p>-Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945 chúng đánh úp trụ sở UBND Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.</p> <p>Diễn biến chính.</p> <p>-Quân và dân nam Bộ đã anh dũng đánh quân xâm lược bằng mọi thứ vũ khí..</p> <p>Hoạt động 2 :12 phút</p> <p>- Chủ tron , sách lược của ta đối với quân đội Trung Hoa dân quốc và phản động ở miền Bắc như thế nào?</p> <p>- Sách lược của ta là hoà với Tưởng ở MB : Tránh xung đột vũ trang, nhân nhượng một số yêu sách về kinh tế và chính trị như : cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, lưu hành tiền “quan kim và quốc tệ”; Đồng ý cho tay sai của Tưởng (VQ&VC) 70 ghế trong Quốc Hội...nhằm tập trung lực lượng chống Pháp ở Miền Nam và đồng thời vạch trần các tổ chức phản cách mạng.</p> <p>Hoạt động 3: 15 phút</p> <p>GV khái quát tình hình khó khăn của nước ta cả về đối nội và đối ngoại, đặc biệt Pháp muốn ra miền Bắc nên đã thỏa hiệp với chính phủ Trung Hoa Dân Quốc, rồi nêu câu hỏi phát vấn:</p> <p>- Trong bối cảnh khó khăn đó đảng ta đã giải quyết như thế nào?</p> <p>- Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định sơ bộ.</p> <p>HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét và chốt ý:</p> <p>+ Vì một lúc không thể đối đầu với hai kẻ thù nên ta chọn giải pháp hòa với Pháp.</p>	<p>lần thứ hai .</p> <p>- Quân dân Sài Gòn – Chợ Lớn và Nam Bộ nhất tề nổi dậy, đốt tàu Pháp, phá kho tàng, phá nguồn tiếp tế...</p> <p>- Những đoàn quân “Nam tiến” vào Nam chiến đấu, nhân dân quyền góp ủng hộ đồng bào Nam bộ kháng chiến.</p> <p>2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc</p> <p>- Với quân Trung Hoa Dân quốc: Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch chủ trương tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột. Ta đã nhân nhượng một số yêu sách về chính trị và kinh tế như:</p> <p>+ Nhường cho tay sai của Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc hội và một số ghế trong Chính phủ.</p> <p>+ Cung cấp cho chúng một phần lương thực thực phẩm, cho phép lưu hành tiền Trung Quốc.</p> <p>- Với bọn phản động tay sai: Kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng. Những kẻ có đủ tội chứng thì trừng trị theo pháp luật.</p> <p><u>Ý nghĩa:</u></p> <p>- Hạn chế thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai,</p> <p>- Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng .</p> <p>3. Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta</p> <p>* Nguyên nhân việc ta hòa hoãn với Pháp (Hoàn cảnh ký kết Hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp 06/03/ 1946)</p> <p>- Tháng 2/1946, Pháp và Trung Hoa Dân quốc ký Hiệp ước Hoa – Pháp, theo đó Pháp được thay quân Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân Nhật.</p> <p>- Hiệp ước Hoa – Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn: hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, hoặc hòa hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh đối phó cùng lúc nhiều kẻ thù.</p> <p>- Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Hồ Chí Minh chọn giải pháp “hoà để tiến”.</p> <p>- Ngày 6.3.1946, Hồ Chủ tịch đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.</p> <p>* Nội dung Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946</p>
---	---

<p>Nội dung: 3nd chính Ý nghĩa: -Ta loại bớt được kẻ thù, tập trung vào kẻ thù chính là Pháp. -Tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng để kháng chiến lâu dài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp công nhận nước Việt Nam là quốc gia tự do, nằm trong khối Liên hiệp Pháp . - Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp giải giáp quân Nhật ở miền Bắc và phải rút dần trong thời hạn 5 năm. - Hai bên ngừng xung đột ở miền Nam. <p>Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ta tránh được việc phải đương đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù, đẩy được quân Trung Hoa Dân quốc về nước. - Có thêm thời gian hòa bình để chuẩn bị lực lượng. <p>*Tạm ước Việt – Pháp ngày 14 /9/1946</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau hiệp định Sơ bộ, ta và Pháp tiếp tục đàm phán nhưng thất bại. - Ngày 14.9.1946, Hồ Chủ tịch ký với Pháp bản <i>Tạm ước</i>, tạo thêm thời gian hòa bình để chuẩn bị lực lượng.
--	--

4. Củng cố : 2 phút

- Cuộc kháng chiến chống thù trong giặc ngoài của quân và dân ta như thế nào?
- Hoàn cảnh và nội dung của bản Hiệp định sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9 ?

5. Dặn dò: 1 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới.

Tuần 15

Tiết PPCT: 29

Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1946 – 1950)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

- Hiểu rõ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã bùng nổ trong bối cảnh lịch sử thế nào. Ghi nhớ nét chính của đường lối kháng chiến chống Pháp.
- Trình bày được diễn biến chính của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 và những việc làm cụ thể của ta để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Giáo dục lòng căm thù thực dân Pháp.
- Học tập tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất của nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập của Tổ quốc.
- Củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Kỹ năng:

- Củng cố kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện để rút ra những nhận định lịch sử.
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng tranh, ảnh và lược đồ lịch sử để nhận thức lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Tranh, ảnh, lược đồ liên quan

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ: 5 phút

- Hoàn cảnh và nội dung của bản Hiệp định sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9?

2.Bài mới: Nhắc lại nét khái quát tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>- Sau khi kí HĐ sơ bộ ngày 6/3 và tạm ước ngày 14/9, ta nghiêm chỉnh chấp hành còn Pháp không thực hiện nội dung HĐ đã kí.</p> <p>Hoạt động 1: 8 phút</p> <p>- Những hành động nào chứng tỏ Pháp không nghiêm chỉnh thi hành hiệp định?</p> <p>- Nếu ta chấp thuận yêu cầu này của Pháp đồng nghĩa với việc ta giao thủ đô cho Pháp.</p> <p>- Tại sao Pháp lại có những hành động trên?</p> <p>- Trước những hành động trên ta có nhân nhượng được nữa không? Vậy Đảng và nhân dân ta phải làm gì? Đường lối chống Pháp ra sao?</p> <p>Hoạt động 2: 15 phút</p> <p>- Trước những hành động trên của Pháp Đảng ta có chủ trương như thế nào?</p> <p>Hà Nội là nơi nổ ra cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp đầu tiên trong cả nước,</p> <p>- 1 HS đọc nội dung lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được trích trong SGK.</p> <p>- Nội dung cơ bản của văn kiện này là gì?</p> <p>- HS nắm được cơ bản từng nội dung trên. Cuối tiết học dặn HS về nhà phân tích cụ thể từng nội dung.</p>	<p>I . KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP BÙNG NỔ</p> <p>1 . Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta (Hoàn cảnh bùng nổ kháng chiến toàn quốc)</p> <p>- Mặc dù đã kí Hiệp định Sơ bộ 6 – 3 – 1946 và Tạm ước 14 – 9 – 1946, thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh việc chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta.</p> <p>- Ngày 18 – 12 – 1946, Pháp gửi tới hậu thư đòi Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội.</p> <p>- Trong hai ngày 18, 19 – 12 – 1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã quyết định phát động cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp.</p> <p>2 . Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng</p> <p>Thể hiện qua các văn kiện: <i>Chỉ thị Toàn dân kháng chiến</i> của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12.12.1946), <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> của Hồ Chủ tịch (19.12.1946) và tác phẩm <i>Kháng chiến nhất định thắng lợi</i> của Tổng Bí thư Trường Chinh (9.1947).</p> <p>Đó là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế .</p> <p><i>Kháng chiến toàn dân:</i> xuất phát từ truyền thống của dân tộc, từ quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, từ tư tưởng “chiến tranh nhân dân”. Có toàn dân tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.</p> <p><i>Kháng chiến toàn diện:</i> Do địch đánh ta toàn diện nên ta phải chống toàn diện. Kháng chiến toàn diện (quân sự, kinh tế, chính trị...) nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Phải kháng chiến toàn diện vì ta vừa “kháng chiến” vừa “kiến quốc”.</p> <p><i>Kháng chiến lâu dài:</i> địch mạnh hơn ta nhiều mặt, cần có thời gian để làm cho địch yếu dần, phát triển lực lượng của ta.</p>

<p>Hoạt động 3: 12 phút</p> <p>- Bắc vĩ tuyến 16 là từ tỉnh nào trở ra bắc sau đó đặt câu hỏi: Đà Nẵng trở ra Bắc.</p> <p>- Tại sao ta lại tiến hành kháng chiến trong các đô thị trước? kết quả ra sao?</p> <p>Cần giúp HS hiểu lí do vì sao ta giam chân địch ở Hà Nội lâu nhất. ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở các đô thị.</p> <p>- Ý nghĩa to lớn của cuộc chiến đấu trong các đô thị là?</p> <p>Hoạt động 3:</p> <p>- Đánh lâu dài là chủ trương được Đảng xác định trong đường lối kháng chiến chống Pháp.</p> <p>- Vậy, để kháng chiến lâu dài ta phải làm gì? Nêu dẫn chứng cụ thể?</p> <p>- Tại sao khi tản cư khỏi các thành phố ta lại phá hủy toàn bộ nhà cửa, đường xá, cầu cống...?</p> <p>- Sự chuẩn bị trên có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>Hoạt động 4:</p> <p>Do không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, trong khi đang gặp khó khăn về kinh tế tài chính, sự lên án của lực lượng tiến bộ nên Pháp đã thực hiện âm mưu mới.</p>	<p><i>Kháng chiến Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế: dựa vào sức người, sức của của đất nước, không ỷ lại vào bên ngoài, nhưng coi trọng sự ủng hộ, giúp đỡ của bên ngoài.</i></p> <p>II . CUỘC CHIẾN ĐẤU Ở CÁC ĐÔ THỊ VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI</p> <p>1 . Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16</p> <p>- Ở Hà Nội:</p> <p>+ Khoảng 20 giờ ngày 19 – 12 – 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu từ thủ đô Hà Nội. <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp cả nước.</p> <p>+ Nhân dân lập chiến lũy và các chướng ngại vật trên đường phố để chống giặc. Trung đoàn Thủ đô được thành lập và tiến đánh những trận quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, chợ Đồng Xuân, Nhà Bưu điện,...</p> <p>+ Sau hai tháng chiến đấu, quân ta rút ra căn cứ an toàn.</p> <p>- Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Huế,... quân ta bao vây, tiến công tiêu diệt địch.</p> <p>=> Ý nghĩa: <i>tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng trong thành phố, chặn đứng kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh, tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài .</i></p> <p>2 . Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài (không dạy):</p> <p>- Chuyển các cơ quan đầu não về Việt Bắc .</p> <p>- <i>Chính trị:</i> thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính, Hội Liên Việt .</p> <p>- <i>Kinh tế :</i> đề ra các chính sách phát triển sản xuất.</p> <p>- <i>Quân sự :</i> quy định mọi người dân từ 18 – 45 tuổi tham gia các lực lượng chiến đấu.</p>
--	--

4. Củng cố: 3 phút

- Do thực dân Pháp bội ước có những hành động khiêu khích chống phá ta nên nhân dân ta đã cầm súng bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến tuy còn nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự...tạo ra bước phát triển mới trong giai đoạn cách mạng sau.

5. Dặn dò: 2 phút

Nêu và phân tích nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng?

Tuần 15

Tiết PPCT: 30

Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1946 – 1950)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Hiểu được nguyên nhân Pháp đánh lên Việt Bắc năm 1947. Diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến dịch.

- Hiểu được thuận lợi và khó khăn trong cuộc kháng chiến của nhân dân ta sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông. Diễn biến chính, ghi nhớ kết quả và ý nghĩa to lớn của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Giáo dục lòng căm thù thực dân Pháp.

- Học tập tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất của nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập của Tổ quốc.

- Củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Kỹ năng:

- Củng cố kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện để rút ra những nhận định lịch sử.

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng tranh, ảnh và lược đồ lịch sử để nhận thức lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Tranh, ảnh, lược đồ liên quan đến hai chiến dịch Việt Bắc thu – đông và Biên giới thu – đông....

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Nêu đường lối kháng chiến của Đảng ta đề ra trong giai đoạn 1946 trở đi?

2. Bài mới

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút Âm mưu của Pháp lúc này là gì? vì sao? Tại sao tấn công lên VB lại nhanh chóng kết thúc chiến tranh. - Trình bày diễn biến kết hợp bản đồ giúp HS thấy được kế hoạch 2 gọng kìm của Pháp: - trước âm mưu kế hoạch trên của Pháp ta đối phó như thế nào? Như vậy, hai gọng kìm đông – tây của Pháp đã bị bẻ gãy - Ta diệt hơn 6.000 tên, 16 máy bay, 11 tàu chiến và ca nô, hàng trăm xe quân sự bị phá.</p>	<p>III. CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU – ĐÔNG NĂM 1947 VÀ VIỆC ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN 1. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 * Pháp tiến công Việt Bắc: - <i>Âm mưu</i> : Tháng 3.1947, Bôlae được cử làm cao ủy Pháp ở Đông Dương, vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh. - Ngày 7.10.1947, Pháp huy động <i>12.000 quân</i> mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. * Chủ trương của ta: “<i>Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp</i>”. * Diễn biến : - Quân ta bao vây, tiến công địch ở Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã (cuối 11.1947). - Mặt trận hướng đông, ta chặn đánh địch trên đường số 4,</p>

<p>- Căn cứ Việt Bắc và cơ quan đầu não của ta vẫn an toàn, bộ đội trưởng thành uy tín của Chính phủ lên cao.</p> <p>- Ta đánh bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp buộc Pháp phải đánh lâu dài với ta.</p> <p>- Tại sao lúc này Pháp thực hiện chính sách “ dùng người Việt đánh người Việt lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”?</p> <p>Hoạt động 2: 5 phút</p> <p>- Sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông Đảng ta có chủ trương gì để đẩy mạnh kháng chiến toàn dân toàn diện ?</p> <p>- Vùng sau lưng địch, chiến tranh du kích</p> <p>- Nêu ý nghĩa của những chủ trương trên ?</p> <p>củng cố chính quyền vững mạnh, xây dựng hậu phương vững chắc chuẩn bị bước vào giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.</p> <p>Hoạt động 3: 15 phút</p> <p>- Sau chiến thắng VB thu- đông ta có những thuận lợi và khó khăn:</p> <p>- Cách mạng TQ thành công ảnh hưởng đến cách mạng nước ta như thế nào ?</p> <p>Đầu tiên là TQ rời đến LX và các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta</p> <p>- Việc các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta có nghĩa gì ?</p> <p>- Nội dung kế hoạch Rove ?</p> <p>Với việc giúp Pháp qua kế hoạch Rove Mĩ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương</p> <p>- Trước âm mưu trên của Pháp Đảng ta có chủ trương gì ?</p>	<p>tiêu biểu là trận Đèo Bông Lau (30.10.1947).</p> <p>- Mặt trận hướng tây, ta phục kích trên sông Lô, ở trận Đuan Hùng, Khe Lau, ta đánh chìm nhiều tàu chiến, tiêu diệt hàng trăm tên địch .</p> <p>* Kết quả:</p> <p>- Hai gọng kìm của Pháp bị bẻ gãy. Ngày 19/12/947, Pháp rút khỏi Việt Bắc.</p> <p>- Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ, bộ đội chủ lực của ta trưởng thành.</p> <p>* Ý nghĩa: Cuộc kháng chiến chống Pháp chuyển sang giai đoạn mới. Pháp buộc phải chuyển từ “<i>đánh nhanh thắng nhanh</i>” sang “<i>đánh lâu dài</i>” với ta.</p> <p>2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện(không dạy):</p> <p>- Chính trị: Tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính kháng chiến các cấp. <u>Mặt trận</u> Việt Minh và <u>Hội Liên Việt</u> quyết định tiến tới thống nhất thành <u>Mặt trận Liên Việt</u>.</p> <p>- Quân sự: Bộ đội chủ lực phân tán vào vùng sau lưng địch, phát triển chiến tranh du kích.</p> <p>- Kinh tế: Ra sắc lệnh giảm tô, hoãn nợ, xoá nợ, chia lại ruộng công.</p> <p>- Văn hoá, giáo dục: Cải cách giáo dục, xây dựng hệ thống trường ĐH và THCS.</p> <p>IV. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ MỚI VÀ CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU – ĐÔNG 1950 :</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến :</p> <p>* Thuận lợi :</p> <p>- 1/10/1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời.</p> <p>- Đầu 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN khác lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với ta.</p> <p>* Khó khăn: Tháng 5.1949 với sự đồng ý của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Rove:</p> <p>+ Tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4</p> <p>+ Lập hành lang Đông – Tây (Hải Phòng-Hà Nội-Hòa Bình-Sơn La)</p> <p>+ Chuẩn bị tấn công Việt Bắc lần thứ hai.</p> <p>2. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950</p> <p>* Chủ trương của ta: Tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ ta quyết định chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm:</p> <p>- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch,</p> <p>- Khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới,</p> <p>- Mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc.</p> <p>* Diễn biến :</p>
--	--

<p>Gv giúp HS tìm ra đâu là chủ trương cơ bản nhất</p> <p>- Trình bày diễn biến kết hợp bản đồ</p> <p>Chỉ bản đồ đồng thời đặt câu hỏi vì sao ta đánh Đông Khê để mở màn chiến dịch ?</p> <p>Đoán được ý định trên nên ta mai phục chặn đánh địch ở nhiều nơi khiến cho 2 cánh quân này không gặp được nhau</p> <p>Với chiến thắng trên ta đã đạt được kết quả là :</p> <p>Kết quả quan trọng nhất của chiến dịch là gì ?</p> <p>- Kết quả trên có đạt được so với mục tiêu đề ra không ?</p> <p>Gv sơ kết bài học</p> <p>HS nghe và ghi chép.</p>	<p>- Ngày 16/09/1950, ta tiến công Đông Khê => Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập.</p> <p>- Pháp phải rút quân từ Cao Bằng về theo đường số 4.</p> <p>- Ta chặn đánh nhiều nơi trên đường số 4, buộc địch phải rút khỏi Thất Khê, Na Sầm...</p> <p>- Ngày 22.10, đường số 4 được giải phóng.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>- Ta đã loại khỏi vòng chiến 8.000 địch,</p> <p>- Giải phóng đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.</p> <p>- Chọn thung hành lang Đông – Tây của Pháp.</p> <p>=> <i>Kế hoạch Ro-ve bị phá sản.</i></p> <p>* Ý nghĩa</p> <p>- Khai thông đường liên lạc của ta với các nước XHCN.</p> <p>- Bộ đội ta trưởng thành.</p> <p>- Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.</p> <p>- Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.</p>
--	---

4. Củng cố: 3 phút

- Do thực dân Pháp bội ước có những hành động khiêu khích chống phá ta nên nhân dân ta đã cầm súng bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến tuy còn nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự... tạo ra bước phát triển mới trong giai đoạn cách mạng sau.

5. Dặn dò: 2 phút

Học bài và làm bài tập sau:

- Nêu và phân tích nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng?

Tiết PPCT: 31
Tuần 16

Bài 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1950 – 1953)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Vì sao Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương; nét chính của kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi.
- Nội dung và ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.
- Học tập tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của anh bộ đội cụ Hồ.
- Biết ơn, trân trọng sự ủng hộ quý báu của bạn bè quốc tế đối với nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng tranh, ảnh, lược đồ lịch sử, những đoạn trích dẫn,... để nhận thức lịch sử.
- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Ảnh: + Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 – 1951).
+ Các đại biểu dự Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh – Liên Việt.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ : 5 phút

- Tường thuật diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên Giới 1950?

2.Bài mới:

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 5 phút - Âm mưu của Pháp và Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương như thế nào? - Lợi dụng Pháp khó khăn Mỹ ngày càng can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương: - 23/12/1950 ,ký với Pháp Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương , qua đó viện trợ quân sự , kinh tế ,tài chính cho Pháp. - 9/1951 , Mỹ ký với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ. - Đọc rõ kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi. Phân tích cho HS hiểu rõ những khó khăn khi Pháp thi hành kế hoạch.</p> <p>Hoạt động 2: 8 phút -Đại hội toàn Quốc lần thứ hai của Đảng khai mạc trong hoàn cảnh nào? Nội dung cơ bản? - Họp ở Chiêm Hoá (11-19/2/1951) - Thông qua 2 bản báo cáo do Chủ tịch Hồ Chí Minh và bí thư Trường Chinh trình bày. - Tách Đảng CSĐD thành các Đảng riêng , tại VN thành lập ĐLĐVN , thông qua tuyên ngôn ,chính cương và điều lệ mới. - Bầu BCH TW , HCM làm chủ tịch, Trường Chinh làm Tổng Bí Thư.</p> <p>Hoạt động 3: 12 phút</p>	<p>I. THỰC DÂN PHÁP ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG 1 . Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh - Tháng 12/1950, Mĩ ký với Pháp <i>Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương</i> -> viện trợ cho Pháp và tay sai để từng bước thay Pháp ở Đông Dương . - Tháng 9/1951, ký với Bảo Đại <i>Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ</i> nhằm ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mỹ.</p> <p>2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi: Cuối 1950, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Nội dung kế hoạch: - Xây dựng lực lượng cơ động chiến lược. - Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boong ke), lập “vành đai trắng”. - Tiến hành “chiến tranh tổng lực”, bình định vùng tạm chiếm. - Đánh phá hậu phương của ta. => <i>Đẩy cuộc chiến tranh Đông Dương lên qui mô lớn, gây cho ta nhiều khó khăn, nhất là vùng sau lưng địch.</i></p> <p>II. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG (2/1951)</p>

<p>-Làm rõ cho HS hiểu các ý chính sau đây: + Chính trị: + Kinh tế: -1952 mở cuộc vận động lao động sx và thực hành tiết kiệm. -1953 bước đầu cải cách ruộng đất (Thái Nguyên và Thanh Hoá) + Văn hoá, giáo dục, y tế: Có những bước pt mới, đáp ứng được yêu cầu phục vụ nhân dân và phục vụ kháng chiến.</p> <p>Hoạt động 4 : 7 phút</p>	<p>- Thông qua Báo cáo chính trị của Hồ Chủ tịch, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh. - Thông qua Báo cáo “Bàn về cách mạng VN” của Tổng Bí thư Trường Chinh, nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của CM Việt Nam là đánh đế quốc giành độc lập, xóa bỏ tàn tích phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân. - Quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở VN, Lào, Cam-pu-chia mỗi nước một Đảng Mác – Lê-nin riêng, phù hợp với từng dân tộc . - Ở VN, Đại hội quyết định đưa Đảng hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam; thông qua <i>Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ</i> mới. - Bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và Trường Chinh làm Tổng Bí thư .</p> <p>Ý nghĩa: Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kháng chiến. Đây là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”.</p> <p>III. HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN PHÁT TRIỂN MỌI MẶT</p> <p>* Chính trị:</p> <p>- Tháng 3/1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành <i>Mặt trận Liên Việt. Liên minh nhân dân Việt - Miên – Lào</i> cũng được thành lập. - Tháng 5/1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc bầu chọn 7 anh hùng.</p> <p>* Kinh tế</p> <p>- Năm 1952, Chính phủ vận động lao động sản xuất và tiết kiệm. - Thủ công nghiệp và công nghiệp đáp ứng yêu cầu. - Năm 1953, ta thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất.</p> <p>* Văn hóa, giáo dục, y tế: đều có bước phát triển, phục vụ ngày càng tốt hơn</p> <p>IV. NHỮNG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG GIỮ VỮNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG (không dạy)</p>
--	--

4. Củng cố : 3 phút

Hoàn cảnh và nội dung của Đại hội toàn Quốc lần thứ II của Đảng?

5. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới.

Tiết PPCT: 32

Tuần 16

Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Âm mưu của Pháp – Mỹ thể hiện trong kế hoạch Nava như thế nào.
- Nét chính về diễn biến và tác dụng của cuộc Tổng tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 đối với cuộc kháng chiến.
- Thắng lợi có ý nghĩa về nhiều mặt của chiến dịch Điện Biên Phủ.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Khắc sâu niềm tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đối với sự nghiệp kháng chiến, xây dựng Tổ quốc.
- Biết quý trọng và tự hào với những chiến thắng to lớn về các mặt của cuộc kháng chiến chống Pháp.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm nguyên nhân và ý nghĩa của các sự kiện lịch sử.
- Củng cố kỹ năng khái quát, nhận định, đánh giá những nội dung lớn của lịch sử.
- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ, tranh, ảnh để tự nhận thức lịch sử.
- Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các tư liệu tham khảo để làm sâu sắc thêm nhận thức lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Lược đồ, tranh, ảnh, VCD liên quan đến chiến dịch Đông – Xuân và chiến dịch Điện Biên Phủ...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 8 phút

2. Bài mới: Khái quát giai đoạn kết thúc cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và nhân mạnh: Các em theo dõi bài học hôm nay để biết được cuộc kháng chiến đã kết thúc như thế nào?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút</p> <p>- KH Nava ra đời trong hoàn cảnh tình thế nào?</p> <p>- Sau 8 năm c/tr, Pháp gặp khó khăn và thiệt hại lớn: + 39 vạn quân, chi phí c/tr 556 tỉ Fr (1953), vùng chiếm đóng thu hẹp. + 18 lần thay đổi C.phủ.</p> <p>- Pháp tranh thủ viện trợ của Mỹ -> tìm "lối thoát vinh dự", "lối thoát trong thắng lợi".</p> <p>5- 1953 Nava sang Đ.Đương làm Tổng chỉ huy ...</p> <p>- Nội dung KH Nava?</p>	<p align="center">I. ÂM MƯU MỚI CỦA PHÁP – MỸ Ở ĐÔNG DƯƠNG: KẾ HOẠCH NA-VA</p> <p align="center"><i>* Hoàn cảnh ra đời kế hoạch Nava</i></p> <p>- Qua 8 năm xâm lược VN, Pháp thiệt hại ngày càng lớn: bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân, ngày càng lâm vào thế bị động.</p> <p>- Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh Đông Dương.</p> <p>- Được sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp cử Na-va sang làm Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương. Na va đề ra kế hoạch quân sự mới.</p> <p align="center"><i>* Kế hoạch Na-va:</i> chia thành hai bước + <i>Bước một:</i> thu – đông 1953 và xuân 1954 giữ thế</p>

<p>Qua nội dung -> em hãy rút ra điểm chính của KH Nava?</p> <p>- Để đối phó với âm mưu của P – M ta đưa ra chủ trương chiến lược ntn?_</p> <p>- Chuyển ý: Tiếp tục phát triển phương hướng chiến lược HN TW Đảng lần IV (1- 53) là: “Tạm thời tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu”</p> <p>Hoạt động 2: 18 phút</p> <p>Để tiến tới ĐBP, ta liên tiếp mở các cuộc tấn công quân sự trên chiến trường ĐĐ.</p> <p>- Vậy ta sẽ tấn công Pháp ở đâu để có thể phân tán lực lượng của chúng?</p> <p>- sử dụng lược đồ hình thái chiến trường trong Đông – Xuân 1953-1954- Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953- 1954 và chiến dịch ĐBP kết thúc ta thu được kết quả và ý nghĩa ntn?</p> <p>- Pháp tập trung 44 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ, ráo riết càn quét và bình định vùng tạm chiếm.</p> <p>- Ngày 10/12/1953 ta tấn công lên Tây Bắc buộc Pháp phải đổ quân xuống Điện Biên Phủ.(quân đông thứ 2)</p> <p>- Tháng 12/1953 liên quân Lào – Việt tấn công Trung Lào giải phóng Thà Khẹt, buộc Pháp phải tăng viện cho Sênô.(quân đông thứ 3)</p> <p>- Cuối 1/1954 phối hợp với bộ đội Lào, ta tấn công thượng Lào, buộc Pháp phải tăng viện cho LuôngPhaBăng.(quân đông thứ 4)</p> <p>- Đầu tháng 2/1954 ta tấn công địch ở bắc Tây Nguyên, giải phóng Kontum, địch tăng viện cho Tây Nguyên.(quân đông thứ 5)</p> <p>- Trước tình hình đó Nava quyết định</p>	<p>phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược để bình định Trung bộ và Nam Đông Dương, xây dựng đội quân cơ động mạnh.</p> <p>+ Bước hai: từ thu – đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta đàm phán theo điều kiện có lợi cho Pháp.</p> <p>Thực hiện kế hoạch, Nava tập trung ở đồng bằng Bắc bộ 44 tiểu đoàn cơ động, tiến hành càn quét, mở cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa.</p> <p>II. CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954 VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954</p> <p>1. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954</p> <p>* Chủ trương, kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 – 1954 của ta :</p> <p>- Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai,</p> <p>- Buộc chúng phải phân tán lực lượng, tạo điều kiện tiêu diệt địch.</p> <p>* Diễn biến :</p> <p>- Tháng 12/1953, bộ đội ta tiến công và giải phóng thị xã Lai Châu. Nava buộc phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ. <i>Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.</i></p> <p>- Tháng 12/1953, liên quân Lào – Việt tiến công Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt, uy hiếp Xa-van-na-khet và Xê-nô. Na-va buộc phải tăng viện cho Xê-nô. <i>Xê-nô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của Pháp.</i></p> <p>- Tháng 01/1954, liên quân Lào – Việt tiến công Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu và tỉnh Phong Xa-lì. Na-va tăng quân cho Luông Pha-bang và Mường Sài. <i>Luông Pha-bang và Mường Sài thành nơi tập trung binh lực thứ tư của Pháp.</i></p> <p>- Tháng 02/1954, ta giải phóng Kon Tum, uy hiếp Plây-ku. Pháp buộc phải tăng cường lực lượng cho Plây ku và Plây ku trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm.</p> <p>* Ý nghĩa:</p> <p>- Kế hoạch Na-va bước đầu phá sản.</p> <p>- Chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho ta mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ.</p>
--	---

<i>chấp nhận một cuộc quyết chiến với ta ở ĐBP.</i>	
---	--

4. Củng cố : 3 phút

Âm mưu của Pháp, được thể hiện qua kế hoạch Na Va như thế nào?

5. Dặn dò: 2 phút

trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới?

Tuần 17

Tiết PPCT: 33

Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

Hiểu và trình bày được:

- Nét chính về quá trình đấu tranh trên mặt trận ngoại giao của ta ở Giơnevơ và nội dung của hiệp định Giơnevơ.

- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Khắc sâu niềm tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đối với sự nghiệp kháng chiến, xây dựng Tổ quốc.

- Biết quý trọng và tự hào với những chiến thắng to lớn về các mặt của cuộc kháng chiến chống Pháp.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm nguyên nhân và ý nghĩa của các sự kiện lịch sử.

- Củng cố kỹ năng khái quát, nhận định, đánh giá những nội dung lớn của lịch sử.

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ, tranh, ảnh để tự nhận thức lịch sử.

- Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các tư liệu tham khảo để làm sâu sắc thêm nhận thức lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Lược đồ, tranh, ảnh, VCD liên quan đến chiến dịch Đông – Xuân và chiến dịch Điện Biên Phủ...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 10 phút

Âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ?

2. Bài mới:

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 25 phút * vị trí địa lý của ĐBP</p> <p>- Là 1 thung lũng sát biên giới Việt- Lào, cách Hà Nội 300 km, cách hậu phương của ta (V Bắc, Thanh Nghệ Tĩnh) từ 300 -> 500 km.</p> <p>- ĐBP: lòng chảo, dài 18 km, rộng 6 -> 8 km, núi</p>	<p>2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954</p> <p>* Âm mưu của Pháp, Mỹ :</p> <p>- Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược then chốt. Pháp tập trung ở đây 16.200 quân, đủ loại binh chủng, được bố trí thành ba</p>

bao bọc.

*** GV nêu những tấm gương anh hùng trong trận D9BP:**

- Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo đã động viên, khích lệ, tăng thêm sức mạnh tinh thần cho c/sĩ pháo binh & thanh niên toàn mặt trận làm tròn nhiệm vụ.

- Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai chặn hỏa lực địch.

Hoàng Đăng Vinh cầm cờ ĐBP...

Hoạt động : Cả lớp, cá nhân

GV dùng lược đồ khái quát ý đồ mang tính chiến lược của Pháp ở ĐBP và chủ trương của ta là quyết tâm tiêu diệt cụm cứ điểm D9BP, sau đó nêu câu hỏi:

-Tại sao ta quyết định mở chiến dịch ĐBP, coi nay là điểm quyết chiến chiến lược?

Chủ trương của ta.

-Đầu 12/1953 BCT và TW Đảng chọn ĐBP làm điểm quyết chiến chiến lược với Pháp.

- Ta huy động dân công vận chuyển hàng vạn tấn lương thực, vũ khí, thuốc men, bộ đội từ các hướng về bao vây ĐBP.

- Tóm tắt diễn biến của chiến dịch:

-Đợt 1: từ 13/3 -17/3/1954 ta tấn công vào phân khu phía Bắc và bao vây Mường Thanh, diệt 2000 tên, phá hủy 26 máy bay.

-Đợt 2: từ 30/3 -26/4 ta đánh vào phía Đông Mường Thanh (trận ác liệt ở đồi A1, C1, D1, E1...) khép chặt vòng vây khu trung tâm, cắt đứt con đường tiếp tế duy nhất bằng đường không của địch.

-Đợt 3: từ 1/5 -7/5/1954 tiêu diệt khu trung tâm Mường Thanh và Hồng Cúm. Đến 17g 30' ngày 7/5 bắt sống toàn bộ ban tham mưu, chiến dịch hoàn toàn thắng lợi.

Hoạt động 2: 5 phút

Kết quả và ý nghĩa?

HS trả lời, GV chốt ý.

Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân

Ở ý này giáo viên phải giúp học sinh hiểu được hoàn cảnh triệu tập hội nghị gồm các ý sau.

- Lập trường của ta luôn sẵn sàng thương lượng để giải quyết về vấn đề Việt Nam

(học sinh đọc sgk phần chữ nhỏ trg 153).

- Sự thay đổi thái độ của Pháp dẫn đến tháng

phân khu với 49 cứ điểm.

- Pháp và Mỹ coi Điện Biên Phủ là “một pháo đài bất khả xâm phạm”.

*** Chủ trương của ta :** Mở Chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

*** Diễn biến :** Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt

- **Đợt 1,** từ ngày 13/03 đến 17/03/1954: Ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

- **Đợt 2,** từ ngày 30/03 đến 26/04/1954: Ta tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như E1, D1, C1, A1..., bao vây, chia cắt địch.

- **Đợt 3,** từ ngày 01/05 đến 07/05/1954: Ta tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều 7/5, Tướng Đờ Caxtori cùng toàn bộ Ban tham mưu địch đầu hàng và bị bắt sống.

*** Kết quả:** Ta loại khỏi vòng chiến 16 200 địch, bắn rơi 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

*** Ý nghĩa:**

- Đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp,

- Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

III. HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VO 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

1. Hội nghị Giơ-ne-vo (không dạy)

- Tháng 1 - 1954, Hội nghị ngoại trưởng Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp họp ở Béclin thoả thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Gionevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương

- Ngày 7 - 5 - 1954, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

<p>1.1954 hội nghị ngoại trưởng 4 nước: Liên xô, Mỹ, Anh và Pháp</p> <p>- Khả năng sức mạnh về quân sự của ta buộc Pháp phải giải quyết hoà bình về vấn đề Đông Dương</p> <p>Hoạt động 2: Cá nhân</p> <p>GV khái quát hoàn cảnh triệu tập Hội nghị Geneve , sau đó đặt câu hỏi cho học sinh:</p> <p>- Nêu diễn biến của hội nghị”?</p> <p>+ Ngày 1.1954</p> <p>+ Ngày 8.5.1954</p> <p>+ Ngày 21.7.1954</p> <p>Giáo viên phân tích rõ đấu tranh gay gắt trên bàn hội nghị, vì giữa hai bên lập trường rất khác nhau</p>	<p>- Ngày 8 - 5 - 1954, Hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Phái đoàn ta do Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn tham dự.</p> <p>- Ngày 21.7.1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết.</p>
--	--

4. Củng cố : 3 phút

- Hoàn cảnh và nội dung của Hiệp định Genève về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương?

Ý nghĩa của Hiệp định?

- Ý nghĩa lịch sử , nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)?

5. Dặn dò: 2 phút

Trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới?

Tuần 17

Tiết PPCT: 34

Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

Hiểu và trình bày được:

- Nét chính về quá trình đấu tranh trên mặt trận ngoại giao của ta ở Giơnevơ và nội dung của hiệp định Giơnevơ.

- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Khắc sâu niềm tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đối với sự nghiệp kháng chiến, xây dựng Tổ quốc.

- Biết quý trọng và tự hào với những chiến thắng to lớn về các mặt của cuộc kháng chiến chống Pháp.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm nguyên nhân và ý nghĩa của các sự kiện lịch sử.

- Củng cố kỹ năng khái quát, nhận định, đánh giá những nội dung lớn của lịch sử.

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ, tranh, ảnh để tự nhận thức lịch sử.

- Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các tư liệu tham khảo để làm sâu sắc thêm nhận thức lịch sử.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Lược đồ, tranh, ảnh, VCD liên quan đến chiến dịch Đông – Xuân và chiến dịch Điện Biên Phủ...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ: 10 phút

Âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ?

2.Bài mới:

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 16 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu nội dung cơ bản của hiệp định? - Ở Việt Nam: Lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời - Lào: Lực lượng kháng chiến tập kết tại hai tỉnh Sầm Nưa và Phông Xa Li Cam Pu Chia: Lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết; Nội dung cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. - Ngừng bắn, tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực ,trao trả tù binh ... - Lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, cùng một khu phi quân sự ở hai biên giới tuyến. - Quy định đến tháng 7-1956 tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, dưới sự kiểm soát của quốc tế. <p>Hoạt động 2: 20 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý nghĩa của hiệp định? - Ta phá tan âm mưu của Mỹ muốn “quốc tế hóa” cuộc chiến tranh ở Đông Dương, buộc Pháp phải rút quân về nước. - Đây là cuộc đấu tranh trường kỳ , anh dũng của nhân dân ta. - Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. <p>Hoạt động 1: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc 	<p>2. Hiệp định Giơ-ne-vơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 21.7.1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết. * Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. - Ngừng bắn , lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương - Thực hiện tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực. - Ở Việt Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, tiến tới thống nhất bằng tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 07/1956. - Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương. * Ý nghĩa: <ul style="list-style-type: none"> - Hiệp định Gionevo về Đông Dương là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương. - Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh, rút quân đội về nước. Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương. <p>IV. Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)</p> <p>1. Ý nghĩa lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đối với dân tộc <ul style="list-style-type: none"> - Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân của Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta; - Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. * Đối với thế giới <ul style="list-style-type: none"> - Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc. - Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. <p>2. Nguyên nhân thắng lợi</p>

<p>kháng chiến chống Pháp thắng lợi? <i>Hs dựa vào sách giáo khoa trả lời, gv nhận xét, chốt ý và chỉ rõ đâu là nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan đưa đến thắng lợi</i></p> <p>Hoạt động 2: Cá nhân - Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi có ý nghĩa như thế nào? <i>Hs trả lời gv nhận xét bổ sung, chốt ý.</i> <i>Có 2 ý nghĩa lớn với dân tộc và với quốc tế.</i> <i>HS nghe và ghi chép.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối đúng đắn, sáng tạo. - Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù lao động, sản xuất . - Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang sớm xây dựng và không ngừng lớn mạnh, có hậu phương rộng lớn, vững chắc. - Ba nước Đông Dương liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung. - Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác...
---	--

4. Củng cố : 3 phút

- Hoàn cảnh và nội dung của Hiệp định Genève về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương?

Ý nghĩa của Hiệp định?

- Ý nghĩa lịch sử , nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)?

5. Dặn dò: 2 phút

trả lời câu hỏi trong SGK và chuẩn bị bài mới?

Tuần 18

Tiết PPCT: 35

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ CUỐI KỲ 1

NB Câu 1. Hội nghị Ianta diễn ra trong hoàn cảnh nào?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối. B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra ác liệt. D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

NB Câu 2. Hội nghị Ianta diễn ra tại quốc gia nào sau đây?

A. Mĩ. B. Liên xô C. Anh. D. Pháp.

NB Câu 3. Hội nghị Ianta diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ ngày 04 đến ngày 14/02/1945. C. Từ ngày 04 đến ngày 14/02/1945.

B. Từ ngày 04 đến ngày 11/02/1945. D. Từ ngày 04 đến ngày 12/02/1945.

NB Câu 4. Nguyên thủ các quốc gia nào tham dự Hội nghị Ianta?

A. Mĩ – Anh – Pháp. C. Liên Xô - Anh – Pháp.

B. Đức – Pháp – Mĩ. D. Anh – Mĩ – Liên Xô.

NB Câu 5. Nguyên thủ của ba cường quốc tham gia hội nghị Ianta gồm

A. Rudoven – Clêmăngxô- Sôcsin. C. Aixenhao – Xtalin- Clêmăngxô.

B. Rudoven – Xtalin – Sôcsin. D. Kenôđi – Giônxon – Xtalin.

NB Câu 6. Theo quyết định của Hội nghị Ianta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ: Đông Đức, Đông Âu, Bắc Triều Tiên

A. Liên xô. B. Mĩ. C. Anh. D. Pháp.

NB Câu 7. Thỏa thuận tại Hội nghị Ianta xác định vĩ tuyến 38 độ Bắc làm ranh giới chia cắt quốc gia nào?

- A. Nhật Bản. B. Trung Quốc. C. Đức. D. Triều Tiên.

NB Câu 8. Hội nghị quốc tế tuyên bố thành lập Liên hợp quốc diễn ra ở đâu?

- A. Xan phranxixco (Mĩ). C. Ianta (Liên Xô).
B. Pốttxđam (Đức). D. Pari (Pháp).

NB Câu 9. Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc gồm những quốc gia nào?

- A. Liên xô – Mĩ – Anh – Pháp – Trung Quốc.
B. Mĩ – Anh – Pháp – Đức – Nhật.
C. Trung quốc – Nhật Bản - Ấn Độ - Hàn Quốc.
D. Anh – Pháp – Nhật Bản – Việt Nam – Mĩ.

NB Câu 10. Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của năm nước Ủy viên thường trực. Đó là những nước nào?

- A. Liên Xô – Nhật Bản – Trung Quốc – Mĩ – Anh.
B. Đức – Nhật Bản – Trung Quốc – Mĩ – Pháp.
C. Liên Xô – Mĩ – Anh – Pháp – Trung Quốc.
D. Liên Xô – Anh – Pháp – Đức – Mĩ.

NB Câu 11. Việt Nam là thành viên thứ bao nhiêu của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. 145. B. 147. C. 148. D. 149.

BÀI 2

NB Câu 12. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?

- A. 1945. B. 1946. C. 1949. D. 1950.

NB Câu 13. Liên Xô tiến hành công cuộc xây dựng CNXH trong giai đoạn nào?

- A. Từ năm 1950 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.
B. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.
C. Từ năm 1950 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
D. Từ năm 1950 đến những cuối những năm 70 của thế kỉ XX.

NB Câu 14. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên trên thế giới vào năm

- A. 1955. B. 1956. C. 1957. D. 1958.

NB Câu 15. Năm 1957, Liên Xô đạt được thành tựu gì về khoa học – kĩ thuật?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
C. Đưa chú chó Laika bay vào không gian.
D. Phóng tàu vũ trụ phi hành gia Gagarin bay vào không gian.

NB Câu 16. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, sản xuất công nghiệp sản xuất của Liên Xô đứng vị trí

- A. Thứ nhất thế giới. C. Thứ ba thế giới.
B. Thứ hai thế giới. D. Thứ tư thế giới.

NB Câu 17. Nhà du hành vũ trụ Gagarin

- A. Là nhà du hành vũ trụ đầu tiên bay vòng quanh trái đất.
B. Là người đầu tiên thám hiểm mặt trăng.
C. Là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.
D. Là người đầu tiên thám hiểm sao hỏa.

NB Câu 18. Liên Xô đã có biến đổi như thế nào về xã hội trong giai đoạn từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Tỷ lệ công nhân chiếm 50% số người lao động trong cả nước.
 B. Trình độ học vấn của người dân không ngừng được nâng cao, tỷ lệ công nhân chiếm 55% số người lao động trong cả nước.
 C. Tệ nạn xã hội được đẩy lùi.
 D. Tình trạng bất ổn kéo dài do mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội.
- TH Câu 19. Biến đổi quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là
 A. gia nhập ASEAN. C. giành độc lập dân tộc.
 B. phát triển kinh tế. D. chống lại đế quốc Âu – Mỹ.
- NB Câu 20. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Campuchia từ năm 1951 là
 A. Ủy ban mặt trận thống nhất.
 B. Đảng nhân dân cách mạng Campuchia.
 C. Đảng cộng Sản Đông Dương.
 D. Chính phủ kháng chiến Campuchia.
- NB Câu 21. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của
 A. Mỹ, Nhật Bản. C. Anh, Pháp, Mỹ.
 B. Pháp, Nhật Bản. D. Các nước đế quốc Âu – Mỹ.
- NB Câu 22. Tháng 8/1945, khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, những nước nào sau đây đã giành được chính quyền?
 A. Ấn Độ, Philippin. B. Ấn Độ, Việt Nam, Lào.
 C. Việt Nam, Lào, Campuchia. D. Việt Nam, Campuchia.
- TH Câu 23. Sự kiện nổi bật đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương kết thúc thắng lợi là
 A. Hiệp định Giơnevơ. B. Hiệp định Viêng Chăn.
 C. Chiến dịch Điện Biên Phủ. D. Hiệp định Pari.
- NB Câu 24. Đường lối của cách mạng Campuchia giai đoạn 1954 – 1970 là
 A. chống Pháp. B. chống Mỹ.
 C. chống lực lượng Khmer đỏ. D. hòa bình trung lập.
- TH Câu 25. Quốc gia nào của Đông Nam Á trở thành một trong bốn con rồng kinh tế của châu Á
 A. Thái Lan. B. Brunây. C. Xingapo. D. Ấn Độ.
- NB Câu 26. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN gồm những quốc gia nào?
 A. Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan.
 B. Philippin, Xingapo, Malaixia, Ấn Độ và Mianma.
 C. Xingapo, Mianma, Thái Lan, Brunây và Ấn Độ.
 D. Việt Nam, Lào, Malaixia, Ấn Độ và Brunây.
- TH Câu 27. Nội dung nào sau đây không đúng khi phản ánh về các nước Đông Nam Á?
 A. Việt Nam, Lào và Ấn Độ cùng tuyên bố độc lập trong năm 1945
 B. Campuchia kháng chiến chống Mỹ từ 1954 – 1975
 C. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của Nhật Bản.
 D. Yangon là tên thủ đô trước năm 2005 của nước Mianma.
- NB Câu 28. Từ cuối thế kỷ XVIII, Ấn Độ
 A. Đã trở thành quốc gia đi đầu về chế tạo phân mềm.
 B. Đã bị thực dân Anh xâm chiếm và cai trị.
 C. Đã bị thực dân Hà Lan xâm chiếm và cai trị.

D. Đã bị liên quân Anh – Mĩ xâm lược và cai trị.

NB Câu 29. Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ sau chiến tranh thế giới thứ hai là tổ chức

A. Đảng Cộng sản, do M. Ganđi đứng đầu.

B. Đảng Quốc đại, do M. Ganđi đứng đầu.

C. Liên minh Đảng Cộng sản và Đảng dân chủ. D. Đảng Quốc đại, do Tilắc đứng đầu.

TH Câu 30. Việc thực dân Anh đưa ra phương án Maobattton, chia đất nước Ấn Độ thành hai quốc gia tự trị - Ấn Độ và Pakixtan chứng tỏ

A. Cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ đã giành thắng lợi hoàn toàn.

B. Thực dân Anh không quan tâm đến việc cai trị Ấn Độ nữa.

C. Thực dân Anh đã hoàn thành việc cai trị và bóc lột Ấn Độ.

D. Thực dân Anh đã nhượng bộ, tạo điều kiện cho nhân dân Ấn Độ tiếp tục đấu tranh.

TH Câu 31. Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã trở thành nước

A. Xuất khẩu lúa gạo đứng đầu thế giới.

B. Sản xuất công nghiệp đứng đầu thế giới.

C. Trung tâm kinh tế - tài chính lớn thứ tư thế giới.

D. Xuất khẩu lúa gạo đứng thứ ba thế giới.

Câu 32. Sự kiện được xem là mốc mở đầu cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Cách mạng Libi bùng nổ (1952).

B. Thắng lợi của phong trào cách mạng Angiêri (1962).

C. Cuộc binh biến của sĩ quan, binh lính yêu nước ở Ai Cập (1952).

D. Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Tuynidi (1956).

Câu 34. Vì sao năm 1960 được lịch sử ghi nhận là “Năm châu Phi” ?

A. Đây là năm có 17 nước ở châu Phi giành được quyền tự trị.

B. Đây là năm có 27 nước Tây và Nam Phi giành được độc lập.

C. Đây là năm có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.

D. Đây là năm có 37 nước ở châu Phi giành được độc lập.

Câu 35. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị tan rã khi

A. cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Angiêri thắng lợi (1962).

B. cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha của nhân dân Ănggôla, Môđambích giành thắng lợi (1975).

C. nhân dân Nam Rôđêdia thành lập nước Cộng hòa Dimbabuê (1980).

D. chính quyền Nam Phi phải trao trả độc lập cho Namibia (1990).

36. Tổng thống người da đen đầu tiên của nước Cộng hòa Nam Phi là

A. Nensơn Mandêla. B. Catada.

C. Phiđen Cátxtorô. D. Nensơn Cácxô.

37. Kẻ thù chủ yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là

A. chủ nghĩa thực dân cũ.

B. chủ nghĩa thực dân mới.

C. chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai.

D. chính quyền độc tài thân Mĩ.

38. Hình ảnh "Lục địa bùng cháy" chỉ hiện tượng gì ở Mĩ Latinh?

A. Sự bùng nổ của phong trào bãi công của công nhân Mĩ Latinh.

B. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh.

C. Cuộc nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất ở nhiều nước Mĩ Latinh.

- D. Một loạt nước Mĩ Latinh giành được độc lập.
39. Điểm nổi bật của tình hình Mĩ Latinh ở đầu thế kỉ XX là
- A. rất nhiều nước Mĩ Latinh đã giành được độc lập.
 B. Mĩ Latinh vẫn nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
 C. Mĩ Latinh đã trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mĩ.
 D. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Mĩ Latinh bước vào giai đoạn ác liệt nhất.
40. Từ những thập niên đầu của thế kỉ XX, các nước Mĩ Latinh rơi vào vòng lệ thuộc của
- A. thực dân Anh. B. đế quốc Mĩ.
 C. thực dân Pháp. D. đế quốc Nhật.
41. Nước nào đã giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ năm 1959 ?
- A. Goatoamaia. B. Áchentina. C. Vê-nê-xuê-la. D. Cuba.
42. Người Lãnh đạo nhân dân Cuba lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ là
- A. Hô-xê-mác-ti. B. A-gien-đê.
 C. Chê Ghê-va-na. D. Phi-đen Cát-xơ-rô.
43. Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập ở các nước Mĩ La tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đấu tranh
- A. chống chế độ độc tài thân Mĩ.
 B. chống chế độ tay sai Batixta.
 C. chống chủ nghĩa thực dân cũ.
 D. chống chế độ phân biệt chủng tộc của Mĩ.
44. Thắng lợi to lớn và gây ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong giai đoạn 1960 - 1975 là thắng lợi của nhân dân
- A. An-giê-ri. B. Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la.
 C. Dim-ba-bu-ê. D. Nam Phi.
45. Sự kiện Nênxon Măng-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi (1994) đánh dấu
- A. sự chấm dứt hoàn toàn chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.
 B. sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.
 C. sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
 D. sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.
46. Chế độ độc tài Batixta được thiết lập ở Cuba năm 1952 là
- A. chế độ độc tài chuyên chế. B. chế độ độc tài thân Mĩ.
 C. tay sai của thực dân Anh. D. tay sai của thực dân Bồ Đào Nha.
47. Kẻ thù của nhân dân các nước Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
- A. chế độ phân biệt chủng tộc. B. chủ nghĩa thực dân cũ.
 C. chủ nghĩa thực dân mới. D. giai cấp địa chủ phong kiến.
48. Nội dung nào không phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- A. Chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước.
 B. Hợp tác toàn diện với các nước đồng minh.
 C. Các tập đoàn tư bản có sức cạnh tranh cao.
 D. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên dồi dào.
49. Chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Mĩ do ai đề xướng?
- A. R. Rigân B. G. Bush C. B. Clinton D. Pho
50. Cuộc khủng bố ngày 11/9/2001 ở nước Mĩ cho thấy
- A. nước Mĩ cũng rất dễ bị tổn thương.

- B. Chiến tranh lạnh chưa hoàn toàn chấm dứt.
 C. ảnh hưởng tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa.
 D. sự suy yếu của lực lượng quân sự Mỹ.
51. Trong khoảng 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã xuất hiện trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới là
 A. Tây Âu. B. Nhật Bản. C. Liên Xô D. Mỹ.
52. Từ thời điểm nào, kinh tế Mỹ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?
 A. Những năm 60 của thế kỉ XX. B. Những năm 70 của thế kỉ XX.
 C. Những năm 80 của thế kỉ XX. D. Những năm 90 của thế kỉ XX.
53. Ý nào sau đây không phải là mục tiêu cơ bản trong chiến lược toàn cầu của Mỹ?
 A. Đáp án phong trào giải phóng dân tộc, không chế các nước Đồng minh.
 B. Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ XHCN trên thế giới.
 C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.
 D. Sử dụng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác
- TH Câu 54. Chính sách thực lực của Mỹ được hiểu là
 A. chính sách dựa vào vào sức mạnh của nước Mỹ. B. chính sách xâm lược thuộc địa.
 C. chạy đua vũ trang với Liên Xô. D. thành lập các khối quân sự.
- TH Câu 55. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?
 A. Vị trí kinh tế của Mỹ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
 B. Mỹ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.
 C. Kinh tế phát triển nhanh chóng.
 D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
- TH Câu 56. Kế hoạch Macsan còn được gọi là kế hoạch
 A. phục hưng châu Âu. B. cạnh tranh châu Âu.
 C. phục hưng kinh tế Tây Âu. D. phục hưng kinh tế châu Âu.
- TH Câu 57. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ lập ra tháng 4/1949 nhằm
 A. chống lại Liên Xô và nước XHCN Đông Âu.
 B. chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
 C. chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.
 D. chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- TH Câu 58. Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) tháng 4/1949, tình hình châu Âu như thế nào?
 A. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.
 B. ổn định và có điều kiện để phát triển.
 C. có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.
 D. dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.
- NB Câu 59. Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng nào?
 A. Cách mạng công nghiệp. B. Cách mạng du hành vũ trụ.
 C. Cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại. D. Cách mạng công nghệ thông tin.
- TH Câu 60. Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mỹ trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu là
 A. thắng lợi của cách mạng trung quốc (1949). B. thắng lợi của mạng việt nam (1975).
 C. thắng lợi của cách mạng ở cuba (1959). D. thắng lợi của cách mạng hồi giáo ở iran (1979).
- NB Câu 61. Nước nào đưa con người lên mặt trăng đầu tiên (7/1969)?
 A. Mỹ. B. Nhật Bản. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

TH Câu 62. Nhờ đâu sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo và chất lượng?

- A. Bắt cóc từ các nước trong chiến tranh.
- B. Các nhà khoa học khoa học di cư từ các nơi khác đến Mĩ.
- C. Quá trình tự đào tạo tại Mĩ.
- D. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

TH Câu 63. sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, các chính quyền Mĩ

- A. vẫn tiếp tục "chiến lược toàn cầu" và đeo đuổi chiến tranh lạnh.
- B. từ bỏ "chiến lược toàn cầu".
- C. chỉ đeo đuổi chiến tranh lạnh chống lại Liên Xô và các nước XHCN.
- D. tiếp tục "chiến lược toàn cầu" nhưng thu hẹp ở châu Á do thất bại ở Đông Dương.

TH Câu 64. sau chiến tranh lạnh Mĩ có "âm mưu"

- A. thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình
- B. vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.
- C. dùng sức mạnh kinh tế để thao túng mọi hoạt động
- D. chuẩn bị đề ra chiến lược mới.

NB Câu 65. Tổng thống nào của Mĩ gắn liền với sự ra đời của "Chiến lược toàn cầu"?

- A. Truman.
- B. Kennodi.
- C. Aixenhao.
- D. Giônxon.

NB Câu 66. Khối quân sự NATO do Mĩ đứng đầu còn có tên gọi là

- A. khối Nam Đại Tây Dương.
- B. khối Bắc Đại Tây Dương.
- C. khối Đông Đại Tây Dương.
- D. khối Tây Nam Đại Tây Dương.

TH Câu 67. "Chiêu bài" Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ các nước khác được đề ra trong "Chiến lược cam kết và mở rộng" là

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. thúc đẩy dân chủ.
- C. ủng hộ độc lập dân tộc.
- D. chống chủ nghĩa khủng bố

Câu 68. Đặc điểm của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991 là

- A. xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển ngày càng chiếm ưu thế.
- B. diễn ra sự đối đầu quyết liệt giữa các nước đế quốc nhằm tranh giành thuộc địa.
- C. thế giới trong quá trình hình thành trật tự mới theo xu hướng đa cực.
- D. có sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 69. Sự kiện khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. Mĩ đề ra “Kế hoạch Mácsan” nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu (1947).
- B. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949).
- C. thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (1947).
- D. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955).

Câu 70. Một trong những nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh là

- A. sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Xô – Mĩ.
- B. mâu thuẫn về vấn đề thị trường giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa.
- C. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc.
- D. mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa giữa khối tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 71. Điều đã không xảy ra trong quá trình diễn biến của "Chiến tranh lạnh" là:

- A. Có những mâu thuẫn, bất đồng trên lĩnh vực chính trị giữa Liên Xô và Tây Âu.
- B. Những mâu thuẫn sâu sắc trên lĩnh vực kinh tế giữa Liên Xô và Tây Âu.
- C. Những cuộc chiến tranh cục bộ xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.
- D. Những cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.

Câu 72. Nội dung nào dưới đây không phải là hệ quả của việc Mỹ thực hiện "Kế hoạch Mác-san" (1947)?

- A. Các nước Tây Âu đã từng bước phục hồi kinh tế sau chiến tranh.
- B. Mỹ đã thành công trong việc lôi kéo, khống chế các nước tư bản Đồng minh.
- C. Các nước Tây Âu từng bước vượt qua được khủng hoảng năng lượng . toàn cầu.
- D. Khiến Tây Âu và Đông Âu có sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.

Câu 73. Sự hình thành các liên minh NATO, CENTO, Tổ chức Hiệp ước Vác-sava trong những thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ hai phản ánh điều gì?

- A. Liên kết khu vực đang là một xu thế của thế giới.
- B. Nỗ lực của các quốc gia để ngăn chặn một cuộc chiến tranh thế giới mới.
- C. Sự đối đầu quyết liệt giữa hai cực trong trật tự Ianta.
- D. Chiến lược toàn cầu, xác lập vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ đã thất bại.

Câu 74. Nội dung phản ánh tình hình thế giới trong thời kì Chiến tranh lạnh là

- A. Các nước phát triển và các nước kém phát triển luôn trong tình trạng đối đầu.
- B. Các cuộc chiến tranh bằng vũ khí từng bước được hạn chế.
- C. Các nước tăng cường chạy đua vũ trang, kho vũ khí hạt nhân ngày càng nhiều.
- D. Xu thế hòa hoãn, hòa bình ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới.

Câu 75. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây xuất hiện từ

- A. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX.
- B. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX.
- C. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
- D. Cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 76. Một trong những biểu hiện của xu thế hoà hoãn Đông - Tây là:

- A. Xô - Mỹ đã có những cuộc gặp gỡ, thương lượng về các vấn đề mà cả hai cùng quan tâm.
- B. Xô - Mỹ đã trở thành đồng minh chiến lược của nhau trong nhiều vấn đề quốc tế.
- C. các nước thực dân chấp nhận trao trả độc lập cho nhiều thuộc địa ở Á - Phi - Mỹ Latinh.
- D. các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều nơi trên thế giới diễn ra với quy mô nhỏ hơn.

Câu 77. Xô - Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (1989) do

- A. cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ngày càng phát triển mạnh mẽ trên thế giới.
- B. cả hai cường quốc đều bị suy giảm thế mạnh về nhiều mặt so với các nước khác.
- C. chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D. mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc.

Câu 78. Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989) đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

- A. Mở ra xu hướng giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột.
- B. Khiến các tổ chức chính trị - quân sự trên thế giới đều bị giải thể.
- C. Làm cho phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô đều bị thu hẹp.
- D. Hình thành một trật tự thế giới mới theo xu hướng đa cực.

Câu 79. Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989) có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Đông Nam Á?

- A. Khiến các tổ chức liên kết khu vực đứng trước nguy cơ giải thể.
- B. Giúp các quốc gia ở Đông Nam Á có điều kiện kiến thiết lại đất nước.
- C. Giúp vấn đề Campuchia từng bước được tháo gỡ.
- D. Thúc đẩy sự ra đời của tổ chức khu vực Đông Nam Á.

Câu 80. Tháng 3 – 1947, Tổng thống của Mỹ Truman đã chính thức phát động cuộc "Chiến tranh lạnh" nhằm mục đích gì?

- A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh.
- C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ - Latinh.

Câu 81. Chiến tranh lạnh là

- A. cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.
- B. cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.
- C. cuộc chiến tranh giành thị trường và thuộc địa giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa.
- D. cuộc chiến tranh giành quyền thống trị thế giới giữa các cường quốc Liên Xô và Mỹ.

Câu 82. Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mỹ?

- A. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "Chiến tranh lạnh" (3 - 1947).
- C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).
- D. Sự ra đời của khối NATO (9 - 1949).

Câu 83. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mưu đồ bao quát của Mỹ là

- A. tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.
- C. tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. xác lập vị trí bá chủ duy nhất trên toàn thế giới.

Câu 84. Tại Quốc hội Mỹ ngày 12/3/1947, Tổng thống Truman đã đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho các nước nào để biến những nước này thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô và Đông Âu?

- A. Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.
- B. Bỉ và Tây Đức.
- C. Áo và Phần Lan.
- D. Anh và Pháp.

Câu 85. Sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi

- A. học thuyết Ních-xon của Mỹ.
- B. việc thực hiện "Kế hoạch Mác-san".
- C. sự ra đời của khối Hiệp ước Vác-sa-va.
- D. sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 86. Mỹ đề ra "Kế hoạch Mác-san" (6/1947) nhằm

- A. viện trợ kinh tế cho Liên Xô và các nước châu Âu.
- B. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.
- C. mở đầu cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.
- D. thành lập liên minh phòng thủ của các nước tư bản ở khu vực châu Âu.

NB Câu 87. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, sự kiện nào của thế giới có tác động mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thành công.
- B. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
- C. Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.
- D. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dâng cao ở châu Mỹ, châu Phi.

NB Câu 88. Tổ chức quốc tế nào ra đời tháng 3/1919 với mục đích thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới?

- A. Hội Quốc Liên. B. Liên Hợp Quốc.
C. Quốc Tế Cộng Sản. D. Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

NB Câu 89. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp được triển khai ở Đông Dương trong khoảng thời gian nào?

- A. 1918 – 1929. B. 1918 – 1933. C. 1919 – 1933. D. 1919 – 1929.

TH Câu 90. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc Pháp đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (chủ yếu ở Việt Nam) ngay sau chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

- A. Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế, tài chính kiệt quệ.
B. Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Việt Nam có nguồn nhân công dồi dào, rẻ mạt.
D. Pháp muốn đầu tư, phát triển kinh tế Đông Dương.

TH Câu 91. Mục đích chủ yếu của thực dân Pháp khi tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương là gì?

- A. Bù đắp thiệt hại trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
B. Thúc đẩy sự chuyển biến về kinh tế - xã hội Việt Nam.
C. Tăng cường sức mạnh kinh tế, chạy đua vũ trang, nâng cao vị thế của nước Pháp trên trường quốc tế.
D. Bù đắp những thiệt hại nặng nề do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.

TH Câu 92. Đặc điểm nổi bật của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương là thực dân Pháp đầu tư với

- A. tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế Việt Nam.
B. tốc độ nhanh, chú trọng vào áp dụng khoa học – kĩ thuật.
C. quy mô lớn, ưu tiên phát triển công nghiệp.
D. quy mô lớn, ưu tiên phát triển nông nghiệp.

NB Câu 93. Lĩnh vực kinh tế nào được Pháp đầu tư nhiều nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương?

- A. Công nghiệp và thương nghiệp. B. Nông nghiệp và khai mỏ.
C. Nông nghiệp và công nghiệp. D. Nông nghiệp và giao thông vận tải.

NB Câu 94. Trong nông nghiệp, Pháp chú trọng đầu tư nhiều nhất vào

- A. xay sát gạo. B. đồn điền cao su. C. đồn điền cà phê. D. chăn nuôi gia súc.

TH Câu 95. Lĩnh vực không được Pháp chú trọng đầu tư trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương

- A. công nghiệp nặng. B. Công nghiệp nhẹ. C. Ngoại thương. D. Giao thông vận tải.

NB Câu 96. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương và chủ yếu là ở Việt Nam, ngành khai thác khoáng sản nào được pháp đầu tư nhiều nhất?

- A. kẽm. B. Thiếc. C. Sắt. D. Than.

TH Câu 97. Chính sách nông nghiệp nào của Pháp thực hiện ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai gây ra hậu quả nặng nề đối với nông dân?

- A. Đánh thuế vào các mặt hàng nông sản.
B. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.
C. Hạn chế áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp.
D. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

TH Câu 98. Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp hạn chế sự phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

- A. Để cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế Pháp.
- B. Nhằm thâm tóm quyền lực vào tay người Pháp.
- C. Để phục vụ nhu cầu công nghiệp chính quốc.
- D. Do đầu tư vốn nhiều vào nông nghiệp.

NB Câu 99. Nền kinh tế Đông Dương sau chiến tranh thế giới thứ nhất được chỉ huy bởi

- A. Ngân hàng Việt Nam.
- B. Ngân hàng Đông Dương.
- C. Ngân hàng Đông Nam Á.
- D. Ngân hàng Liên bang Đông Dương.

TH Câu 100. Chính sách thương nghiệp bao trùm được thực dân Pháp thực hiện ở Đông Dương và Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai là

- A. độc chiếm thị trường Đông Dương và Việt Nam.
- B. biến Đông Dương trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp.
- C. mở rộng trao đổi, buôn bán giữa Việt Nam và Đông Dương.
- D. mở rộng trao đổi, buôn bán giữa Việt Nam với Pháp.

NB Câu 101. Thực dân Pháp thực hiện chính sách gì để độc chiếm thị trường Việt Nam?

- A. Tăng thuế cũ, đặt thêm thuế mới.
- B. Nhập khẩu hàng hóa vào thị trường Việt Nam.
- B. Giảm mức thuế quan đối với hàng hóa của tất cả các nước.
- C. Nâng mức thuế quan đối với hàng hóa của tất cả các nước khác.

TH Câu 102. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương, Pháp đầu tư phát triển giao thông vận tải nhằm

- A. phát triển cơ sở hạ tầng cho các nước Đông Dương.
- B. phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa.
- C. thúc đẩy sự phát triển của thương nghiệp.
- D. tăng cường vận chuyển hàng hóa giữa các vùng miền.

TH Câu 103. Nguyên nhân cơ bản giúp ngân sách Đông Dương do Pháp thu được năm 1930 tăng 3 lần so với năm 1912 là

- A. áp dụng thành tựu KH – KT vào sản xuất.
- B. khuyến khích phát triển công nghiệp nhẹ.
- C. tăng thuế và cho vay lãi.
- D. Mở rộng trao đổi buôn bán.

TH Câu 104. Thực dân Pháp đưa người Việt vào cơ quan của Pháp tại Đông Dương như các phòng thương mại và canh nông, các viện dân biểu nhằm mục đích gì?

- A. Đào tạo đội ngũ viên chức phục vụ cho Pháp.
- B. Đối phó với những biến động chính trị đang diễn ra ở Đông Dương.
- C. Tuyên truyền sức mạnh của nước Pháp.
- D. Cùng chia sẻ quyền lợi giữa người Việt với người Pháp.

TH Câu 105. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tình hình kinh tế Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

- A. Cơ cấu kinh tế Việt Nam phát triển mất cân đối.
- B. Việt Nam trở thành thị trường độc quyền của Pháp.
- C. Nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khá nhanh chóng.
- d. Kinh tế Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu và bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp.

TH Câu 106. Vì sao nói, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, nền kinh tế Đông Dương vẫn bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp?

- A. Kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, công nghiệp nặng kém phát triển.
- B. Kinh tế Đông Dương phát triển được là do sự hỗ trợ của kinh tế Pháp.
- C. Đông Dương là thị trường độc quyền của Pháp.
- D. Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương.

TH Câu 107. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, xã hội Việt Nam bị phân hóa thành những giai cấp nào?

- A. Nông dân, địa chủ, tư sản dân tộc, công nhân, tiểu tư sản.
- B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, đại địa chủ, tư sản.
- C. Tiểu tư sản, công nhân, nông dân, địa chủ, tư sản mại bản.
- D. Địa chủ, công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản.

NB Câu 108. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam triệt để nhất?

- A. Nông dân. B. Tiểu tư sản. C. Công nhân. D. Tư sản dân tộc.

NB Câu 109. Giai cấp công nhân ở Việt Nam có nguồn gốc xuất thân chủ yếu là

- A. giai cấp tư sản bị phá sản. B. Viên chức, công chức bị phá sản.
- C. thợ thủ công bị thất nghiệp. D. Nông bị tước đoạt ruộng đất.

NB Câu 110. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

- A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản dân tộc.

NB Câu 111. Đối tượng bị bóc lột chủ yếu trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp là

- A. công nhân. B. nông dân. C. tiểu tư sản. D. tư sản dân tộc.

NB Câu 112. Lực lượng tham gia đông đảo nhất trong phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỷ XX là

- A. tư sản yêu nước. B. tư sản yêu nước. C. Công nhân. D. Nông dân.

TH Câu 113. Tầng lớp nào không có khả năng tham gia phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Địa chủ và tư sản. B. Đại địa chủ và tư sản mại bản.
- C. Tư sản mại bản và nông dân. D. Địa chủ phong kiến và tiểu tư sản.

TH Câu 114. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Vô sản – tư sản; nông dân – địa chủ phong kiến.
- B. Dân tộc Việt Nam – thực dân Pháp; vô sản – tư sản.
- C. Dân tộc Việt Nam – thực dân Pháp; nông dân – địa chủ phong kiến.
- D. Trung, tiểu địa chủ - đại địa chủ; nông dân – địa chủ phong kiến.

TH Câu 115. Đây là mâu thuẫn chủ yếu nhất trong xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

- A. Vô sản – tư sản. B. Nông dân – địa chủ phong kiến.
- C. Tư sản dân tộc – thực dân Pháp. D. Dân tộc Việt Nam – thực dân Pháp.

NB Câu 116. Hướng đi tìm đường cứu nước khác với các bậc tiền bối là sang

- A. phương Tây B. Nhật Bản. C. Trung Quốc. D. phương Đông.

TH Câu 117. Con đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc lựa chọn khác với các bậc tiền bối. Đó là con đường

- A. dựa vào Pháp để lật đổ chế độ phong kiến.
- B. dựa vào Nhật Bản để đánh đuổi thực dân Pháp.
- C. từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản.
- D. cách mạng vô sản.

NB Câu 118. Người đứng đầu Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. Lê Hồng Sơn. B. Hồ Tùng Mậu. C. Nguyễn Ái Quốc D. Phạm Hồng Thái.

TH Câu 119. Mục tiêu cốt yếu nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin về trong nước.
- B. lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và tay sai để tự cứu lấy mình.
- C. trang bị lý luận giải phóng dân tộc cho thanh niên Việt Nam yêu nước.
- D. giác ngộ giai cấp công nhân theo con đường cách mạng vô sản.

TH Câu 120. Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên

- A. xuất bản báo thanh niên làm cơ quan ngôn luận của Hội.
- B. huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cách mạng để đưa về nước hoạt động.
- C. cử cán bộ đi học ở Liên Xô và Trung Quốc.
- D. thực hiện chủ trương vô sản hóa.

NB Câu 121. cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. báo Thanh niên. B. báo Đỏ. C. báo Búa liềm. D. báo Người cùng khổ.

TH Câu 122. Hoạt động quan trọng nhất của Nguyễn Ái Quốc trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để trang bị lý luận cách mạng cho hội viên.
- B. xuất bản báo Thanh niên làm cơ quan tuyên truyền của Hội.
- C. cử hội viên đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô).
- D. đưa hội viên về Việt Nam gây dựng tổ chức cách mạng.

NB Câu 123. Tác phẩm tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925 – 1927 là

- A. “Con rồng tre”. B. “Bản án chế độ thực dân Pháp”.
- C. “Đường cách mệnh”. D. “Nhật ký trong tù”.

NB Câu 124. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. Tổng bộ đặt tại Quảng Châu (Trung Quốc). C. Kì bộ đặt tại Bắc Kì (Việt Nam).
- B. Tổng bộ đặt tại Hương Cảng (Trung Quốc). D. Tổng bộ đặt tại Bắc Kì (Việt Nam).

TH Câu 125. Lí luận nào sau đây được cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá vào Việt Nam?

- A. Lí luận Mác – Lênin B. Lí luận đấu tranh giai cấp.
- C. Lí luận cách mạng vô sản. D. Lí luận giải phóng dân tộc.

NB Câu 126. Trong quá trình hoạt động, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân hóa tích cực thành hai tổ chức cộng sản là

- A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn, An Nam Cộng sản Đảng.
- B. Đông Dương Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn, An Nam Cộng sản Đảng.

NB Câu 127. Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Tâm tân xã.

D. Hội những người Việt Nam yêu nước.

TH Câu 128. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được coi là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam là vì đã

A. chuẩn bị về tư tưởng, chính trị tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. đoàn kết giai cấp công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

C. góp phần truyền bá lí luận chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

D. thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát sang tự giác.

NB Câu 129. Việt Nam Quốc dân Đảng ra đời trên cơ sở hạt nhân đầu tiên là tổ chức nào?

A. Quan hải tòng thư.

B. Nam đồng thư xã.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Cường học thư xã.

TH Câu 130. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân Đảng là

A. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngai vua.

B. đánh đuổi giặc Pháp giành độc lập dân tộc.

C. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngai vua, thiết lập dân quyền.

D. lật đổ ngai vua, tiến lên CNTB.

NB Câu 131. Việt Nam Quốc dân Đảng là một tổ chức chính trị theo khuynh hướng cách mạng

A. dân chủ vô sản.

B. dân chủ tư sản.

B. dân chủ tiểu tư sản.

D. dân tộc dân chủ.

TH Câu 132. Việt Nam Quốc dân Đảng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi

A. chủ nghĩa Mác – Lênin.

B. chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

C. tư tưởng tư sản của Đảng Quốc đại ở Ấn Độ.

D. tư tưởng duy tân, cải cách của Minh Trị ở Nhật Bản.

TH Câu 133. Nguyên nhân khách quan dẫn tới bùng nổ cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng là

A. thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp Việt Nam Quốc dân Đảng.

B. nhiều cơ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng bị phá vỡ.

C. trùm mộ phu Ba Danh bị sát hại.

D. hàng ngàn cán bộ của Đảng bị bắt bớ, giam cầm và giết hại.

NB Câu 134. Câu nói nổi tiếng “Không thành công cũng thành nhân” là của

A. Nguyễn Thái Học.

B. Phó Đức Chính.

C. Nguyễn Khắc Nhu.

D. Phạm Tuấn Tài.

Tài.

TH Câu 135. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) chứng tỏ điều gì?

A. Cuộc khởi nghĩa nổ ra chưa đúng thời cơ.

B. Giai cấp tư sản Việt Nam chưa thống nhất chủ trương khởi nghĩa.

C. Sự thất bại hoàn toàn trong khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

D. Mục tiêu cuộc khởi nghĩa không phù hợp với nhân dân.

VD Câu 136. Khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản thất bại ở Việt Nam là vì

A. giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu.

B. chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát cá nhân.

C. không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

D. không lôi kéo được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

VD Câu 137. Điểm khác nhau cơ bản trong hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với Việt Nam Quốc dân Đảng là

- A. chú trọng xây dựng tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng.
- B. tập trung phát triển lực lượng cách mạng.
- C. chú trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin.
- D. tăng cường tổ chức quần chúng đấu tranh vũ trang.

TH Câu 138. Đặc điểm nổi bật của phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỷ XX là

- A. cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo giữa khuynh hướng cách mạng vô sản và khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- B. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác.
- C. sự phát triển mạnh mẽ của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- D. sự chuyển biến về tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản trước tác động của chủ nghĩa Mác – Lênin.

TH Câu 139. Biểu hiện thắng thế hoàn toàn của khuynh hướng cách mạng vô sản trước cách mạng dân chủ tư sản trong những năm đầu của thế kỷ XX ở Việt Nam là sự ra đời của

- A. An Nam Cộng sản Đảng.
- B. Đông Dương Cộng sản Đảng.
- C. Chi bộ Cộng sản đầu tiên.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

TH Câu 140. Hạn chế lớn nhất của quá trình hoạt động của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929 là

- A. chú trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin.
- B. chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát cá nhân.
- C. liên minh An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng, tách Đông Dương Cộng sản liên đoàn hoạt động riêng rẽ.
- D. hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, làm cho cách mạng Việt Nam có nguy cơ bị chia rẽ.

NB Câu 141. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự hợp nhất các các tổ chức

- A. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân việt Cách mạng Đảng và Việt Nam Quốc dân Đảng.
- D. Việt Nam Quốc dân Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đảng Cộng sản Đông Dương.

TH Câu 142. Tư tưởng cốt lõi trong “Cương lĩnh chính trị” đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. tự do và dân chủ.
- B. độc lập và tự do.
- C. ruộng đất dân cày.
- D. đoàn kết với cách mạng thế giới.

VD Câu 143. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam vì đã chấm dứt

- A. vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp phong kiến Việt Nam.
- B. thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.
- C. vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản Việt Nam.
- D. hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

VD Câu 144. Điểm khác biệt căn bản giữa “Cương lĩnh chính trị” đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam và “Luận cương chính trị” của Đảng Cộng sản Đông Dương là

- A. đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp công nhân.
- B. xác định lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt Nam là liên minh công – nông.
- C. giải quyết đúng nhiệm vụ độc lập dân tộc và CNXH.
- D. giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

TH Câu 145. Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931?

- A. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.
- B. thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời gian lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng đứng lên chống đế quốc và phong kiến.
- D. địa chủ phong kiến câu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

TH Câu 146. Vì sao chính quyền được thành lập tại các địa phương ở Nghệ An – Hà Tĩnh trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 được gọi là chính quyền Xô viết?

- A. Vì đây là chính quyền đầu tiên được thành lập ở huyện Xô viết.
- B. Vì đây là hình thức mới của chính quyền theo kiểu Xô viết (nước Nga).
- C. Vì đây là hình thức chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- D. Vì đây là hình thức nhà nước của nước đi theo con đường XHCN.

VD Câu 147. Điểm giống nhau cơ bản giữa “Cương lĩnh chính trị đầu tiên” (đầu 1930) và “Luận cương chính trị”(10/1930)

- A. xác định đúng đắn mâu thuẫn trong xã hội Đông Dương.
- B. xác định đúng đắn giai cấp lãnh đạo.
- C. xác định đúng đắn khả năng tham gia cách mạng của các giai cấp.
- D. Xác định đúng đắn nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

TH Câu 148. So với “Cương lĩnh chính trị đầu tiên” thì “Luận cương chính trị” (10/1930) có điểm hạn chế là

- A. mang tính hữu khuynh, giáo điều.
- B. nặng về đấu tranh giai cấp, coi công nông mới là động lực của cách mạng.
- C. chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.
- D. chưa thấy được vị trí và vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.

NB Câu 149. Kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương được xác định trong thời kì 1936 – 1939 là

- A. thực dân Pháp nói chung.
- B. địa chủ phong kiến.
- C. bọn phản động thuộc địa và tay sai không chấp nhận thi hành chính sách của Chính phủ mặt trận Nhân dân Pháp.
- D. các quan lại của triều đình Huế.

NB Câu 150. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương được xác định trong thời kì 1936 – 1939 là

- A. đánh đổ đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc.
- B. đánh đổ phong kiến để người cày có ruộng.
- C. chống phát xít, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình.
- D. chống đế quốc và chống phong kiến.

VD Câu 151. So với phong trào 1930 – 1931, điểm khác biệt về hình thức đấu tranh của thời kì 1936 – 1939 là kết hợp đấu tranh

- A. chính trị và đấu tranh vũ trang.
- B. nghị trường và đấu tranh trên mặt trận.
- C. công khai và nửa công khai
- D. ngoại giao với vận động quần chúng.

NB Câu 152. Ngay từ năm 1936, Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra chủ trương thành lập mặt trận để tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân với tên gọi

- A. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

c. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

VD Câu 153. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là gì?

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong quần chúng nhân dân.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

C. Tập hợp được một lực lượng công – nông hùng mạnh.

D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.

TH Câu 154. Đảng Cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù trong giai đoạn cách mạng 1939 – 1945 là

A. phản động thuộc địa và tay sai.

B. đế quốc và phát xít.

C. thực dân phong kiến.

D. phát xít Nhật.

NB Câu 155. Hội nghị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1939 xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương lúc đó là

A. giải phóng giai cấp.

B. chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.

B. giải phóng dân tộc.

D. lật đổ phong kiến.

NB Câu 156. Tại Hội nghị BCH Trung ương tháng 11/1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ trương thành lập

A. Mặt trận nhân dân phản đế.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

TH Câu 157. Điểm mới căn bản giữa Hội nghị tháng 5/1941 so với Hội nghị tháng 11/1939 của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương là

A. Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc.

B. đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến.

C. giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước Đông Dương.

D. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm tức.

TH Câu 158. Nguyên nhân trực tiếp của sự kiện nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945 ở Đông Dương là

A. Nhật bản tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít.

B. mâu thuẫn Pháp – Nhật càng lúc càng gay gắt.

C. thất bại gần kề của Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai.

D. phong trào cách mạng dâng cao gây cho Nhật Bản nhiều khó khăn.

TH Câu 159. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang tột độ. Điều kiện khách quan cho Tổng khởi nghĩa đã đến” (SGK Lịch sử 12, trang 115). Điều kiện khách quan thuận lợi được đề cập trong đoạn trích trên được hiểu là

A. kẻ thù duy nhất của nhân dân Việt Nam đã ngã gục hoàn toàn.

B. quần chúng đã sẵn sàng đấu tranh.

C. các lực lượng vũ trang đã vào vị trí.

D. sự ủng hộ tuyệt đối của quân Đồng minh.

NB Câu 160. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941), Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Đồng minh.

C. Mặt trận Việt minh.

D. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

TH Câu 161. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành công của cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Chủ trương dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- B. Hoàn chỉnh quá trình chỉ đạo chiến lược được đề ra từ hội nghị Trung ương tháng 11/1939.
- C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất trong quần chúng.
- D. Củng cố được khối đoàn kết nhân dân.

TH Câu 162. Nội dung nào sau đây không nằm trong nghị quyết của Hội nghị BCH Trung ương Đảng tháng 11/1939?

- A. Đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- B. Tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.
- C. Dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.
- D. Xác định phát xít Nhật là kẻ thù chủ yếu.

NB Câu 163. Tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Việt Nam là gì?

- A. Giải phóng dân tộc.
- B. Cách mạng ruộng đất.
- C. Thành lập mặt trận Việt minh.
- D. phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

NB Câu 164. Trong chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã xác định kẻ thù duy nhất và trước mắt của nhân dân Việt Nam là

- A. Trung Hoa dân quốc.
- B. quân Pháp.
- B. quân Mĩ.
- C. phát xít Nhật.

VD Câu 165. Ý nghĩa quan trọng nhất của cách mạng tháng Tám 1945 là

- A. lật đổ ngai vàng phong kiến đã ngự trị hàng chục thế kỉ trên đất nước ta.
- B. chấm dứt sự thông trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật đối với nước ta.
- C. người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người chủ đất nước.
- D. đem lại độc lập, tự do cho dân tộc và góp phần cổ vũ cho phong trào cách mạng thế giới.

VD Câu 166. Nguyên nhân cơ bản quyết định đến sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 là

- A. truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc ta.
- B. liên minh công – nông vững chắc.
- C. phát xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh đánh bại.
- D. sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương.

VD Câu 167. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của cách mạng tháng tám 1945?

- A. phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật và phong kiến, đem lại độc lập tự do cho dân tộc.
- B. mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.
- C. buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- D. thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

TH Câu 168. Trong cách mạng tháng Tám 1945, khởi nghĩa tại các đô thị thắng lợi lại có ý nghĩa quyết định nhất vì đây là nơi

- A. tập trung các trung tâm chính trị, kinh tế của kẻ thù.
- B. có nhiều thực dân, đế quốc.
- C. có đông đảo quần chúng được giác ngộ.
- D. đặt cơ quan đầu não chỉ huy của lực lượng cách mạng.

VD Câu 169. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có tính chất

- A. khởi nghĩa chính trị.
- B. khởi nghĩa từng phần.
- C. khởi nghĩa vũ trang.
- C. khởi nghĩa toàn phần.

TH Câu 170. Cho các sự kiện: 1) Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện; 2) quân Nhật vượt biên giới Việt – Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam; 3) Nhật đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương. Sắp xếp theo đúng trình tự thời gian.

- A. 2,3,1. B. 1,2,3. C. 3,2,1. D. 1,3,2.

NB Câu 171. Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra trong

- A. một tháng. B. hai tháng. C. 15 ngày. D. 20 ngày.

NB Câu 172. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã

- A. rút vào bí mật, chuẩn bị cho một cao trào mới.
B. đòi Pháp trao trả ngay lập tức nền độc lập cho Việt Nam.
C. liên minh với Nhật để chống Pháp.
D. phát động quần chúng Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

NB Câu 173. Thay khẩu hiệu “Thành lập chính quyền Xô viết công nông binh” bằng khẩu hiệu “Lập Chính phủ cộng hòa” là chủ trương của Hội nghị nào dưới đây?

- A. Hội nghị BCH Trung ương tháng 7/1936. C. Hội nghị BCH Trung ương tháng 5/1941.

- B. Hội nghị BCH Trung ương tháng 11/1939. D. Hội nghị BCH Trung ương tháng 8/1945.

Câu 174: Một trong những thuận lợi của cách mạng Việt Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là gì?

- A. Quân Trung Hoa Dân quốc vào miền Bắc giải giáp quân Nhật.
B. Chính phủ Việt Nam đã nắm giữ được ngân hàng Đông Dương.
C. Quân Anh vào miền Nam giải giáp quân Nhật.
D. Nhân dân giành được quyền làm chủ đất nước.

Câu 175: Trong khoảng thời gian từ đầu 9-1945 đến cuối 12-1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp trở ngại nào sau đây?

- A. Chưa nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
B. Mĩ biến Việt Nam thành tâm điểm của cục diện hai cực, hai phe.
C. Chỉ có một số nước Đồng minh công khai ủng hộ Việt Nam độc lập.
D. Mĩ viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 176. Trong năm đầu sau khi được thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với khó khăn nào sau đây?

- A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện. B. Nguy cơ chiến tranh thế giới.
C. Giặc ngoại xâm và nội phản. D. Phát xít Nhật còn mạnh.

Câu 177: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 9-1945 đến cuối tháng 12-1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp trở ngại nào sau đây?

- A. Mĩ biến Việt Nam thành tâm điểm của cục diện hai cực, hai phe.
B. Chỉ có một số nước Đồng minh công khai ủng hộ Việt Nam độc lập.
C. Lực lượng Đồng minh ở Việt Nam đều mang bản chất phản cách mạng.
D. Mĩ viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 178 . Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, những thế lực ngoại xâm nào có mặt ở Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc?

- A. Phát xít Nhật, đế quốc Mĩ. B. Đế quốc Anh, phát xít Nhật.
C. Thực dân Pháp, phát xít Nhật. D. Phát xít Nhật, Trung Hoa Dân quốc.

Câu 179: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng Đồng minh nào vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16?

- A. Quân Pháp. B. Quân Anh. C. Quân Mỹ. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 180. Khó khăn nghiêm trọng nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. nạn đói. B. giặc đốt. C. tài chính. D. giặc ngoại xâm.

Câu 181: Sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, các thế lực ngoại xâm và nội phản đều có âm mưu

- A. biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới. B. mở đường cho Mĩ xâm lược Việt Nam.
C. chống phá cách mạng Việt Nam. D. giúp Trung Hoa Dân quốc chiếm Việt Nam.

Câu 182: Cuộc bầu cử Quốc hội khóa I và hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam có tác dụng như thế nào đối với việc củng cố chính quyền nhân dân sau ngày cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công?

- A. Nâng cao uy tín quốc tế của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.
B. Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.
C. Làm cho các cơ quan tư pháp ở cơ sở được hoàn thiện.
D. Làm cho bộ máy nhà nước từng bước được kiện toàn.

Câu 183: Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

- A. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.
B. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.
C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.
D. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.

Câu 184: Đề giải quyết nạn đói, trong hơn một năm đầu sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

- A. kêu gọi nhân dân “nuông cơm sẻ áo”. B. phát động cuộc cải cách giáo dục.
C. vận động nhân dân xây dựng chính quyền mới. D. thành lập Nha Bình dân học vụ.

Câu 185: Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Khai giảng các bậc học. B. Cải cách giáo dục.
C. Bỏ tục văn hóa. D. Chống giặc đốt.

Câu 186: Một trong những biện pháp về tài chính nhằm xây dựng chế độ mới ở Việt Nam những năm 1945-1946 là

- A. thành lập Nha Bình dân học vụ. B. mở các lớp học xóa nạn mù chữ.
C. phổ cập giáo dục tiểu học. D. Xây dựng Quỹ độc lập.

Câu 187: Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946, đối với quân Trung hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương nào?

- A. Hòa hoãn tránh xung đột. B. Ký hiệp ước hòa bình.
C. Vừa đánh vừa đàm phán. D. Kiên quyết kháng chiến.

Câu 188: Trong bối cảnh Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết (tháng 2 - 1946), Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương gì?

- A. Hòa với thực dân Pháp để đánh quân Trung Hoa Dân quốc.
B. Hòa hoãn và nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp.
C. Phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.
D. Chiến đấu chống thực dân Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 189: Ngày 6-3-1946, Hiệp định Sơ bộ được kí kết giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đại diện Chính phủ Pháp khi

- A. Trung Hoa Dân quốc không đồng ý cho quân Pháp ra miền Bắc Việt Nam.
- B. Pháp và Trung Hoa Dân quốc đã kí bản Hiệp ước Hoa-Pháp.
- C. Chính phủ Pháp có thiện chí giữ gìn nền hòa bình ở Đông Dương.
- D. quân dân Việt Nam vẫn đang phát triển thế chủ động tiến công.

Câu 190. Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia

- A. tự do.
- B. tự trị.
- C. tự chủ.
- D. độc lập.

Câu 191: Nhận xét nào sau đây là đúng về bản Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp (6/3/1946)?

- A. Là sách lược của Việt Nam để tiếp tục kéo dài thời gian hòa hoãn với Pháp.
- B. Là điển hình về vận dụng sách lược phân hóa và cô lập kẻ thù.
- C. Công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có quyền dân tộc tự quyết.
- D. Chuyển Pháp từ vị trí đối tác trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam.

Câu 192: Trong những năm 1945-1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực hiện một trong những biện pháp nào sau đây nhằm bảo vệ chế độ mới?

- A. Nắm bắt tình hình, dự báo chính xác nguy cơ để có những đối sách phù hợp.
- B. Kết hợp xây dựng thực lực toàn diện với tận dụng nguồn viện trợ từ bên ngoài.
- C. Kiên quyết không nhân nhượng với kẻ thù để giữ vững thành quả cách mạng.
- D. Tam gác nhiệm vụ chống nội phản để tập trung tối đa đối phó với ngoại xâm.

Câu 193: Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (19/12/1946) ngay sau khi

- A. Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.
- B. Pháp chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.
- C. cuộc đàm phán ở Phôngtennoblô (Pháp) thất bại.
- D. Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam.

Câu 194: Tài liệu nào dưới đây lần đầu tiên khẳng định sự nhân nhượng của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp xâm lược đã đến giới hạn cuối cùng?

- A. “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng bí thư Trường Chinh.
- B. “Tuyên ngôn độc lập” của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- C. “Toàn dân kháng chiến” của Ban thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 195: Nội dung nào dưới đây là sự tóm tắt đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của Đảng cộng sản Đông Dương?

- A. Toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ các lực lượng hòa bình.
- B. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 196: Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam tại các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947 có nhiệm vụ trọng tâm là

- A. giữ thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. giam chân quân Pháp một thời gian.
- C. phá hủy toàn bộ phương tiện vật chất của Pháp.
- D. tiêu diệt toàn bộ binh lực Pháp.

Câu 197: Nhiệm vụ chủ yếu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (từ tháng 12/1946 đến tháng 2/1947) là

- A. bảo vệ Hà Nội và các đô thị.
- B. củng cố hậu phương kháng chiến.
- C. tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.
- D. giam chân quân Pháp tại các đô thị.

Câu 198. Cuộc chiến đấu của quân dân Hà Nội (từ ngày 19 - 12 - 1946 đến ngày 17 - 2 - 1947) đã

- A. Đẩy quân Pháp rơi vào tình thế phòng ngự bị động.
- B. Tiêu diệt được một bộ phận sinh lực của quân Pháp,
- C. Giải phóng được một địa bàn chiến lược quan trọng.
- D. Buộc thực dân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài.

Câu 199. Khi thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc năm 1947, Trung ương Đảng ra chỉ thị nào?

- A. Phải chủ động đón đánh địch ở mọi nơi chúng xuất hiện.
- B. Chủ động giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường.
- C. Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp.
- D. Nhanh chóng triển khai lực lượng tiêu diệt sinh lực địch.

Câu 200. Chiến thắng Việt Bắc năm 1947 của quân dân Việt Nam đã buộc thực dân Pháp phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang

- A. phòng ngự.
- B. đánh phân tán.
- C. đánh tiêu hao.
- D. đánh lâu dài.

Câu 201. Thắng lợi nào của quân đội và nhân dân Việt Nam đã làm phá sản âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương (1945-1954)?

- A. Cuộc chiến đấu trong các đô thị năm 1946.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.
- C. Chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 202: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc không thu - đông năm 1947?

- A. Chứng tỏ sự đúng đắn trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.
- B. Buộc thực dân Pháp phải chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài.
- C. Quân đội Việt Nam giành được quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. Mở ra giai đoạn phát triển mới trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 203. Nội dung nào sau đây là điều kiện thuận lợi của Việt Nam khi mở chiến dịch Biên giới thu-đông 1950?

- A. Pháp lâm vào thế bị động trên chiến trường do phải nhận viện trợ của Mĩ.
- B. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa có chính sách tích cực đối với Việt Nam.
- C. Các nước xã hội chủ nghĩa hợp tác toàn diện và viện trợ cho Việt Nam.
- D. Các vùng giải phóng của cách mạng Đông Dương được mở rộng và nối liền.

Câu 204: Nội dung nào sau đây không phải là mục đích của Việt Nam khi mở chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950?

- A. Làm phá sản chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.
- B. Khai thông đường sang Trung Quốc và các nước trên thế giới
- C. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp.
- D. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 205: Nội dung nào sau đây không phải là mục đích của Việt Nam khi mở chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950?

- A. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp.
- B. Khai thông đường sang Trung Quốc và các nước trên thế giới.
- C. Phát huy thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính.
- D. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 206: Đông Khê được chọn là nơi mở đầu chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam, vì đó là vị trí

- A. quan trọng nhất và tập trung cao nhất binh lực của Pháp.

- B. án ngữ Hành lang Đông - Tây của thực dân Pháp.
 C. ít quan trọng nên quân Pháp không chú ý phòng thủ.
 D. có thể đột phá, chia cắt tuyến phòng thủ của quân Pháp.
- Câu 207: Chiến dịch nào dưới đây là chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?
 A. Thượng Lào năm 1954. B. Điện Biên Phủ năm 1954.
 C. Việt Bắc thu - đông năm 1947. D. Biên giới thu - đông năm 1950.
- Câu 208: Chiến thắng Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam đã
 A. phá thế bao vây của Pháp đối với căn cứ địa Việt Bắc.
 B. buộc Pháp phải công nhận nền độc lập của Việt Nam.
 C. mở đầu phong trào phá ấp chiến lược.
 D. buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.
- Câu 209: Các chiến dịch Việt Bắc (thu - đông 1947), Biên giới (thu - đông 1950) và Điện Biên Phủ (1954) của quân dân Việt Nam có điểm chung nào sau đây?
 A. Có sự ủng hộ về vật chất và tinh thần của các nước xã hội chủ nghĩa.
 B. Làm phá sản chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp,
 C. Kết hợp hoạt động tác chiến của bộ đội với nổi dậy của quần chúng.
 D. Làm thất bại các kế hoạch chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.
- Câu 210: Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 so với chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam là về
 A. loại hình chiến dịch. B. địa hình tác chiến.
 C. đối tượng tác chiến. D. lực lượng chủ yếu.
- Câu 211: Đề vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh xâm lược Việt Nam, trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) thực dân Pháp chú trọng
 A. tập trung xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.
 B. tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm.
 C. xây dựng phòng tuyến công sự bằng xi măng cốt sắt.
 D. đánh phá hậu phương kháng chiến bằng biệt kích, thổ phỉ.
- Câu 212: Một trong những nội dung của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2-1951) là
 A. quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản. B. đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước.
 C. đề ra đường lối công nghiệp hóa đất nước. D. quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai.
- Câu 213: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2-1951) đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, vì đã
 A. quyết định hoàn thành đồng thời hai nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.
 B. quyết định thành lập khối đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.
 C. hoàn chỉnh chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương.
 D. chủ trương hoàn thành cải cách ruộng đất ở vùng tự do ngay trong kháng chiến.
- Câu 214: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 2 - 1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai ở Việt Nam với tên gọi
 A. Đảng Dân chủ Việt Nam. B. Đảng Lao động Việt Nam.
 C. Đảng Dân chủ Đông Dương. D. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Câu 215: Tại Đại hội đại biểu lần thứ II (tháng 2 - 1951), Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một
 A. Đảng Mác - Lênin. B. Chính phủ liên hiệp. C. mặt trận thống nhất. D. lực lượng vũ trang.

- Câu 216: Năm 1953, thực dân Pháp gặp khó khăn nào trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam?
 A. Bước đầu để mất quyền chủ động. B. Mỹ cắt giảm nguồn viện trợ.
 C. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp. D. Bị Mỹ ép kết thúc chiến tranh.
- Câu 217: Ở Đông Dương, thực dân Pháp đề ra kế hoạch quân sự Nava (1953) trong bối cảnh nào sau đây?
 A. Quân phiệt Nhật Bản tiến vào Đông Dương. B. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.
 C. Quân Pháp bị sa lầy trên chiến trường. D. Quân Trung Hoa Dân quốc tiến vào Việt Nam.
- Câu 218: Ở Đông Dương, thực dân Pháp đề ra kế hoạch quân sự Nava (1953) trong bối cảnh nào sau đây?
 A. Quân phiệt Nhật Bản tiến vào Đông Dương.
 B. Quân Pháp lâm vào thế phòng ngự bị động.
 C. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.
 D. Quân Trung Hoa dân quốc tiến vào Việt Nam.
- Câu 219: Ở Đông Dương, thực dân Pháp đề ra kế hoạch quân sự Nava (1953) trong bối cảnh nào sau đây?
 A. Quân phiệt Nhật Bản tiến vào Đông Dương.
 B. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.
 C. Vùng chiếm đóng của Pháp bị thu hẹp.
 D. Quân Trung Hoa dân quốc tiến vào Việt Nam.
- Câu 220: Ở Đông Dương, thực dân Pháp đề ra kế hoạch quân sự Nava (1953) trong bối cảnh nào sau đây?
 A. Thực dân Pháp bị thiệt hại nặng nề. B. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.
 C. Quân phiệt Nhật Bản tiến vào Đông Dương. D. Quân Trung Hoa dân quốc tiến vào Việt Nam.
- Câu 221. Bước vào thu-đông 1953, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch quân sự nào sau đây ở Đông Dương?
 A. Kế hoạch Bôlae. B. Kế hoạch Nava.
 C. Kế hoạch Rove. D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- Câu 222: Năm 1953, thực dân Pháp đề ra kế hoạch Nava nhằm mục đích
 A. khóa chặt biên giới Việt - Trung. B. cô lập căn cứ địa Việt Bắc.
 C. kết thúc chiến tranh trong danh dự. D. quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương.
- Câu 223: Theo kế hoạch Nava, từ thu – đông 1954 thực dân Pháp tiến công chiến lược ở Bắc Bộ (Việt Nam) nhằm
 giành thắng lợi quyết định về
 A. ngoại giao. B. quân sự. C. chính trị và ngoại giao. D. chính trị.
- Câu 224: Cuối năm 1953, thực dân Pháp chọn địa bàn nào sau đây để xây dựng thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương?
 A. Cao Bằng B. Điện Biên Phủ. C. Đông Khê. D. Thất Khê.
- Câu 225: Trong thời kì 1945 – 1954, quân đội và nhân dân Việt Nam đã mở chiến dịch nào để tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp ở Đông Dương?
 A. Việt Bắc. B. Thượng Lào. C. Điện Biên Phủ. D. Biên giới.

CẤU TRÚC – MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I.

Bài/chuyên đề	Số câu	Mức độ				Điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

Bài 1	1	1				0.25
Bài 2	1	1				0.25
Bài 4	2	1	1			0.5
Bài 5	1	1				0.25
Bài 6	1	1				0.25
Bài 9	2		2			0.5
Bài 12	3	2	1			0.75
Bài 13	5	2	1	1	1	1.25
Bài 14	4	1	1	1	1	1.0
Bài 15	3	1	1	1		0.75
Bài 16	6	1	3	1	1	1.5
Bài 17	4	1	1	1	1	1.0
Bài 18	3		2	1		0.75
Bài 19	2		2			0.5
Bài 20	2	1	1			0.5
Cộng	40	14	16	6	4	10

----- HẾT -----

Tuần 19

Tiết PPCT: 36

Chương IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương; nguyên nhân việc nước ta bị chia cắt hai miền với chế độ chính trị – xã hội khác nhau.

- Nhiệm vụ của cách mạng hai miền trong giai đoạn từ 1954 đến 1965.

- Những thành tựu to lớn mà nhân dân hai miền Nam – Bắc đã đạt được và những khó khăn, yếu kém và cả sai lầm mà nhân dân gặp phải.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, thấm thía nỗi đau khi đất nước bị chia cắt, vui mừng trước những thành tựu của đất nước đạt được trong thời kì này; từ đó có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đề của cách mạng.

3. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước, nhiệm vụ cách mạng từng miền, âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam

II. CHUẨN BỊ.

Lược đồ phong trào “Đông khởi” ở miền Nam và lược đồ về các trận đánh của quân và dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: 10 phút

Nội dung của Hiệp định Genevo về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương?

Ý nghĩa của Hiệp định?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Khái quát tình hình nước ta sau Hiệp định Genevo và nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 17 phút</p> <p>- Khái quát tình hình nước ta sau Hiệp định Genève và nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.</p> <p>+ Ta: <i>Nghiêm chỉnh chấp hành những điều khoản của HĐ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 10/10/1954 quân ta về tiếp quản Thủ đô. - 1/1/1955 TW Đảng , chính phủ dời chiến khu về Hà Nội. <p>+Pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16/5/1955 Pháp rút khỏi miền Bắc. - 5/1956 rút hoàn toàn quân đội ra khỏi miền Nam, bỏ trách nhiệm thi hành Hiệp định. <p>+Mỹ: <i>Am mưu thay Pháp ,xây dựng chính quyền tay sai ở miền Nam,biến MN thành thuộc địa và căn cứ QS , hòng chia cắt lâu dài nước ta.</i></p> <p>- Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Genève như thế nào?</p> <p>+ Đất nước bị chia cắt với 2 chế độ chính trị khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MB được hoàn toàn giải phóng. - MN trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. <p>+ Nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MB khôi phục hậu quả chiến tranh, đưa MB tiến lên CM XHCN 	<p>I. TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA SAU HIỆP ĐỊNH GIO-NE-VO 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG</p> <p>1. Tình hình</p> <p>a. Miền Bắc :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 10/10/1954, quân ta tiếp quản Hà Nội. - Ngày 1/1/1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch ra mắt nhân dân Thủ đô . - Ngày 16/ 5/1955, lính Pháp cuối cùng rời khỏi Hải Phòng, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. <p>b. Miền Nam :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 5/1956, Pháp rút khỏi miền Nam khi chưa thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền. - Mỹ thay Pháp, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ. <p>2. Nhiệm vụ cách mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miền Bắc: hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, tiến lên CNXH. - Miền Nam: tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

<p>- MN tiếp tục CM DTDC nhằm gp MN thống nhất đất nước.</p> <p>Hoạt động 2 : 13 phút</p> <p>- Tại sao miền Bắc phải tiến hành cải cách ruộng đất? Kết quả?</p> <p>-Tiến hành thu ruộng đất của địa chủ, phong kiến về tay nhân dân.</p> <p>- Từ 1954-1956 diễn ra 4 đợt giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất ở 22 tỉnh.</p> <p>-Kết quả: qua các đợt cải cách, đã thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn ha đất, 10 vạn trâu, bò 1,5 triệu nông cụ chia cho dân cày.</p> <p>- Ý nghĩa: cải cách đã làm bộ mặt nông thôn thay đổi, liên minh công-nông được củng cố.</p> <p>- Hạn chế: Trong cải cách mắc phải một số sai lầm như: đấu tố tràn lan thô bạo thiếu phân biệt đối xử...</p>	<p>II. MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 – 1960)</p> <p>1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957)</p> <p>a. Hoàn thành cải cách ruộng đất :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1954 - 1956, tiến hành tiếp 4 đợt cải cách ruộng đất. - Kết quả: 81 vạn hecta ruộng đất, 1,8 triệu nông cụ được chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực. - Có sai lầm trong việc đấu tố tràn lan, nhưng đã kịp thời sửa sai. - Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc thay đổi, liên minh công nông được củng cố. <p>b. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (đọc thêm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp: nông dân hăng hái khẩn hoang, phục hóa. Năm 1957, sản lượng lương thực đạt gần 4 triệu tấn, nạn đói kinh niên ở miền Bắc căn bản được giải quyết. - Công nghiệp: khôi phục, mở rộng và xây mới nhiều nhà máy, xí nghiệp. - Thủ công nghiệp, thương nghiệp: đảm bảo cung cấp các mặt hàng thiết yếu. Ngoại thương tập trung vào nhà nước, quan hệ buôn bán với 27 nước. - Giao thông vận tải: khôi phục, sửa chữa và làm mới hệ thống giao thông. - Văn hóa, giáo dục được đẩy mạnh . - Hệ thống y tế được quan tâm xây dựng. <p>2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội (1958 – 1960) (đọc thêm)</p> <p>a. Cải tạo XHCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1958 – 1960, cải tạo quan hệ sản xuất làm trọng tâm, cải tạo nhiều lĩnh vực, khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp. - Cuối 1960, trên 85 % hộ nông dân vào hợp tác xã, hơn 95 % hộ tư sản vào công tư hợp doanh. <p>b. Xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế: trọng tâm là phát triển kinh tế quốc doanh. Năm 1960 có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lý. - Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển.
---	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ –Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng ?

3. Dặn dò: 2 phút

trả lời câu hỏi trong SGK , học bài mới.

Tuần 20

Tiết PPCT: 37

**Bài 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH
CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM
(1954 – 1965)**

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ôn định lớp.

2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

- Tình hình và nhiệm vụ nước ta sau hiệp Giơ ne vơ 1954?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động1: 7 phút</p> <p>- Tại sao ta có chủ trương đấu tranh chính trị chống Mỹ – Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng?</p> <p>- Từ 1954 chuyển sang đấu tranh chính trị chống Mỹ – Diệm.</p> <p>-Mục đích: đòi thi hành Hiệp định Genève ,bảo vệ hoà bình, gìn giữ và pt lực lượng cách mạng.</p> <p>- 8/1954 có phong trào hoà bình, của nd Sài Gòn-Chợ Lớn.</p>	<p>III. MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MỸ – DIỆM, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI “ĐỒNG KHỞI”.</p> <p>1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959)-(đọc thêm).</p> <p>- Từ giữa năm 1954, cách mạng miền Nam chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị chống Mĩ-Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hòa bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng</p> <p>- Mở đầu là “Phong trào hòa bình” của trí thức và nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn (tháng 8/1954), với các</p>

- Mỹ – Diệm tăng cường khủng bố , nhưng pt vẫn tiếp tục phát triển ; từ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Hoạt động 2: 16 phút

- Phong trào Đồng khởi là cuộc nổi dậy đồng loạt của nhân dân nam Bộ , nhằm phá vỡ ách kìm kẹp, của chính quyền địch ở cơ sở.

- Sau Hiệp định Genève ta có chủ trương đấu tranh chính trị, vậy tại sao 1959-1960 một cuộc nổi dậy đồng loạt trên khắp miền Nam.

Từ 1957 – 1959 Mỹ Diệm tăng cường chính sách khủng bố cách mạng bằng chiến dịch: tổ cộng, diệt cộng, luật 10 /59...nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân không bị dập tắt mà phát triển thành bão táp cách mạng; bùng nổ đầu tiên ở Vĩnh Thạnh (BD) Bắc Ai (NT 2/1959) Trà Bồng (QN 8/1959).

- Tháng 1/1959 Hội nghị TW Đảng lần thứ 15 họp và xác định : Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mỹ – Diệm.

Hoạt động : Cả lớp và cá nhân.

- **Diễn biến , kết quả, ý nghĩa?**

- 17/01/1960 Tỉnh ủy Bến Tre đã lãnh đạo nhd 3 xã (Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh) ở Mỏ Cày đồng loạt nổi dậy đánh đồn bót, diệt ác ôn, giải tán chính quyền nguy, phong trào lan nhanh ra toàn tỉnh Bến Tre, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch.

- Từ Bến Tre phong trào lan rộng khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung Trung Bộ.

+Kết quả: CM đã làm chủ được 600/1298 xã ở NB, 3200 thôn ở Tây Nguyên không còn chính quyền nguy.

cuộc mít tinh, đưa yêu sách đòi nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ.

- Khi bị Mĩ – Diệm khủng bố, đàn áp, phong trào vì hòa bình lan rộng ra các thành phố khác như Huế, Đà Nẵng, chuyển dần sang đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.

2. Phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960)

a. Nguyên nhân

- Những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra Luật 10/59, công khai chém giết, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng. Yêu cầu đặt ra là phải có biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn.

- Tháng 01/1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định: cách mạng miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng. Phương hướng cơ bản là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang.

b. Diễn biến – kết quả

- Lúc đầu phong trào nổ ra lẻ tẻ ở một số nơi: Vĩnh Thạnh, Bắc Ái, Trà Bồng (2 – 8.1959).

- Ngày 17/1/1960, “Đồng khởi” nổ ra ở 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày -Bến Tre). Cuộc nổi dậy nhanh chóng lan khắp huyện Mỏ Cày và toàn tỉnh Bến Tre.

- Quân chúng giải tán chính quyền địch, lập Ủy ban nhân dân tự quản, lập lực lượng vũ trang.

- Phong trào lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung Trung bộ. Cuối 1960, ta làm chủ nhiều thôn xã.

- Trong khí thế của phong trào đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960) nhằm đoàn kết toàn dân đấu tranh chống Mỹ – Diệm.

c. Ý nghĩa

- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

- Làm lung lay tận gốc chế độ tay sai Ngô Đình Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam: từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

<p>Hoạt động 3: 12 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giữa lúc cách mạng 2 miền có những bước tiến quan trọng . -MB đạt nhiều thành tựu trong cải tạo XHCN, khôi phục kinh tế. -MN có những bước pt nhảy vọt sau pt Đồng khởi, ĐH 2 của Đảng họp tại HN. <p>Hoạt động2 : Cả lớp và cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960)? + ĐH xác định mục tiêu ,nhiệm vụ cho từng miền: -MB; cách mạng XHCN , có vai trò quyết định đối với cách mạng cả nước. -MN: cách mạng DTDCND, có vai trò quyết định trực tiếp với sự nghiệp gp dân tộc. - Khẳng định cách mạng 2 miền có mối tác động qua lại nhằm hoàn thành cách mạng DTDC trong cả nước.. +Thông qua báo cáo chính trị , báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). +Bầu BCH TW mới do Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất. Ý nghĩa của Đại hội? 	<p>IV. MIỀN BẮC BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961 – 1965)</p> <p>1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960).</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hoàn cảnh lịch sử: Giữa lúc cách mạng hai miền Nam – Bắc có những bước tiến quan trọng, tháng 9.1960, tại Hà Nội, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III b. Nội dung: - Đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước; nhiệm vụ, vai trò của cách mạng từng miền; mối quan hệ giữa cách mạng 2 miền: + Miền Bắc: cách mạng xã hội chủ nghĩa có vai trò quyết định nhất . + Miền Nam: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có vai trò quyết định trực tiếp. + Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó nhau nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. - Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965). - Bầu BCH Trung ương mới. * Ý nghĩa: - Nghị quyết của Đại hội đã soi sáng những vấn đề chủ yếu của cách mạng VN, thúc đẩy nhân dân hăng hái xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà..
--	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

- Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ –Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi (1954-1960).

Tuần 21

Tiết PPCT: 38

Bài 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ôn định lớp.

2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Diễn biến và kết quả của phong trào Đồng khởi?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1 : 10 phút - Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ra đời trong hoàn cảnh nào? Mục tiêu và thành tựu của kế hoạch? - Hoàn cảnh - Thành tựu cơ bản. - Ý nghĩa của nó, HS căn cứ vào thành tựu rồi đưa ra ý nghĩa .. - Những thành tựu quan trọng trong pt đồng khởi, đã phá vỡ cơ bản hệ thống chính quyền địch ở cơ sở ; chính sách thực dân mới của Mỹ có nguy cơ bị phá sản , trong bối cảnh đó Mỹ buộc đưa ra chiến lược mới “ Chiến tranh đặc biệt”.</p> <p>Hoạt động 2 : 15 phút - Chiến tranh đặc biệt là gì? Âm mưu và thủ đoạn? - Khái niệm :là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới ,được tiến hành bằng quân đội SG, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ Âm mưu cơ bản :là “dùng người Việt đánh người Việt”. Thủ đoạn : - Tăng viện trợ quân sự, đưa vào Miền Nam nhiều cố vấn quân sự . - Thành lập BCH quân sự Mĩ tại Sài Gòn (MACV) 1962. -Tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược. - Ra sức bắt lính nhằm tăng lực lượng quân nguy - Tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét (kế hoạch Xtalây-Taylo) bình định MN trong vòng 18 tháng .</p>	<p>2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965) a. Nhiệm vụ: lấy xây dựng CNXH làm trọng tâm, ra sức phát triển công, nông nghiệp, tiếp tục cải tạo XHCN, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh. b. Thành tựu: - Công nghiệp: giá trị sản lượng công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với 1960, - Nông nghiệp: nhiều HTX nông nghiệp đạt và vượt 5 tấn thóc/ha. - Thương nghiệp quốc doanh được ưu tiên phát triển, góp phần củng cố QHSX mới, cải thiện đời sống nhân dân. - Hệ thống giao thông được củng cố, phát triển. Việc đi lại trong nước và quốc tế thuận lợi hơn trước. - Giáo dục – y tế có bước phát triển mạnh c. Ý nghĩa: Bộ mặt xã hội miền Bắc thay đổi, kinh tế, quốc phòng lớn mạnh; nhờ vậy, miền Bắc đã làm tốt nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam.</p> <p>V. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ (1961 – 1965) 1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam. a. Bối cảnh lịch sử: Cuối 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm bị thất bại, Mĩ buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) b. Âm mưu: “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống “cố vấn” Mĩ dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ, nhằm chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta. Âm mưu cơ bản: “dùng người Việt đánh người Việt” c. Thủ đoạn - Đề ra kế hoạch Xtalây – Taylo nhằm bình định miền Nam trong 18 tháng, với các biện pháp như: + Tăng viện trợ quân sự cho Diệm, tăng cường cố vấn Mỹ và lực lượng quân đội Sài Gòn. + Tiến hành dồn dân lập “Áp chiến lược”, trang bị hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”. + Thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam (MACV). + Mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực</p>

<p>- Tiến hành các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại Miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển ... ngăn chặn sự chi viện từ Bắc vào Nam</p> <p>Hoạt động 3: 10 phút</p> <p>- Sau phong trào đồng khởi, cách mạng miền Nam có những bước pt nhảy vọt: -20/12/1960 mt dtgp miền Nam VN ra đời. -15/2/1961 lực lượng vũ trang thống nhất thành quân gp miền Nam. -1/1961 thành lập trung ương cục miền Nam. -Tấn công địch ở 3 vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng và đô thị), 3 mũi giáp công là(chính trị, quân sự, binh vận)...</p> <p>+ Mặt trận chống bình định: diễn ra quyết liệt trong việc lập và phá ấp chiến lược, đến cuối năm 1962 trên nửa tổng số ấp (8000)với gần 70% nông dân do cách mạng kiểm soát.</p> <p>+ Mặt trận chính trị: -Phong trào đấu tranh chính trị, của các tầng lớp nd ở các đô thị lớn như H, ĐN, SG... phát triển mạnh. -8/5/1963 có 2 vạn tăng ni, phật tử biểu tình ở Huế, làm cho chính quyền Diệm bị lung lay tận gốc. - 1/11/1963 Mỹ dùng tay sai đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.</p> <p>+ Mặt trận quân sự:</p>	<p>lượng cách mạng, tiến hành nhiều hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.</p> <p>- Đầu năm 1964, Mĩ và chính quyền Sài Gòn đặt yêu cầu “bình định” có trọng điểm miền Nam trong hai năm (1964-1965) bằng kế hoạch Giôn-xơn – Mac Namara</p> <p>2. Miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.</p> <p>- 1.1961, Trung ương Cục miền Nam ra đời; tháng 2.1961, các lực lượng vũ trang thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam.</p> <p>- Quân dân ta kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận).</p> <p>Những thắng lợi tiêu biểu:</p> <p>* Đấu tranh chống và phá “Áp chiến lược”: gay go quyết liệt</p> <p>- Cuối năm 1962, ta kiểm soát hơn ½ tổng số ấp với 70% nông dân ở miền Nam.</p> <p>- Giữa 1965, địch chỉ còn kiểm soát 2200 ấp.</p> <p>* Đấu tranh quân sự</p> <p>- Ngày 02.01.1963, chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho), chứng minh khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt”, mở ra phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công.”</p> <p>- Đông – Xuân 1964 – 1965, ta thắng lớn ở Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài...</p> <p>* Đấu tranh chính trị:</p> <p>- Ở khắp các đô thị lớn, nổi bật là đấu tranh của “đội quân tóc dài”, tín đồ Phật giáo...</p> <p>=> Góp phần đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm.</p> <p>- Ngày 1.11.1963, Mĩ tổ chức đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Chính quyền Sài Gòn khủng hoảng.</p> <p>=> Phá sản cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.</p> <p>Ý nghĩa</p> <p>- Là thắng lợi chiến lược lần II của ta.</p> <p>- Là thất bại chiến lược lần II của Mĩ; buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.</p>
--	--

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

- Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961-1965)
- Nhân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” như thế nào?

2. Dặn dò: 2 phút

trả lời câu hỏi trong SGK , học bài mới.

Tuần 22

Tiết PPCT: 39

Bài 22

**NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHÔNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC
NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 – 1973)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Có những hiểu biết về cuộc chiến đấu của quân dân ta ở miền Nam đánh bại liên tiếp hai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh”; quân dân ta ở miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ; về sự kết hợp cứu cánh mạng hai miền Nam – Bắc.
- Giữa tiền tuyến và hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc; về sự phối hợp chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương chống kẻ thù chung; về những hoạt động lao động sản xuất ở miền Bắc cả trong điều kiện phải chống chiến tranh phá hoại; về những thắng lợi quyết định trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) .
- Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam và trọng trận “Điện Biên Phủ trên không” ở miền Bắc.

2. Về thái độ:

Bồi dưỡng lòng yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, tinh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đề cách mạng.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá âm mưu, thủ đoạn của địch, tinh thần chiến đấu, lao động sản xuất xây dựng miền bắc; tinh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương và ý nghĩa thắng lợi của quân dân ta ở hai miền đất nước.
- Kỹ năng sử dụng bản đồ, lược đồ chiến sự, tranh, ảnh trong SGK.

II. CHUẨN BỊ.

- Ảnh, lược đồ chiến sự trong SGK.
- Tài liệu tham khảo trong SGK.
- Tham khảo thêm *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập III* (1945 – 2000), NXB Giáo dục xuất bản những năm 1998 – 2004.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổn định lớp.

2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Nhân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” như thế nào?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Giới thiệu khái quát bài mới

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
	I. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHÔNG CHIẾN TRANH

<p>Hoạt động 1: 8 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỹ tiến hành “chiến tranh đặc biệt” với âm mưu như thế nào? - Mỹ dùng những thủ đoạn nào để tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt”? <p>+ Âm mưu: Tạo ưu thế và binh lực, hoả lực nhằm áp đảo chủ lực của ta, giành thế chủ động tiến tới kết thúc chiến tranh.</p> <p>+ Thủ đoạn: Đưa lính Mỹ và Đồng minh, cùng vũ khí hiện đại vào Miền Nam: 1969 là 1.5 triệu quân, trong đó quân Mỹ hơn nửa triệu; mở hàng loạt các cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường, đồng thời mở hai cuộc phản công chiến lược 2 mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967).</p> <p>Hoạt động 2: 16 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỹ đã tiến hành cuộc tấn công ở Vạn Tường như thế nào và kết quả trận đánh ra sao? - Dựa vào nội dung SGK hãy vừa trình bày vừa so sánh hai cuộc phản công mùa khô của Mỹ về: Số lượng quân đội, số cuộc hành quân, địa bàn hành quân trọng điểm, kết quả. - Những thắng lợi trên nói lên ý nghĩa gì? 	<p>CỤC BỘ CỦA MỸ (1965 – 1968)</p> <p>1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam</p> <p>a. Âm mưu</p> <p>Giữa 1965, sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng phá hoại ra miền Bắc.</p> <p>Đây là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng <i>lực lượng quân Mỹ, quân một số nước đồng minh và quân đội Sài Gòn</i>, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng. Quân số lúc cao nhất (1969) lên đến 1,5 triệu tên (Mỹ hơn 0,5 triệu)</p> <p>b. Thủ đoạn</p> <p>Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam và tăng cường phát triển nguy quân. Với ưu thế về quân sự, Mỹ cho mở cuộc hành quân “tìm diệt” vào Vạn Tường và 2 cuộc phản công 2 mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 nhằm “tìm diệt” và “bình định” vào vùng căn cứ kháng chiến.</p> <p>2. Quân dân miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh cục bộ”</p> <p>Quân dân ta chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” bằng sức mạnh cả dân tộc, của tiền tuyến và hậu phương với <i>ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược</i>.</p> <p>a. Quân sự</p> <p>* Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)</p> <p>Ngày 18/08/1965, Mỹ huy động 9000 quân tấn công Vạn Tường, nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta. Sau 1 ngày chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến 900 tên địch.</p> <p><u>Ý nghĩa:</u> Vạn Tường được coi là “Áp Bắc” đối với Mỹ, mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam.</p> <p>* Chiến thắng 2 mùa khô :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1965-1966 : Mỹ thực hiện 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn, nhằm vào hai hướng chiến lược chính: Liên khu V và Đông Nam Bộ. Ta đập tan cuộc phản công, loại khỏi vòng chiến 104.000 địch. - 1966-1967 : Mỹ thực hiện 895 cuộc hành quân, có 3 cuộc hành quân “bình định” và “tìm diệt” lớn, tiêu biểu là cuộc
---	--

<p>Hoạt động 3: 6 phút - Trình bày cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968? - Nguyên nhân? - Diễn biến? - Kết quả? - Ý nghĩa? * Diễn biến và kết quả: ta tấn công và nổi dậy qua 3 đợt;</p> <p>Hoạt động 4: 8 phút - Mỹ đã tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc như thế nào? nhằm mục đích gì? - Ngày 5/8/1964 Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ” sau đó dùng không quân bắn phá</p>	<p>hành quân Gian-xơn Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta. Ta đập tan cuộc phản công, loại khỏi vòng chiến 151.000 địch.</p> <p>b. Chính trị Ở nông thôn: nhân dân nổi dậy đấu tranh trừng trị ác ôn, phá Ấp chiến lược, Ở đô thị: công nhân, học sinh, sinh viên đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín mặt trận dân tộc GPMN Việt Nam lên cao.</p> <p>3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968. (đọc thêm) a. Hoàn cảnh lịch sử: - So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta. - Lợi dụng mâu thuẫn trong bầu cử Tổng thống Mỹ. b. Chủ trương của ta: tổng tiến công và nổi dậy toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, nhằm tiêu diệt bộ phận quân Mỹ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mỹ phải tiến hành đàm phán, rút quân về nước. c. Diễn biến : 3 đợt * Đợt 1 (Từ 30/1/1968 đến 25/02/1968): Ta đồng loạt tấn công và nổi dậy ở 37/ 44 tỉnh. - Tại Sài Gòn: Ta tấn công các vị trí đầu não của địch như Dinh Độc lập, Toà đại sứ Mỹ, Bộ Tổng Tham mưu... - Kết quả: Ta loại khỏi vòng chiến 147.000 địch (43000 Mỹ), phá hủy khối lượng lớn vật chất và các phương tiện chiến tranh của địch. * Đợt 2 (tháng 5, 6) và đợt 3 (tháng 8, 9): Ta gặp nhiều khó khăn và tổn thất, do chủ quan trong đánh giá tình hình, không kịp thời rút kinh nghiệm. d. Ý nghĩa (cho HS nắm ý nghĩa) - Đánh đòn bất ngờ, làm địch choáng váng. - Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” chiến tranh (tức thừa nhận thất bại Chiến tranh cục bộ), ngừng phá hoại miền Bắc, chịu đàm phán với ta ở Pari. => Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến.</p> <p>II. MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MỸ, VỪA SẢN XUẤT (1965 – 1968). 1. Mỹ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc. - Ngày 5/8/1964, sau khi dựng lên "sự kiện vịnh Bắc Bộ", Mỹ cho máy bay ném bom, bắn phá một số nơi. - Ngày 7/2/1965, chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại</p>
---	--

<p>miền Bắc. -Ngày 7/2/1965 chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất. + Nghĩa vụ hậu phương: -Trong hơn 4 năm, quân và dân ta đã bắn rơi và phá huỷ 3234 máy bay, 143 tàu chiến... -Đến ngày 1/11/1968 Mỹ buộc phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc. - Sản xuất được đẩy mạnh, các ngành kinh tế đều phát triển hơn trước. -Văn hoá, giáo dục, y tế, văn học nghệ thuật phát triển. -Lập tuyến đường vận tải chiến lược Bắc-Nam: đường mòn HCM trên bộ và trên biển. - Chi viện vào miền Nam hơn 300.000 cán bộ chiến sĩ, hàng vạn tấn lương thực, thực phẩm, vũ khí, xăng dầu. - Góp phần quyết định vào thắng lợi của quân và dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.</p>	<p>miền Bắc lần I. * Âm mưu: – Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. – Ngăn chặn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam. – Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ của nhân dân ta. 2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương. (đọc thêm) * Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại – Chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, đắp công sự, đào hầm, sơ tán... - Sau hơn 4 năm, bắn rơi 3.243 máy bay, loại khỏi vòng chiến hàng ngàn phi công, bắn cháy và chìm 143 tàu chiến. - Ngày 1/11/1968, Mỹ buộc phải ngưng ném bom miền Bắc. * Sản xuất: - Nông nghiệp: diện tích canh tác được mở rộng, năng suất tăng, nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn/hecta. - Công nghiệp: công nghiệp địa phương, công nghiệp quốc phòng đều phát triển. - Giao thông vận tải: đảm bảo thường xuyên thông suốt. * Làm nghĩa vụ hậu phương: Trong 4 năm (1965 – 1968) đưa hơn 30 <u>vạn</u> cán bộ, bộ đội cùng hàng <u>chục</u> <u>vạn</u> tấn vũ khí, lương thực, thuốc men... vào miền Nam.</p>
---	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 1 phút

- Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam (1965-1968)

2. Dặn dò: 1 phút

Học và chuẩn bị bài mới.

Tuần 23

Tiết PPCT: 40

Bài 22

**NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHÔNG ĐỂ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC
 NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 – 1973)**

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổ định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Nhân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” như thế nào?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Giới thiệu khái quát bài mới

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 20</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Việt Nam hóa chiến tranh”? “Đông Dương hóa chiến tranh”? so sánh với những âm mưu các chiến lược chiến tranh trước đó? - Thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”? so sánh với những âm mưu các chiến lược chiến tranh trước đó? - ND ta và các nước Đông Dương chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” như thế nào? +Mặt trận chính trị :6/6/1969 chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN được thành lập . -Từ ngày 24 -->25/4/1970 Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp , quyết tâm đoàn kết chống Mỹ. -Phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên ở Sài Gòn , Huế, Đà Nẵng nổ ra liên tiếp. -Ở nông thôn quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược chống chương trình “Bình định nông thôn” +Mặt trận quân sự: -Từ 30/4->30/6/1970 phối hợp với nhân dân CPC ta đánh tan cuộc hành quân xâm lược CPC của Mỹ ngay Sài Gòn diệt 17.000 tên . -Từ tháng 12/2-> 23/3/1971 đập 	<p>III. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA” VÀ “ĐÔNG DƯƠNG HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ (1969 – 1973)</p> <p>1. Chiến lược “Việt Nam hóa” và “Đông Dương hóa” chiến tranh của Mỹ</p> <p>a. Bối cảnh: Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thất bại, Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa” và “Đông Dương hóa” chiến tranh.</p> <p>b. Âm mưu Đây là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ, vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn. Thực chất là tiếp tục âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.</p> <p>c. Thủ đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút dần quân Mĩ, quân đồng minh, tăng lực lượng quân đội Sài Gòn. - Sử dụng quân đội Sài Gòn mở rộng xâm lược Lào và Campuchia, thực hiện âm mưu “Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”. - Thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô để gây khó khăn cho ta. <p>2. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và “Đông Dương hóa” chiến tranh của Mỹ.</p> <p>Chiến đấu chống “Việt Nam hóa chiến tranh” là chống lại cuộc chiến tranh toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương. Ta vừa chiến đấu, vừa đàm phán với địch. Thực hiện Di chúc của Bác Hồ, cả nước đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</p> <p><i>* Trên mặt trận chính trị – ngoại giao</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 6.6.1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập, được 23 nước công nhận, 21 nước đặt quan hệ ngoại giao. - Tháng 4.1970, ba nước Đông Dương họp Hội nghị cấp cao, biểu thị quyết tâm đoàn kết chống Mỹ. <p><i>* Trên mặt trận quân sự</i></p>

<p>tan cuộc hành quân Lam Sơn 719, chiếm giữ đường 9 Nam Lào, diệt 22.000 tên</p> <p>Hoạt động 8: Cá nhân học sinh Giáo viên tường thuật.</p> <p>Học sinh nhận thức: Diễn biến, ý nghĩa của cuộc tấn công chiến lược 1972.</p> <p>Hoạt động 9: Cả lớp.</p> <p>Phần này GV lướt qua nhanh., trong lĩnh vực kinh tế yêu cầu nói rõ các ý chính.</p> <p>Hoạt động 10: Thảo luận nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - (Nhóm 1,2) Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần II? so sánh với lần I? - (Nhóm 3) ND miền Bắc chống lại như thế nào? - (Nhóm 4) Cuộc tập kích vào Hà Nội Hải Phòng của Mỹ tiến hành như thế nào và kết quả ra sao? <p>Giáo viên chốt ý và tường thuật trên lược đồ. GV nhấn mạnh thắng lợi 12 ngày đêm ở miền Bắc.</p> <p>GV sử dụng tranh ảnh để minh họa tội ác của không quân Mỹ ở miền Bắc.</p> <p>Hoạt động: 8 phút</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 30.4 – 30.6.1970, quân dân Việt – Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn. - Từ 12.02 đến 23.03.1971, quân dân Việt – Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn. <p style="text-align: center;"><i>* Trên mặt trận chống bình định</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở thành thị, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục, đặc biệt là phong trào học sinh, sinh viên ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. - Ở nông thôn, quần chúng nổi dậy phá “Áp chiến lược”, chống “bình định”. <p>3. Cuộc Tiến công chiến lược 1972</p> <p>Ngày 30/3/1972, quân ta bất ngờ mở cuộc tiến công chiến lược, đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp miền Nam.</p> <p>Cuối tháng 6.1972, quân ta chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến 20 vạn quân nguy, giải phóng những vùng đất đai rộng lớn và đông dân.</p> <p style="text-align: center;"><i>Ý nghĩa.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáng đòn mạnh vào chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh. - Buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”) <p>IV. MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MỸ (1969–1973)</p> <p>1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. (không dạy)</p> <p>2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần II, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương</p> <p style="text-align: center;"><i>* Vừa chiến đấu vừa sản xuất:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 6/4/1972, Mỹ ném bom một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16.04, Nixon chính thức tiến hành chiến tranh không quân phá hoại miền Bắc lần II. - Nhờ chuẩn bị trước, miền Bắc đã kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu. Các hoạt động sản xuất vẫn không bị ngừng trệ, giao thông vận tải đảm bảo thông suốt. - Trong 12 ngày đêm từ 18/12/1972 đến 29/12/1972, Mĩ cho mở cuộc tập kích chiến lược bằng B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mỹ.
---	---

<p>Hoạt động 3: 8 phút</p> <p>Nội dung hiệp định Pari? (SGK tr 187) Ý nghĩa?</p>	<p>+ <i>Quân dân miền Bắc</i> bắn rơi 81 máy bay, <i>đập tan cuộc tập kích của Mỹ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”</i></p> <p>+ Ý nghĩa: buộc Mỹ phải ngưng các hoạt động chống phá miền Bắc (15.01.1973) và ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27.1.1973).</p> <p>- Tính chung, trong chiến tranh phá hoại lần II (4.1972 – 1.1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay, 125 tàu chiến.</p> <p style="text-align: center;">* <i>Làm nghĩa vụ hậu phương:</i></p> <p>- Đảm bảo tiếp nhận hàng viện trợ từ bên ngoài và <i>chi viện theo yêu cầu của chiến trường.</i></p> <p>- Trong 3 năm (1969 – 1971), đưa vào chiến trường hàng chục vạn thanh niên và khối lượng lớn vật chất.</p> <p>V. HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Hoàn cảnh, diễn biến Hội nghị: (đọc thêm)</p> <p>2. Nội dung của Hiệp định Paris</p> <p>- <i>Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.</i></p> <p>- <i>Hai bên ngừng bắn ở miền Nam và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động chống phá miền Bắc Việt Nam.</i></p> <p>- <i>Hoa Kỳ rút hết quân của mình và quân đồng minh, phá hết các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu hoặc can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.</i></p> <p>- <i>Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.</i></p> <p>- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.</p> <p>- Hai bên trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.</p> <p>- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử :</p> <p>– Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta trên cả 2 miền đất nước.</p> <p>– Mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.</p>
---	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Cũng cố: 3 phút

- Chiến đấu chống chiến lược “ Việt Nam hoá chiến tranh” và “ Đông Dương hoá chiến tranh” của Mỹ (1969-1973).

- Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969-1973).
- Hiệp định Paris 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

2. Dặn dò: 1 phút

Học và chuẩn bị bài mới.

Tuần 24

Tiết PPCT: 41

Bài 23

**KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI MIỀN BẮC
GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Có những hiểu biết về nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pari năm 1973 nhằm tiến tới giải phóng hoàn toàn miền nam.
- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975; về ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Về thái độ:

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá về âm mưu, thủ đoạn của địch sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam; điều kiện và thời cơ sau khi Mỹ rút hết quân về nước; chủ trương, kế hoạch đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- Tinh thần chiến đấu, ý chí thống nhất Tổ quốc; ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

II. CHUẨN BỊ.

- Anh, lược đồ trong SGK.
- Tài liệu tham khảo trong SGK.
- Tham khảo thêm *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập III*

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Hoàn cảnh, nội dung của Hiệp định Paris 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút <i>GV khái quát về những khó khăn mà miền Bắc gặp phải, yêu cầu nói rõ các</i></p>	<p>I. MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI, RA SỨC CHI VIÊN CHO MIỀN NAM.(không dạy)</p>

<p><i>ý chính sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và pt kt-xh. - Tiếp tục chi viện cho MN. <p>+<i>Kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 6/1973 hoàn thành việc tháo gỡ bom mìn , thủy lôi. -Hai năm 1973-1974 khôi phục xong các cơ sở kinh tế , giao thông, các công trình thủy nông , văn hoá giáo dục , y tế.. -Cuối năm 1974 sx công ,nông nghiệp đạt và vượt mức 1964&1971. -Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn cho miền Nam. <p><i>HS nghe và ghi chép.</i></p> <p>Hoạt động 2: 20 phút.</p> <p><i>GV khái quát một số ý chính sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Am mưu của Mỹ – Ngụy:</i> - <i>Mỹ tiếp tục viện trợ QS, KT cho cq SG.</i> - <i>Tiến hành chiến dịch “ Tràn ngập lãnh thổ” , mở nhiều cuộc hành quân nhằm bình định và lấn chiếm vùng giải phóng.</i> <p>+<i>Cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tháng 7/1973 BCH TW Đảng họp hội nghị lần thứ 21 : Tiếp tục cách mạng DTDCND bằng bạo lực cách mạng, nắm vững chiến lược tiến công trên cả 3 mặt trận:qs,ct,ng.</i> <p>+<i>Kết quả:</i> -<i>Từ 12/2/1974 – 6/1/1975 thắng lợi trong chiến dịch đường 14 gp Phước Long.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -<i>Dấu hiệu suy yếu của quân đội SG.</i> <p>+ <i>Chính trị ,ngoại giao:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -<i>Tổ cáo Mỹ – Ngụy vi phạm Hiệp định.</i> -<i>Đòi thi hành các quyền tự do dân chủ.</i> -<i>Ở các vùng giải phóng: khôi phục sx, tăng nguồn dự trữ chiến lược.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tình hình:</i> Sau Hiệp định Paris 1973, miền Bắc trở lại hòa bình. - <i>Nhiệm vụ:</i> khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội, tiếp tục chi viện cho tiền tuyến miền Nam. <p>- <i>Kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thành tháo gỡ bom mìn (giữa 1973) + Khôi phục mọi mặt, kinh tế có bước phát triển: công nông nghiệp đạt mức cao nhất (từ 1954 – 1974), đời sống nhân dân ổn định. + Chi viện: 20 vạn bộ đội; vật chất – kỹ thuật: đáp ứng đầy đủ và kịp thời. <p>II. MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH “BÌNH ĐỊNH – LẤN CHIẾM” TẠO THẾ VÀ LỰC TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN.</p> <p><i>* Âm mưu, hành động mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mĩ:</i> giữ lại hơn 2 vạn cố vấn, tiếp tục viện trợ - <i>Chính quyền Sài Gòn:</i> phá hoại Hiệp định Pari, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” -> hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng => tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. <p><i>* Cuộc chiến đấu của quân dân ta:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước 7.1973: đạt một số kết quả, nhưng do không đánh giá hết âm mưu của địch nên bị mất đất, mất dân ở một số địa bàn quan trọng. - Tháng 7.1973, Hội nghị 21 xác định: <i>tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân bằng con đường cách mạng bạo lực.</i> - Từ tháng 7.1973: <p>+ <i>Kiên quyết đánh trả, chủ động tiến công.</i></p> <p>+ <i>Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự vào đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi lớn ở Phước Long (6.1.1975).</i></p> <p>- <i>Thắng lợi Phước Long chứng tỏ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Sự lớn mạnh và khả năng chiến thắng của quân ta. Sự suy yếu, bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp hạn chế của Mỹ. <p>+ <i>Ở vùng giải phóng, nhân dân ta tích cực sản xuất, tăng nguồn dự trữ.</i></p> <p><i>=>Thành quả đạt được đã tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.</i></p>
--	--

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam như thế nào?

Âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn?

2. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới.

Tuần 25

PPCT: 42

Bài 23

**KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI MIỀN BẮC
GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)**

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam như thế nào?

2. Bài mới:

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 20 phút <i>GV khái quát chủ trương chiến lược của trong kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.</i> <i>Làm rõ tại hội nghị của BCH Trung ương mở rộng họp từ ngày 18/12/1974-08/01/1975 đã đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong vòng 2 năm (1975-1976) .BCT còn dự kiến nếu thời cơ đến thì giải phóng miền Nam trong năm 1975 .</i> <i>-Đầu năm 1975 khi thời cơ đến nhanh ,Bộ Chính trị quyết định thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy , thời gian gần 2 tháng ,bằng 3 chiến lược lớn .</i> <i>GV dùng lược đồ diễn biến cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975, yêu cầu HS xác định vị trí và hướng tấn công chủ yếu của từng chiến dịch, rồi nêu câu hỏi cho từng nhóm tiến hành thảo luận.</i> <i>GV chia lớp thành 3 nhóm.</i> -Nhóm 1: Tường thuật diễn biến chính của chiến dịch Tây Nguyên?</p>	<p>III. GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẬN LÃNH THỔ TỒ QUỐC. 1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam - Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng, Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch: + Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 – 1976; + Nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ”, chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”, + Phải tranh thủ thời cơ -> đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của.</p> <p>2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 a. Chiến dịch Tây Nguyên (4/3 đến 24/3/1975) - Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng. Do nhận định sai hướng tiến công của ta, địch chột giữ</p>

<p>-Nhóm 2: Tường thuật diễn biến chính của chiến dịch Huế – Đà Nẵng?</p> <p>-Nhóm 3: Tường thuật diễn biến chính của chiến dịch Hồ Chí Minh?</p> <p>-Nhóm 1: Chiến dịch Tây Nguyên: (4 – 24/3/1975)</p> <p>-04/3/1975 sau khi đánh nghi binh ở PlâyCu, KonTum ;ta bí mật bao vây Buôn Ma Thuột.</p> <p>-Ngày 10/3 với lực lượng mạnh hơn, ta tấn công và giải phóng Thị xã Buôn Ma Thuột -12/3 chúng tập trung lực lượng để tái chiếm nhưng thất bại.</p> <p>-14/3 sau các cuộc phản công thất bại địch buộc phải rút khỏi Tây Nguyên bằng cuộc tháo chạy hỗn loạn.</p> <p>-24/4/1975giải phóng Tây Nguyên (60 vạn dân) và một số tỉnh Miền Trung.</p> <p>-Nhóm 2: Chiến dịch Huế ,Đà Nẵng: (21/3 -29/3/1975)</p> <p>-19/3/1975 ta tấn công và giải phóng tỉnh Quảng Trị.</p> <p>-21/3/1975 ta tấn công Huế, đến 10 giờ 30 phút ngày 25/3/1975 ta tiến vào thành phố Huế .</p> <p>-26/3 giải phóng toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>-Sáng 28/3 ta tấn công Đà Nẵng , chiều 29/3 Thành phố Đà Nẵng hoàn toàn được giải phóng.Chiến dịch Huế -Đà Nẵng ta tiêu diệt 5 sư đoàn chủ lực của ngụy.</p> <p>-Nhóm 3: Chiến dịch Hồ Chí Minh: (26/4 - 30/4/1975)</p> <p>- Sau những thắng lợi ở Tây Nguyên và Huế-Đà Nẵng, cuối tháng 3/1975 TW Đảng nhận định: “thời cơ chiến lược đã đến ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”.</p> <p>- 17^h ngày 26/4 tiếng súng đầu tiên của chiến dịch Hồ Chí Minh đã nổ ở hướng Đông. Tất cả 5 cánh quân đồng loạt đánh vào vùng ven Sài Gòn.</p> <p>- 10^h45’ ngày 30/4 xe tăng ta tiến vào Dinh độc lập Dương Văn Minh tuyên bố</p>	<p>ở đây một lực lượng mỏng.</p> <p>- Ngày 04/3/1975, ta đánh nghi binh ở Plâyku, Kontum.</p> <p>- Ngày 10.3.1975, ta tiến công Buôn Ma Thuột.</p> <p>- Ngày 12.03, địch phản công chiếm lại nhưng không thành.</p> <p>- Ngày 14/3/1975, địch rút quân khỏi Tây Nguyên. Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt.</p> <p>- Ngày 24.03.1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.</p> <p>* Ý nghĩa : Chuyển cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới: từ <i>tiến công chiến lược</i> ở Tây Nguyên phát triển thành <i>Tổng tiến công chiến lược</i> trên toàn miền Nam.</p> <p>b. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (21/3 đến 29/03/1975) GV hướng dẫn HS tự học</p> <p>- Trong khi chiến dịch Tây Nguyên tiếp diễn, Bộ Chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước hết là chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng.</p> <p>- Ngày 21/03 quân ta tiến công Huế, chặn đường rút chạy của địch.</p> <p>- Ngày 26/03 ta giải phóng thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.</p> <p>- Sáng 29/3 quân ta tiến công Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều ta giải phóng toàn bộ Đà Nẵng.</p> <p>- Cuối tháng 3 đầu tháng 4, các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên, một số tỉnh ở Nam Bộ lần lượt được giải phóng.</p> <p>- Ý nghĩa: Làm cho địch thêm tuyệt vọng, đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tiến lên bước mới với sức mạnh áp đảo.</p> <p>c. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26/4 đến 30/4/1975) :</p> <p>- Sau thắng lợi của hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng, Bộ chính trị quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.</p> <p>- 17 giờ ngày 26/4, quân ta mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân tiến vào trung tâm Sài Gòn.</p> <p>- 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Nội các Sài Gòn. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.</p> <p>- 11 giờ 30 phút cùng ngày, cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn</p>
---	---

<p>đầu hàng. - 11^h30' ngày 30/4/1975 thành phố Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. HS nghe và ghi chép.</p> <p>Hoạt động 2 :15 phút - Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?</p> <p>- Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?</p>	<p>thắng. - <u>Ý nghĩa</u>: Tạo điều kiện cho quân dân ta giải phóng các tỉnh còn lại của Nam Bộ. - Ngày 2/5/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng</p> <p>IV. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 – 1975)</p> <p>1. Nguyên nhân thắng lợi : - Có sự lãnh đạo sáng suốt của <u>Đảng</u>, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt. - Nhân <u>dân</u> ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết, cần cù, dũng cảm. - <u>Hậu phương</u> miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của chiến trường. - Sự đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc ở <u>Đông Dương</u>. - Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên <u>thế giới</u>, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.</p> <p>2. Ý nghĩa : - <u>Kết thúc</u> 21 năm chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của thực dân – đế quốc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước. - <u>Mở ra</u> kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH. - <u>Tác động</u> mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc. - <u>Ghi vào lịch sử dân tộc</u> ta một trong những trang chói lọi nhất, <u>đi vào lịch sử thế giới</u> như một chiến công vĩ đại, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.</p>
---	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 (chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng)
- Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

2. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới.

Tuần 26
Tiết PPCT: 43

LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC
CỦA NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG ĐỨC (ĐẮK NÔNG)
(1954 – 1975)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1; Kiến thức:

- Thấy được âm mưu xâm lược của đế quốc Mĩ ở miền Nam thông qua những hình ảnh cụ thể ở Tây Nguyên và tỉnh Quảng Đức.
- Những nét chính trong quá trình kháng chiến chống Mĩ của quân và dân tỉnh Quảng Đức, tỉnh Đắk Nông ngày nay.

2; Thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Nhận thức rõ bản chất thâm độc, xảo quyệt, ngoan cố của chủ nghĩa thực dân mới Mĩ.
- Bồi dưỡng tình yêu nước, yêu quê hương
- Biết trân trọng và phát huy truyền thống dân tộc và địa phương.

3; Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đánh giá và phân tích sự kiện lịch sử

II. THIẾT BỊ VÀ TƯ LIỆU.

- Lịch sử địa phương tỉnh Đắk Nông

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC.

1. Ôn định lớp

2. Bài mới:

Giới thiệu sơ qua về vùng đất và con người Tây nguyên

3. Tiến trình tổ chức dạy – học.

Hoạt động của thầy và trò	Kiến thức học sinh cần nắm
<p>Hoạt động 1: 7 phút Giáo viên nêu câu hỏi gợi ý học sinh nhằm gợi lên sự hiểu biết khái quát về điều kiện tự nhiên và xã hội của tỉnh Đắk Nông.</p> <p>- Em hãy nêu khái quát về điều kiện tự nhiên - xã hội của tỉnh Đắk Nông?</p> <p>Giáo viên gợi mở dẫn dắt để tạo không khí sôi nổi.</p> <p>Giáo viên nhận xét, bổ sung và đưa học sinh vào nội dung cơ bản</p> <p>(Giáo viên sử dụng bản đồ hành chính Đắk Nông để giới thiệu phần này)</p> <p>Hoạt động 2: 15 phút Giáo viên gợi ý cho học sinh</p>	<p><u>1/- Khái quát về điều kiện tự nhiên - xã hội:</u></p> <p>Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam cao nguyên Trung Bộ, một vùng đất Bazan phì nhiêu màu mỡ. Đắk Nông có diện tích đất và rừng khoảng 4000km², có nhiều gỗ tốt, dược liệu quý, khí hậu ôn hòa mát mẻ quanh năm. Đất đai ở đây thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp như cà phê, tiêu, cao su, chè...</p> <p>Đắk Nông có những dãy núi cao trên 2000m là nơi khởi nguồn của một số con sông lớn đổ ra biển đông như sông Đồng Nai, sông Bé, một vài con sông lớn chảy về hướng Tây đổ ra sông Mê Công như sông Sê Rê Pôk, hệ thống sông suối tạo nên nhiều công trình thủy điện, nhiều danh lam thắng cảnh như thác Diệu Thanh, thác Gia Long, Thác Trinh Nữ, thác Đray Sáp...</p> <p>Đắk Nông còn có nhiều khoáng sản quý hiếm như mỏ saphia, wolfram, thạch anh, đặc biệt mỏ Boxit có trữ lượng trên 5 tỷ tấn nằm ở Gia Nghĩa...</p> <p><u>2/- Âm mưu của đế quốc Mỹ đối với Tây Nguyên và Đắk</u></p>

nhắc lại kiến thức lịch sử Việt Nam sau hiệp định Giơ ne vơ 1954.

Giáo viên nêu câu hỏi: Vì sao Mỹ ra sức bình định bằng được vùng đất ba dan màu mỡ này?

Giáo viên gợi ý cho học sinh trả lời rồi chốt ý.

Giáo viên nêu câu hỏi: Âm mưu cơ bản của Mỹ áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông này như thế nào?

Giáo viên gợi ý cho học sinh tranh luận, trả lời rồi giáo viên chốt lại ý.

Hoạt động 3: 15 phút

Giáo viên nêu câu hỏi: Sau khi hất cẳng Pháp, hiểu rõ Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, Mỹ ra sức bình định bằng được vùng đất ba dan màu mỡ này. Quân và dân tỉnh Quảng Đức (tỉnh Đắk Nông ngày nay) đã anh dũng đứng lên chống Mỹ như thế nào?

Nông:

Sau khi ký hiệp định Giơ ne vơ năm 1954, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nghiêm chỉnh chấp hành các điều khoản trong hiệp định, nhằm chuẩn bị hiệp thương thống nhất đất nước. nhưng đế quốc Mỹ đã ra sức phá hoại Hiệp định, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta và biến miền Nam Việt nam trở thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự của chúng.

Sau khi hất cẳng Pháp, hiểu rõ Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, Mỹ ra sức bình định bằng được vùng đất ba dan màu mỡ này.

Năm 1958 chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chiến dịch tổ cộng diệt cộng ở Tây Nguyên, chúng đánh phá các bon làng đồn đồng bào vào trại tập trung trá hình (áp chiến lược, áp dân sinh, khu dinh điền...) nhằm tách đồng bào các dân tộc thiểu số ra khỏi cách mạng.

Cùng với việc đàn áp về quân sự **đế quốc Mỹ âm mưu thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, miệt thị đồng bào, phá vỡ thế đại đoàn kết giữa người kinh và người dân tộc thiểu số.** Trong 20 năm thống trị, đế quốc Mỹ chưa hề có chủ trương phát triển kinh tế cho đồng bào. Các thị trấn Đức Lập, thị xã Gia Nghĩa, Kiến Đức, thị xã Buôn Ma Thuột... trở thành trung tâm của các lực lượng phản động, ăn chơi, đại đa số nhân dân lao động sống trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu trong các trại tập trung trá hình của chúng.

3/- Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân tỉnh Quảng Đức (tỉnh Đắk Nông ngày nay)

Tháng 12/1960 Trung ương Đảng quyết định thành lập tỉnh Quảng Đức (mật danh là B4) gồm toàn bộ phần đất tỉnh Quảng Đức do chính quyền Sài Gòn lập. Đồng chí Vũ Anh Ba được trung ương bổ trí làm bí thư ban cán sự tỉnh Quảng Đức.

Sau khi xây dựng, củng cố lực lượng, xuân hè 1961 lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Đức đã tiến công địch ở nhiều nơi và giành thắng lợi như trận Đức Lập, trận Hang No, trận Khiêm Đức, Tại quận Đức Lập ta loại khỏi vòng chiến 1 đại đội bảo an, thu 48 súng, giải phóng nhiều bon áp xung quanh dãy Năm Nung.

Đầu năm 1965 ta tiêu diệt hàng trăm tên địch đi càn quét ở liên lộ 8, giết tên tỉnh trưởng Quảng Đức Đặng Hữu Hồng, ta giải phóng và làm chủ quốc lộ 14 từ Gia Nghĩa đi Đức xuyên, giải phóng đoạn Đắk Gằn, buôn Nuôi, buôn U, tấn công tiêu diệt đồn Bích Sê Rê, đồn Hàng No... là chủ một vùng đất rộng lớn từ căn cứ Năm Nung về

<p>Giáo viên sử dụng bản đồ tỉnh Đắk Nông trình bày sơ lược diễn biến của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân tỉnh Đắk Nông sau đó giáo viên chốt lại nội dung cơ bản của diễn biến</p> <p>Giáo viên nêu câu hỏi: Qua diễn biến em hãy rút ra ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Hoạt động 4: 5 phút</p> <p>Giáo viên gợi ý cho học sinh liên hệ với cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân cả nước, sau đó giáo viên chốt ý</p>	<p>giáp Lâm Đồng.</p> <p>Ngày 10/12/1966 quân ta tiến công cứ điểm Tuy Đức, cứ điểm Bu Prang, đánh Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, diệt được 5 xe GMC và một đại đội bảo an. Bước sang năm 1967 quân ta phục kích tiêu diệt địch ở quốc lộ 14 trên các tuyến Đức An, Thuận Hạnh, Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, Kiến Đức...</p> <p>Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968 quân dân tỉnh Quảng Đức đồng loạt tiến công vào thị xã Gia Nghĩa, sân bay Gia Nghĩa, quận lỵ Kiến Đức, quận lỵ Đức Lập, Đức Xuyên, Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, đánh vào các ấp chiến lược Bu Tung, Quảng Lộc, Quảng Phước, Quảng Chánh, làm chủ quốc lộ 14 từ Đức Lập đi Đắk Song, Gia Nghĩa.</p> <p>Đêm 31/03/1970 quân ta đánh phá tòa hành chính tỉnh Quảng Đức, tiêu diệt 60 tên cảnh sát, giải phóng 30 tù nhân, phá hủy gần 80 cơ sở vật chất của tòa hành chính tỉnh.</p> <p>Xuân – Hè 1972 lực lượng vũ trang các huyện đồng loạt đánh địch và đều lập công. Chỉ riêng ở huyện Đức Xuyên đã đánh địch 21 trận, hàng trăm tên địch phải đền tội, hàng nghìn vũ khí bị tịch thu, hàng chục xe GMC, xe Zip bị phá hủy. chiến thắng của quân và dân tỉnh Quảng Đức góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ buộc chúng phải kí hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh.</p> <p>Hiệp định được kí chưa ráo mực, chính quyền Sài Gòn đã tập trung quân sự đánh chiếm các vùng giải phóng, xóa bỏ chính quyền cách mạng. Trước tình hình đó, Bộ chính trị trung ương</p> <p><u>4/- Ý Nghĩa lịch sử:</u></p> <p>Chiến dịch Buôn Ma Thuật thắng lợi tạo điều kiện cho chiến dịch Huế, Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng. Ba mươi năm chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, quân dân các dân tộc Quảng Đức đã đập tan bộ máy thống trị của Mỹ - chính quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Đức. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tình đoàn kết giữa các dân tộc, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định sự thắng lợi của đồng bào các dân tộc tỉnh Đắk Nông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.</p>
---	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 2 phút

- Qua bài học các em đã hiểu được phần nào cuộc chiến đấu của nhân dân tỉnh Quảng Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Dẫn dò: 1 phút

Về nhà sưu tầm tranh ảnh về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh Đắk Nông

Tuần 27

Tiết PPCT: 44

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
XÂY DỰNG CNXH VÀ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1975 – 2005)**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Kiến thức.

- Có kiến thức cơ bản về công cuộc xây dựng CNXH và công cuộc đổi mới của Đảng trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Đắk Nông từ năm 1975 đến năm 2005
- Nhận thức rõ sự nỗ lực của Đảng bộ cùng với đông bào các dân tộc trong tỉnh trong công cuộc bảo vệ an ninh chính trị, phát triển kinh tế xã hội bền vững, trong công cuộc đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Thái độ, tình cảm.

- Bồi dưỡng niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, cố gắng học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, có trình độ chuyên môn, có đạo đức để đóng góp cho sự nghiệp xây dựng CNXH trên quê hương Đắk Nông và cho tổ quốc Việt Nam nói chung

3. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đánh giá và phân tích sự kiện
- Biết nhìn nhận sự phát triển của xã hội trong thời đại mới.

II. Thiết bị, tư liệu.

- Sách lịch sử địa phương tỉnh Đắk Nông
- Tranh ảnh về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đắk Nông.

III. Tiến trình tổ chức dạy và học.

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ: 5 phút

Cuộc chiến đấu của nhân dân Quảng Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Bài mới:

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 10 phút</p> <p>- Sau ngày giải phóng nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đắk Lắk là gì?</p> <p>- Những kết quả đạt được ra sao?</p>	<p>1. Đắk Nông cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 – 1986)</p> <ul style="list-style-type: none"> - sau ngày giải phóng một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đắk Lắk là giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới, thiết lập, xây dựng và củng cố chính quyền cánh mạng - Từ 1977 – 1978, bọn phản động FulRô cấu kết với bọn Pôn Pốt Iêng Xary tiến công chống phá ta ở Tây Nguyên. Từ chiêu bài “ Tây Nguyên tự trị”, đòi xây dựng Nhà nước Đêga độc lập nhằm chống phá công cuộc xây dựng CNXH ở Việt nam - trong 2 năm 1977 và 1978 quân và dân tỉnh Đắk Lắk đã bảo vệ vững chắc biên giới Tây Nam, bảo vệ bình yên cho đồng bào các dân tộc.

<p>Hoạt động 2: 15 phút</p> <p>- Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong đó có Đắk Nông thực hiện đường lối đổi mới như thế nào?</p> <p>- Kết quả đạt được ra sao?</p> <p>Hoạt động 3: 12 phút</p> <p>- Tỉnh Đắk Nông được thành lập dựa trên những điều kiện nào?</p> <p>- Thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đắk Nông đã đạt được là gì?</p>	<p>- Từ 1975 – 1986, Song song với việc bảo vệ an ninh Tổ quốc, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk đã lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng CNXH và đạt nhiều thắng lợi</p> <p>2. Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng (1986 – 2003)</p> <p>- Sau gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân của tỉnh Đắk Nông ngày nay vượt qua nhiều khó khăn và đạt được những thành tựu về nhiều mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kinh tế tăng trưởng khá. + Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện. + Tình hình an ninh, chính trị, trật tự xã hội ổn định, công tác quốc phòng được củng cố. + Hệ thống chính trị các cấp được kiện toàn. <p>→ Điều đó khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới của Đảng.</p> <p>3. Tỉnh Đắk Nông được thành lập. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh quyết tâm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2004 – 2005).</p> <p>- Ngày 1 – 1- 2004 tỉnh Đắk Nông chính thức được thành lập.</p> <p>- trong 2 năm 2004 – 2005 kinh tế tỉnh Đắk Nông phát triển cao hơn bình quân trung bình của cả nước.</p> <p>- Hệ thống chính trị các cấp được kiện toàn.</p> <p>→ Việc thành lập tỉnh mới tạo ra những thuận lợi cơ bản cho sự phát triển, đặc biệt tạo ra niềm tin phấn khởi, khí thế cách mạng trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.</p>
--	--

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 2 phút

- Qua bài học chúng ta nắm được những nội dung cơ bản là:
- Đắk Nông cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 – 1986)
- Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng (1986 – 2003)
- Tỉnh Đắk Nông được thành lập. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh quyết tâm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2004 – 2005).

2. Dặn dò: 1 phút

Về nhà học bài cũ chuẩn bị kiểm tra 1 tiết.

Tuần 28

Tiết PPCT: 45

KIỂM TRA GIỮA KỲ 2
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ 2

NB Câu 1. Thủ đô Hà Nội giải phóng vào

- A. ngày 10/10/1954. B. ngày 1/1/1955.
C. ngày 20/3/1955. D. ngày 16/5/1955.

TH Câu 2. Những hoạt động của Mĩ ở miền Nam Việt Nam ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ gây hậu quả là:

- A. cuộc nội chiến giữa lực lượng cách mạng miền Nam với các phe đối lập.
B. cả nước trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.
C. cả nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ khác nhau.
D. miền Nam Việt Nam trở thành nước tư bản chủ nghĩa.

TH Câu 3. Trong thời kì 1954 – 1975, phong trào nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

- A. “Phong trào Đồng khởi”. B. Nổi dậy phá ấp chiến lược.
C. Thi đua ấp Bắc, giết giặc lập công. D. Tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt.

TH Câu 4. Điều khoản nào của Hiệp định Pari năm 1973 có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam?

- A. Hai bên ngừng bắn và giữ nguyên vị trí ở miền Nam.
B. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị.
C. Các bên thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền.
D. Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân Đồng minh.

NB Câu 5. Sự kiện đánh dấu miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng ngày 16/5/1955 là:

- A. Quân ta tiếp quản thủ đô Hà Nội.
B. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô.
C. toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng).
D. toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi miền Nam.

NB Câu 6. Khi rút khỏi miền Nam (5/1956), Pháp chưa thực hiện điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ?

- A. ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
B. thực hiện cuộc tập kết, chuyên quân, chuyên giao khu vực.
C. hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc.
D. cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương.

NB Câu 7. Ngay sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Mĩ có hành động gì ở miền Nam Việt Nam?

- A. thay thế Pháp, dựng chính quyền Ngô Đình Diệm.
B. giúp Pháp hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền.
C. thực hiện các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.
D. Mĩ tiếp tục âm mưu mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh của Pháp.

TH Câu 8. Âm mưu của Mĩ khi thay thế Pháp ở miền Nam Việt Nam là:

- A. kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
B. chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự.
C. đẩy lùi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phá hoại miền Bắc.
D. làm cho lực lượng cách mạng miền Nam suy yếu, từ đó dựng nên một nhà nước tự trị.

TH Câu 9. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng chia cắt đất nước sau Hiệp định Giơnevơ là:

- A. Pháp không chịu hiệp thương tổng tuyển cử.

B. giữa hai miền có sự khác biệt cơ bản về kinh tế, xã hội.

C. tác động của mâu thuẫn Đông – Tây ở Việt Nam.

D. do Pháp, Mĩ và tay sai không chịu thi hành Hiệp định Giơnevơ (vi phạm hiệp định).

NB Câu 10. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng diễn ra trong hoàn cảnh là:

A. cách mạng miền Bắc đang tiến hành cuộc cải cách ruộng đất.

B. cách mạng miền Nam đang tiến hành phong trào “Đồng Khởi”.

C. cách mạng hai miền Nam – Bắc có những bước tiến quan trọng.

D. đế quốc Mĩ vừa tiến hành “trung cầu dân ý” bầu quốc hội ở miền Nam.

NB Câu 11. Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng là:

A. thông qua báo cáo chính trị và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, tiếp tục đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo kháng chiến.

B. đánh giá, tổng kết những kết quả của cách mạng miền Bắc đã đạt được trong những năm 1954 – 1960.

C. đánh giá kết quả của phong trào “Đồng Khởi” và vạch ra phương hướng chiến lược phát triển của cách mạng miền Nam.

D. đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước, từng miền và chỉ rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ của cách mạng hai miền.

TH Câu 12. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng xác định vai trò của cách mạng XHCN ở miền Bắc đối với cách mạng cả nước là

A. vai trò quyết định nhất.

B. vai trò quan trọng nhất.

C. vai trò quyết định trực tiếp.

D. vai trò chủ đạo.

TH Câu 13. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng xác định vai trò của cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam là

A. vai trò quyết định nhất.

B. vai trò quyết định trực tiếp.

C. vai trò quan trọng.

D. vai trò chủ đạo.

TH Câu 15. Đối với miền Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng khẳng định

A. miền Bắc phải trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng miền Nam.

B. miền Bắc là nơi tiếp nhận sự giúp đỡ của các nước XHCN.

C. đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

D. tiến hành CNH – HĐH miền Bắc XHCN.

NB Câu 16. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau năm 1954 là

A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

B. xây dựng CNXH.

C. hàn gắn vết thương chiến tranh.

D. Khôi phục kinh tế.

NB Câu 17. Sau Hiệp định Giơnevơ, nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là:

A. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.

D. thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

TH Câu 18. Nét nổi bật nhất về tình hình chính trị ở Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết là

- A. Hà Nội được giải phóng.
- B. Pháp rút quân khỏi miền Bắc.

C. đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

D. nhân dân hai miền tiến hành tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

TH Câu 19. Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kì 1954 – 1975 là

A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền.(CMXHCN ở MB – CMDTDCND ở MN)

B. tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

C. tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

D. chỉ tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

TH Câu 20. Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, nhiệm vụ chung của cách mạng nước ta là

A. xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước.

B. giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

C. đưa miền Bắc tiến lên CNXH và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

D. chống mĩ cứu nước.

NB Câu 21. Hình thức đấu tranh chủ yếu chống Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ là

A. đấu tranh vũ trang.

B. đấu tranh chính trị, hòa bình.

C. khởi nghĩa giành chính quyền.

D. dùng bạo lực cách mạng.

TH Câu 22. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng nhiệm vụ của cách mạng miền Nam những năm 1954 – 1959 là?

A. Đòi Mĩ – Diệm nghiêm chỉnh thi hành hiệp định Giơnevơ năm 1954.

B. Đấu tranh bảo vệ hòa bình, đòi quyền dân sinh, dân chủ.

C. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

D. Chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh vũ trang chống Mĩ – Diệm.

TH Câu 23. Cho thông tin sau: “tháng 1/1959, Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng (1).....đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm. Hội nghị nhấn mạnh: ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam (2).....giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh (3).....là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh (4)..... Đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm”.

Thứ tự đúng cho các chỗ trống trong đoạn thông tin trên là

A. (1) bạo lực cách mạng, (2) khởi nghĩa, (3) vũ trang, (4) chính trị.

B. (1) bạo lực cách mạng, (2) khởi nghĩa, (3) chính trị, (4) vũ trang.

C. (1) bạo lực cách mạng, (2) vũ trang, (3) khởi nghĩa, (4) chính trị.

D. (1) bạo lực cách mạng, (2) chính trị, (3) khởi nghĩa, (4) vũ trang.

NB Câu 24. Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng (01/1959) đã họp và đề ra đường lối cho cách mạng miền Nam là

A. tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của Mĩ - Diệm.

B. đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

C. kiên trì con đường đấu tranh chính trị, hòa bình, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, chờ khi có thời cơ sẽ sẵn sàng nổi dậy đánh đổ Mĩ – Diệm.

D. đẩy mạnh “phong trào hòa bình” trên toàn miền Nam, buộc Mĩ – Diệm phải thi hành Hiệp định Giơnevơ.

NB Câu 25. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã khẳng định con đường đấu tranh của cách mạng miền Nam là

A. chính trị hòa bình.

B. bạo lực cách mạng.

C. tự vệ vũ trang.

D. cải cách ôn hòa.

NB Câu 26. Phong trào “Đồng Khởi” diễn ra ở

A. Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ.

B. Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ.

C. Tây Nguyên, Trung và Nam Trung Bộ.

D. Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung bộ.

NB Câu 27. Trong “Đồng Khởi” chính quyền cách mạng được thành lập dưới hình thức là

A. Ủy ban hành chính.

B. Ủy ban nhân dân tự quản.

C. Ủy ban khởi nghĩa.

D. Hội đồng nhân dân.

TH Câu 28. Từ Phong trào “Đồng Khởi”, Mặt trận đoàn kết toàn dân đấu tranh chống Mĩ – Diệm là

A. Mặt trận dân chủ Việt Nam.

B. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

VD Câu 29. Đối với Mĩ – Diệm, phong trào “Đồng Khởi” thắng lợi đã

A. làm thất bại hoàn toàn âm mưu và chính sách thực dân kiều mới của Mĩ.

B. làm sụp đổ hoàn toàn chế độ độc tài, gia đình trị của Ngô Đình Diệm.

C. giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, lung lay tận gốc chính quyền Diệm.

D. làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai Sài Gòn.

VD Câu 29. Ý nghĩa to lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) là

A. đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Mĩ – Diệm.

B. mở rộng vùng giải phóng.

C. đưa đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, buộc Mĩ phải thực hiện cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

TH Câu 30. Kết quả to lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) là

A. đến cuối năm 1960, ta đã làm chủ 600 xã ở Nam bộ, 904 thôn ở vùng núi các tỉnh Trung Trung bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960).

C. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

D. làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

TH Câu 31. Với chiến thắng của phong trào “Đồng khởi”, quân và dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

- A. “Chiến tranh cục bộ”.
 B. “Chiến tranh đặc biệt”.
C. “Chiến tranh đơn phương”.
 D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

NB Câu 32. Trong kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965), ngành được nhà nước ưu tiên đầu tư là:

- A. Nông nghiệp.
B. Công nghiệp.
 C. Thương nghiệp.
 D. Giao thông vận tải.

TH Câu 33. Sắp xếp theo thứ tự thời gian các chiến lược chiến tranh mà Mĩ tiến hành ở Việt Nam trong những năm 1954 – 1973.

1. “Chiến tranh cục bộ”.
 2. “Chiến tranh đặc biệt”.
 3. “Chiến tranh đơn phương”.
 4. “Việt Nam hóa chiến tranh”.
 A. 1-2-3-4.
 B. 1-4-2-3.
 C. 4.3.2.1.
D. 3-2-1-4.

NB Câu 34. Những chiến thắng góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ là

- A. Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài, Núi Thành.
B. ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
 C. ấp Bắc, Bình Giã, Vạn Tường.
 D. An Lão, Núi Thành, Vạn Tường.

TH Câu 35. Trên mặt trận quân sự, chiến thắng nào của lực lượng cách mạng miền Nam có tính chất mở màn cho việc đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam?

- A. Đồng Xoài (Bình Phước).
B. Ấp Bắc (Mĩ Tho).
 C. Bình Giã (Bà Rịa).
 D. Ba Gia (Quảng Ngãi).

TH Câu 36. Để thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mĩ sử dụng lực lượng quân đội nào là chủ yếu?

- A. Lực lượng quân đội Sài Gòn.**
 B. lực lượng quân Mĩ.
 C. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.
 D. lực lượng quân Mĩ và quân viễn chinh Mĩ.

TH Câu 37. Vai trò của quân Mĩ trong “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. trực tiếp tham chiến.
B. cố vấn chỉ huy.

- C. lực lượng dự bị.
 D. giữ vai trò trọng yếu.

TH Câu 38. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, việc dồn dân lập “ấp chiến lược” được coi là

- A. quyết định.
 B. trọng điểm.
 C. hậu cứ.

D. “xương sống”.

TH Câu 39. Các chiến thuật mới được sử dụng trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là

- A. “càn quét” và “bình định”.
 B. giành dân, cướp đất.
 C. chinh phục từng gó nhỏ.
D. “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

NB Câu 40. Sau 1954, lực lượng vũ trang ở Miền nam có tên gọi là

- A. Đội du kích miền Nam.
 B. Cứu quốc quân miền Nam.

C. Quân đội quốc gia miền Nam.

D. Quân giải phóng miền Nam.

NB Câu 41. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ triển khai ở miền Nam trong những năm 1961 – 1965 là

A. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

B. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng hệ thống cố vấn quân sự Mĩ và quân đội tay sai nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

C. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

D. hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mĩ, vẫn do cố vấn Mĩ chỉ huy.

NB Câu 42. Âm mưu của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. “dùng người Việt đánh người Việt”.

B. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

C. chống lại lực lượng cách mạng và nhân dân Việt Nam.

D. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

NB Câu 43. Ba mũi giáp công của quân dân miền Nam chống “Chiến tranh đặc biệt” là

A. chính trị, quân sự và binh vận.

B. chính trị, quân sự và ngoại giao.

C. chính trị, văn hóa, quân sự.

D. quân sự, kinh tế, ngoại giao.

NB Câu 44. Ba vùng chiến lược của quân dân miền Nam chống “chiến tranh đặc biệt” là

A. đô thị, nông thôn miền núi và đồng bằng.

B. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

C. nông thôn đồng bằng, đô thị, đồn điền.

D. nhà máy, đồn điền, khu công nghiệp.

TH Câu 45. Cuộc chiến đấu diễn ra gay go quyết liệt, thu hút hàng chục triệu quần chúng tham gia, kiên quyết bám đất, giữ làng xóm, nhiều nơi hình thành làng chiến đấu là

A. phong trào chính trị ở đô thị.

B. cuộc tiên công quân sự.

C. chống và phá “áp chiến lược”.

D. chống các cuộc càn quét lớn.

TH Câu 46. Khẩu hiệu phong trào chống và phá “áp chiến lược” của quần chúng ở miền Nam là

A. ruộng đất về tay dân cày nghèo.

B. nhà máy về tay công nhân.

C. một tấc không đi, một li không rời.

D. chống đế quốc Mĩ và tay sai.

TH Câu 47. Đối với cách mạng miền Nam, thắng lợi của phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị và phong trào chống, phá “áp chiến lược” ở nông thôn có tác dụng.

A. khoét sâu mâu thuẫn giữa chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mĩ.

B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.

C. đưa chính quyền Sài Gòn đến khủng hoảng triền miên.

D. thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Diệm – Nhu.

VD Câu 49. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng điểm giống nhau giữa hai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ”?

A. Đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới.

B. Đều hoạt động phối hợp, phá hoại miền Bắc.

C. đều hoạt động phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.

D. đều có quân Mỹ vừa trực tiếp chiến đấu, vừa là cố vấn chỉ huy.

TH Câu 50. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là

A. nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng cuộc hành quân “tìm diệt”.

B. cố giành thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang trở về thế phòng ngự, buộc ta phải phân tán nhỏ hoặc rút về vùng biên giới.

C. mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của quân giải phóng, các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.

D. dồn dân, lập “ấp chiến lược” và coi đây là “xương sống” của chiến lược.

NB Câu 51. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam được thực hiện dưới thời Tổng thống Mỹ là

A. Tổng thống Truman.

B. Tổng thống Aixenhao.

C. Tổng thống Kennơđi.

D. Tổng thống Giônxon.

NB Câu 52. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam được thực hiện bằng lực lượng

A. quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

B. quân đội Sài Gòn, quân đội các nước Đông Dương và quân Mỹ.

C. quân đội Sài Gòn do cố vấn Mỹ chỉ huy.

D. quân đồng minh của Mỹ do cố vấn Mỹ chỉ huy.

NB Câu 53. Quân Đồng minh của Mỹ tham gia chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam là

A. Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Pháp, Niu Dilân.

B. Philippin, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Anh, Pháp.

C. Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâylia, Niu Dilân.

D. Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâylia.

TH Câu 54. Trong “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ đưa quân Mỹ và đồng minh vào miền Nam nhằm

A. thay cho quân đội Sài Gòn tham chiến trên chiến trường.

B. tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để áp đảo quân chủ lực của ta.

C. Mỹ muốn ngăn chặn CNXH ở Đông Nam Á.

D. Mỹ chuẩn bị những hoạt động phá hoại miền Bắc.

TH Câu 55. Trong “Chiến tranh cục bộ”, biện pháp tiến hành chủ yếu của Mỹ là

A. tiếp tục thực hiện âm mưu “dùng người Việt, đánh người Việt”.

B. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” rất tàn khốc.

C. phá hoại tinh đoàn kết chiến đấu của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

D. hòa hoãn với hai nước XHCN lớn chống lại phong trào các dân tộc.

TH Câu 56. Chiến thắng được coi là “ấp Bắc” đối với quân viễn chinh Mỹ, mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam là chiến thắng

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. Núi Thành (Quảng Nam).

C. Trà Bồng (Quảng Ngãi).

D. Tây Ninh.

TH Câu 57. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8/1965) chứng tỏ điều gì?

A. lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

B. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

C. cách mạng miền Nam đã đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ.

D. quân đồng minh Mĩ mất khả năng chiến đấu.

VD Câu 58. Điểm giống nhau về âm mưu của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

A. đều nhằm chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

B. đều xâm lược cả Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

C. đều xâm lược cả Đông Dương, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

D. đều chia cắt Đông Dương, biến Việt Nam và Lào thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

VD Câu 59. Điểm giống nhau về bản chất của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

A. đều là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ của Mĩ.

B. đều là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ.

C. đều là hình thức xâm lược thực dân kiểu cũ của Mĩ và phương Tây.

D. đều là hình thức xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ và phương Tây.

VD Câu 60. Điểm giống nhau về biện pháp thực hiện của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

A. đều sử dụng viện trợ kinh tế và quân sự của đồng minh để tiến hành chiến tranh; đều thực hiện chính sách “bình định” nhằm chiếm đất giành dân.

B. đều sử dụng viện trợ kinh tế và quân sự của các lực lượng phản động để tiến hành chiến tranh; đều thực hiện chính sách “bình định” nhằm chiếm đất giành dân.

C. đều sử dụng viện trợ kinh tế và quân sự của phương Tây để tiến hành chiến tranh; đều thực hiện chính sách “bình định” nhằm chiếm đất giành dân.

D. đều sử dụng viện trợ kinh tế và quân sự của Mĩ để tiến hành chiến tranh; đều thực hiện chính sách “bình định” nhằm chiếm đất giành dân. (chính trị)

TH Câu 61. Ý nào không phản ánh đúng âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là

A. nhanh chóng tạo ra ưu thế mới về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng cuộc hành quân “tìm diệt”.

B. cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang trở về thế phòng ngự, buộc ta phải phân tán nhỏ, hoặc rút về biên giới.

C. mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của quân giải phóng, các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào “vùng đất thánh của Việt cộng”.

D. dồn dân lập “ấp chiến lược”, và coi đây là “xương sống” của chiến lược.

NB Câu 62. Đợt phản công chiến lược của quân Mĩ và đồng minh trong mùa khô thứ nhất đông – xuân (1965 – 1966) nhằm vào hai hướng chiến lược chính là

A. Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

- C. Liên khu V và Tây Nam Bộ.
- D. Trung Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

TH Câu 63. Mục tiêu đợt phản công chiến lược của quân Mĩ và đồng minh trong mùa khô thứ nhất đông – xuân (1965 – 1966) là

- A. làm chủ toàn bộ miền Nam.
- B. khẳng định vị trí của quân Mĩ.

C. đánh bại chủ lực quân giải phóng.

- D. đe dọa tinh thần chống Mĩ của nhân dân.

TH Câu 64. Cuộc hành quân lớn nhất “tìm diệt” và “bình định” trong mùa khô thứ hai đông – xuân (1966 – 1967) của địch là

- A. cuộc hành quân “Ánh sáng sao”.
- B. cuộc hành quân Át-ton-bo-rơ.
- C. cuộc hành quân Xê-đa-phôn.

D. cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti.

TH Câu 65. Cuộc phản công chiến lược lớn nhất của quân Mĩ và đồng minh trong mùa khô thứ hai đông – xuân (1966 – 1967) nhằm vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh) nhằm

A. tiêu diệt cơ quan đầu não và quân chủ lực kháng chiến của ta.

- B. giành lại thế chủ động trên chiến trường.
- C. đe dọa tinh thần chống Mĩ của nhân dân.
- D. củng cố tinh thần của quân đội Sài Gòn.

TH Câu 66. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, diễn ra đồng loạt trên toàn miền Nam, nhưng trọng tâm là

- A. nông thôn.
- B. đồng bằng.

C. đô thị.

- D. miền núi.

TH Câu 67. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng âm mưu của Mĩ trong việc tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

- A. Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- B. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
- C. Làm lung lay ý chí chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

D. Mở rộng xâm lược miền Bắc, buộc ta phải khuất phục trên bàn đàm phán.

VD Câu 68. Ý nghĩa to lớn nhất của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân 1968 là

- A. đòn bất ngờ làm địch hoảng loạn.

B. làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải thừa nhận thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

- C. Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- D. Mĩ phải chấp nhận đàm phán ở Pari để đàm phán chấm dứt chiến tranh.

TH Câu 69. Bước vào mùa xuân 1968, ta chủ trương mở cuộc tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam là xuất phát từ cơ sở nào?

A. So sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô và lợi dụng mâu thuẫn của Mĩ trong năm bầu cử tổng thống.

- B. Sự thất bại nặng nề của quân Mĩ và quân đội Sài Gòn trong hai mùa khô 1965 – 1966, 1966 – 1967.

C. Sự ủng hộ to lớn của các nước XHCN đối với cuộc đấu tranh chống Mĩ của nhân dân ta.

D. Mâu thuẫn giữa Mĩ và chính quyền Sài Gòn xuất hiện, quân đội Sài Gòn bị cô lập.

VD Câu 70. Sự kiện có ý nghĩa làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa” chiến tranh thay cho chủ trương “Mĩ hóa” chiến tranh tức là “chiến tranh cục bộ” của Giôn-xon đã thất bại, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là

A. ngày 19/8/1965, chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. thắng lợi của quân dân toàn miền Nam trong mùa khô thứ nhất (1966).

C. thắng lợi của quân dân toàn miền Nam trong mùa khô thứ hai (1967).

D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm (1968).

TH Câu 70. Mục tiêu đấu tranh chính trị ở thành thị của các tầng lớp nhân dân lao động, học sinh, sinh viên, Phật tử và một số sĩ quan quân đội Sài Gòn là

A. đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

B. chống bắt lính, chống lệnh tổng động viên.

C. đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình.

D. đòi thành lập chính quyền của nhân dân miền Nam.

NB Câu 71. Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã được

A. 20 nước và 5 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

B. 34 nước và 7 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

C. 41 nước và 10 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

D. 41 nước và 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

TH Câu 72. Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng lực lượng

A. lục quân và không quân.

B. hải quân và lục quân.

C. không quân và hải quân.

D. lục quân, hải quân và không quân.

TH Câu 73. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, Mĩ âm mưu phá hoại những tiềm lực của miền Bắc là

A. hệ thống chính trị và quốc phòng của miền Bắc.

B. kinh tế, tài chính và sự mở rộng quan hệ quốc tế.

C. kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. (mục tiêu dân sự)

D. tiềm năng biển và nguồn tài nguyên thiên nhiên.

TH Câu 74. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, Mĩ muốn ngăn chặn

A. ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở bên ngoài vào miền Bắc.

B. ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đối với miền Nam.

C. ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đối với Đông Nam Á.

D. nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

TH Câu 75. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, Mĩ muốn uy hiếp

A. tinh thần, ý chí đấu tranh chống Mĩ của nhân dân Việt Nam.

B. tinh thần, ý chí đấu tranh chống Mĩ của nhân dân miền Bắc.

C. tinh thần, ý chí đấu tranh chống Mĩ của nhân dân miền Nam.

D. tinh thần, ý chí đấu tranh chống Mĩ của nhân dân các nước XHCN.

NB Câu 76. Lực lượng tham chiến trên chiến trường khi tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” là

A. Quân Mĩ và đồng minh của Mĩ.

B. Quân đội Sài Gòn và quân Mĩ.

C. Quân đội Sài Gòn và quân đồng minh Mĩ.

D. Quân đội tay sai trên toàn Đông Dương.

TH Câu 77. Mĩ thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh” nhằm

A. tận dụng xương máu của người Việt Nam, rút dần bộ phận quân Mĩ về nước.

B. tạo điều kiện phát huy vai trò của quân đội Sài Gòn trên chiến trường.

C. từng bước thoát khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

D. tập trung toàn lực lượng quân Mĩ xâm lược Lào và Campuchia.

TH Câu 78. Để cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, từ năm 1972 Mĩ dùng thủ đoạn ngoại giao là

A. tăng cường sự tham gia của các nước Đông Nam Á và tổ chức SEATO.

B. thực hiện sách lược hòa hoãn với hai nước XHCN lớn.

C. phong tỏa biên giới, biển đảo ngăn liên lạc của ta với nước ngoài.

D. viện trợ cho Lào, Campuchia gây chia rẽ giữa ba nước Đông Dương.

TH Câu 79. Thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập.

B. Mĩ phải chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh.

C. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập.

D. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương biểu thị quyết tâm chống Mĩ.

TH Câu 80. Vừa ra đời Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao. Điều đó, chứng tỏ

A. cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân miền Nam được nhân dân tiến bộ thế giới ủng hộ.

B. chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ đã bị thất bại trên phương diện đấu tranh ngoại giao.

C. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là Chính phủ hợp Pháp, đại diện cho nhân dân miền Nam.

D. tạo thế cân bằng về so sánh lực lượng giữa phản cách mạng do Mĩ hậu thuẫn và lực lượng cách mạng của nhân dân ta.

NB Câu 81. Từ 12/2 đến 23/3/1971, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào, đập tan cuộc hành quân của

A. xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và ngụy Sài Gòn.

B. “Lam Sơn – 719” của quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

C. cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mĩ.

D. cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng.

TH Câu 82. Hướng chủ yếu trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là

A. hướng Đông Nam Bộ.

B. hướng Quảng Trị.

C. hướng Tây Nguyên.

D. hướng đồng bằng sông Cửu Long.

VD Câu 83. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 có ý nghĩa lịch sử là

A. giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ phải chấm dứt mọi hoạt động gây chiến ở Việt Nam.

B. giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ phải xuống thang cuộc chiến tranh Việt Nam.

C. giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đã buộc Mĩ kí Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973).

D. giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”).

NB Câu 84. Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, quân ta chọc thủng ba phòng tuyến quan trọng nhất của địch là

A. Đà Nẵng, Tây Nguyên Và Sài Gòn.

B. Quảng Trị, Đà Nẵng Và Tây Nguyên.

C. Huế, Đà Nẵng Và Sài Gòn.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên Và Đông Nam Bộ.

B.

TH Câu 85. Mĩ mở cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng nhằm

A. giành thắng lợi quân sự, hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới.

B. làm suy yếu lực lượng của ta, giúp cho quân đội Sài Gòn tự đứng vững.

C. giành thắng lợi quân sự quyết định, đưa miền Bắc quay về thời kì đồ đá.

D. giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

TH Câu 86. Thắng lợi của quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng được coi như

A. trận Điện Biên Phủ năm 1954.

B. trận “Điện Biên Phủ trên không”

C. một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỉ XX.

D. trận Oa-téc-lô ở Pháp (trận đánh cuối cùng trong chiến tranh Napoleon).

TH Câu 87. Sở dĩ, việc đàm phán giữa Việt Nam và Mĩ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam kéo dài trong nhiều năm là do

A. ảnh hưởng của cuộc chiến tranh lạnh đến cuộc chiến tranh Việt Nam.

B. thái độ ngoan cố, lật lọng của Mĩ.

C. Việt Nam và Mĩ không thống nhất được về vấn đề bồi thường hậu quả do chiến tranh gây ra.

D. Do sự chi phối của các nước lớn trong quan hệ quốc tế.

TH Câu 88. Cho thông tin sau: “Chiến thắng của nhân dân ta trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 được ví như (1)....., là chiến thắng quyết định (2).....phải ký kết (3).....về chấm dứt chiến tranh lập lại (4).....”

A. (1) trận “Điện Biên Phủ trên không”; (2) buộc Pháp; (3) Hiệp định Giơnevơ; (4) hòa bình ở Đông Dương.

B. (1)trận “Điện Biên Phủ trên không”; (2) buộc Mĩ; (3) Hiệp định Giơnevơ; (4) hòa bình ở Đông Dương.

C. (1) trận “Điện Biên Phủ trên không”; (2) buộc Pháp; (3) hiệp định Pari; (4) hòa bình ở Việt Nam.

D. (1) Trận “Điện Biên Phủ trên không”; (2) buộc Mĩ; (3) hiệp định Pari; (4) hòa bình ở Việt Nam.

TH Câu 89. Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam tại Hội nghị Pari do thất bại bất ngờ, choáng váng trong

A. chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

B. chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

C. cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu thân 1968.

D. âm mưu tập kích bằng máy bay B52 vào Hà Nội cuối năm 1972.

TH Câu 90. Lý do trực tiếp nhất buộc Mĩ phải ký hiệp định Pari (27/1/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là

- A. thất bại sau đòn bất ngờ của cuộc tiến công và nội dậy Tết Mậu thân 1968, Giôn-xơn bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.
- B. thất bại của Mĩ khi mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng cuối năm 1972.

C. quân và dân ta đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.

- D. cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã chọc thủng ba phòng tuyến quan trọng nhất của địch.

VD Câu 91. Nguồn chi viện cùng với thắng lợi trong chiến đấu và sản xuất của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975) có ý nghĩa

A. góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam.

- B. góp phần củng cố và tăng cường khối đoàn kết hai miền Nam – Bắc.
- C. là nguồn động viên về tinh thần đối với nhân dân miền Nam.
- D. làm suy yếu kẻ thù dân tộc, tạo thời cơ cho cuộc kháng chiến ở miền Nam.

TH Câu 92. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pari năm 1973 đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là

- A. làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ.
- B. đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “Ngụy nhào”.

C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Ngụy nhào”.

- D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “Ngụy nhào”.

TH Câu 93. Để tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mĩ đã sử dụng chủ yếu

- A. quân Đồng minh.
- B. quân Đồng minh và quân đội Sài Gòn.
- C. quân đội Mĩ.
- D. quân đội Sài Gòn.**

TH Câu 94. Nội dung quan trọng nhất của hiệp định Pari năm 1973 là

A. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- B. Hoa Kỳ rút hết quân đội và quân các nước đồng minh về nước.
- C. nhân dân Việt Nam tự quyết định đến tương lai chính trị của mình thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.
- D. hai bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

TH Câu 95. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975), thắng lợi đánh dấu nhân dân Việt Nam căn bản hoàn thành căn bản nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút” là

- A. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm (1968).
- B. cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- C. trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- D. Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.**

NB Câu 96. Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Paris là

- A. Việt Nam là quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viên, quân đội và tài chính riêng.
- B. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.
- C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của miền Nam Việt Nam.
- D. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.**

TH Câu 97. Với Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí kết, nó tác động với sự phát triển của cách mạng miền Nam là

- A. tạo thời cơ thuận lợi để ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.**
- B. gây rối loạn trong hàng ngũ kẻ thù, tạo điều kiện thuận lợi cho ta.
- C. Mĩ bị suy giảm trên trường quốc tế, nên Mĩ không giám tham chiến.

D. Mĩ càng hung hăng, hiếu chiến, gây khó khăn cho cách mạng miền Nam.

TH Câu 98. Cuộc phản công chiến lược lớn nhất của quân Mĩ và đồng minh trong mùa khô thứ hai đông – xuân (1966 – 1967) nhằm vào hướng chiến lược chính là

A. Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

C. Liên khu V và Tây Nam Bộ.

D. căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh).

VD Câu 99. Tuyến đường Hồ Chí Minh được khai thông năm 1959 có ý nghĩa

A. phát triển giao thông vận tải.

B. nối các vùng kinh tế trong nước.

C. nối liên lạc hậu phương với tiền tuyến.

D. tạo sự thông thương hai miền Bắc – Nam.

TH Câu 100. Ý nào sau đây không phản ánh đúng tình hình nước ta sau Hiệp định Paris năm 1973?

A. Đất nước hòa bình, thống nhất.

B. Miền Bắc tiếp tục thực hiện công cuộc xây dựng CNXH.

C. Mĩ rút quân về nước.

D. Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự ở miền Nam, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II. 2023

MÔN: LỊCH SỬ 12

TT	Nội dung	Mức độ nhận thức									
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng	
		Số CH	Số điểm	Số CH	Số điểm	Số CH	Số điểm	Số CH	Số điểm	Số CH	Số điểm
1	Bài 21: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và Chính quyền Sài Gòn ở miền Nam 1954 - 1965	10	2.5	6	1.5	3	0.75	1	0.25	20	5.0
2	Bài 22: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất 1965 – 1973	6	1.5	6	1.5	5	1.25	3	0.75	20	5.0
Tổng		16	4.0	12	3.0	8	2.0	4	1.0	40	10

----- HẾT -----

Tuần 29

Tiết PPCT: 46

Chương V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

**Bài 24. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI
CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC NĂM 1975**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

Hiểu và trình bày được:

- Tình hình hai miền đất nước sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Nhiệm vụ cách mạng nước ta trong năm đầu sau đại thắng mùa xuân 1975 nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam, tinh thần độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, niềm tin vào tiền đồ cách mạng.

3. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước sau thắng lợi kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ cấp bách của cách mạng cả nước trong năm đầu sau chiến tranh kết thúc, miền Nam vừa được giải phóng.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Tài liệu tham khảo trong SGK.
- Tham khảo *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay*.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Ổn định lớp

2. Bài mới:

Đặt câu hỏi nêu vấn đề định hướng nhận thức của HS: Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cách mạng nước ta đã thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trước mắt nào?

3. Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 18 phút GV khái quát tình hình đất nước sau giải phóng, rồi nêu câu hỏi: <i>Nêu tình hình thuận lợi và khó khăn của hai miền Nam-Bắc sau năm 1975?</i> HS suy nghĩ trả lời câu hỏi, GV</p>	<p>I. Tình hình 2 miền Nam - Bắc sau năm 1975 1. Thuận lợi: - Công cuộc xây dựng CNXH ở MB 1954 -1975 đã đạt nhiều thành tựu to lớn. - Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ, cả nước bước vào kỉ nguyên độc lập, thống</p>

<p>nhận xét và chốt ý. + Thuận lợi: Miền Nam hoàn toàn giải phóng ,thống nhất đất nước , đi lên CNXH. + Khó khăn: -MB: chiến tranh tàn phá còn nặng nề. -MN: Chính quyền cũ ở địa phương còn tồn tại, cơ sở kt-xh còn nhiều khó khăn.</p> <p>Hoạt động 2 :22 phút Nêu những sự kiện tiêu biểu , nhằm tiến hành thống nhất đất nước về mặt nhà nước? HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi, GV nhận xét và chốt ý. -Hội nghị của BCH TW 24(9/1975) đề ra chủ trương thống nhất đất nước về mặt nhà nước. -Từ 15-21/11/1975 tại SG, hai đoàn đại biểu nhất trí chủ trương , biện pháp nhằm thống nhất đất nước. - 25/4/1976 tổng tuyển cử bầu QH trong cả nước. -14/6 – 2/7/1976 QH khoá VI họp kỳ đầu tại HN. -2/7/1976 lấy tên là Nước CHXHCNVN. HS nghe và ghi chép.</p>	<p>nhất và cả nước đi lên CNXH. 2.Khó khăn: - Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ, miền Bắc bị tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài. - Ở miền Nam, tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại, làng mạc bị tàn phá, ruộng đất bị bỏ hoang... thất nghiệp lên tới hàng triệu người.</p> <p>II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước. III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976) - Hội nghị 24 của ban chấp hành TW Đảng (9/1975) đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước “thống nhất...dân tộc VN” - Quá trình thực hiện thống nhất: - 25/4/1976 Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước, với 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu, bầu ra 492 đại biểu. - 24/6- 3/7/1976 Quốc hội khoá VI của nước VN thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội đã thông qua các chính sách đối nội, đối ngoại. - Nội dung kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VI: + Tên nước: Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2/7/1976) + Quốc huy mang dòng chữ CHXHCN VN, Quốc kì, cờ đỏ sao vàng, Quốc ca, bài Tiến Quân Ca + Thủ đô là Hà Nội + Đổi tên Sài Gòn → Thành phố Hồ Chí Minh + Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, bầu ban dự thảo hiến pháp. - 18/12/1976 Hiến pháp nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được quốc hội thông qua * Ý Nghĩa: - Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước. - Tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội, khả năng bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.</p>
---	--

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

- Tình hình 2 miền Nam – Bắc sau năm 1975.
- Khắc phục hậu quả chiến tranh , khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội ở hai miền đất nước.
- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2. Dặn dò: 2 phút

Học và chuẩn bị bài mới

Tuần 30

Tiết PPCT: 47

Bài 25

**XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 – 1986)**

Không dạy- Hướng dẫn học sinh nắm một vài nội dung

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

- Hiểu rõ con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Về quá trình 10 năm đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

-Bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần lao động xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

-Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, nhận định, đánh giá về con đường phát triển của đất nước, quá trình 10 năm đầu đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Tài liệu tham khảo trong SGK.

- Tham khảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV – 1982, lần thứ V – 1982, lần thứ VI – 1986 và Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ.

Câu hỏi: - Tình hình 2 miền Nam – Bắc sau năm 1975.

- Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội ở hai miền đất nước.
- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2.Bài mới: GV đặt vấn đề: Trong 10 năm đầu sau khi nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố thành lập(2 – 7 – 1976), cách mạng nước ta thực hiện liên hai kế hoạch nhà nước 5 năm nhằm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và tiến hành đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	KIẾN THỨC CƠ BẢN
<p><i>Hoạt động 1:Cá nhân và cả lớp.</i> ? Cách mạng Việt Nam chuyển sang Cách mạng XHCN trong điều kiện và hoàn cảnh nào? Học sinh đọc SGK, gọi HS trả lời và HS khác bổ sung, sau đó GV nhận xét và nhấn mạnh kiến thức trọng tâm. ?Con đường đi lên CNXH có phải làđịnh hướng mới không.Vì sao? HS tự suy nghĩ trả lời,GV nhận xét và chốt lại. (không vì định hướng này đã có từ ngày</p>	<p>I. Đất nước bước đầu đi lên Chủ Nghĩa xã hội (1976-1986) 1.Cách mạng Việt Nam chuyển sang cách mạng CNXH Đất nước đã hoàn toàn độc lập và thống nhất về nhà nước cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới Cách mạng XHCN. 2.Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1976-1980 - Nông nghiệp, diện tích gieo trồng tăng</p>

<p>3/2/1930) Cho HS đọc đoạn trích Quy luật đó là.... ở SGK trang 204, gọi HS nhận xét, GV giải thích. Hoạt động 2: Làm việc nhóm, chia lớp thành 4 nhóm. - Nhóm 1: Những quyết định quan trọng của Đại hội IV? Nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) . - Nhóm 2 : Những thành tựu , ưu điểm và hạn chế của quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần I (1976 0 1980) . - Nhóm 3 : Những quyết định quan trọng của Đại hội Đảng lần V ? Nhiệm vụ - mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm lần II (1981 – 1980) . - Nhóm 4 : Thành tựu , ưu điểm , hạn chế của quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ II (1981 – 1985) . - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm . - Sau thời gian chuẩn bị , GV gọi từng nhóm trình bày . - GV nhận xét đánh giá và chốt lại theo bảng tổng kết . - Nhóm 1: - Xây dựng đường lối chung của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH. - Phương hướng ,nv,mt của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976-1980) -Nhiệm vụ: XD CNXH và bảo vệ TQ. - Mục tiêu: từng bước xd cơ sở vật chất cho CNXH, hình thành cơ cấu kinh tế mới, chủ yếu là công ,nông nghiệp; đồng thời cải thiện văn hoá vật chất cho người lao động. - Nhóm 2 : - Thành tựu: +Nông nghiệp: diện tích tăng 2 tr ha + CN; nhiều nhà máy được xây dựng. +GTVT; được khôi phục và pt +Cải tạo QHSX. +VH,GD,YT pt mạnh. - Nhóm 3 : -Nhiệm vụ: XD CNXH và bảo vệ TQ. - Mục tiêu: pt thêm một bước , sắp xếp cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo XHCN; ổn định kt-xh ;khắc phục sự mất cân đối của nền kt - Nhóm 4 : - Thành tựu:</p>	<p>lên gần 2 triệu ha, trang bị thêm máy móc. - Công nghiệp, nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng. - Giao thông vận tải được khôi phục và xây dựng mới... - Cải tạo XHCN được đẩy mạnh, giai cấp tư bản bị xoá bỏ. - Văn hoá, giáo dục, y tế; xoá bỏ tàn dư văn hoá phản động, xây dựng văn hoá mới, hệ thống giáo dục các cấp phát triển, công tác chăm lo sức khoẻ nhân dân được quan tâm. 3.Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1985) Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V từ 27-31/3/1982 khẳng định tiếp tục đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước, cụ thể hóa cho từng giai đoạn. + Nhiệm vụ: xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc + Mục tiêu: sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo XHCN, ổn định kinh tế xã hội, khắc phục sự mất cân đối của nền kinh tế. + Thành tựu: nông nghiệp tăng 4,9% , công nghiệp tăng 9,5% so với trước, thu nhập quốc dân tăng 6,4%, áp dụng KHKT vào sản xuất, xây dựng được hàng trăm công trình.... + Khó khăn, yếu kém: Chưa đạt được mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình KT-XH + Nguyên nhân: sai lầm khuyết điểm trong quản lý và lãnh đạo chậm được khắc phục II. Đấu tranh bảo vệ tổ quốc (1975-1979) * Bảo vệ biên giới Tây Nam: - Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tập đoàn Khome Đỏ do PonPot cầm đầu ở CPC, đã tiến hành khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ nước ta từ Tây Ninh – Hà Tiên. Đầu tháng 5/1975 chúng đánh chiếm đảo Thổ Chu và Phú Quốc. - Ngày 22/12/1978, 19 sư đoàn tiến đánh</p>
---	---

<p>+Nông nghiệp: tăng 4.9% so với trước + CN; tăng 9.5% so với thời kỳ 1976-1980. +Thu nhập quốc dân tăng 6.4% so với thời kỳ 1976-1980. +Hoàn thành hàng trăm công trình xd. +Ap dụng KHKT vào sx +GTVT; được pt +VH,GD,YT pt mạnh. Xd nền văn hoá mới, con người mới. HS nghe và ghi chép</p>	<p>Tây Ninh, mở đầu cuộc xâm lấn nước ta với quy mô lớn. - Trước tình hình đó quân VN kết hợp với lực lượng cách mạng CPC, tiến công tiêu diệt lực lượng Pôn pôt, ngày 7 -1- 1979, PhnomPenh được giải phóng khrome đỏ bị lật đổ. * Bảo vệ biên giới phía Bắc. - 17/2/1979 Trung Quốc huy động 32 sư đoàn tiến công dọc biên giới phía Bắc từ Móng Cái (Quảng Ninh) – Phong Thổ (Lai Châu) - Nhân dân ta ở 6 tỉnh biên giới đã chiến đấu anh dũng đến 18/3/1979 quân Trung Quốc rút khỏi nước ta.</p>
--	--

4. Củng cố :

- Trong hơn một thập niên (1976 – 1980) thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm cách mạng XHCN ở nước ta đã đạt những thành tựu và tiến bộ đáng kể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội , song cách mạng cũng gặp không ít những khó khăn và yếu kém , trước mắt là về kinh tế xã hội . Tình hình đó đòi hỏi đất nước ta phải đổi mới Đại hội VI năm 1986 của Đảng đã quyết định đưa đất nước ta vào thời kì đổi mới . Chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung này vào bài sau .

5. Dặn dò:

- Trả lời câu hỏi trong SGK .
- + Hoàn thành nội dung trong bảng tổng kết cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc .
- + Tham khảo văn kiện Đại hội Đảng VI , sưu tầm tư liệu về những thành tựu trong cuộc đổi mới .

Tuần 31
Tiết PPCT: 48

Bài 26
ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI
ĐI LÊN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1.Kiến thức:

- Sự tất yếu phải đổi mới đất nước, đổi mới con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Nội dung , thành tựu, ý nghĩa và những hạn chế trong 15 năm đổi mới của Đảng 1986-2000.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Bồi dưỡng lòng yêu nước XHCN, tinh thần đổi mới trong lao động công tác , học tập.
- Củng cố niềm tin vào sự nghiệp đổi mới của Đảng.

3. Kỹ năng: Kỹ năng phân tích , tổng hợp ,so sánh , đánh giá con đường pt của đất nước.

II. THIẾT BỊ ,TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Tranh, ảnh, tài liệu minh họa.
- Văn kiện Đảng .
- Giáo trình lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1.Kiểm tra bài cũ: 5 phút

Việt Nam giai đoạn 1975-1986 có những thuận lợi và khó khăn như thế nào?

2.Bài mới: GV giải thích vì sao ta phải tiến hành đổi mới , những vấn đề quan trọng trong thời kỳ đổi mới 1986-2000.

3.Tiến trình tổ chức dạy-học.

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: 15 phút <i>GV khái quát tình hình đất nước thời kỳ 1975 – 1985 , rồi nêu câu hỏi.</i> Hoàn cảnh đưa đến cuộc đổi mới đất nước của Đảng và chính phủ? <i>HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi, GV nhận xét và chốt ý.</i> <i>-Thời kỳ 1976-1986 , đảng ta vừa tìm tòi vừa thể nghiệm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.</i> <i>-Ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong mọi lĩnh vực , nhưng cũng gặp không ít khó khăn, yếu kém do sai lầm khuyết điểm gây ra, từ giữa những năm 80 , ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế -xã hội.</i> <i>-Để đưa đất nước vượt qua khủng hoảng , đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới.</i></p> <p>Hoạt động 2 : 20 phút Trình bày nội dung chủ yếu của đường lối đổi mới của Đảng đề ra từ đại hội 6? <i>HS trả lời , GV chốt ý:</i> <i>-Đại hội 6 (12/1986) của Đảng đánh dấu bước đổi mới toàn diện ,đồng bộ, từ kinh tế chính trị đến tư tưởng ,tổ chức... nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế;</i> <i>+ Kinh tế:</i> <i>-Thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế, kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN, theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, xóa bỏ quan liêu bao cấp...</i> <i>-Kinh tế tập thể làm nền tảng, mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật.</i> <i>-Mở rộng kinh tế đối ngoại, hợp tác quốc tế.</i></p>	<p>I. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng 1.Hoàn cảnh lịch sử - Thời kỳ 1976 – 1985, đảng ta vừa tìm tòi vừa thể nghiệm con đường đi lên CNXH, ta đã đạt nhiều thành tựu đáng kể trong mọi lĩnh vực, song cũng gặp không ít khó khăn, yếu kém do những sai lầm khuyết điểm, từ giữa những năm 80 nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội. - Tình hình thế giới có sự thay đổi, chủ nghĩa xã hội đang lâm vào khủng hoảng toàn diện. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật tác động mạnh đến các quốc gia dân tộc và trở thành xu hướng mới của thế giới. - Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi đảng ta phải đổi mới.</p> <p>2. Đường lối đổi mới của Đảng Đường lối đổi mới được đề ra từ đại hội Đảng VI (12/1986), về sau qua các kỳ đại hội được điều chỉnh, bổ sung. Đổi mới toàn diện và đồng bộ trong đó trọng tâm là đổi mới về kinh tế. + Về đổi mới kinh tế: Chủ trương, xây dựng nền kinh tế với cơ cấu nhiều ngành, nghề...phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng XHCN, xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp hình thành cơ chế thị trường, mở rộng quan hệ kinh tế đối</p>

<p>+ Chính trị: - Xây dựng nhà nước pháp quyền, XHCN, nhà nước của dân do dân vì dân. - Xây dựng nền dân chủ XHCN. - Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc. - Đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác. HS nghe và ghi chép</p>	<p>ngoại. + VỀ ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ: Xây dựng nhà nước pháp quyền, nền dân chủ XHCN; thực hiện quyền dân chủ nhân dân, chính sách đại đoàn kết dân tộc, đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.</p>
--	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố: 3 phút

- Đổi mới là tất yếu, là vấn đề sống còn của một Quốc gia.
- Nội dung và thành tựu của công cuộc đổi mới ở VN 1986-2000.

2. Dặn dò: 2 phút

Học bài và đọc trước bài 26 phần tiếp theo.

Tuần 32

Tiết PPCT: 49

Bài 26

**ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI
 ĐI LÊN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Sự tất yếu phải đổi mới đất nước, đổi mới con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Nội dung, thành tựu, ý nghĩa và những hạn chế trong 15 năm đổi mới của Đảng 1986-2000.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Bồi dưỡng lòng yêu nước XHCN, tinh thần đổi mới trong lao động công tác, học tập.
- Củng cố niềm tin vào sự nghiệp đổi mới của Đảng.

3. Kỹ năng: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá con đường pt của đất nước.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

- Tranh, ảnh, tài liệu minh hoạ.
- Văn kiện Đảng.
- Giáo trình lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. Kiểm tra bài cũ: 10 phút

Việt Nam giai đoạn 1975-1986 có những thuận lợi và khó khăn như thế nào?

2. Bài mới: GV giải thích vì sao ta phải tiến hành đổi mới, những vấn đề quan trọng trong thời kỳ đổi mới 1986-2000.

3. Tiến trình dạy- học

<p>Hoạt động 1: 10 phút Ở mục quá trình thực hiện đường lối đổi mới 1986 – 2000, GV chia lớp thành 4 nhóm và</p>	<p>II. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới 1986-2000 Đường lối đổi mới được thực hiện từ</p>
--	--

<p>chia câu hỏi để tiến hành thảo luận.</p> <p>-Nhóm 1: Trình bày mục tiêu và thành tựu của kế hoạch 5 năm 1986 – 1990?</p> <p>-Nhóm 2: Trình bày mục tiêu và thành tựu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995?</p> <p>-Nhóm 3: Trình bày mục tiêu và thành tựu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000?</p> <p>-Nhóm 4: Trình bày ý nghĩa của đường lối đổi mới?</p> <p>HS thảo luận theo từng nhóm và cử đại diện nhóm lên trình bày, nhóm khác bổ sung ý kiến, GV nhận xét và chốt ý.</p> <p>-Nhóm 1: +Mục tiêu: thực hiện những mục tiêu của “ba chương trình kinh tế” lớn: - Lương thực – thực phẩm: Năm 1988 phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo. Đến 1990 ta đã vươn lên đủ cung cấp trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. (1989 sx lương thực đã đạt 21,4 tr tấn). - Hàng tiêu dùng: dồi dào đa dạng lưu thông thuận lợi. Các cơ sở sx gắn với nhu cầu thị trường. -Kinh tế đối ngoại: phát triển và mở rộng qui mô hơn trước. từ 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần. Ta tăng thêm mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác</p> <p>-Nhóm 2: - Mục tiêu: Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định nâng cao hiệu quả sx, ổn định kt, xd cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu CNH.</p> <p>Hoạt động 2: 20 phút</p> <p>- Thành tựu: +KT tăng trưởng nhanh GDP hàng năm 8.2% (CN 13%, Nn 4.5%) -Lạm phát 12.7%/ năm -Xuất khẩu đạt 17t USD -Đầu tư nước ngoài hàng năm tăng 50% -Đời sống nhân dân được cải thiện.</p> <p>-Nhóm 3: -Mục tiêu : Đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ, pt kt nhiều thành phần... phân đấu pt kt nhanh, bền vững, nâng cao đời sống nhân dân.</p> <p>- Thành tựu: +Kinh tế: -GDP 7%(CN 13.5%, Nn 5.7%) -KT chuyển dịch theo hướng CNH</p>	<p>1986→2000 đã qua 3 kế hoạch nhà nước 5 năm</p> <p>1.Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990</p> <p>a. Thành tựu.</p> <p>+ Lương thực thực phẩm: đáp ứng được nhu cầu trong nước, từ chỗ thiếu ăn, đến năm 1990, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, sản xuất lương thực 1988 đạt 19.5 triệu tấn, 1989 đạt 21,4 triệu tấn</p> <p>+ Hàng tiêu dùng: Dồi dào, đa dạng và lưu thông thuận lợi, có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Phần bao cấp của nhà nước giảm đáng kể.</p> <p>+ Hàng xuất khẩu: kinh tế đối ngoại được mở rộng hơn trước, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần. Nhập khẩu giảm đáng kể.</p> <p>+Ta kiểm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, và chỉ còn 4,4% (1990).</p> <p>Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước.</p> <p>b. Những khó khăn, yếu kém: kinh tế còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, thiếu việc làm, tình trạng tham nhũng, hối lộ, mất dân chủ...chưa khắc phục được.</p> <p>2.Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995</p> <p>* Thành tựu: + Nền kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân 8,2%/năm, công nghiệp 13,3%, nông nghiệp 4,5% + Nạn lạm phát được đẩy lùi từ 67,1% (1991)→ 12,7% (1995), tỉ lệ thiếu hụt ngân sách được kiểm soát + Xuất khẩu đạt 17 tỉ USD. Quan hệ mậu dịch mở rộng ra hơn 100 nước. Vốn đầu tư ra nước ngoài tăng 50%/năm</p> <p>* Hạn chế: Lực lượng sản xuất còn bé, cơ sở vật chất - kỹ thuật lạc hậu.</p> <p>3.Kế hoạch 5 năm 1996-2000</p> <p>* Những thành tựu</p> <p>- Tổng sản phẩm quốc nội tăng bình quân</p>
---	---

<p>-Hoạt động xuất ,nhập khẩu pt, đầu tư nước ngoài gấp 1.5 lần (10 TỉUSD) so với 5 năm trước.</p> <p>-Doanh nghiệp VN mở rộng đầu tư ra bên ngoài..</p> <p>+Đối ngoại: Có QH thương mại với 140 nước , thu hút đầu tư vốn nước ngoài cao.</p> <p>-Nhóm 4: Ý nghĩa của 15 năm đổi mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thay đổi bộ mặt đất nước - Củng cố vững chắc chủ quyền và chế độ XHCN. - Vị thế của VN ngày càng cao trên trường quốc tế. <p>Hạn chế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT pt chưa vững chắc, năng suất lao động chưa cao, chất lượng , gia thành ... còn hạn chế. -Kinh tế nhà nước chưa tương xứng với vai trò chủ đạo, kt tt chưa mạnh. - KH-CN chưa đáp ứng được yêu cầu của CNH, HĐH, xd và bảo vệ TQ. -Mức sống của người dân còn thấp. <p>HS nghe và ghi chép.</p>	<p>7%. Công nghiệp tăng 13,5%. Nông nghiệp tăng 5,7%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lương thực bình quân đầu người tăng từ 360kg → 444kg năm 2000 - Xuất khẩu, đầu tư nước ngoài không ngừng tăng - Giáo dục, quan hệ thương mại <p>* Hạn chế: kinh tế phát triển chưa vững chắc, năng suất lao động chưa cao, chất lượng giá cả còn hạn chế. Mức sống người dân còn thấp....</p>
---	---

4. Củng cố, dặn dò: 5 phút

- Đường lối đổi mới của Đảng
- thành tựu, hạn chế
- Ôn tập bài 23, 24, 26

Tuần 33, 34

Tiết PPCT: 50, 51

Bài 27

**TỔNG KẾT, ÔN TẬP LỊCH SỬ VIỆT NAM
 TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Nắm chắc , hệ thống , tổng quát quá trình pt của lịch sử dân tộc từ 1919-2000 qua các thời kỳ chính , với những đặc điểm lớn của từng giai đoạn.
- Nguyên nhân quyết định quá trình pt của lịch sử dân tộc, phương hướng pt của đất nước, những bài học lớn của cách mạng Việt Nam.

2. Về thái độ, tình cảm, tư tưởng:

- Trên cơ sở nắm chắc quá trình pt của lịch sử dân tộc, hiểu rõ quá trình pt của lịch sử, củng cố niềm tự hào dân tộc.

- Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

3. **Kỹ năng:** Rèn luyện và hệ thống hoá những sự kiện, lịch sử cơ bản 1919-2000

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY HỌC.

Tài liệu tham khảo, bảng hệ thống kiến thức, lược đồ.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC.

1. **Kiểm tra bài cũ.** Câu hỏi : - Nội dung và thành tựu của công cuộc đổi mới ở VN 1986-2000.

2. **Bài mới:** GV khái quát tiến trình lịch sử gđ 1919-2000.

3. **Tiến trình tổ chức dạy-học.**

Các hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản cần nắm
<p>Hoạt động 1: cả lớp và cá nhân Gv yêu cầu HS đọc SGK để khái quát các thời kỳ phát triển của lịch sử dân tộc ở các thời kỳ : -1919-1930. -1930-1945. -1945-1954. -1954-1975. -1975-2000.... HS trả lời câu hỏi GV nhận xét và chốt ý , yêu cầu khái quát các ý sau đây: +. Thời kỳ 1919-1930: - Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp (1919-1929), làm xã hội VN có những chuyển biến, tạo điều kiện tiếp thu tư tưởng mới. -NAQ và quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào VN. -Phong trào CN pt mạnh , sự ra đời của ĐCS là một kết quả tất yếu. +Thời kỳ 1930-1945: -Khái quát thời kỳ diễn ra cuộc vận động giải phóng dân tộc 1930-1945, qua các giai đoạn: + Phong trào cách mạng 1930-1935. +Phong trào dân chủ 1936-1939. +Cuộc vận động cách mạng tháng Tám 1945. +. Thời kỳ 1945-1954: - Khái quát giai đoạn chống Pháp 1945-1954 với các nội dung: +Từ sau 2/9/1945 đến 19/12/1946, giai đoạn khó khăn của CMVN, nhằm bảo vệ chính quyền và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp. +Những thắng lợi lớn Việt Bắc 1947, Biên Giới 1950, Chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954 và cd lịch sử ĐBP.</p>	<p>I.Các thời kì phát triển của lịch sử dân tộc. 1.Thời kì 1919-1930 - Nội dung cơ bản: + Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919-1929) đã làm chuyển biến tình hình kinh tế-xã hội Việt Nam tạo điều kiện để tiếp thu luồng tư tưởng cách mạng vô sản. + Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mac-Lenin vào trong nước. + Phong trào công nhân chuyển sang tự giác, phong trào yêu nước chuyển sang lập trường vô sản, tất yếu đưa đến sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam đầu năm 1930. 2.Thời kì 1930-1945 - Nội dung cơ bản: + Phong trào công nông 1930-1931 + Phong trào dân chủ 1936-1939 + Phong trào giải phóng dân tộc và cách mạng tháng Tám 1939-1945. 3.Thời kì 1945-1954 - Nội dung cơ bản: + Từ sau 2-9-1945 đến trước 19-12-1946 nhân dân ta vừa tiến hành xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết khó khăn, vừa chống ngoại xâm, nội phản bảo vệ chính quyền chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp trên phạm vi cả nước. + Nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì này: kháng chiến và kiến quốc -Thắng lợi lớn: Việt Bắc 1947, Biên Giới 1950, Đông-xuân 1953-1954, quyết định là chiến dịch lịch sử ĐBP, kết thúc chiến tranh là Hiệp định Giơnevơ - Hậu phương kháng chiến được xây dựng vững mạnh phục vụ kháng chiến và phục vụ dân sinh. 4.Thời kì 1954-1975</p>

<p>+ Xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh về mọi mặt. +Thời kỳ 1954-1975: -Khái quát cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. -Nhiệm vụ của từng miền: +MB; CMXHCHN, và làm nghĩa vụ hậu phương lớn. +MN: CMDTDC , giải phóng MN thống nhất đất nước. + Thời kỳ 1975-2000: -Khái quát thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. - Thời kỳ thử nghiệm con đường của CNXH. -Thời kỳ đổi mới 1986-2000. -Đạt được những thành tựu to lớn, đưa đất nước pt. -> Đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn , hợp quy luật pt của lịch sử. Hoạt động 2: cá nhân GV yêu cầu HS theo dõi SGK trả lời câu hỏi: -Trình bày những nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam qua các chặng đường lịch sử ? HS trả lời câu hỏi GV nhận xét và chốt ý? - Nguyên nhân thắng lợi: +ND yêu nước, đoàn kết trong chiến đấu cần cù trong lao động . +Đảng và HCT với đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo.</p>	<p>- Nội dung cơ bản: + Mỗi miền thực hiện một chiến lược cách mạng, miền Bắc làm cách mạng XHCN, miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. + Ở miền Nam: Nhân dân ta lần lượt đánh bại bốn chiến lược chiến tranh xâm lược của ĐQ Mĩ tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam 1975. 5. Thời kì 1975-2000 - Nội dung cơ bản: + Thời kì trước đổi mới 1975-1986 + Thời kì đổi mới 1986-2000. Đạt được những thành tựu to lớn, đưa đất nước quá độ lên CNXH→ Đường lối đổi mới là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp. II. Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm Từ sau chiến tranh TG thứ nhất, lịch sử dân tộc đã trải qua những bước thăng trầm nhiều hi sinh gian khổ song cuối cùng đã giành những thắng lợi vẻ vang. -Nguyên nhân thắng lợi: + Nhân dân ta đoàn kết, giàu lòng yêu nước, chiến đấu dũng cảm, lao động cần cù. + Đảng-Hồ Chí Minh lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng suốt độc lập, tự chủ. - Bài học kinh nghiệm: + Nắm vững ngọn cờ độc lập và chủ nghĩa xã hội + Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân + Không ngừng củng cố khối đoàn kết. + Kết hợp sức mạng dân tộc với sức mạnh thời đại + Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định.</p>
---	---

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Củng cố:

- Khái quát các giai đoạn phát triển của cách mạng VN từ 1919-2000.
- Ôn tập chuẩn bị thi học kỳ.

Tuần 35
 Tiết PPCT: 52

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT

I. Mục đích kiểm tra:

1. Kiến thức:

Đánh giá kiến thức học sinh về lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn: Từ 1954 đến 2000

2. Kỹ năng:

- + Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian thời gian.
- + Làm việc với sách giáo khoa và các nguồn sử liệu.
- + Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, tái hiện kiến thức.
- + Liên hệ kiến thức lịch sử thế giới với lịch sử dân tộc.
- + Vận dụng kiến thức lịch sử để rút ra bài học nhằm giải quyết những vấn đề hiện tại.

3. Thái độ:

Có thái độ tích cực, tự giác trong kiểm tra.

4. Năng lực: Qua các nguồn sử liệu khác nhau, giúp cho HS hình thành và phát triển các năng lực (năng lực tự học, năng lực thực hành, năng lực tái hiện hiện tượng nhân vật lịch sử, năng lực vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử...)

II. Hình thức:

- Trắc nghiệm
- Thời gian: 50 phút

III. Ma trận đề kiểm tra:

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận biết				Tổng	Tổng %
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH	
		Số CH	Số CH	Số CH	Số CH	TN	
1	Bài 21: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam	4	3	2	1	10	25%

	(1954 - 1965)						
2	Bài 22: Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)	4	3	2	1	10	25%
3	Bài 23: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)	4	3	2	1	10	25%
4	Bài 24: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975.	2	2	1		5	12,5%
5	Bài 26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)	2	1	1	1	5	12,5%
Tổng		16	12	8	4	40	100
Tỉ lệ %		40	30	20	10	100	100
Tỉ lệ chung (%)		70		30		100	100

**ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ 12- THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút**

TT	Nội dung kiến	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng	
				Nhận	Thông	Vận	Vận	

	thức			biết	hiểu	dụng	dụng cao
01	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	Bài 21: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)	Nhận biết: - Nêu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954. - Trình bày được phong trào “Đồng khởi”; sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. - Nêu được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960). - Nêu được âm mưu, thủ đoạn của của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .	4			
			Thông hiểu: - Hiểu được yêu cầu cách mạng đối với nhân dân hai miền Nam Bắc. - Chỉ ra được nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, cách mạng mỗi miền và mối quan hệ giữa nhiệm vụ của hai miền. - Hiểu được bản chất của chiến lược " chiến lược chiến		3		

		tranh đặc biệt"					
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. - Phân tích được ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960). - Phân tích được ý nghĩa của các thắng lợi trong chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”: chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ trong đông - xuân 1964 - 1965. 			2		
		<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được nhiệm vụ của cách mạng cả nước, của mỗi miền và mối quan hệ gắn bó của cách mạng hai miền Nam - Bắc. 				1	
	<p>Bài 22: Hai miền đất nước trực tiếp</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam trong việc đánh bại chiến lược " chiến tranh cục bộ " và chiến lược " Việt Nam hóa chiến tranh". 	4				

		<p>chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ lần thứ hai - Nêu được những thắng lợi về chính trị và ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. - Nêu được ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972. - Nêu được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 				
		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. - Hiểu được ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm 1965. - Hiểu được ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). - Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. - Hiểu được bản chất của 		3		

		chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1972).					
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích (đọc) ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968. - Phân tích được nguyên nhân Mỹ phải thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. - Điểm khác của chiến lược “chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam. 			2		
		<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã tạo bước ngoặt căn bản cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên mặt trận ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. - Rút ra được vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). 				1	
	Bài 23:	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. - Nêu được ý nghĩa của các 	4				

		<p>Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)</p> <p>chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.</p> <p>- Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).</p>				
		<p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu được tại sao Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm, sự điều chỉnh kịp thời của Đảng.</p> <p>- Hiểu được lí do Đảng chọn Tây Nguyên là địa bàn tấn công đầu tiên...</p> <p>- Xác định được sự đúng đắn, linh hoạt của Đảng trong chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam.</p>		3		
		<p>Vận dụng:</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy</p>			2	

			<p>Xuân 1975.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Làm rõ được những điểm tương đồng và sự khác nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 với chiến dịch Hồ Chí Minh 1975. 					
			<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được/đánh giá được vai trò lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. 				1	
02	<p>Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000</p>	<p>Bài 24: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được bối cảnh lịch sử của nước ta sau Đại thắng Xuân năm 1975. - Nêu được diễn biến quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước - Nêu được diễn biến, nội dung cơ bản của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976). 	2				
			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được những nhiệm 		2			

		<p>vụ trước mắt của nhân dân hai miền Nam- Bắc Việt Nam sau đại thắng mùa Xuân năm 1975.</p> <p>- Lý giải vì sao phải tiến hành việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p>					
		<p>Vận dụng:</p> <p>- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Đại thắng Xuân năm 1975.</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976).</p> <p>- Phân tích ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p>			2		
	<p>Bài 26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nêu được những thành tựu và những yếu kém của hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>- Nêu được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước.</p> <p>- Nêu được những điểm chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị.</p>	2				
		<p>Thông hiểu:</p>		1			

			<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được những nội dung chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị. - Hiểu được yêu cầu tất yếu của việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước. 					
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích (được) sự đúng đắn trong nội dung đường lối đổi mới của Đảng. - Rút ra được bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước. 			1		
			<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, cải tổ ở Liên Xô và đổi mới ở Việt Nam. - Đánh giá được những thời cơ và thách thức khi Việt Nam mở cửa, hội nhập với thế giới. 				1	
Tổng				16	12	8	4	Tổng
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức				40%	30%	20%	10%	
Tỉ lệ chung				70%		30%	100%	